

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI

Nông dân
Quảng Ngãi

NHỮNG
CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
1930 - 1990

QUẢNG NGÃI - 1995

959.753

N 4 55 D

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

1930 - 1990

TRƯỜNG VIÊN : QUẢNG NGÃI :
158
QUẢNG NGÃI

206.215
ĐƠN ĐƠN



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890 - 1969)

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NGUYỄN TẤN KỲ**

Chỉ đạo biên soạn:

**BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI**

Đóng góp tư liệu:

- | | |
|----------------------|------------------|
| 1- NGUYỄN THÀNH NGHỊ | 6- CAO KÝ |
| 2- PHẠM THANH BIỂN | 7- TRẦN CAO MINH |
| 3- LÊ TẤN TỎA | 8- NGUYỄN NGẠC |
| 4- KIỀU HOÀNG | 9- BÙI HỒNG NHÂN |
| 5- VÕ TRỌNG NGUYỄN | 10- VÕ TUẤN NHÂN |

Sưu tầm và hệ thống tư liệu:

**NGUYỄN A
VÕ THỊ THUẬN**

Biên soạn:

**PHẠM NHỚ
VÕ DUY KHÁNH**

Biên tập:

VÕ DUY KHÁNH

Vẽ bìa và trình bày:

ĐĂNG VŨ

LỜI GIỚI THIỆU

Nông dân, nông nghiệp và nông thôn từ trước đến nay là một trong những vấn đề chiến lược của cách mạng nước ta.

Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp nông dân cùng với giai cấp công nhân giữ vai trò đội quân chủ lực góp phần quyết định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Ngày nay trong khối đại đoàn kết toàn dân, giai cấp nông dân tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho dân giàu nước mạnh, thực hiện ham muốn tốt bậc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: “Làm cho đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾.

Với ý nghĩa đó, được Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Quảng Ngãi trực tiếp chỉ đạo nghiên cứu và biên soạn cuốn “Nông dân Quảng Ngãi - những chặng đường lịch sử 1930-1990” nhằm góp phần phát huy truyền

thống yêu nước và đấu tranh cách mạng kiên cường của nông dân Quảng Ngãi theo nhịp bước phát triển liên tục và tất yếu của nông dân cả nước.

Trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu và biên soạn, chúng tôi được sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, các vị cách mạng lão thành cùng đồng đảo đồng chí, đồng bào trong tỉnh và trong nước.

Với khả năng hiện có và tư liệu đã được sưu tầm, chúng tôi bước đầu hệ thống, phân tích và xử lý, cố gắng làm rõ nguồn gốc lịch sử nông dân Quảng Ngãi qua các chặng đường phát triển, đặc biệt là tìm hiểu sự hình thành và hoạt động của các tổ chức hội trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời bước đầu tìm hiểu và phân tích một “cơ chế” sản xuất nhỏ ở một tỉnh miền Trung đang trong thời kỳ lột xác tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cuốn sách ra đời với hy vọng kịp thời đón chào những thắng lợi của phong trào đổi mới nông nghiệp và nông dân do Đảng ta phát động. Thể hiện đậm nét trong hội nghị lần thứ V của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời để chào mừng Đại hội lần thứ XII của Hội Nông dân VN tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình biên soạn, vì khả năng có hạn chắc chắn việc thiếu sót của cuốn sách là khó tránh khỏi. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến xây dựng, bổ sung tư liệu của quý bạn đọc để tập sách được phong phú hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của các đồng chí và bà con nông dân để chúng tôi có điều kiện bước đầu hoàn thành tập sách này.

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

TM. BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN VN

TỈNH QUẢNG NGÃI

Chủ tịch

NGUYỄN TẤN KỶ

Phần thứ nhất

**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN,
KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chương I

QUẢNG NGÃI - ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI

Quảng Ngãi, một tỉnh nằm giữa chiều dài của Tổ quốc Việt Nam, nối liền hai đầu Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh bằng quốc lộ I A và đường sắt xuyên Việt.

Quảng Ngãi nằm dọc ven biển ở tọa độ: Từ $14^{\circ}32'40''$ đến $15^{\circ}25'$ độ vĩ bắc; từ $108^{\circ}06'$ đến $109^{\circ}04'35''$ độ kinh đông; phía Đông nhìn ra biển Đông bao la, phía Tây lưng dựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Bình Định.

Theo sách “Đại Nam nhất thống chí” ghi rõ: Từ năm 1402, vùng đất tỉnh Quảng Ngãi ngày nay, nguyên là Châu Tư và Châu Nghĩa, thuộc lộ Thăng Hoa của nhà Hồ, nước Đại Việt. Năm 1471, Lê Thánh Tông đổi Châu Tư và Châu Nghĩa thành Phủ Tư Nghĩa. Năm 1602, nhà Lê đổi phủ Tư Nghĩa thành Phủ Quảng Nghĩa. Đời Tây Sơn đổi thành Phủ Hòa Nghĩa. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) mới chính thức mang tên Quảng Nghĩa. ⁽²⁾

Trải qua nhiều biến thiên của lịch sử đến năm 1930, tỉnh Quảng Nghĩa được chia thành 6 phủ huyện ở đồng bằng (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ), bốn châu ở miền núi (Ba Tư, Sơn Hà, Minh Long, Trà Bồng) và nha Lý Sơn (đảo Lý Sơn) cách đất liền 25 km. Đảo Hoàng Sa trước năm 1945 cũng thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Trực thuộc các phủ, huyện và châu, nha ấy có 19 tổng, 403 làng ở đồng bằng và 16 tổng, 209 sách ở miền núi. ⁽³⁾

Quảng Ngãi có nền văn hóa khá lâu đời. Đó là di chỉ văn hóa Sa Huỳnh (ở Đức Phổ và Bình Sơn), những dấu vết của văn hóa cổ xưa ở núi Sứa (cạnh sông Trà) và Gò Vàng (nay thuộc xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà), những di tích của nền văn hóa Chăm pa...

Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5.849 km², dân số 1.094.400 người (1991) gồm các sắc tộc Kinh, Hre, Kor, Ka Dong... Mật độ dân số bình quân 187 người/km².

Miền Tây Quảng Ngãi là quê hương của gần 100.000 đồng bào các dân tộc thiểu số. Núi rừng trùng điệp, địa

hình hiểm trở nối liền với dãy Trường Sơn hùng vĩ, nơi đây không những là kho tài nguyên vô giá về lâm thổ sản như quế, trầm, mật ong, da thú và nhiều sinh động vật có giá trị khác mà còn là một địa bàn chiến lược rất quan trọng về mặt quân sự, quốc phòng.

Thực tế sinh động qua hai cuộc kháng chiến chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ đã chứng minh miền Tây Quảng Ngãi là căn cứ địa vững chắc của phong trào cách mạng tỉnh nhà.

Rừng núi bao la tạo thành vòng cung hai đầu nhô ra sát biển ôm chặt lấy vùng đồng bằng hẹp.

Núi Cao Muôn (Ba Tơ) mãi mãi gắn liền với lịch sử cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và các căn cứ tên tuổi của đội quân du kích Ba Tơ trong những ngày gian khó trước cách mạng tháng Tám 1945.

Đá Vách (Minh Long, Sơn Hà) là căn cứ nổi tiếng của đồng bào Hre chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn và thực dân Pháp xâm lược.

Núi Cà Đam (Trà Bồng) từng từng một vùng là căn cứ chống Pháp của đồng bào Cor, mà đỉnh cao là phong trào "Nước xu đỏ" 1938-1939, là cuộc khởi nghĩa rừng chuyễn ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi năm 1959 và các chiến thắng Nà Niêu, Mang Xông, Đồ Xá... là vùng căn cứ rất quan trọng của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Liên khu V trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi đất hẹp, người đông, hầu hết là đồng ruộng xen kẽ với núi đồi mang tính chất bán sơn địa chạy ra sát biển và chia cắt bởi bốn con sông

chính. Có một vài cánh đồng trù phú ở các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành...

Sau cách mạng Tháng Tám 1945, Quảng Ngãi được gọi là tỉnh Lê Trung Đình ⁽⁴⁾, 6 huyện đồng bằng được đổi theo tên các nhà chí sĩ yêu nước và hoạt động cách mạng như: Bình Sơn (Nguyễn Tự Tân), Sơn Tịnh (Trương Quang Trọng), Tư Nghĩa (Nguyễn Thụy), Mộ Đức (Nguyễn Bá Loan), Nghĩa Hành (Lê Đình Cẩn) và Đức Phổ (Nguyễn Nghiêm).

Bờ biển Quảng Ngãi dài 130 km, có nhiều cửa như Sa Kỳ, Sa Cần, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh... và còn nhiều bãi ngang rất thuận lợi cho việc phát triển ngư diêm nghiệp và giao lưu kinh tế trong, ngoài tỉnh...

Ngoài khơi, cách đất liền 25 km có đảo Lý Sơn. Trên đảo trồng nhiều ngô, khoai và cây ăn quả, nhưng chủ yếu là tỏi và thuốc lá sợi vàng. Đảo có nhiều san hô và hang đá làm chỗ ẩn nấp và sinh sản cho cá.

Về mặt địa lý, đảo Lý Sơn là vị trí tiên tiêu quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

Quảng Ngãi có đường bộ và đường sắt xuyên Việt chạy suốt chiều dài từ Bắc đến Nam tỉnh gần 100 km. Các đường nội tỉnh gồm có: Từ Châu Ổ đi Sa Cần, từ Châu Ổ đi Sa Kỳ, từ Châu Ổ đi Trà Bồng, từ quốc lộ 1A đi Sơn Hà, từ Bắc cầu Trà Khúc đi Sa Kỳ, từ thị xã Quảng Ngãi đi Cổ Lũy, từ thị xã Quảng Ngãi đi Thạch Nham, từ thị xã Quảng Ngãi đi Minh Long, từ Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tơ, Giá Vụt và lên tỉnh lỵ Kon Tum (nay là quốc lộ 24).

Miền Tây Quảng Ngãi là nơi phát nguyên của các con sông: Sông Tang, sông Trà Ích, sông Cà Đú, sông Rìn, sông Xà Lò, sông Hre, sông Giang, sông Thoạ.vv... Những con sông này đổ về các sông Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ. Những dòng sông ấy đã mang về cho đồng bằng những lớp phù sa màu mỡ, đồng thời còn là tuyến đường thủy giao lưu giữa hai miền xuôi ngược. Ngoài ra tỉnh Quảng Ngãi còn có sông Trà Cầu.

Tỉnh Quảng Ngãi có nhiều cảnh đẹp, tiêu biểu là núi Ấn vương vức in bóng xuống dòng sông Trà. Con sông Trà Khúc xanh trong, chảy xuôi từ Thanh Cù⁽⁵⁾, Kim Thành⁽⁶⁾, nghiêng về phía đông nam, xuyên qua Phước Lâm, An Mỹ, Diên Niên, Phước Lộc...quạt sang Đông Bắc rồi đổ ra cửa Cỗ Lũy. Núi Ấn sông Trà từ đời vua Tự Đức đã được liệt vào hạng diễm sử.

Trải bao thế cuộc, núi Ấn sông Trà vẫn ngày đêm hiển ngang, hiền hòa thuận chiều với sự tồn tại của một mảnh đất đầy hào khí và thơ ca. Thi nhân xưa đã để lại bài thơ “Non sông đẹp bởi chí người” với 16 câu sinh động ca ngợi 12 cảnh đẹp của tỉnh Quảng Ngãi và cũng nói lên ý chí bất khuất của nhân dân tỉnh nhà trong suốt quá trình đấu tranh giữ nước và dựng nước.

"Thành Gấm non sông dật chí người

Càng phô sắc thắm cảnh vui tươi

Ấn trời tô điểm sâu tình nước

Bút ngọc tuôn mây thắm nghĩa đời

Lũy xưa quạnh què bụi mù.

Rồng vờn nước réo tươi khoai lúa
Đá bủa sông giăng xác giặc vùi
Non mây thao thức phun mưa móc
Đệm cát êm đềm lướt dậm khơi
Cửa sớm thung dung câu thề cuộc
Đò chiều nhộn nhịp điệu hò vui
Rừng rậm chành vênh nai đũa giòn
Ao sen man mác chị Hằng chơi
Cảnh này, há để ai vùi dập ?
Quyết trối thân ra giữ, đắp, bồi (7)

Cũng như các tỉnh Trung bộ, phần lớn nhân dân Quảng Ngãi trước đây là những người nông dân nghèo khổ ở phía Bắc do những hoàn cảnh khác nhau đã di cư vào Nam khai khẩn đất hoang và xây dựng cuộc sống mới.

Trong số đó phần đông là số nông dân miền Bắc nổi dậy chống triều đình phong kiến Đàng ngoài bị dày vào đây để khai khẩn đất hoang cho bọn vua quan theo chế độ binh điền.

Có một số là do quân Chiêm Thành đánh vào đất Việt rồi bắt người Việt mang về⁽⁸⁾, hoặc trong cuộc giao tranh Trịnh - Nguyễn trong những năm 1653-1657, quân Nguyễn chiếm 7 huyện xứ Nghệ An, khi rút quân về phía Nam đã mang theo số dân của 7 huyện đem về an ấp ở các miền Thanh Hoa, Tư Nghĩa⁽⁹⁾ và còn một

số nữa là do nhà Lê dày những người bị tù tội vào các vùng đất mới để khai phá ⁽¹⁰⁾.

Nhìn chung phần đông số dân di cư vào vùng đất Quảng Ngãi vốn là con cháu của nông dân trong những thế kỷ trước, đã từng tham gia nhiều cuộc kháng chiến chống phong kiến phương Bắc xâm lược (Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh...) để bảo vệ Tổ quốc, giải phóng dân tộc.

Khi di cư đến vùng đất mới, đã cùng chung lưng đấu cật với dân bản địa, vật lộn với thiên nhiên, biến những vùng đất hoang vu thành những cánh đồng màu mỡ và hình thành những kết cấu làng xã đầu tiên. Dù phải sống và lao động trong những hoàn cảnh vô cùng khó khăn thử thách, xa nơi "chôn nhau cắt rốn", song tình quê hương đất nước, ý thức bảo vệ dân tộc vốn đã thấm sâu vào tâm hồn họ, chẳng những không phai nhạt đi mà càng phát triển mạnh mẽ thêm. Những kết cấu làng xã theo kiểu "Công xã nông thôn" đã kết thành một khối thống nhất, hình thành những mảnh vườn, thửa ruộng, cánh đồng làm vốn sống cho mỗi gia đình và cả làng. Đặc biệt là họ đã sớm hòa hợp với các phong tục tập quán, kiểu cách kỹ thuật canh tác nông nghiệp mà người di cư đã mang từ quê hương cũ ở miền Bắc cùng hợp thành một bộ phận mang sắc thái mới trong nền văn hóa Việt Nam ⁽¹¹⁾. Làng quê mới, vẫn là cơ sở của xã hội, của đất nước, vẫn là nơi mà người nông dân lao động đoàn kết đùm bọc nhau để sinh tồn, góp phần đấu tranh bảo vệ đất nước, giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước, phát huy tinh thần đấu tranh của tổ tiên từ ngàn

xưa để lại. Có thể nói chính những điều kiện sống khó khăn có tính đặc thù đó, người dân Quảng Ngãi đã sản sinh ra tài năng, ý chí sáng tạo và việc làm có sức thuyết phục, luôn luôn tôn trọng lẽ phải, sẵn sàng bảo vệ chính nghĩa đến cùng. Và thực tế sinh động của những diễn biến lịch sử đấu tranh cách mạng đã chứng minh Quảng Ngãi còn là nơi giao thoa văn hóa của hai miền Nam-Bắc, là một trong những nơi hẹn hò gặp gỡ của các phong trào cách mạng trong nước.

Trong suốt những năm tháng kháng chiến trường kỳ, chống quân xâm lược, lớp lớp nông dân nối tiếp nhau lên đường giết giặc cứu nước. Ngay từ khi giặc Pháp mới đặt chân đến đất Quảng Ngãi thì phong trào yêu nước và phong trào cách mạng của nhân dân mà hầu hết là nông dân đã nổ ra liên tục, bền bỉ, lúc âm ỉ, lúc bùng lên làm cho quân cướp nước nhiều phen phải bạt vía kinh hồn. Bà con nông dân có khi chỉ với tay không vẫn dám giáp mặt với kẻ thù, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để bảo vệ cơ sở cách mạng, nêu cao khí phách anh hùng bất khuất. Lòng yêu nước và ý chí cách mạng của lớp lớp nông dân Quảng Ngãi đã được trui rèn trong ngọn lửa đấu tranh ngày càng thêm tươi chất thép, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ đất nước và xây dựng quê hương.

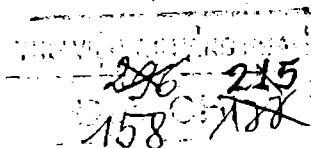
Chương II

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Trước cách mạng Tháng Tám 1945, Quảng Ngãi là một tỉnh có nền kinh tế tiểu nông, phân tán, tự túc, tự cấp; công thương nghiệp chưa phát triển. Cả tỉnh Quảng Ngãi chỉ có một nhà máy điện nhỏ thấp sáng cho thị xã khoảng 2.000 dân; có một số lò nấu đường phèn, đường phổi ở Vạn Tượng (Tư Nghĩa) làm theo kiểu thủ công. Đặc biệt ở Quảng Ngãi có nghề dựng bờ xe nước đưa nước từ các sông lên tưới ruộng. Trước năm 1930 cả tỉnh (có 96 bờ xe nước. Trong đó, huyện Sơn Tịnh có 29 bờ, có 4 bờ xe 10 bánh, 19 bờ xe 9 bánh); Tư Nghĩa có 24 bờ, (có 4 bờ xe 10 bánh, 8 bờ xe 9 bánh); Mộ Đức có 15 bờ; Nghĩa Hành có 18 bờ⁽¹²⁾.

Tính đến năm 1995 Quảng Ngãi có khoảng 650.000 dân, đại bộ phận là nông dân trong các xóm làng, sống nhờ vào nghề trồng cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn...) cây công nghiệp (mía, cau, quế, thuốc lá...) chăn nuôi, dệt vải thủ công, đan lát tre, mây, dệt chiếu...

Nhân dân Quảng Ngãi còn có nghề làm đồ gốm, nấu



đường thủ công, chế biến đường phèn, đường phổi, mạch nha khá phát triển. Nhiều vùng, đồng bào còn trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ, dệt lụa khá tinh xảo, nghề làm cá, làm nước mắm, làm muối của đồng bào ven biển đã đạt đến sản xuất hàng hóa. Nghề khai thác quặng sắt, đúc đồng cũng đã xuất hiện một thời.

Quảng Ngãi là tỉnh có ít ruộng đất, nhưng dân số quá đông. Theo số liệu thống kê trong đợt giảm tô năm 1950, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 135.579 mẫu ⁽¹³⁾, trong đó ruộng đất tư chiếm 110.000 mẫu, ruộng đất công trên 25.000 mẫu. Trong đó 110.000 mẫu ruộng đất tư địa chủ chiếm 9.467 mẫu (7%), phú nông chiếm 13.551 mẫu (11%), nhà chung chiếm 304 mẫu (0,22%) ⁽¹⁴⁾.

Còn ruộng đất công, về nguyên tắc phải đem quán cấp cho toàn thể tráng đinh (18 tuổi trở lên) trong làng. Song thực tế thì bọn quan lại cường hào ác bá địa phương đã tìm cách bao chiếm, phát canh thu tô hết những ruộng đất tốt, đất gần, còn số đất xấu, đất xa thì đem chia cho số nông dân bản cùng cày cấy.

Như vậy ruộng đất thời ấy bao gồm công điền và tư điền. Công điền cứ 3 năm quân cấp 1 lần cho tất cả dân đinh, chỉ trừ người không có thuế thân và phụ nữ. Thân hào chức sắc được ưu tiên ruộng gần, ruộng tốt.

Tư điền gồm có nhiều loại. Một họ giàu có, ngoài ruộng tư ra còn có ruộng hương hóa để tế tự ông bà, loại này không bán nhượng được mà chỉ giao cho tộc trưởng để lo cúng tế thờ tự qua từng thế hệ. Ngoài ra còn loại ruộng phiến giao cho những người đầu phái hương và lo giỗ chạp hàng năm. Điển hình người có nhiều ruộng đất

nhất thời đó là Nguyễn Thân, tên nịnh thần gian ác khét tiếng, chỉ riêng lộc điền ở Nghĩa Hành đã có trên 500 ha.

Ruộng đất ít nhưng phân nhiều lại xấu. Bằng sức lao động cùn cù và sáng tạo, người nông dân Quảng Ngãi đã vật lộn cơ cực với thiên nhiên để biến những ruộng đất khô cằn thành màu mỡ. Nhờ vậy họ mới đủ thóc nộp tô cho địa chủ phong kiến và kéo dài cuộc sống cơ cực lắm than. Đã thế bọn thực dân phong kiến còn cấm khai thác tài nguyên, kìm hãm không cho sản xuất phát triển. Chúng nhập hàng ngoại hóa vào, làm cho nghề thủ công bị té liệt và phá sản. Nhiều người phải rời bỏ quê hương, tìm nơi sinh sống và không ít người phải gửi thân nơi rừng thiêng, nước độc, xa quê, xa đất nước, hoặc sống cuộc đời cơ cực và chết dần mòn dưới làn roi vọt của kẻ thù.

Về thuế khóa thì triều Nguyễn thu cả lúa và tiền. Năm 1908 thuế đình từ 0,20 đồng tăng lên 2,4 đồng (tương đương 120 kg thóc) thuế điền từ 7 quan tăng lên 10 quan và đến năm 1945 tăng lên 5 đồng bạc Đông Dương trên một mẫu ta.

Do lậu liếm ruộng đất của dân nên đến mùa thu thuế, ngoài phụ thu chính thức, bọn lý trưởng cường hào còn bắt dân không phải tránh đình nộp 5,3 sào ruộng lậu đất gò. Cứ đến mùa thu thuế trống mớ thúc giục cả đêm, nhiều nông dân điêu đứng, phải bán ruộng, bán bò, vay nợ nộp thuế, có người không nộp nổi thuế, phải thất cố tự tử. Tình cảnh nông dân thời đó là khốn khổ trăm bề. Hàng trăm thứ thuế hết sức vô lý đè nặng lên cuộc sống

cơ hàn của họ; thuế đinh, thuế điền, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, thuế rượu, thuế nhà ở, thuế trâu bò...Dã man nhất là thuế đinh (tức thuế thân). Thuế khóa đã trở thành tai họa hàng năm đối với nông dân lao động. Sau khi chiếm xong Việt Nam, thực dân Pháp buộc triều đình Huế bắt mọi tráng đinh người Việt ở Trung kỳ phải đi làm xâu 48 ngày/năm, trong đó có 24 ngày phải nộp bằng tiền là 1,68 đồng. Người dân phải đi xâu bằng cơm nhà, áo vợ và thường xuyên bị đánh đập hành hạ đủ điều ⁽¹⁵⁾. Như vậy, thuế dã nặng, sưu (xâu) lại càng cao. Nhiều người lam lũ cực nhọc quanh năm mà không đành dùm nổi một xuất sưu. Đến kỳ nộp thuế, nộp sưu, nhiều người phải trốn tránh hoặc bị hào lý hành hạ nhục hình, buộc phải cầm nhà, cố đất, bán vợ đợ con...

Sau đây là một bài "Về thuế nặng" lúc bấy giờ:

*Hỡi trời cao đất dày !
Thuế xâu nặng thế này,
Xóm làng đành bóp bụng,
Bán đìa nộp thuế Tây,
Từ hương mục hạ hào,
Trống mô nện lao xao,
Tiền phải mau đem nộp,
Ba đồng thêm sáu hào,
Tuần đinh như thiên lôi,
Lý trưởng mắt ốc nhồi,
Mồm đe nạt quát chửi,*

Sao ra tiền ông xơi,
Mục hào thực chó má,
Quát mắng suốt đêm ngày,
Làm dân mình bói xơi,
Chỉ sướng độc quân Tây(.) (16)

Để thu thuế, bắt xâu được thật nhiều, thực dân Pháp đã thiết lập một bộ máy cai trị tận làng, thôn, trại ấp...dưới quyền cai quản trực tiếp của đám lý trưởng, ngũ hương (17).

Sưu cao, thuế nặng, tó tức (18) ngày càng tăng đã đè nặng cuộc sống của nhân dân cơ cực. Hàng năm, cứ ba đến 6 tháng, các quan phủ, huyện triệu tập các đại hào mục, lý trưởng, chánh phó tổng họp lại để phổ biến công việc (gọi là "hầu hiếu") nhằm tăng cường đôn đốc thu nộp thuế, hoặc răn đe bọn tay chân ra sức củng cố an ninh trong các địa phương, đề phòng các cuộc nổi dậy của nông dân.

Mỗi xã trong hệ thống cai trị của chúng đều có hương ước qui định luật lệ riêng như việc ăn ở, đi lại, ngôi thứ tế lễ bao nhiêu điều khoản phạt vạ, áp bức phiền phức ràng buộc khác. Hương ước được sử dụng tùy tiện theo thôn sơ, giàu nghèo, phe phái khác nhau, đã gây nên một cuộc sống bị o ép đến ngột ngạt trong nông dân nghèo khổ ở nông thôn.

Số có chức quyền học vị thì không những được ưu tiên miễn xâu dịch mà còn được ăn trên ngồi trước. Vì vậy việc mua quan bán tước đã trở thành phổ biến ở nông thôn thời này.

Đời sống kinh tế quá khốn khổ, đời sống văn hóa tinh thần của nông dân trong tỉnh cũng hết sức tồi tệ. Trước năm 1917 học hành thi cử còn thi chữ hán. Dân Quảng Ngãi muốn đi thi phải ra tận Hà Nội, Huế...hoặc vào Qui Nhơn. Từ năm 1918 về sau cả tỉnh Quảng Ngãi chưa có một trường trung học phổ thông (nếu không tính trường trung học tư thực “Mai Xưa” và “Cẩm Bàn” được thành lập từ năm 1935). Cả tỉnh Quảng Ngãi chỉ có 3 trường tiểu học Pháp - Việt ở thị xã Quảng Ngãi, Bình Sơn và Mộ Đức, 8 trường sơ đẳng và 91 trường dự bị ⁽¹⁹⁾.

Thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân 90% nông dân bị mù chữ, một số ít trường học được mở ra chủ yếu dành cho con cái của quan lại, nhà giàu. Ngay trong các trường hợp này chúng ra sức áp dụng nội dung và phương pháp giáo dục nhồi sọ, nhằm đào tạo ra lớp người cam tâm làm tay sai cho chúng.

Trong tỉnh trước năm 1945 chỉ có 1 rạp chiếu bóng, một nhà hát tuồng (của tự nhân) ở thị xã. Ngoài ra không có nhà in, nhà xuất bản nào. Năm 1938 mới ra đời tạp chí Cẩm Thành của Nguyễn Đình Nhơn, nhưng phát hành được 2 số thì phải đình bản.

Về phong tục tập quán bao trùm là triết lý Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo. Ba tôn giáo này được chế độ thực dân phong kiến dung dưỡng khuyến khích ăn sâu vào tâm lý và mọi sinh hoạt tinh thần của nhân dân và còn rơi rớt cho mãi đến ngày nay. Cái triết lý “Tam cương ngũ thường” và “Tam tông tứ đức”, được tôn trọng và xem như một thứ luật lệ để giải quyết mọi vấn đề tranh chấp trong cuộc sống, chi phối mọi mặt tinh thần

của nhân dân, trói chặt người phụ nữ nông thôn trong cái tôn ti trật tự lạc hậu đó. Người nông dân ở miền núi lại càng không được khai hóa, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân và chính sách “chia để trị” để hòng dễ bề đàn áp, vơ vét, bóc lột nhân dân ta chúng giành độc quyền khai thác tài nguyên, độc quyền gạo, muối dùng làm phương tiện để cai trị dân. Vùng dân tộc thiểu số không hề có một trường học và tổ chức y tế nào.

Tình hình các mặt nêu trên phản ảnh nổi cùng cực của người nông dân sống trong đêm đen nô lệ, đặc biệt là trong những năm bị lụt lội, hạn hán kéo dài và nạn bắt phu, bắt lính của bọn thực dân lại càng đẩy nông dân lâm vào tình thế bế tắc bần cùng.

Căm hờn, tủi nhục và đau thương trong cuộc sống của người dân nô lệ trong gần một thế kỷ thực dân Pháp đô hộ, nhân dân Quảng Ngãi đã liên tục vùng dậy đấu tranh với kẻ thù, hết đợt này đến đợt khác, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Lòng căm thù giặc và dũng khí đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi đã được khắc họa trong mấy vần thơ để lại:

Ai ơi ! Quảng Ngãi quê ta

Đất dầm nước mắt, nước pha máu đào

Sông dài biển rộng non cao

Cùng không xóa hết biết bao nhọc nhàn

Dàn làm, Tây cướp, vua ăn

Thuyền tràn si khí, buồm căng oán hờn.

Cái nỗi đau mất nước và lòng căm thù giặc ngoại xâm

của một dân tộc nói chung và giai cấp nông dân nói riêng đã được thể hiện sinh động và hùng hồn trong bão táp của cuộc đấu tranh với kẻ thù, liên tục bền bỉ, kiên cường qua bao thế hệ, đòi quyền sống, đòi độc lập tự do. Nhất là từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đề ra mục tiêu: Giành độc lập dân tộc, làm cho người cày có ruộng tiến lên xây dựng CNXH, mưu cầu cuộc sống ấm no, tự do, công bằng, hạnh phúc cho nhân dân, đã nhanh chóng được sự hưởng ứng nhiệt liệt của đông đảo quần chúng mà đa số là nông dân. Từ đó nông dân được tổ chức thành lực lượng cách mạng và đấu tranh quyết liệt chống chế độ áp bức bóc lột hà khắc của đế quốc Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn.

Từ chính sách cai trị tàn bạo, ngạt ngào của chế độ thực dân phong kiến và qua các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân đã nảy sinh thực trạng thái độ chính trị của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội khá rõ nét. Trong đó nổi bật nhất là hai giai cấp: địa chủ và nông dân.

Giai cấp địa chủ ở Quảng Ngãi có số lượng không nhiều và mức độ chiếm hữu ruộng đất cũng không tập trung. Số địa chủ lớn không nhiều lắm, phần đông là địa chủ cỡ vừa và nhỏ. Số địa chủ chiếm hữu trên 100 mẫu gồm có: Nguyễn Hy (con của Nguyễn Thân) ở Nghĩa Hòa chiếm 600 mẫu, Nguyễn Thượng Hiền ở Tân Hội (Đức Phổ) chiếm 485 mẫu, Nguyễn Tiên (Con của Bang Trình) ở Hành Phong chiếm 348 mẫu, Phan Quang Thao (Sơn Tịnh) chiếm 285 mẫu, Nguyễn Thao ở Nghĩa Hòa (Tư Nghĩa) chiếm 131 mẫu, Phan Quang Chương ở Hành Phước (Nghĩa Hành) chiếm 125 mẫu. Phùng Đức Siêu

(Sơn Tịnh) chiếm 114 mẫu, Võ Bất ở Tịnh Hiệp (Sơn Tịnh) chiếm 100 mẫu.

Đa số địa chủ nhất là số địa chủ lớn có nhiều mảnh khóc bóc lột đối với nông dân lao động, mà thủ đoạn chủ yếu là tố cáo tức nặng, dù bị mất mùa đói kém nông dân vẫn phải nộp đủ. Thái độ chính trị và quyền lợi kinh tế của giai cấp này là gắn chặt với chế độ thực dân phong kiến và là chỗ dựa cho chế độ ấy ở cơ sở ⁽²⁰⁾. Hầu hết các địa chủ nắm giữ chức vụ chính ở nông thôn, có đầy đủ thế lực để bóc lột hà hiếp nông dân.

Tuy vậy, ở Quảng Ngãi không ít địa chủ và con em họ có học đã sớm có lòng yêu nước, căm thù thực dân xâm lược, biết cảm nhận nỗi đau của người dân mất nước, tủi nhục trước tình cảnh đau thương của giống nòi, sống gần gũi với quần chúng nhân dân lao động, đã tích cực đóng góp gián tiếp hoặc trực tiếp công sức vào các phong trào yêu nước chống Pháp và nhanh chóng giác ngộ theo kịp trào lưu cách mạng và đã trở thành những nhà lãnh đạo các phong trào đấu tranh yêu nước trong tỉnh. Tiêu biểu cho hành động đó là bà Võ Thị Đệ ở Nhơn Hòa (nay thuộc xã Bình Tân, Bình Sơn) đã trực tiếp tham gia phong trào chống thuế do ông Lê Ngung lãnh đạo năm 1916 được phong làm “biện lương sứ”.

Có thể nói gắn liền và xuyên suốt trong truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có sự đóng góp của một bộ phận địa chủ, phú nông, quan lại nhỏ ở nông thôn. Do sức hút của chính nghĩa và

phong trào đấu tranh yêu nước lớn mạnh của nhân dân, một bộ phận địa chủ, phú nông, quan lại nhỏ, nhất là con em họ chưa trực tiếp tham gia bóc lột đã sớm giác ngộ đứng về phía dân tộc để chống đế quốc. Nhiều lãnh tụ của phong trào xuất thân từ tầng lớp trí thức nho học và tây học. Qua thực tế đấu tranh, nhiều người được trui rèn trong máu lửa đã nhanh nhạy, theo kịp trào lưu cách mạng, theo Đảng và đã trở thành cán bộ cách mạng vững vàng.

Là một tỉnh miền Trung hầu như không có một cơ sở công nghiệp nào nên giai cấp công nhân rất ít ỏi mà chủ yếu là nông dân quanh năm làm thuê theo lối khoán việc trong ngày và một số hộ canh mướm mà thôi. Cũng có một số hộ nông dân, thợ thủ công bị chèn ép, thất nghiệp ở nông thôn, buộc phải chạy vào thị trấn, thị xã để làm thuê kiếm sống. Vì vậy mọi mặt sinh hoạt của họ còn gắn rất chặt với gia đình ở nông thôn, chưa tách hẳn khỏi làng xã về mặt chính trị, kinh tế, xã hội... Họ vẫn phải nộp sưu đóng thuế và cùng chịu mọi sự trôi buộc và nỗi khổ nhục như người nông dân.

Còn giai cấp nông dân chiếm trên 95% dân số cả tỉnh là lực lượng to lớn trong sự nghiệp đấu tranh chống bọn thực dân phong kiến và tay sai, nguồn sống chính là nông nghiệp song rất bấp bênh, bị nhiều tầng áp bức bóc lột tàn tệ. Hầu như mọi tai họa đều trút lên đầu họ, phần lớn ruộng đất đều nằm trong tay giai cấp bóc lột hoặc của nhà chung, đình chùa, phe giáp, ... Vì vậy đời sống của họ bị ràng buộc vào giai cấp địa chủ và cường hào, quanh năm tần tảo quần quật ngoài đồng cày

thuê cước mượn một nắng hai sương, nhưng cơm chẳng đủ ăn, áo không đủ mặc và còn bao thứ thuế má vô lý khác dồn họ vào con đường điêu đứng. Cho nên nông dân căm thù sâu sắc mọi chế độ áp bức bóc lột, sẵn sàng đi theo cách mạng và trở thành lực lượng to lớn của Đảng.

Truyền thống đấu tranh với thiên nhiên và xã hội lâu dài ấy đã rèn đúc cho người nông dân Quảng Ngãi một đức tính cần cù nhẫn nại, luôn kiên trì vượt qua mọi khó khăn thử thách để tự tôn, tự lập, một ý chí đấu tranh bền bỉ bất khuất chống lại mọi thù trong giặc ngoài, để tồn tại và phát triển.

Đặc điểm tình hình các mặt nêu trên thể hiện đậm nét của một tình chuyên sống về nông nghiệp bị chế độ thực dân phong kiến áp bức bóc lột và kìm hãm nặng nề. Xã hội Quảng Ngãi cũng như cả nước lúc này chứa đựng hai mâu thuẫn cơ bản và sâu sắc.

- Mâu thuẫn giữa toàn thể các tầng lớp nhân dân ta với bọn thực dân đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai. Đây là mâu thuẫn mang tính chất dân tộc.

- Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nông dân lao động với giai cấp địa chủ phong kiến. Đây là mâu thuẫn mang tính chất giai cấp.

Chính vì thế mà nhân dân Quảng Ngãi, tuyệt đại đa số là nông dân đã liên tục vùng dậy đấu tranh chống bọn thực dân phong kiến tay sai, hết phong trào này đến phong trào khác, chuẩn bị tiền đề cho các phong trào cách mạng về sau ngày càng rộng lớn hơn.

Chương III

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trong suốt quá trình khai phá, xây dựng và bảo vệ mảnh đất thân yêu của mình, người nông dân Quảng Ngãi đã không ngừng nổi lên đấu tranh chống lại mọi sự bất công trong xã hội, đặc biệt là trong những năm của thế kỷ 18, khi các tập đoàn phong kiến đã tỏ ra nhu nhược, phân chia cát cứ làm cho đất nước bị xáo trộn, nhân dân phần uất.

Năm 1695 nông dân Quảng Ngãi đã tham gia phong trào đấu tranh do ông Linh đứng đầu để chống lại sự thống trị hà khắc của các tập đoàn phong kiến đương thời, và hưởng ứng mạnh mẽ cuộc khởi nghĩa do ông Lía khởi xướng ở Qui Nhơn vào thế kỷ thứ XVIII. Đặc biệt nông dân Quảng Ngãi đã tham gia phong trào quật khởi của giai cấp nông dân thời kỳ Tây Sơn vùng lên lật đổ các tập đoàn phong kiến cát cứ của họ Nguyễn ở Đàng trong và họ Trịnh ở Đàng ngoài, rồi tiếp theo đó đã tích cực đóng góp sức người sức của cùng cả nước đập tan cuộc xâm lược của triều Mãn Thanh (Trung Quốc) để giải

phóng đất nước khôi phục nền thống nhất quốc gia, bảo vệ toàn vẹn nền độc lập dân tộc.

Năm 1885 khi đế quốc Pháp nổ súng xâm lược nước ta và sự đầu hàng nhục nhã của triều đình nhà Nguyễn, nông dân Quảng Ngãi cũng đã có mặt trong các phong trào đấu tranh yêu nước, là một trong những tỉnh có phong trào đấu tranh tương đối rộng mạnh.

Ngay từ khi quân Pháp tiến đánh thành Huế (7/1885) nông dân Quảng Ngãi đã nổi dậy khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của các ông Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Phong trào đang trên đà phát triển thì Nguyễn Thân đang nắm giữ lực lượng sơn phòng, bị tên gián điệp Đặng Đức Tuấn dôi lót cố đạo, dụ dỗ mua chuộc, đã phản bội phong trào. Nguyễn Thân giả vờ liên kết với nghĩa quân nhưng bí mật vào Qui Nhơn nhận mệnh lệnh và vũ khí của Pháp về đánh cướp lại tỉnh thành. Quảng Ngãi, ông Tự Tân bị chết ngay tại trận, còn ông cử Đình bị địch bắt và xử trảm (ngày 23-7-1885) nghĩa binh tan rã. Cuộc khởi nghĩa mới bùng lên trong vòng 6 ngày thì bị giặc đàn áp, song nó đã dương cao ngọn cờ chống Pháp, cứu nước đầu tiên trong tỉnh.

Bước sang những năm 1886 - 1888 lại nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân Quảng Ngãi do ông Nguyễn Bá Loan (Mộ Đức) và Tôn Tường (Sơn Tịnh) chỉ huy. Hai ông đã tập hợp nghĩa binh trong tỉnh phối hợp cùng nghĩa quân Quảng Nam và Bình Định tổ chức tấn công Sở chỉ huy của quân Sơn phòng Cơ Nhất (phía Nam) và phủ lý Bình Sơn, giết tướng Lê Thiên, buộc Nguyễn Thân phải đốt cầu bỏ chạy.

Sau khi cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Bá Loan chỉ huy bị dập tắt, ông Thái Thú, một bộ tướng của Nguyễn Bá Loan đã tiếp tục sự nghiệp đấu tranh của chủ tướng. Năm 1894 đã tập hợp lực lượng và phát động cuộc khởi nghĩa vào đêm 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm Giáp Ngọ (1894) chiếm đồn Cổ Lũy, giết chết tên chủ sự Thương Chánh người Pháp tên là Regnard ⁽²⁰⁾ và ngay trong đêm đó ông Thái Thú rút quân về núi An Đại để trú ẩn và sau đó bị địch bao vây đánh phá làm cho tan rã.

Như vậy đây là cuộc khởi nghĩa lần thứ 3 của nhân dân Quảng Ngãi bị thất bại. Song qua đó chúng ta thấy cuộc khởi nghĩa lần này có bước phát triển rõ nét. Và đặc biệt các sĩ phu yêu nước đã biết sử dụng công tác binh địch vận, biết sử dụng lực lượng chính trị vũ trang yêu nước trong quần chúng nông dân làm nòng cốt kết hợp với lực lượng phản chiến trong hàng ngũ kẻ địch ⁽²¹⁾.

Bước sang những năm 1895 - 1896 một cuộc vận động chống Pháp lại nổ ra do nhà yêu nước Trần Du lãnh đạo, phong trào được lan rộng ra nhiều tỉnh từ Thừa Thiên đến Phan Thiết (Bình Thuận).

Có thể nói các phong trào yêu nước lúc bấy giờ hầu hết còn mang danh nghĩa của một thời đại phong kiến đã suy tàn mà cụ thể là dựa vào phe chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn để công khai tập hợp lực lượng chống Pháp. Song nó đã có sức hấp dẫn nhất định đối với các giai tầng trong xã hội tham gia, khơi dậy lòng yêu nước thiết tha, yêu quê hương sâu sắc của nông dân và mọi tầng lớp đồng bào. Trong lực lượng đó có cả nghĩa binh, hương binh, quân bạch lộ, quân đoàn kiệt, và đặc

biệt là sự tham gia tích cực của trí thức nho học, thân sĩ, phú hào, quan viên, tổng lý. Nhưng lực lượng chủ yếu vẫn là nhân dân lao động mà hầu hết là nông dân.

Lãnh đạo các phong trào yêu nước thời kỳ này, số đông là những nhà khoa bảng có tiếng tăm, những người có cuộc sống gắn bó và cảm thông với lớp người nông dân áo vải, họ đeo đuổi con đường khoa bảng không vì tham vọng làm quan mà trái lại học để hiểu biết, học để làm người, để làm cách mạng cứu dân, cứu nước. Cho nên phong trào “Cần Vương” dù còn mang trong mình dòng tư tưởng và quan điểm chính trị xã hội của chế độ phong kiến suy tàn, xong nó đã đánh thức, khơi dậy và nuôi dưỡng tinh thần dân tộc và dũng khí bất khuất của người nông dân yêu nước, do đó bản thân của phong trào ấy cũng mang được tính nhân dân khá đậm nét.

Bước sang những năm 1904 - 1908 ở Quảng Ngãi lại nổi lên phong trào Duy Tân với mục tiêu “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” do các ông cử, ông tú như: Lê Đình Cẩn, Trần Kỳ Phong chủ xướng. Phong trào được đẩy lên khá rầm rộ ở khắp vùng nông thôn Quảng Ngãi và được mọi tầng lớp “đồng bào” hưởng ứng. Hội Duy Tân đã phát động phong trào cải cách phong tục tập quán theo hướng cách tân, Hội đã vận động lập trường hội, nông hội để :

“Công nông hai nghiệp làm đầu

Lo bề thực nghiệp ấy thì ấm no...”

Kết quả hoạt động của hội Duy Tân ở Quảng Ngãi lúc bấy giờ là đã lập được một số nông hội, thương hội và

trường học, đã xây dựng được cơ sở tổ chức của hội khắp trong tỉnh. Nhưng kết quả lớn nhất của hội Duy Tân ở Quảng Ngãi lúc bấy giờ là đã gây và phát động được một phong trào yêu nước sâu rộng mang màu sắc dân chủ tư sản. Các tầng lớp sĩ phu đã khơi dậy đúng lúc lòng căm thù bị dồn nén trong tầng lớp nông dân và ý chí phản kháng cao độ của họ đối với giặc Pháp xâm lược và bè lũ vua quan bán nước mà bọn cường hào ác bá ở nông thôn là chỗ dựa của chúng.

Những hoạt động của phong trào Duy Tân đã tạo điều kiện cho các phong trào khát thuế cự sưu năm 1908.

Đầu năm 1908 thực dân Pháp lại tăng thuế và đặt thêm nhiều loại thuế mới vô lý, đẩy nông dân ta đến bước đường cùng cực.

Ngoài việc đóng thuế ruộng đất theo sào mẫu đã định, Pháp và triều đình nhà Nguyễn đã thi hành chính sách “tương” lên, biến ruộng đất xấu thành “thượng đẳng chi điền”, bất mỗi mẫu “thượng đẳng chi điền” đó phải nộp mỗi năm là 2,5 đồng bạc thuế và thêm phần phụ gia mỗi mẫu là 3 hào ⁽²²⁾. Bài ca “Á tế á ca” đã phản ánh khá rõ nét các loại thuế quái ác do giặc Pháp đặt thêm ra lúc bấy giờ :

Các hạn thuế Pháp càng tăng mãi,

Thuế dinh điền rồi lại trâu bò,

Thuế chó, cũi, thuế lợn, bò,

Thuế muối, thuế rượu, thuế ò, thuế xe,

Thuế tất cả, trâu, cau, chè, nước,

Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn,
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
Thuế rừng, tre, gỗ, thuế thuyền bán buôn,
Thuế đến cả phần sơn đường phố,
Thuế những anh thuốc lọ gầy mòn,
Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn,
Thuế dầu, thuế củi, thuế mộc, thuế sơn,
Thuế gạo, rau, thuế lúa, thuế bông,
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ,
Nhiều hạn thuế kẻ chi cho xiết,
Thuế “phát xia” mới thiệt lạ lùng
Làm cho thập nhất cửu khùng, (24)
Làm cho xơ xác khốn cùng chưa thôi. (23)

Ngoài thuế còn có loại tô lao dịch, gọi tắt là xâu. Năm 1886 mỗi người dân Việt Nam ở Trung kỳ, mỗi năm đều phải đi làm cho Pháp 24 ngày xâu và trả thêm cho Pháp 1,68 đồng tiền chuộc 24 ngày xâu còn lại theo thoả hiệp mà Nguyễn Trọng Hợp đã ký với Pháp. Trong khi làm xâu cho “mẫu quốc” người nông dân Việt Nam phải “cơm nhà áo vợ” và phải bị đánh đập nhục hình.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp xô đẩy nông dân ở đồng bằng lẫn miền núi vùng lên đấu tranh chống thuế, chống xâu vào đầu thế kỷ XX.

Tháng 2 năm Mậu Thân (1908) hàng trăm đồng bào

huyện Bình Sơn ở hai tổng Bình Trung, Bình Điền nhất là nông dân An Điền, tổng Bình Trung kéo về tỉnh thành đến dinh công sứ đưa đơn xin giảm thuế. Cuộc đấu tranh nhanh chóng được nhân dân toàn tỉnh hưởng ứng. Địch đã không giải quyết lại bắt đi một số người. Ngày 25/3/1908 hàng nghìn nông dân ở các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa lại đồng loạt kéo về tỉnh thành đưa yêu sách :

1 - Giảm thuế

2 - Thả tất cả những người đi xin giảm thuế đã bị bắt ngày hôm trước.

Hơn 4 vạn dân Quảng Ngãi thay phiên nhau kéo đến bao vây thị xã, cuộc đấu tranh kéo dài hơn 20 ngày mới chịu giải tán.

Bộ máy cai trị của địch từ tỉnh đến huyện bị tê liệt hoàn toàn, buộc tên công sứ Đô - đề phải cách chức Trần Vũ Lê Từ để hồng xoa diệu đồng bào. Tri phủ các huyện đồng bằng đều bỏ trụ sở chạy về tỉnh trú.

Trong cuộc đấu tranh đó các ông. Nguyễn Bá Loan và Lê Khiết bị chúng giết chết. Các ông Trần Kỳ Phong, Nguyễn Tuyên cùng nhiều người khác bị đày đi Côn Đảo.

Trong lúc phong trào chống thuế, chống sưu ở 6 phủ huyện đồng bằng đang nổi lên mạnh mẽ thì đồng bào dân tộc ít người ở hạt Ba Tư lại kéo về đánh phá quán Sơn phòng ở đồn Đức Phổ. Đây là một sự không hẹn mà gặp vừa ngẫu nhiên vừa tất yếu như có sự phối hợp nhịp nhàng giữa phong trào chống Pháp của nông dân các dân tộc thiểu số ở miền núi với phong trào yêu nước

chống Pháp của nông dân ở đồng bằng tỉnh Quảng Nghĩa sát cánh bên nhau cùng một nỗi đau ⁽²⁵⁾.

Trong thời gian một tháng (từ 24/3 đến 23/4 năm 1908) phong trào diễn ra mạnh mẽ liên tục và đều khắp làm cho nền thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai lúng túng bị rung chuyển dữ dội.

Tuy phong trào bị khủng bố ác liệt, song bọn thực dân Pháp phải nhượng bộ. Thuế thân từ 2,6 đồng, giảm xuống 2,1 đồng/người/năm. Xâu trước, trước đó phải đi làm liên miên, nay mỗi tháng đình hàng năm phải đi làm công ích 3 ngày. Ngoài ra, Pháp còn phải thay đổi một số quan lại mà nhân dân đã đòi trừng trị ⁽²⁶⁾. Điều đó khẳng định vai trò và khả năng to lớn của nông dân địa phương trong cách mạng dân tộc dân chủ. Đó cũng là một đòn đánh mạnh vào phương thức bóc lột của thực dân Pháp và bè lũ tay sai lúc này.

Phong trào “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” và phong trào chống thuế, chống xâu cho hội Duy Tân lãnh đạo tuy có mang lại kết quả đáng kể, nhưng lại bị khủng bố. Những hoạt động yêu nước công khai đã không còn thích hợp nữa. Những hội viên trung thành của hội Duy Tân còn lại vẫn tiếp tục bí mật vận động thanh niên đi du học và bí mật tổ chức phong trào chống Pháp bằng con đường bạo lực vũ trang theo tư tưởng của Phan Bội Châu.

Từ năm 1909, một tổ chức yêu nước, chống Pháp mới bắt đầu hình thành. Ở Quảng Ngãi, các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Điển, Lê Triết... là những người tích cực hoạt

động trong tổ chức mới này. Sau ba năm hoạt động Hội Việt Nam quang phục được thành lập với tôn chỉ : đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nền độc lập của nước nhà⁽²⁷⁾.

Sau khi Hội Việt Nam quang phục được tổ chức ở nước ngoài và có quan hệ với trong nước hoạt động, việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ngày càng ráo riết. Hai ông Lê Ngung và Nguyễn Thụy đã được hội phân công đứng ra tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Quảng Ngãi. Phong trào đã gây tiếng vang khá lớn, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh tham gia.

Ngày 1 tháng 4 năm Bính Thìn (tức 2-5-1916) cả hai tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam đã bắt đầu hành động. Lê Ngung di chuyển Bộ Tư lệnh về vùng Sung Tích (Sơn Tịnh). Bà Hồ Gà (tức Võ Thị Đệ) được phong làm “Biện lương sứ”, chuyên lo chuẩn bị hậu cần cho đoàn quân khởi nghĩa.

Binh lính trong thành đã được bắt mối và vận động hưởng ứng khởi nghĩa. Mọi việc chuẩn bị chu đáo, nhưng do một mối cảm tình riêng. Cai Cư đã làm lộ bí mật. Do đó, khởi nghĩa chưa được tiến hành đã bị đàn áp. Các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy và một số chiến sĩ yêu nước khác bị Pháp bắt xử chém. Một số khác bị bắt đi đày.

Cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh khác cũng không thành công. Phong trào tạm lắng xuống một thời gian.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Quảng Ngãi do Hội Việt Nam quang phục tổ chức là cuộc bạo động cuối cùng do các sĩ phu yêu nước chủ xướng và chỉ huy.

Có thể nói, từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam,

dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, phong trào đấu tranh của nông dân Quảng Ngãi đã tồn tại và phát triển liên tục, phong trào trước bị khủng bố, phong trào sau lại nổi lên. Điều đó nói lên ý chí kiên cường, lòng khát khao độc lập tự do và tinh thần dân chủ của nông dân trong tỉnh. “Trong các phong trào yêu nước đó, nổi nhất là phong trào nông dân và phong trào sĩ phu yêu nước thường xuyên quện chặt, nổ ra liên tục, chủ yếu bằng hình thức vũ trang bạo động và được tổ chức chặt chẽ” (28).

Điều đó cũng nói lên nông dân Quảng Ngãi là lực lượng đông đảo, chiếm tuyệt đại đa số trong nhân dân, đã biểu hiện tinh thần cách mạng của mình và giữ một vai trò rất quyết định làm cho kẻ địch phải kiêng dè.

Nhưng vì quan điểm tư tưởng và đường lối chính trị của các sĩ phu nho học lãnh đạo các phong trào ấy còn chưa phù hợp với tình hình đất nước. Cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc còn tách rời với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Hơn nữa, đường lối chủ trương các phong trào ấy cũng chưa chú trọng đúng mức đến lực lượng và quyền lợi của hai giai cấp cơ bản có vai trò quyết định thắng lợi, đó là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Vì vậy, mặc dù phong trào diễn ra rất quyết liệt, rất anh dũng và vô cùng sôi động, song cuối cùng phải lắng xuống và nhường bước cho những phong trào yêu nước, chống Pháp theo đường lối chủ trương đúng đắn phù hợp với thời đại và yêu cầu nguyện vọng sâu xa của nhân dân lao động. Cuộc khởi nghĩa do

Hội Việt Nam Quang phục tổ chức bị thất bại, phong trào yêu nước trong tỉnh Quảng Ngãi bị bế tắc về đường lối, phương hướng. Vai trò lãnh đạo của các sĩ phu phong kiến đã không còn ảnh hưởng mấy và lui dần. Nhân dân Quảng Ngãi vẫn chìm đắm trong cảnh đời nô lệ lầm than. Lúc đó, một số thanh niên có học trong những gia đình có truyền thống yêu nước đã tích cực dò tìm con đường cứu nước khác. Họ thành lập "Hội thiếu niên ái quốc", "Công ái xã" hoạt động được một thời gian và đang lúng túng về đường lối phương thức đấu tranh.

Giữa lúc phong trào yêu nước chống Pháp trong nước và trong tỉnh đang "Không có đường ra" ấy. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc, người con vĩ đại của dân tộc, sau bao năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và tìm mọi cách truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam. Năm 1924, Người đã đến Quảng Châu (Trung Quốc), tập hợp lực lượng thanh niên yêu nước từ trong nước thành lập tổ chức "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội" vào tháng 6 - 1925, đồng thời tích cực chuẩn bị về mọi mặt cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cũng trong thời gian này, tại Quảng Ngãi, cụ Trần Kỳ Phong ⁽²⁹⁾ người con yêu nước nổi tiếng ở Quảng Ngãi, khi ra khỏi nhà tù Côn Lôn năm 1921 đã liên kết với Tú Kiên ⁽³⁰⁾ người bạn tù ở Côn Đảo tích cực đem hết nhiệt tâm và khả năng hiểu biết của mình về chủ nghĩa cộng sản và cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại truyền bá vào những thanh niên ưu tú, có chí khí và giàu

lòng yêu nước trong tỉnh, nhen nhóm hình thành các tổ chức cách mạng mới ở Quảng Ngãi. Một số thanh niên yêu nước tấy học Quảng Ngãi học ở Hà Nội, Huế, qua sách báo tiến bộ của nước ngoài, cũng tiếp thu được chủ nghĩa yêu nước Mác-Lênin và ánh sáng của cách mạng Tháng Mười đem sự hiểu biết ấy truyền bá trong tỉnh.

Lúc này Quảng Ngãi đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa các xu hướng chính trị cách mạng quốc gia và cách mạng quốc tế. Song những đảng viên “Việt Nam cách mạng Đảng” do Hồ Độ⁽³¹⁾ và Trương Quang Trọng chủ trương đã có sức thu hút hầu hết thanh niên yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi. “Việt Nam cách mạng Đảng” bắt đầu hoạt động theo con đường dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác-Lênin do đồng chí Nguyễn Ái Quốc vạch ra trong cuốn sách “Đường Kách mệnh”⁽³²⁾.

Cố nhiên việc nhận thức của số thanh niên nông dân yêu nước lúc bấy giờ về chủ nghĩa cộng sản chưa hoàn toàn có hệ thống và đầy đủ, còn nhiều mặt hạn chế. Song nhờ tinh thần yêu nước thiết tha, yêu quê hương sâu sắc, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lòng khát khao độc lập tự do đã thôi thúc họ. Bên cạnh đó, họ cũng đã thấy mình có người bạn đồng minh mới đang lên. Đó là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và đông đảo tầng lớp trí thức tân cựu.

Đến năm 1927, đồng chí Nguyễn Thiệu với một số đồng chí khác sau khi tham gia lớp huấn luyện của Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) trở về tỉnh hoạt động thì chủ nghĩa Mác-Lênin mới thực sự truyền bá sâu rộng và tương đối

có hệ thống. Dòng tư tưởng cộng sản mới thực sự chiếm ưu thế áp đảo trong các tổ chức yêu nước và nhân dân lao động Quảng Ngãi - Những tổ chức yêu nước chống Pháp từ đây hoàn toàn tách khỏi ảnh hưởng của Việt Nam cách mạng Đảng và gia nhập hẳn vào Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đi hẳn vào con đường cách mạng dân tộc dân chủ, con đường cách mạng vô sản theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

Thông qua hoạt động của tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, chủ nghĩa Mác-Lênin và các bài giảng về “Đường Kách mệnh” của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu đã được thâm nhập vào Đảng Tân Việt và thúc đẩy họ sửa đổi chương trình điều lệ để hợp nhất với Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin truyền bá vào nhân dân lao động, trước hết là nông dân đã được tập hợp trong các tổ chức yêu nước, tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào yêu nước của tỉnh nhà. Học thuyết tiên tiến đó đã được truyền bá và thâm nhập ngày càng sâu rộng vào Quảng Ngãi, nhanh chóng khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước vốn có trong nhân dân lao động mà nhất là nông dân, giải quyết đúng đắn thực trạng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội... và mở ra cho cho nông dân yêu nước Quảng Ngãi con đường đầy tươi sáng.

Nhìn lại chặng đường lịch sử gần nửa thế kỷ trước đó (1885 - 1930) nông dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của các nhà nho yêu nước đã sống và hoạt động trong

những năm tháng đầy sôi nổi, rất xứng đáng với mảnh đất tuy nghèo về vật chất nhưng giàu dũng khí đấu tranh. Các trí thức nho học cũng như tây học đã đoàn kết nhau và đều tỏ lòng yêu nước thiết tha, yêu quê hương sâu sắc, đã sớm biết đoàn kết nhân dân lao động trong tỉnh, biết học hỏi tìm tòi để từng bước bắt gặp xu hướng cách mạng của thời đại, tích cực hoạt động nhen nhóm phong trào, đổi mới tổ chức lãnh đạo, phương pháp hoạt động và đấu tranh, thành lập các tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống chính trị xã hội của tỉnh nhà, chuẩn bị mọi mặt cho sự ra đời của Đảng bộ tỉnh vào năm 1930.

Nông dân Quảng Ngãi cũng đã kịp thời nhận rõ thời đại mới, vai trò của tổ chức lãnh đạo mới và vị trí của mình trong cuộc đấu tranh mới theo xu hướng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Phần thứ hai

**PHONG TRÀO ĐẤU TRANH
CÁCH MẠNG CỦA NÔNG DÂN
QUẢNG NGÃI TỪ NGÀY CÓ ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO
ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

Chương IV

**CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ
CHỐNG ĐÀN ÁP KHỦNG BỐ CỦA ĐỊCH
1932-1935**

Năm 1927 ở Quảng Ngãi đã hình thành tổ chức “Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí Hội”.

Tháng 5/1929, đồng chí Trương Quang Trọng, Bí thư Tỉnh bộ VNTNCMDCH Quảng Ngãi là một trong bốn đại biểu của Kỳ bộ Trung kỳ được bầu đi dự đại hội TNCMDCH ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Tháng 7/1929, đồng chí Trương Quang Trọng về tỉnh đã triệu tập hội nghị TNCMDCH trong tỉnh để chuyển thành tổ chức “Dự bị cộng sản” đầu tiên của Quảng Ngãi. Ngay sau đó đồng chí Trương Quang Trọng, Hồ Độ và một số đồng chí khác bị địch bắt. Đồng chí Nguyễn Nghiêm và đồng chí Phạm Viêt Mi được giao nhiệm vụ tiếp tục công việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 3/2/1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Mùa xuân năm 1930, sau khi bắt được liên lạc với đảng cấp trên, đồng chí Nguyễn Nghiêm đã tổ chức hội nghị thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ cộng sản tỉnh Quảng Ngãi, chuyển những chi bộ “dự bị cộng sản” thành những chi bộ cộng sản. Hội nghị này đã bầu ra Tỉnh ủy lâm thời, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư⁽³³⁾.

Trong phiên họp đầu tiên của Tỉnh ủy tại nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm, có nhiều quyết định quan trọng, trong đó có quyết định “Đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng...”⁽³⁴⁾. Đây là một quyết định đúng đắn, đánh giá đúng vai trò và khả năng to lớn của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Bác Hồ kính yêu của chúng ta cũng đã từng khẳng định: “Nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân”.⁽³⁵⁾ Nông dân tỉnh ta cũng sớm nhận rõ vai trò của mình và tiếp thu ngay sự lãnh đạo của Đảng và sớm hình thành tổ chức cách mạng mới của mình, sẵn sàng ra quân hành động.

Phấn khởi và hưởng ứng sự ra đời của tổ chức lãnh đạo mới; Đảng cộng sản Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tổ chức Nông hội đỏ đã phát động phong trào nông dân và tổ chức được 1.200⁽³⁶⁾ hội viên ngay trong những ngày đầu mới thành lập. Đảng Hội đã sớm vận động nông dân tham gia đấu tranh mạnh mẽ, đều khắp, liên tục và quyết liệt bằng nhiều hình thức như: rải truyền đơn, treo cờ Đảng, tổ chức hàng loạt những cuộc mít tinh, biểu tình tuần hành thị uy, uy hiếp và trừng trị bọn Việt gian làm tay sai cho Pháp, đòi thực hiện quyền tự do dân chủ hòa bình, chống khủng bố trắng của địch, đòi bãi bỏ thuế thân, thuế đò, thuế chợ, chia lại và chia hết công điền cho nông dân.

Để xúc tiến công tác tuyên truyền sâu rộng trong nông dân lao động, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương xuất bản báo “Dân cây” làm cơ quan tuyên truyền chính thức của tỉnh Đảng bộ. Từ “Dân cây” với cái tên của nó có một ý nghĩa nhiều mặt và tác dụng sâu sắc đối với nông dân.

Ngày 30/4/1930 nông dân đã tích cực treo cờ và rải truyền đơn khắp nơi trong tỉnh để chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5. Các đảng bộ đã kịp thời tổ chức nhiều cuộc mít tinh ở Sở muối Sa Huỳnh, Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý (Đức Phổ), Đức Tân (Mộ Đức), Tư Cung, Sung Tích, An Vĩnh, An Kỳ (Sơn Tịnh) và Châu Me (Bình Sơn)... được nông dân hưởng ứng đông đảo.

Nội dung tuyên truyền và khẩu hiệu đấu tranh trong các báo chí, các cuộc mít tinh lúc này là:

- Bỏ thuế đình, thuế đò, thuế chợ, giảm thuế điền, nợ

lãi, xóa nợ cho dân nghèo không tài sản.

- Không bắt lính, bắt xâu đi các vùng rừng sâu, nước độc.

- Mở thêm trường học, nhà thương.

- Thực hiện các quyền tự do dân chủ như tự do đi lại làm ăn, tự do lập hội, tự do ngôn luận..., thực hiện nam nữ bình quyền.

- Việt Nam hoàn toàn độc lập, nước Việt Nam của người Việt Nam.

Những nội dung đấu tranh đó đã được viết thành những bài thơ, ca, hò vè để cho đảng viên và hội viên dễ nhớ, dễ thuộc, dễ phổ biến sâu rộng trong nông dân:

Các tổ chức “Nông hội đỏ” hoạt động khá mạnh, nhất là ở các huyện Đức Phổ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức.

Nông dân các huyện đã rầm rộ hưởng ứng các phong trào đấu tranh do Đảng bộ phát động để giành những quyền lợi thiết thực hàng ngày ở nông thôn, đồng thời tích cực vận động các tổ chức, hội, đoàn thể bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng. Ở làng Bồ Đề (Mộ Đức) nông dân nổi dậy chống bọn lý trưởng cường hào gian lận trong việc quân cấp công điền. Ở làng Quang Hiến, Gò Huyện (Mộ Đức) đã chống bọn cường hào địa chủ bao chiếm đồi rừng. Ở làng Liên Chiểu (Đức Phổ) chống tệ cúng tế ăn uống linh đình của các lý trưởng cường hào vv...

Đi đôi với những hoạt động đã phá bọn cường hào, nông dân đồng tâm thực hiện cuộc sống mới văn minh,

ăn ở vệ sinh, lao động gây quỹ, cùng nhau đóng góp bằng tình làng nghĩa xóm giúp đỡ những hộ nông dân nghèo khổ. Hội viên làng Quang Hiến (Mộ Đức) kể nhiều người ít cùng nhau đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà cho số hộ nông dân quá khó khăn.

Ở huyện Bình Sơn ngày 1 tháng 5 năm 1930 tại Châu Me (Bình Châu) dưới sự chỉ đạo của Đảng đã diễn ra cuộc mít tinh lớn của nông dân mở đầu cho cuộc đấu tranh cách mạng trong huyện. Trong cuộc biểu tình đó, bà Đào một nữ nông dân đã đứng lên diễn thuyết và hô to các khẩu hiệu đấu tranh ủng hộ Liên bang Xô Viết, đòi dân cày có ruộng, nam nữ bình đẳng, đòi quyền độc lập dân tộc...

Ngày 1/8/1930 truyền đơn được tung rải khắp nơi trong huyện cờ đỏ búa liềm cũng được nhân dân đóng góp cất may kịp thời để phục vụ phong trào. Từ Bình Thạnh, Bình Chánh đến Bình Chương, Bình Châu, Bình Hải cho đến huyện Trà Bồng đâu đâu cũng trào dâng khí thế cách mạng.

Ở huyện Đức Phổ, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đêm 8 rạng ngày 9 tháng 10 năm 1930, hơn 5000 nông dân ở các vùng Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý, Nhơn Phước, An Tây, Lộ Bàn, Mỹ Thuận, Liên Chiêu, Văn Trường... đã tập trung tại gần trường Lộ Bàn, để hình thành đội ngũ chính tề và nghe diễn thuyết nói lên ý nghĩa và tác dụng của cao trào cách mạng... rồi ùn ùn kéo về bao vây và chiếm lĩnh huyện đường Đức Phổ. Tên tri huyện Phan Lang và toàn bộ nha lại hoảng hốt bỏ chạy. Quần chúng biểu tình lập tức phá cửa nhà giam

thả những người bị bắt, đốt phá sổ sách, hồ sơ án tin của địch và làm chủ huyện đường đến 8 giờ sáng ngày 9/10/1930 mới giải tán.

Đứng trước khí thế vùng lên mạnh mẽ của nông dân Đức Phổ, nông dân Mộ Đức đã kịp thời phối hợp bằng cách chặt ngã nhiều cây mù u ở ven quốc lộ 1 và tuyến đường Thạch Trụ - Ba Tư để chặn đứng quân địch không cho chúng kéo vào huyện lỵ Đức Phổ đàn áp cuộc biểu tình.

Ở huyện Sơn Tịnh, ngày 30/10/1930 hàng nghìn nông dân ở các thôn An Vĩnh, An Kỳ, Kỳ Xuyên (Tịnh Kỳ) kéo về Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc (Tịnh Khê) cùng các làng Sung Tích, Châu Sa, An Nhơn...thuộc tổng Tịnh Châu biểu tình kéo về huyện lỵ Sơn Tịnh để hưởng ứng phong trào đấu tranh toàn tỉnh, phản đối thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào Nghệ An đỏ.

Tên công sứ và tên giám binh Rouvier dẫn lính đến đàn áp cuộc biểu tình tại gần miếu Văn Thánh, thu toàn bộ băng cờ, khẩu hiệu và bắt đi một số đại biểu của phong trào. Nông dân tham gia cuộc biểu tình trực tiếp đấu tranh đòi trả những người bị bắt và buộc địch phải giải quyết những yêu sách của nông dân. Cuộc đấu tranh kéo dài mãi đến chiều, địch điều tiếp lính đến để đàn áp, giải tán cuộc biểu tình và bắt thêm một số người nữa. Sau đó chúng còn lùng sục vây ráp các làng bắt thêm một số cơ sở cách mạng.

Cùng trong thời gian này nông dân ở Tổng Thượng, Tổng Trung, Tổng Hòa tổ chức mít tinh “đại náo”, kêu cứu, treo cờ, băng, trương biểu ngữ, hô khẩu hiệu để hỗ trợ cho ngư dân tổng Tịnh Châu.

Mặc dù thực dân Pháp ra sức bắt bớ và đàn áp phong trào nhưng nông dân lao động vẫn kiên quyết đấu tranh. Vào đêm 16/11/1930 một cuộc mít tinh lớn lại nổ ra ở Mộ Đức, hơn 3000 nông dân ở các làng, các tổng trong phủ rầm rộ biểu tình kéo về phủ lý (tại Thạch Trụ) để đưa yêu sách. Khi đoàn biểu tình kéo đến làng Tú Sơn bị địch vây chặn, tịch thu băng cờ và đòi bắt các đại biểu, song quần chúng vẫn kiên quyết đấu tranh. Trước sức đấu tranh của quần chúng, bọn hương lý cường hào bị hạ uy thế, chính quyền thôn xã ở nhiều nơi bị tê liệt. Nông hội đỏ đứng ra điều khiển, quản lý xã hội ở nông thôn.

Tại Đức Phổ, ngày 1 tháng 12 năm 1930 quần chúng nông dân ở phía Tây huyện tổ chức tuần hành thị uy xử tội tên lý trưởng Lộ Ban (Phổ Ninh) nhưng hấn trốn thoát. Cũng thời gian ấy nông dân phía Đông Đức Phổ tuần hành thị uy kéo đến xử tội tên xã Huế ở Văn Trường (Phổ Văn) nhưng hấn cũng đã tẩu thoát.

Qua thực tiễn, cuộc đấu tranh cách mạng càng lên cao thì sức phản ứng của địch cũng rất quyết liệt và tàn bạo. Với hơn 3000 quân chính quy các loại, cùng với lực lượng nửa vũ trang như đoàn phu, đoàn thập, tổng xã đoàn...bọn thực dân và tay sai thẳng tay đàn áp nhân dân đốt phá nhà cửa, làng xã. Nhiều trường học, đình chùa biến thành nơi chúng tra tấn và giam cầm những đảng viên và nông dân đấu tranh.

Cao trào đấu tranh trong những năm 1930-1931 rất sôi động. Hầu hết nông dân đã tích cực tham gia phong trào đấu tranh, nhiều người nuôi giấu cán bộ đảng viên.

Có người đã nhường hẳn căn nhà để in truyền đơn cổ vũ phong trào. Trong những tháng đầu năm 1930 truyền đơn của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được in ở nhà một nông dân ở làng Khánh Mỹ (Sơn Tịnh), sau đó chuyển ra in ở nhà ông Hồ Đảnh (ở Nam Thuận) rồi nhà ông Trương Tánh (Bình An nội, Bình Sơn) nhà ông Lê Tặc (Lệ Thủy, Bình Sơn) và nhà ông cả Tú ở Liêm Quang (Bình Sơn). Cơ quan ấn loát của Huyện ủy Sơn Tịnh đặt tại nhà một nông dân ở làng Sung Tích (nay thuộc xã Tịnh Long) đến tháng 7/1930 chuyển về nhà bà Ấn ở Xóm Gò (nay thuộc xã Tịnh Khê).⁽³⁷⁾

Đặc biệt trong lúc phong trào diễn ra sôi động, các xã đều hoạt động náo nhiệt, các đội "tự vệ đỏ" (lực lượng tham gia hầu hết là nông dân) được luyện tập suốt ngày đêm để bảo vệ các cuộc biểu tình. Khắp vùng nông thôn đâu đâu trống mỗ, tù và cũng vang động cả đêm. Khá đông hương lý và đoàn phu của địch, do phong trào cách mạng lôi cuốn đã ngã theo cách mạng và tham gia canh phòng cho ta. Có số nằm im hoặc làm ngơ trước diễn biến của thời cuộc, nông dân trong tỉnh đã nô nức cổ vũ nhau hưởng ứng các cuộc đấu tranh, cung cấp lương thực cho đội tự vệ ăn tập. Đặc biệt là có bà Võ Thị Đệ, người nông dân giàu có nổi tiếng ở huyện Bình Sơn đã nhiệt tình đóng góp, cả một kho lúa và 300 quan tiền để ủng hộ phong trào cách mạng.

Ngoài ra còn nhiều nông dân đã tích cực đóng góp tiền may cờ đỏ sao vàng, treo ở khắp nơi và dùng cho các đoàn biểu dương lực lượng.

Trong những ngày bão táp cách mạng đó, các làng

xã, tổng trong tỉnh đều rầm rộ tổ chức mít tinh, biểu tình để áp đảo bọn địa chủ cường hào, thực hiện tốt các nhiệm vụ do cách mạng đề ra. Nhiều địa phương đã sử dụng những lớp học làm nơi hội họp học tập, nêu gương những anh hùng cứu nước của dân tộc, của phong trào cách mạng tỉnh nhà để giáo dục quần chúng... Các lớp học còn sử dụng các thơ, ca, hò vè nói về cách mạng Tháng Mười Nga...Nhiều thầy cô giáo là tuyên truyền viên tích cực tham gia cổ động, phân phát truyền đơn, canh gác, liên lạc, trinh sát cho cách mạng. Tình thương yêu đùm bọc nhau trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất đã thắt chặt nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Khí thế cách mạng càng lên cao thì hàng loạt các tổ chức của nông dân cũng ra đời ở nông thôn như hội tương tế, hội tương trợ, hội cày, hội cấy, hội tát nước, hội làm nhà, hội đi củi...nhiều thơ ca, hò vè ca ngợi phong trào, ca ngợi Đảng cũng rộ lên trong các xóm làng.

Đầu năm 1931 đế quốc Pháp đã thi hành nhiều biện pháp chống phá phong trào cách mạng trong tỉnh, hòng xoay chuyển tình thế.

Bọn chúng đã tập trung huy động đưa đến Quảng Ngãi khoảng 3000 quân, gồm các sắc lính: Lê dương⁽³⁹⁾, Sơn đá, Khố đỏ, Khố xanh, Tuần sát, đứng giữ các huyện lỵ, những nơi xung yếu trên trục quốc lộ 1 và những nơi có phong trào cách mạng đang lên.

Bọn chúng còn xây dựng lực lượng bán vũ trang từ thôn, xã đến huyện, do các tên bang tá, tổng đoàn, xã đoàn chỉ huy. Chúng phân chia thành lực lượng cơ động

ứng chiến, lực lượng chiếm đóng bình định (lính khố xanh, bang tá), lực lượng dân binh (đoàn phu, đoàn phân). Toàn bộ các lực lượng vũ trang đặt dưới quyền chỉ huy của phân khu quân sự Quảng Ngãi, do sĩ quan Pháp điều khiển.

Bọn chúng biến bộ máy cai trị thời bình thành bộ máy đàn áp khủng bố, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa...do tên công sứ người Pháp đứng đầu. Chúng còn thành lập các tổ chức mật thám, mật vụ thám báo, rình mò ở khắp mọi nơi. Mỗi huyện trong tỉnh có khoảng 3 tên chuyên đi bắt mối với số tay chân cộng tác khắp vùng nhằm bủa vây mạng lưới do thám dày đặc.

Ở các xã thì số hào lý ôm chân chúng, ngày đêm đánh hơi, nghe ngóng phong trào để kịp thời báo trước. Chúng còn đặt ra những bài về tuyên truyền nói xấu cộng sản, gieo rắc tinh thần hoài nghi trong nhân dân. Bọn chúng còn hà hơi tiếp sức cho nhau ca ngợi nước “đại Pháp” sang “An Nam” để “khai hóa” “bảo hộ”, nhằm lung lạc tư tưởng cách mạng của nông dân. Chúng còn bày ra cái trò buộc mỗi xã phải mua báo “Tả trực” (Nhật báo) tờ báo chuyên tuyên truyền nói xấu cộng sản. Mặt khác, thì dùng bạo lực đàn áp khốc liệt, bắt bớ, giam cầm tra tấn những người tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp và tay sai...

Mặc dù vậy, bọn chúng cũng phải bất lực trước những đòn tấn công dồn dập của lực lượng đông đảo nông dân trong tỉnh. Sau khi có Đảng. Phong trào cách mạng vẫn tiếp tục dâng lên và gây ảnh hưởng sâu rộng trong mọi

tăng lớp nhân dân, từng bước giác ngộ họ, làm cho họ hiểu được mục đích đấu tranh của Đảng, tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng “công-nông-binh liên hiệp lại”.

Đến tháng 12 năm 1930, hưởng ứng chủ trương liên kết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, mở rộng phong trào đấu tranh ra các tỉnh, tạo thành sức mạnh trong các cuộc đấu tranh chung ở miền Nam Trung bộ. Đồng thời củng cố lại các đội tự vệ đồ đã có gần 1500 hội viên.

Ngày 17 tháng 1 năm 1931 nông dân vùng Tây Tư Nghĩa đã tập trung lại Bãi Két (Xuân Phổ) rồi kéo xuống Chợ Gò (An Hội), chợ Thu Phổ (Nghĩa Điền) phối hợp hành động.

Ngày 19/1/1931 nông dân vùng Đông Tư Nghĩa, lại nổi dậy tổ chức một cuộc biểu tình lớn ùn ùn kéo về tỉnh lỵ, nhưng đến ngã tư Ba La thì bị lính lê dương đàn áp làm chết 6 người và bị thương nhiều người khác.

Cùng trong thời gian này ngư dân vùng Cổ Lũy kéo đến bao vây đồn Thương Chánh, đấu tranh đòi địch bãi bỏ các thứ thuế vô lý.

Tại vùng Bắc - Đông Bắc huyện Sơn Tịnh, ngày 17/1/1931 nhân dân đã rầm rộ biểu tình về huyện lỵ, khi đoàn biểu tình kéo đến cầu Bồ Đề thì bị địch đàn áp làm chết 4 người và bị thương 7 người khác. Mặc dù bị địch đàn áp đẫm máu, nhân dân vẫn kiên trì xóc tới đòi địch bồi thường tính mạng, buộc tên tri huyện phải chấp nhận yêu sách.

Vào đêm 8/1/1931 nông dân các làng Thọ Lộc, Trường Xuân, Ngân Giang, Hà Nhai, Lâm Lộc (nay thuộc xã

Tỉnh Hà) Phước Lộc (nay thuộc xã Tịnh Sơn) đã tập hợp tại Gò Tạng (Hà Nhai) để biểu tình, thị uy và chuẩn bị kéo xuống huyện lỵ thì địch chặn lại và nổ súng, buộc phải giải tán và bắt đi một số người. Nhưng đoàn biểu tình vẫn hô hào nhau xóc tới, tiếp tục đấu tranh, buộc chúng phải băng bó cho chị Nguyễn Thị Hương và bồi thường thiệt hại do chúng gây nên.

Sáng ngày 19/1/1931 nhân dân vùng Tây Sơn Tịnh, lại kéo về huyện lỵ. Khi đoàn biểu tình tập trung tại Gò Tạng bị địch dàn áp làm 5 người chết, và lũng bắt nhiều người khác.

Vào tối ngày 25/1/1931 (ngày 10 tháng chạp, Canh Ngọ) hơn 500 quần chúng nông dân xuất phát từ thôn Hải Ninh (nay thuộc xã Bình Thạnh) kéo lên phủ. Khi đoàn biểu tình kéo đến đồn Nước Mặn (nay thuộc xã Bình Nguyên) nhân dân đã tham gia lên tới 2000 người, cờ được rực trời, tiếng hô vang dội: ủng hộ Liên bang Xô Viết, ủng hộ Xô Viết - Nghệ Tĩnh, đả đảo khủng bố, đả đảo các loại thuế...Nhà những tên cường hào như: Lương Kiếm Long, phó Toản và xã Cẩm... tên tay sai đắc lực cho Pháp, chống đối cách mạng quyết liệt đã bị nhân dân đập phá.

Đứng trước tình hình sôi sục cách mạng, buộc tri phủ Nguyễn Đình Chi và tên quan hai Pháp La - Gam phải ra tận chợ Nước Mặn hứa với đoàn biểu tình là sẽ chuyển yêu sách về tỉnh và ra lệnh giải tán. Song nhân dân không nao núng, vẫn xông tới. Bọn chúng liền dỡ trò khủng bố, bắn vào đoàn biểu tình làm cho nhiều người chết và bị thương.

Để hưởng ứng cuộc biểu tình rầm rộ của nhân dân huyện Bình Sơn, từ đêm 10 đến 12 tháng 12 năm Canh Ngọ (tức 30/1/1931) quần chúng nông dân huyện Trà Bồng sôi sục cách mạng tập trung lực lượng hơn 2000 người biểu tình tràn xuống Thạch An, dưới sự dẫn đầu của 2 cô Đinh Thị Có và Vũ Thị Nê, do Nguyễn Lang, Nguyễn Thiệt, Đào Yến trực tiếp chỉ đạo⁽⁴²⁾, tìm bắt xã Thoan. Nhưng tên Thoan đã trốn thoát. Sau đó, đoàn biểu tình bị địch đàn áp, một số người chết, một số người khác bị bắt.

Trong 2 ngày 29 và 31/1/1931 nông dân vùng Đông huyện Mộ Đức đã tổ chức 2 cuộc tuần hành tự vệ có vũ trang thị uy và trừng trị bọn tay sai của địch ở các làng Trà Ninh, Quýt Lâm, Minh Tân, Đạm Thủy, Lương Nông, Thi Phổ...

Ở huyện Nghĩa Hành, vào đầu tháng 2/1931, nông dân vùng đông đã tổ chức cuộc biểu tình kéo về huyện lỵ đấu tranh, khi kéo đến Kỳ Thọ bị địch chặn lại và giải tán. Kể đó ngày 3/2/1931 quần chúng các làng thuộc Hành Tín, Hành Thiện ngày nay, biểu tình tuần hành trừng trị bọn tay sai cho Pháp trong vùng.

Để phối hợp với các cuộc biểu tình ở Nghĩa Hành, ngày 2/2/1931 quần chúng nông dân vùng Nam Tư Nghĩa đã tổ chức tuần hành kéo đến tập trung ở phía Bắc cầu Cây Bứa thuộc làng Nhu Năng.

Ở đảo Lý Sơn, vào ngày 9 tháng 2 Canh Ngọ nông dân 2 xã Bình Yến và Bình Vĩnh nổi dậy bao vây đồn giặc, đẩy chúng vào tình trạng cô lập, lúng túng, hoang

mang, mất hiệu lực, làm chủ đảo gần một tuần.

Ngày 5/2/1931 (18/2 Canh Ngọ) nông dân vùng Bắc Đức Phổ tuần hành vũ trang kéo về Tân Hội trị bọn chủ Cát, xã Đạ... Cùng thời gian đó, nông dân vùng Đông và Tây Đức Phổ kéo đến tận trung ở Lộ Bàn để biểu tình liền bị địch ập đến giải tán. Cảnh biểu tình phía Đông Đức Phổ khi kéo đến làng Vĩnh Bình Bắc cũng bị địch chặn lại và giải tán. Trong cuộc biểu tình này bà Thủ Bầy, mẹ vợ đồng chí Nguyễn Nghiêm, bị địch bắt và nhà đồng chí Nghiêm bị đốt (06/2/1931).

Tại Ba Tư, đồng bào Kinh, Thượng đã biểu tình kéo lên huyện. Tên Kiểm lý đã nhận yêu sách của cuộc biểu tình. Quần chúng cách mạng đã làm chủ một vùng rộng lớn từ đêm 16 đến ngày 23/2/1931.

Phải nói rằng đến đây phong trào cách mạng của nông dân và nhân dân Quảng Ngãi đã phát triển rất cao trong toàn tỉnh làm cho bè lũ thực dân và tay sai lo sợ. Bọn chúng đã phải huy động lực lượng chống phá quyết liệt. Nhiều cán bộ và quần chúng sa vào tay giặc, trong đó có đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Quảng Ngãi bị bắt ngày 6/3/1931. Ngày 23/4/1931 địch đã xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm ở bãi cát Nam sông Trà Khúc. Trong thời gian này địch đã bắn chết một lúc 15 đồng chí cán bộ trung kiên ở làng An Nhơn (Sơn Tịnh).

Niềm phẫn uất của nông dân lại bùng lên mạnh mẽ, cả tỉnh làm lễ truy điệu người con trung hiếu Nguyễn Nghiêm trong một tuần lễ. Đồng thời thực hiện lời kêu gọi của Tỉnh ủy, biến đau thương thành "tuần lễ

căm thù" giặc Pháp !

Một cuộc đấu tranh mới lại được tổ chức !

Nhân ngày Quốc tế lao động 1/5 gần 4.000 nhân dân lao động từ các nơi kéo về huyện lỵ, tỉnh lỵ đấu tranh. Hầu hết các vùng từ đồng bằng đến miền núi đều có những cuộc mít tinh biểu tình. Các đồng chí bị giam trong nhà tù địch cũng tuyệt thực để hưởng ứng phong trào.

Trong những ngày này nông dân toàn tỉnh đã đồng loạt, nổi trống mõ, rải truyền đơn, treo băng cờ. Ban đêm đồng bào chẳng ai đi lại ngoài đường mà họp nhau lại thành từng nhóm để cùng nhau kể lại tội ác của giặc Pháp và tay sai, đồng thời nhắc lại những gương hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã quên mình vì dân, vì nước và cùng thể với nhau quyết tâm theo Đảng, theo cách mạng. Kế đó toàn tỉnh đã mở một đợt đình công bãi thị khắp vùng nông thôn, thị trấn, thị xã. Đặc biệt trong những ngày tết Canh Ngọ, hầu hết nông dân không đốt pháo, không cúng lễ, ăn chơi linh đình, không tổ chức các cuộc vui xuân như mọi năm.

Mặc dù phong trào đấu tranh bị địch khủng bố ác liệt, nhưng thực tiễn cũng đã chứng minh Quảng Ngãi là một trong những đỉnh cao của phong trào cách mạng trong những năm 1930-1931. Phong trào ở Quảng Ngãi đã diễn ra rất sôi động từ tháng 10/1930 đến tháng 7/1931, Thường vụ Trung ương Đảng đánh giá cao: "...Ở Quảng Ngãi tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh, nhưng nó vẫn là mạnh nhất trong phía Nam Trung Kỳ" (43).

Sau cao trào 1930-1931 thực dân Pháp và tay sai dùng nhiều thủ đoạn âm mưu thâm độc để đàn áp nông dân.

Ở Quảng Ngãi gần 200 người bị bắn chết, 300 người bị bắt giam cầm ở các nhà lao trong tỉnh, 375 người bị đày đi Lao Bảo, Bà Nà, Buôn Mê Thuột. Từ tháng 9/1931 phong trào đấu tranh bắt đầu lắng xuống, nhưng quần chúng nông dân vẫn nung nấu ý chí cách mạng, giữ gìn lực lượng chờ thời cơ khôi phục phong trào.

Qua thực tiễn diễn biến của phong trào, chúng ta thấy rõ cao trào các mạng trong những năm 1930-1931 thực chất là phong trào của nông dân, những yêu sách và mục tiêu đề ra của Đảng ta lúc này chủ yếu và trước hết là đòi quyền lợi cho nông dân. Điều đó được thể hiện khá rõ trong các khẩu hiệu của mỗi cuộc biểu tình. Về hình thức tổ chức và phương thức đấu tranh được chỉ đạo khá chặt chẽ. Trước khi biểu tình đều có kế hoạch phối hợp tập trung theo địa điểm và ngày giờ qui định, người cầm cờ, người diễn thuyết... mỗi một cuộc tuần hành thị uy đều có người diễn thuyết, nói rõ tính chất quan trọng và ý nghĩa mục tiêu của cuộc đấu tranh. Cách tổ chức hàng ngũ tự vệ canh gác bảo vệ, các hiệu lệnh chỉ đạo và thái độ đối xử trong mọi tình huống cũng được đặt ra rõ ràng. Vì vậy các cuộc biểu tình từ khi nổ ra cho đến lúc kết thúc đều chủ động tạo thành sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi.

Với sức mạnh đoàn kết nổi dậy đồng loạt nhịp nhàng của giai cấp nông dân do Đảng ta lãnh đạo đã làm cho bọn địa chủ, hương lý, cường hào, tay sai ở nhiều vùng nông thôn phải hoang mang bỏ chạy, hoặc nằm im, chịu sự kiểm soát của các tổ chức cách mạng như Nông hội đỏ, Tự vệ đỏ, Đoàn thanh niên... làm cho không khí ở nông thôn bắt đầu bừng ánh sáng mới, chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Phong trào cách mạng sôi động trong những năm 1930-1931 của nhân dân Quảng Ngãi mà lực lượng tham gia hầu hết là nông dân đã thể hiện sinh động tinh thần cách mạng, cố nội dung tư tưởng mới về đường lối, tổ chức lãnh đạo và phương pháp cách mạng của nông dân tỉnh nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng, nó cũng chứng tỏ sự hưởng ứng của nông dân trong tỉnh trong khi Đảng bộ mới ra đời với lòng tin mãnh liệt. Phong trào đã tô đậm thêm truyền thống đấu tranh cách mạng của nông dân nói riêng và nhân dân trong tỉnh nói chung. Sự tổn thất không phải là ít, nhưng lòng tự hào và ảnh hưởng lâu bền, tốt đẹp cao sâu hơn nhiều, kinh nghiệm đấu tranh cách mạng phong phú thêm. Tinh thần đoàn kết sáng tạo, đổi mới đã vượt lên trên tính bảo thủ, bản vị, hẹp hòi vốn có của mình. Tất cả niềm tự hào đó là nền tảng của sức mạnh và lập trường kiên định dẫn dắt người nông dân tiến bước theo Đảng làm cách mạng trong các chặng đường tiếp theo.

Sau cao trào đấu tranh cách mạng trong những năm 1930-1931, thực dân Pháp và tay sai phong kiến đã phải gờm nề tinh thần cách mạng của nông dân Quảng Ngãi. Chúng đã áp dụng nhiều biện pháp tiếp tục đàn áp phong trào cách mạng. Chúng dùng nhiều thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc phong trào, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Chúng sử dụng cả đình chùa làm nơi tra tấn đánh đập những người tham gia phong trào cách mạng. Chúng tăng cường bộ máy đàn áp xuống tận các thôn xã, củng cố lại bộ máy cai trị ở cơ sở, nhất là bọn chánh tổng đoàn, hương kiểm, lập tộc biểu, để quản lý đe dọa họ hàng con cháu nông dân không chớ tham gia cách mạng, hòng thực hiện thủ đoạn "quan làng trị dân

làng". Những nông dân tham gia phong trào bị bắt, khi thả ra thì chúng buộc lý trưởng, tộc biểu phải bảo lãnh quản thúc tại nhà. Đồng thời lập thêm các điểm canh, trạm gác, bắt thêm đoàn phu sung vào lực lượng, lùng bắt những người hoạt động cách mạng. Vô lý hơn nữa là chúng cấm nông dân "tùng tam tụ ngũ", cấm người lạ mặt vào thôn xóm. Bọn cường hào gian ác thì hoành hành đủ điều, vu cáo, hăm dọa, đòi dân dút lót... gây nên không khí ngột ngạt ở nông thôn. Mặt khác, nạn khủng hoảng kinh tế trong những năm 1930 - 1931 còn kéo dài, càng làm cho tình cảnh của nông dân đến bước đường cùng cực. Tên vua bù nhìn Bảo Đại vừa ở Pháp về cùng hòa theo những mưu ma chước quỷ của bọn thực dân, dụ dỗ mua chuộc các tầng lớp trên, hòng làm chỗ dựa để đàn áp phong trào.

Có thể nói vào cuối năm 1931, hầu hết hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức cách mạng của nông dân đã bị thực dân Pháp phá vỡ nhiều mảng. Nhưng phong trào đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi vẫn âm ỉ trong lòng dân, vẫn chuyển bước theo tình hình mới.

Đầu năm 1932 một số đảng viên bị bắt vào năm 1929, 1930 vừa ra khỏi nhà tù của địch, đã tập hợp nhau lại xây dựng Tỉnh ủy mới để tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, tổ chức nông hội trong tỉnh cũng được gây dựng lại.

Nhân ngày kỷ niệm Lênin, Lép-ních, Lux-xăm-pua, nông dân trong tỉnh đã tham gia những cuộc mít tinh nhỏ ở các vùng Minh Tân (Mộ Đức), Hùng Nghĩa, Tân Hội (Đức Phổ) và Sung Tích (Sơn Tịnh) rải truyền đơn ở thị xã Quảng Ngãi, treo cờ Đảng ở Núi Bút, để phát động phong trào đấu tranh mới, do Tỉnh ủy Quảng Ngãi

phát động và tổ chức.

Ngày 23 tháng 6 năm 1933 hơn 300 nông dân Nghĩa Hành nổi lên chống đối bọn chủ thầu đập Suối Đá, tự ý tăng tiền thủy lợi phí, buộc chủ thầu phải hủy bỏ quyết định ngay⁽⁴⁴⁾.

Lợi dụng chương trình “cải cách” của bù nhìn Bảo Đại, nông dân đấu tranh tố cáo, vạch mặt bọn lý trưởng tham nhũng, đòi xây dựng hương ước công bằng có lợi cho tầng lớp nông dân nghèo; giữ vững các hội biến tướng như: Hội đồng canh, quỹ nghĩa sương, hội trợ táng, Hội tương tế... để duy trì ảnh hưởng cách mạng và lực lượng hoạt động.

Ngoài ra nông dân trong từng thôn ấp dựa vào các tổ chức biến tướng và nghề nghiệp như các nhóm vòng đổi công⁽⁴⁵⁾..., nhóm tương tế, tương trợ, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt để đoàn kết đấu tranh đòi tăng công cày, công cấy, công gặt trong ngày mùa và đòi bỏ hoặc bớt địa tô phụ cho nông dân, đòi chia lại ruộng đất công và đấu tranh chống lại bọn cường hào dùng công quỹ của làng đem chèn chén với nhau. Những cuộc đấu tranh thuộc loại này không ồn ào náo động, song nối tiếp nhau xảy ra phổ biến trong khắp tỉnh, giành được một số quyền lợi thiết thực.

Nông dân trong tỉnh còn ra sức ủng hộ các cuộc đấu tranh của công nhân làm đường xe lửa, công nhân ở ga Quảng Ngãi trong việc đòi tiền công vào tháng 3 năm 1932.

Phong trào ngày càng mở rộng trong toàn tỉnh, từ nông thôn ở bên ngoài đoàn kết với những người bị địch giam ở các nhà lao trong tỉnh, liên kết với các tỉnh bạn. Tổ chức lãnh đạo được khôi phục trong tỉnh ở các cấp

và toàn miền Trung, nhất là trung Nam Trung Kỳ. Nhiều cuộc đấu tranh trong nhà tù của đảng viên và tổ chức cộng sản đã có tiếng vang xa. Cuộc đấu tranh chống dịch trong vụ án “tái tổ cộng sản” tháng 7/1935 đã làm cho địch hốt hoảng.

Cơ sở cách mạng của nông dân và ngư dân ở cửa Hàn, sông Trà Cầu, Đức Phổ đã tổ chức bảo vệ và tiếp tế cho cuộc hội nghị của ban địa phương chống dịch ở Trung kỳ, có đại biểu của Trung ương về dự Hội nghị có nhiệm vụ phổ biến Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng và chuyển BDPCUTTK thành ban cán sự Nam Trung kỳ.

Những thắng lợi giành được trong những năm 1932-1935 có ý nghĩa vô cùng quan trọng; chứng tỏ, phong trào tuy bị đàn áp khủng bố nhưng vẫn liên tục và sớm khôi phục, để Đảng bộ có cơ sở thuận lợi đưa nông dân bước vào cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Mục tiêu chủ yếu của phong trào những năm này là đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đòi những quyền lợi thiết thực hàng ngày đối với cuộc sống của nông dân, chống dịch khủng bố. Hình thức đấu tranh công khai, trực diện, hợp pháp với địch là chính. Những phong trào đấu tranh đó đã đoàn kết, tập hợp quần chúng giữ vững tinh thần và giành được một số quyền lợi thiết thân cho nông dân, giữ vững mối liên hệ giữa Đảng với nông dân và dân nghèo thành thị, với công nhân trong tỉnh, bước đầu thể hiện sự liên minh công nông, tạo thế và điều kiện cho việc khôi phục và phát triển phong trào đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình trong những năm 1936-1939.

Chương V

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI THAM GIA CAO TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG BỌN PHẢN ĐỘNG THUỘC ĐỊA ĐÒI TỰ DO DÂN CHỦ CƠM ÁO VÀ HÒA BÌNH (1936 - 1939)

Do chính sách khủng bố đàn áp về chính trị, vợ vệt bóc lột về kinh tế của đế quốc Pháp và phong kiến tay sai cộng với thiên tai dồn dập, làm cho đời sống nông dân Quảng Ngãi lâm vào tình thế bần cùng. Giữa lúc đó, tháng 6/1939 Mặt trận bình dân Pháp thắng cử lên nắm chính quyền ở Pháp.

Đảng đã kịp thời chủ trương phát động toàn dân tập trung đánh đổ chế độ phản động thuộc địa, tập hợp các giai cấp đảng phái, dân tộc, đoàn thể chính trị xã hội, tôn giáo... thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương, hướng dẫn các hội phản đế đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp với địch. Đoàn thanh niên phản đế thay cho Đoàn thanh niên cộng sản, Nông hội đổi tên Hội Nông dân phản đế và Cứu tế bình dân thay cho Cứu tế đỏ... Các báo "Nhành lúa", "Hồn trẻ", "Dân chúng" được lưu hành rộng rãi trong nông thôn.

Ngày 1/3/1937, nhân Thượng Nghị sĩ Giuyt-tanh Gô-đa sang Đông Dương để nắm tình hình và thu thập dân nguyện, hàng nghìn đại biểu nông dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng đã xuống đường biểu tình, băng cờ và hàng ngũ chỉnh tề kéo về thị xã Quảng Ngãi, đứng chật dọc quốc lộ 1 từ Bắc cầu Trà Khúc vào tận Cống Kiếu và từ ngã tư thị xã xuống đến cửa Tây tỉnh thành. Khi Gô-đa vừa đến, nông dân biểu tình hô vang các khẩu hiệu, giương cao các biểu ngữ để tỏ rõ ý nguyện của mình. Khẩu hiệu và yêu sách nêu rõ:

- Thi hành các quyền tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do tổ chức, tự do đi lại làm ăn.

- Xóa bỏ án quản thúc cho cựu chính trị phạm, cải thiện chế độ nhà tù, thả hết tù chính trị.

Trước khí thế áp đảo mạnh mẽ, buộc địch phải để cho đoàn đại biểu nhân dân do cụ Trần Kỳ Phong dẫn đầu kéo vào tòa sứ gặp Gô-đa, đưa yêu sách có hàng vạn chữ ký của nhân dân cho Gô-đa chuyển về "Mẫu quốc".

Qua cuộc biểu tình đó, thể hiện phong trào cách mạng của nông dân đã được khôi phục, mối liên hệ giữa Đảng với nông dân vẫn khăng khít, Đảng vẫn là lá cờ hiệu triệu của nông dân.

Bọn địch rất bất ngờ, lo sợ và tức tối tìm cách khủng bố phong trào.

Tháng 5/1937 Tỉnh ủy Quảng Ngãi vạch rõ phương hướng đấu tranh cho quần chúng nhân dân trong tỉnh, nội dung chủ yếu là: Chống bọn phản động thiêu đốt địa. Đòi chia lại công điền, công thổ cho công bằng, hợp lý.

Đòi giảm nợ, giảm tô phụ cho nông dân. Đòi tăng tiền công cho người lao động làm thuê. Đòi giảm thuế điền thổ, thuế môn bài. Đòi bỏ xâu, bỏ thuế thân, "chống phụ thu lạm bổ"...Đồng thời đẩy mạnh vận động nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác xây dựng và phát triển các tổ chức biến tướng, các tổ chức nghề nghiệp như hội trợ táng, nhóm đi núi, nhóm đọc sách báo, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt đập lúa, các tổ vòng đổi công, hội đồng canh, hội bảo trợ tù chính trị...

Đi theo phương hướng trên, nông dân Quảng Ngãi đã bước vào cuộc đấu tranh dưới nhiều hình thức mới.

Tháng 5/1937 trong nông thôn Quảng Ngãi có cuộc vận động tuyên truyền và lấy chữ ký ủng hộ bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (Vinh), đòi nhà cầm quyền phải thỏa mãn những yêu sách của công nhân. Qua cuộc đấu tranh đó, nhận thức của nông dân được nâng lên theo cao trào đấu tranh dân sinh dân chủ của cả nước.

Tháng 6/1937, khi tên toàn quyền Brévié đến Quảng Ngãi, nhân dân Quảng Ngãi cũng đón gập và đưa ra các yêu sách của mình.

Năm 1938 nông dân còn đấu tranh và thuyết phục các ông Võ Hàn (Bình Sơn), Trần Thường (Đức Phổ) và Võ Đình Thụy (Tư Nghĩa) dân biểu Quảng Ngãi tại Viện dân biểu Trung Kỳ phải kiên quyết bác bỏ các dự án thuế phản động tăng thuế thân và thuế điền thổ của bọn thực dân (46).

Cũng trong thời gian này, nông dân Quảng Ngãi còn

tổ chức nhiều đợt lạc quyên, lấy chữ ký ủng hộ phong trào đấu tranh chống phát xít Phơ-răng-cô ở Tây Ban Nha và phong trào kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc.

Đặc biệt trong những năm này phong trào đấu tranh đòi chia lại công điền công thổ nổ ra rầm rộ nhất.

Cả tỉnh Quảng Ngãi có trên 135.000 mẫu ruộng đất trong đó có 25.000 mẫu ruộng đất công (chiếm 18%). Nếu tính cả số 24.460 mẫu nguyên là ruộng đất công bị bao chiếm làm của riêng hay của các nhà thờ họ thì số ruộng đất công chiếm độ 34%⁽⁴⁷⁾. Song lâu nay ruộng đất công thường bị quan lại, lý trưởng, địa chủ tìm mọi cách chiếm đoạt sử dụng phần lớn. Do vậy trong những năm 1937, 1938, 1939 ở Quảng Ngãi đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ, đòi lấy lại những ruộng đất công mà bọn quan lại cường hào đã chiếm. Tiêu biểu cho những cuộc đấu tranh ấy là cuộc đấu tranh của nông dân làng Thi Phổ Nhì (Mộ Đức), làng Hòa Vinh Tây (Nghĩa Hành) và cuộc đấu tranh đòi lại vùng đất công ở xóm Buồng⁽⁴⁸⁾ của nhân dân làng Phước Lộc (Sơn Tịnh).

- Ở Thi Phổ Nhì: Đến tháng 6/1937 công điền, công thổ ở làng Thi Phổ Nhì có 260 mẫu ruộng loại một 40 mẫu ruộng loại hai, và 70 mẫu đất thổ thuộc loại ba, hầu hết nằm trong tay bọn địa chủ cường hào quan viên họ Trần (tiền hiền) và họ Nguyễn (hậu hiền) thao túng sử dụng. Theo lệ làng cứ 3 năm quân cấp lại ruộng đất công. Song khi quân cấp thì bọn cường hào chia lại theo chế

độ “tọa thứ” nghĩa là kẻ có quyền thì được chia gấp đôi, gấp ba, người dân thường và được quyền lấy loại ruộng tốt, ruộng thuận canh, thuận cư (gần nhà và gần đường). Còn nông dân thường thì bị o ép cấp ruộng xấu.

Tháng 5/1937 thực dân Pháp và Nam triều buộc các làng phải có bản hương ước mới. Khi thảo hương ước thì bọn hào lý viết là việc chia ruộng đất công trong làng vẫn theo chế độ tọa thứ như cũ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nông dân lại nổi dậy đấu tranh chống lại việc quân cấp công điền theo chế độ bất công đó, mà đòi phải phân cấp theo chế độ “bất thâm” theo “phì giảm xấu gia”. Nông dân còn đòi phải bớt các phần ruộng dành cho tế tự và lễ nghi, để có thêm ruộng đất chia cho dân nghèo. Chi bộ đảng sở tại đã hướng dẫn nông dân trong làng đồng thời tranh thủ dân biểu Võ Đình Thụy, đòi ông Thụy phải lấy tư cách dân biểu mà ủng hộ nguyện vọng của nông dân.

Khi đơn kêu kiện của nông dân gửi đến huyện, tỉnh thì bọn cường hào trong làng như bang tá Trần Lương, lý trưởng Trần Tuyển được tên tri phủ Lê Định ủng hộ cho lính về bắt giam một số cán bộ cách mạng như Võ Đình, Nguyễn Chuân, Trần Me để uy hiếp, buộc dân làng phải bỏ phiếu tán thành chủ trương chia công điền theo chế độ tọa thứ.

Mặc cho bọn phủ huyện và cường hào thôn xã đe dọa, phong trào vẫn phát triển mạnh. Công sứ Pháp ở Quảng Ngãi tìm cách đối phó phong trào, nhưng không thể nào bào chữa được cho tri phủ Lê Định và cường hào được. Khi tội trạng của chúng đã đăng trên báo chí, tên công

sứ buộc phải giải quyết thỏa đáng yêu sách của nông dân, nhằm hạn chế sự bùng nổ lớn của phong trào.

Trước cuộc đấu tranh quyết liệt và khôn khéo của nông dân địa phương, ngày 16/6/1937 bọn công sứ Pháp, tuần vũ đã cùng dân biểu Võ Đình Thụy về Thị Phố Nhì chủ trì cuộc bầu phiếu lại chủ trương quân cấp công điền. Trước khi bỏ thăm, tuần vũ Hường Dịch đã phải nói: nơi chia công điền công thổ thế nào là tùy ý của nông dân, tỉnh không ép dân theo cách chia của hương lý đã đưa ra.

Kết quả cuộc bỏ thăm, chủ trương chia công điền theo cách bất thăm và lấy phần theo cách “phì giảm xấu gia” được thắng phiếu và các phần ruộng công dành cho tế tự, lễ lạc cũng đều phải giảm bớt với một tỉ lệ nhất định theo đề nghị của nông dân.

Cuộc đấu tranh thắng lợi đã gây tiếng vang tốt đến các phong trào đấu tranh, dân sinh, dân chủ ở nhiều địa phương trong tỉnh lúc bấy giờ.

Ở Hòa Vinh Tây: Sau thắng lợi của cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ của nông dân Thị Phố Nhì, nông dân làng Hòa Vinh Tây, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng cơ sở và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Công Phương (Tỉnh ủy viên), nông dân đã mở cuộc đấu tranh đòi bọn cường hào phải xóa bỏ lối quân cấp công điền theo kiểu “tọa thứ” mà phải chia theo kiểu bất thăm “phì giảm xấu gia”.

Bọn cường hào trước nay chiếm nhiều ruộng đất công như thủ chỉ Nguyễn Liêu, thủ chỉ Võ Lượng, lớn tiếng phản đối đòi hỏi của nông dân, dọa sẽ từ chức, không di

hợp làng và liên kết với bọn mật thám ở tỉnh về đe dọa uy hiếp nông dân. Nhưng cuối cùng chúng cũng phải chấp nhận ý nguyện thấu tình đạt ý của nông dân. Một số lý trưởng và các chức sắc như lý trưởng Trình, chức sắc Nguyễn Khắc Hành, Phạm Bính, Nguyễn Hoàng đều đồng tình đem ruộng đất ra cấp theo ý nguyện của nông dân. Từ chỗ tranh thủ được sự đồng tình của một số chức sắc địa phương, nông dân tiếp tục tranh thủ được sự ủng hộ của viên tri huyện và chánh tổng. Đến ngày quân cấp, tri huyện Lê Hoàng Hà đã ủy nhiệm cho chánh tổng thay mặt mình về làng Hòa Vinh Tây chủ trì việc chia công điền, công thổ theo lối bắt thăm và mỗi người dân đều được nhận phần ruộng đất của mình theo cách “phì giảm xấu gia” như nông dân ở làng Thi Phổ Nhì.

- Còn ở xóm Buồng Phước Lộc: Đây là một dải đất bồi độ 50 ha, thuộc hữu ngạn sông Trà Khúc, nguyên là dải đất công thuộc làng Phước Lộc (Sơn Tịnh) ⁽⁴⁹⁾ từ lâu đã bị cường hào Nguyễn Duệ (Hương Duật) bao chiếm làm của riêng để trồng dâu nuôi tằm, trồng mía... Tháng 12 năm 1937, nông dân làm đơn lên tỉnh đòi bọn Hương Duật phải trả lại đất công ấy về cho nông dân Phước Lộc chia nhau làm ăn. Cuộc đấu tranh đó được Nguyễn Tuyết (hương lý trong làng) ủng hộ. Cuối cùng Tòa án tỉnh Quảng Ngãi buộc bọn Hương Duật phải trả đất ấy về cho làng Phước Lộc làm đất công chia cho nông dân. Tuy bị thua kiện, song bọn Hương Duật dựa thế của bọn mật thám, không chịu trao trả. Nông dân đã bắt trói Hương Duật đem lên tỉnh, y mới chịu trả.

Sau khi đòi được đất, nông dân Phước Lộc đã lập Hội đồng canh, như kiểu ở Trà Bình Trại⁽⁵⁰⁾ để quản lý khai thác dải bãi bồi xóm Buồng đem lại công ăn việc làm cho số dân nghèo. Hội đồng canh xóm Buồng đã tồn tại và hoạt động mãi đến cách mạng Tháng Tám thành công.

Ngoài những cuộc đấu tranh kể trên còn có nhiều cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ khác như ở các làng Bồ Đề, Nghĩa Lập (Mộ Đức), Châu Me (Bình Sơn) đã mang lại quyền lợi thiết thực cho nông dân. Nhờ đó, khối đoàn kết đấu tranh trong nông thôn ngày càng phát triển, khí thế của phong trào nông dân lên cao.

Năm 1938, chính phủ Lê Ông-Bờ-Lum của Mặt trận bình dân Pháp bị đổ. Chính phủ Đa-la-diê ở Pháp ngày càng ngã sang hữu, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương tìm mọi cách chống lại phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình. Cuối năm 1938, sau khi các dự án tăng thuế bị Viện dân biểu Trung kỳ bác bỏ, bọn thực dân Pháp dùng thủ đoạn uy hiếp, đe dọa và mua chuộc các dân biểu lưng chừng, buộc số này phải bỏ phiếu tán thành các dự án thuế phản động của chúng.

Cuộc đấu tranh của nhân dân lao động lại tiếp tục, ngày 5/12/1938 một cuộc biểu tình của đông đảo nông dân vùng Đông huyện Sơn Tịnh kéo lên huyện lỵ phản đối các dự án thuế phản động. Cuộc biểu tình có các khẩu hiệu cụ thể như sau:

- Phản đối các dự án thuế mới, đòi thi hành dự án thuế do Viện dân biểu Trung kỳ đề ra hồi tháng 9/1938.

- Ban bố các quyền tự do dân chủ.
- Toàn xá tù chính trị.
- Tổ chức cho nhân dân tham gia phòng thủ Đông Dương chống phát xít Nhật xâm lược.
- Ủng hộ nhân dân Trung Quốc kháng Nhật.

Cuộc biểu tình kéo lên đến núi Thiên Ấn thì bị thực dân Pháp phái quân đến đàn áp, bắt một số đại biểu. Đoàn biểu tình kéo về chợ Châu Sa mít tinh tuyên truyền các yêu sách. Thực dân Pháp lại kéo quân xuống Châu Sa khủng bố và giải tán.

Phối hợp với cuộc biểu tình ở Sơn Tịnh, trong tỉnh đã nổ ra một vài cuộc biểu tình khác công khai phản đối dự án thuế mới và đòi phòng thủ Đông Dương.

Tiếp theo đó, ngày 25/2/1939 nông dân vùng Châu Me (Bình Sơn) và nông dân một số làng vùng Đông Sơn Tịnh lợi dụng đám hát dầu xuân tại Châu Me để làm cuộc mít tinh và chuyển thành cuộc biểu tình kéo về hướng phủ lỵ Bình Sơn để đưa yêu sách. Khi cuộc biểu tình kéo đến trước đồn Châu Me thì bị lính khố xanh chặn lại nhận yêu sách và giải tán cuộc biểu tình.

Đầu năm 1939, hưởng ứng sáng kiến của Mặt trận dân chủ Đông Dương, nông dân Quảng Ngãi lại tổ chức quyên góp tiền và hiện vật để giúp nhân dân Trung Quốc kháng chiến chống Nhật với khẩu hiệu: Giúp nhân dân Trung Quốc kháng chiến chống Nhật là phòng thủ Đông Dương.

Giữa năm 1939 trong khi đời sống nông dân ngày

càng khó khăn Chính phủ Pháp mượn cớ lo chuẩn bị chiến tranh chống phát xít, đã bắt nhân dân Đông Dương phải mua 40 triệu đồng bạc công trái và phải đóng thêm 10 triệu đồng bạc thuế gọi là “thuế phòng thủ Đông Dương”. Song song với các chủ trương vơ vét bóc lột về kinh tế, bọn phản động thuộc địa Pháp lại bắt đầu hạn chế và bóp nghẹt các quyền tự do dân chủ, đòi dân sinh dân chủ... Các cuộc đấu tranh của nông dân đều bị đàn áp khùng bố, nhiều người bị bắt, bị đày.

Ngày 14/7/1939 nhân kỷ niệm thứ 150 ngày Quốc khánh nước Pháp, hàng ngàn đại biểu nông dân ở khắp các phủ huyện tham gia biểu tình tại sân vận động Quảng Ngãi. Khẩu hiệu chính là phản đối thuế phòng thủ Đông Dương, đòi thi hành các quyền tự do dân chủ, toàn xá tù chính trị... Cuộc biểu tình bị đàn áp, nhiều người bị bắt và bị kết án.

Trải qua 4 năm hoạt động và đấu tranh liên tục của nông dân Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã lôi cuốn được hầu hết nông dân nông thôn vào cuộc chiến đấu chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh. Đặc biệt là phong trào đã giành được một số quyền lợi thiết thực và cụ thể cho nông dân, làm cho mối quan hệ giữa Đảng và nông dân ngày thêm khắng khít.

Nông dân Quảng Ngãi đã góp phần cùng nhân dân cả tỉnh, cả nước tiến hành cuộc tổng diễn tập lần thứ hai mở đường cho cao trào chống chiến tranh, chống phát xít giành thắng lợi trong những năm 1940-1945 và cách mạng Tháng Tám 1945.

Chương VI

PHONG TRÀO CHỐNG XÂU, THUẾ, CHỐNG ÁP BỨC GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ NÚI RỪNG CỦA CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

Sống dưới ách thống trị của bọn thực dân, phong kiến tay sai, đồng bào các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi cũng chịu chung số phận bị áp bức bóc lột nặng nề như đồng bào Kinh ở đồng bằng, đặc biệt là chính sách xâu thuế của thực dân. Pháp đã làm cho đời sống của đồng bào càng xơ xác tiêu điều và điêu linh thống khổ.

Đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ, trong đó có các cuộc khởi nghĩa vũ trang của các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi chống lại các chính sách cướp đất làm đồn điền và bắt xâu đi khai phá đồn điền, đi làm đường, xây công sở, đồn trại, dinh lũy cho bọn thực dân.

Các đồn binh Pháp tại Di Lăng, Sơn Hà, Trà Bồng, bị nhân dân đánh phá nhiều lần. Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, phong trào chống xâu, thuế và giành quyền làm chủ núi rừng của các dân tộc Hre, Cà Dong, Cor...,

đã diễn ra đôn dập dưới nhiều phương thức và qui mô khác nhau.

Từ những năm 1900, đồng bào dân tộc Ba Tư đã nổi dậy do hai ông Đinh Đoàn và Đinh Đầu lãnh đạo đã chống Pháp bắt xâu đi làm đồn ở làng Sếu, có lúc nghĩa quân đã chặn đánh và tiêu diệt bọn dịch đi bắt xâu lấy thuế trong vùng. Năm 1908 khi cao trào chống thuế nổ ra vang dội ở đồng bằng Trung châu thì đồng bào ở châu Ba Tư đã ùn ùn kéo quân xuống tận Đức Phổ để đánh đồn Vạn Lý, tạo nên sức mạnh tổng hợp của hai miền xuôi ngược, gây cho chế độ phong kiến tay sai ở cơ sở bị rung chuyển.

Phong trào chống xâu, thuế ở vùng Sơn Hà, Minh Long, Ba Tư... do ông Đinh Tôm, người làng Nà, tổng Sơn Trung cầm đầu, đã làm cho Pháp mất quyền kiểm soát ở nhiều nơi, không bắt được xâu, không thu được thuế, buộc phải tung quân đi càn quét đánh phá các vùng tự làm chủ của đồng bào. Mãi đến năm 1921 thực dân Pháp mới bắt được các ông Đinh Tôm, Đinh Rin, Đinh Mút đem xử tử để uy hiếp đồng bào. Sau đó đồng bào đã tổ chức "chạy làng" vào rừng sâu để chờ dịp phục thù. Sống trong thế bất hợp pháp ở rừng sâu nhưng đồng bào vẫn tổ chức nhiều đợt kéo xuống đánh bọn quan quân của Pháp và Nam triều ở các vùng Tư Nghĩa, Sơn Tịnh làm cho địch nhiều phen khốn đốn.

Từ năm 1937, phong trào "Nước xu đỏ" được loan đến vùng Đaktô, MangKbút (Kon Tum) rồi loan nhanh về miền Tây Quảng Ngãi bằng hai nhánh : Một nhánh vào vùng Sơn Thượng, Sơn Bao, Sơn Mùa, Sơn Tinh..., đi

vào các vùng Minh Long, Ba Tư. Còn một nhánh loan vào vùng đồng bào Cor ở Trà Bồng, Trà My mà trung tâm là núi Cà Đam do các ông Phó Mục Gia, ông Chân ồng Tài... lãnh đạo. Đến năm 1938 thì phong trào phát triển mạnh với nhiều hình thức phong phú, mạnh mẽ.

Giữa năm 1938, đồng bào ở vùng Sơn Tinh, Sơn Bao... do ông Nhá, ông Nía cầm đầu cùng nổi dậy không chịu đi xâu, không nộp thuế cho Pháp. Phong trào ở buổi đầu còn ở dạng không hợp tác với Pháp song vẫn làm ăn sinh sống các làng cũ một cách nửa hợp pháp. Khi bị khủng bố, đồng bào chuyển phong trào vào cái thế bố phòng bằng chông, thò, cạm bẫy để chống lính Pháp đi lùng... Phong trào loan nhanh sang các vùng đồng bào Hrê ở Minh Long, Ba Tư làm cho bọn thực dân lo sợ tìm mọi cách đánh phá, bao vây kinh tế các vùng mà đồng bào đã chuyển vào thế đấu tranh có vũ trang bất hợp pháp. Từ đó đồng bào sống trong cảnh thiếu muối, hạt giống, vải, rượu, thuốc ... và bắt đầu đau ốm nhiều. Cuối cùng đồng bào phải dần dần chuyển ra sống thế hợp pháp, hứa sẽ đi xâu, nộp thuế... Một số ra sống ở thế nửa hợp pháp và thông qua đồng bào sống hợp pháp để trao đổi nhu yếu phẩm.

Lợi dụng lúc đồng bào ở thế khó khăn, bọn Pháp thực hiện chính sách dụ hàng, hứa nới bớt thuế xâu và phong cho ông Nhá làm chánh tổng và ông Nía làm phó tổng để hòng cai trị được đồng bào Hrê, Cà Dong... nhưng âm mưu ấy không thực hiện được. Hai ông Nhá, Nía một mặt nhận chức, mặt khác tìm mọi cách không để thực dân Pháp cai trị theo ý đồ của chúng. Dưới sự hướng dẫn của các ông Nhá, Nía... Đồng bào khôn khéo khước từ

việc đi sâu, nộp thuế cho bọn thực dân.

Sau năm 1941 bọn Pháp theo phe Đờ-gôn ở Quảng Ngãi - Kon Tum có chủ trương xây dựng căn cứ ở Tây Nguyên để khi cần thì có chỗ dựa chống giặc Nhật. Thực dân Pháp xây sân bay ở vùng làng Ranh, thượng lưu sông Re. Pháp bắt nhân dân trong vùng người Hre là chính, phải đi sâu làm sân bay cho chúng. Bất bình với việc bắt lao dịch cực nhọc không công, đồng bào nổi dậy chống lại thì bị đàn áp. Lập tức đồng bào dùng giáo mác, cung tên, gậy gộc, vây đánh quân Pháp ở sân bay, có lúc gần 300 người đồng loạt đấu tranh bằng vũ trang.

Phong trào đấu tranh của đồng bào Cà Dong, Hre ở vùng Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ cho đến 1945 vẫn còn có nhiều chòm, nhiều làng Pháp chưa chinh phục được nhân dân các dân tộc thiểu số. Ở đó, nhân dân vẫn còn giữ được quyền làm chủ núi rừng.

Ở Trà Bồng, vào mùa hè 1938 đồng bào Cor đã nổi dậy đấu tranh, dưới sự lãnh đạo của phó Mục Gia, làm lễ đâm trâu tế thần để vùng lên khởi nghĩa. Sau khi làm lễ, nghĩa quân chia thành 4 cánh do 4 ông chỉ huy (ông Gia, ông Chân, ông Tài, ông Phú) cùng nhau kéo về đánh đồn Pháp ở châu lỵ Trà Bồng. Đồng bào không thể chấp nhận chính sách áp bức, bóc lột tàn ác của bọn thực dân nên đã nhanh chóng “chạy làng” chuyển thế ăn ở vào núi rừng Cà Đam, triển khai thế trận chông, thò, cạm bẫy, kết hợp với giáo mác tên thuốc độc, dùng chiến thuật phục kích, tập kích nhỏ, chông vây quét dài ngày, làm cho chúng bị thương vong nhiều. Nổi nhất là trận chông càn 1939 ở Gò Rô thuộc xã Trà Phong. Trong trận

này hàng chục tên lính khố xanh đã bị thương vong, làm cho địch phải bỏ chạy về Trà Bồng. Thua trận Gò Rô quân Pháp vẫn ngoan cố tung cả lính khố đỏ, khố xanh bao vây càn quét dài ngày cố bắt cho được nghĩa quân, gây cho nghĩa quân những khó khăn. Cuối cùng các thủ lĩnh nghĩa quân chủ trương chỉ giữ lại 8 làng chỉ cốt sống bất hợp pháp dưới quyền chỉ huy của ông Phó Mục Gia, ông Tài cùng nhau xây dựng làng chiến đấu quanh vùng núi Cà Đam. Còn đại bộ phận ra sống hợp pháp với địch. Số đồng bào sống hợp pháp, hàng ngày bí mật đưa tin, tiếp tế cho đồng bào vùng căn cứ, đồng thời đấu tranh bằng lý lẽ và kiện cáo đòi địch phải cho dân được tự do đi lại làm ăn, trao đổi mua bán, các nhu yếu phẩm như: muối, vải, nông cụ... Nhờ biết chuyển phương châm hình thức đấu tranh, nên thế chiến đấu vùng căn cứ trở nên cơ động và bớt khó khăn hơn trước. Trong những trận đánh chống trả sự bao vây của địch ở vùng Cà Tinh - Nước Vọt vào mùa khô 1942, dưới quyền chỉ huy của ông Thuộc (con trai ông Phó Mục Gia), nghĩa quân đã diệt được nhiều địch, trong đó có tên quan hai Bọt người Pháp (L.Bonte) đồn trưởng đồn Trà Bồng.

Đến tháng 9,10 năm 1942, quân Pháp buộc tên chánh tổng Niêm dẫn đường hành quân càn quét và bao vây tiếp các vùng căn cứ, gây cho nghĩa quân nhiều khó khăn mới. Lúc này địch ráo riết dùng thủ đoạn chia rẽ Kinh - Thượng. Nhưng đồng bào Cor vốn có truyền thống đoàn kết Kinh - Thượng từ xưa, đã nghe và làm theo lời ông Phó Mục Gia thông minh sáng suốt. Ông khẳng định: "Ta nên tập trung tên nà, giáo mác bắn, dâm thẳng vào bọn mũi cao, da trắng, (tức là thực dân Pháp), vào bọn

áo vàng (tức lính khố đỏ, khố xanh) và bọn chó săn dẫn lối, đưa đường..., chớ người Kinh cũng là mồi thấp, da vàng, cũng bị người Pháp bắt xâu, lấy thuế như mình thôi". Nhờ vậy cuộc chiến đấu của đồng bào Cor càng tăng thêm sức mạnh chính nghĩa.

Khi đồng bào thấy địch vẫn tiếp tục đem quân bao vây chặt các căn cứ, gây khó khăn cho nghĩa quân, đồng bào đã chuyển hướng tập kích đốt phá nhà tên chánh tổng Tám gian ác ở cạnh đồn Trà Bồng, rồi nhanh chóng chuyển quân về Trà Dục giết chết hai anh em tên chánh tổng Niêm. Bọn tay sai của Pháp rất khiếp sợ.

Mặc dù vậy, chúng vẫn chưa chịu rút quân, lại đưa ra chính sách và luận điệu dụ hàng. Ông Phó Mục Gia đã tuyên bố "Người Cor thà chết rục như lá rừng, chứ không bao giờ đầu hàng Pháp, người Cor quyết chống Pháp đến cùng!". Dũng khí đấu tranh của người thủ lĩnh đã có sức động viên lớn đối với đồng bào và nghĩa quân trong cuộc chiến đấu với kẻ thù.

Tháng 3/1945 Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương, quân địch phải rút về Trà Bồng. Cuộc vây quét căn cứ của người Cor mà quân Pháp thực hiện trong gần 7 năm ròng đã hoàn toàn thất bại.

Như vậy cuộc chiến đấu của đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi đã phối hợp tuyệt đẹp với cuộc chiến đấu chung của nhân dân trong tỉnh và của cả nước tiếp tục góp phần xứng đáng vào phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp và tay sai, tạo thế và lực cho cuộc tổng khởi nghĩa vào tháng 8 năm 1945 lịch sử trong tỉnh.

Chương VII

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRONG CAO TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Tháng 9 năm 1939 chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 9 năm 1940 đế quốc Pháp quỳ gối đầu hàng và dâng xứ Đông Dương cho phát xít Nhật. Nhân dân ta lâm vào cảnh “một cổ đôi trùng”. Cả nước ta càng sôi sục hờn căm, quyết tiếp tục đứng lên đấu tranh để giành thắng lợi mới.

Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách cai trị thời chiến, đánh phá điên cuồng vào các phong trào cách mạng của quần chúng. Ý thức dân tộc trong nông dân và các tầng lớp nhân dân lại trở dậy mạnh mẽ hơn.

Cuối tháng 12 năm 1939 thực dân Pháp tăng cường chiêu mộ các loại lính để đẩy sang “nước mẹ” cung ứng cho cuộc chiến tranh Pháp- Đức.

Khi các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1940), Nam Kỳ (11/1940) và Đô Lương (1/1941) nổ ra thì Pháp lại càng bất bớ và quần thúc nhiều cán bộ cách mạng, chúng lập

một số căng “an trí” để giam cầm những người cộng sản. Nhân dân trong tỉnh chịu nhiều tầng áp bức bóc lột, cuộc sống vô cùng cơ cực, càng căm thù giặc cao độ, mọi người đang mong chờ cách mạng.

Năm 1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc đã được thành lập và hoạt động mạnh trong toàn quốc. Các chiến sĩ cộng sản ở nhà tù đã tìm cách thoát tù đã về các địa phương hoạt động theo đường lối mới. Mùa hè năm 1942 đồng chí Hoàng Tấu đã từ nhà tù Buôn Mê Thuột bị dịch đưa về Ba Tơ, đã cùng các đồng chí “an trí” ở căng Ba Tơ hình thành trung tâm lãnh đạo cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi.

Đầu năm 1942, ở huyện Bình Sơn đã hình thành tổ “Nông dân cứu quốc” đầu tiên do đồng chí Thùy và Đào Thuần Thang tổ chức. Các hội viên tích cực hoạt động rải chương trình Việt Minh trên quốc lộ 1 từ Liên Trì đến Cầu Cháy (Bình Hiệp, Bình Sơn). Sau đó nhiều truyền đơn, lời kêu gọi và cờ đỏ sao vàng được treo và rải nhiều nơi như An Diêm (Bình Sơn), Núi Bút (Tư Nghĩa), Vĩnh Hưng, Chợ Cung (Đức Phổ), Cầu Cát, La Hà (Nghĩa Thương, Tư Nghĩa), Tịnh Ấn (Sơn Tịnh). Những hoạt động đó đã bắt đầu khơi dậy phong trào cách mạng của quần chúng, gây tiếng vang rộng trong toàn tỉnh, ảnh hưởng của Đảng và Việt Minh lên mạnh.

Cũng trong thời gian này kẻ địch tăng cường đánh phá phong trào. Một số hội viên nông dân tích cực và

đảng viên trung kiên bị sa lưới địch ⁽⁵¹⁾. Tuy vậy hầu hết cán bộ đảng viên và hội viên đều giữ vững khí tiết cách mạng, nung nấu tinh thần đấu tranh chờ ngày khởi phát. Phong trào Việt Minh trong tỉnh ngày càng phát triển.

Đang trong lúc tình hình căng thẳng thì được tin Hồng quân Liên Xô thắng lợi ở Xtalingrát, lực lượng đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương, và đặc biệt là quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã làm chủ và xây dựng vùng Cao-Bắc-Lạng thành căn cứ địa cách mạng đã tạo nên không khí vô cùng phấn khởi trong mọi tầng lớp nhân dân.

Đêm 9/3/1945 Nhật hất cẳng Pháp. Tranh thủ thời cơ đúng sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi. Các đồng chí căng an trí Ba Tư đã kịp thời lãnh đạo nông dân và nhân dân nổi dậy làm nên cuộc khởi nghĩa ở Ba Tư vào ngày 11/3/1945.

Cuộc khởi nghĩa Ba Tư nổ ra và thắng lợi đã chứng minh tinh thần cách mạng của đông đảo nông dân Kinh - Thượng Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong những giờ phút sôi động ấy đồng bào dân tộc ở Cơ Nhứt, Cơ Nhì, Cơ Ba...vô vùng phấn khởi, từ nửa đêm 11/3 đến sáng ngày 12/3/1945 đã nổi chiêng trống liên hồi, hò reo vang dội, mang theo các loại vũ khí, đèn đuốc sáng bưng trên khắp các ngã đường đổ về thị trấn. Khi trời bừng sáng đồng bào tập trung chính tề trước đồn khố xanh theo từng cơ, tổng, xã tham dự cuộc mít tinh lớn. Trước khí thế hào hùng của cuộc mít tinh, đội du kích và đồng

bào tham gia khởi nghĩa giương súng và các loại vũ khí cầm tay nghiêm trang đứng trước lá cờ đỏ sao vàng đang được long trọng kéo lên giữa bầu trời Ba Tơ cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ được thành lập, ra bản tuyên cáo và ban hành các quyền tự do dân chủ cho đồng bào, xóa bỏ các khoản nợ do tề cho vay nặng lãi trong thời kỳ đế quốc phong kiến còn lại và đem tất cả các tài sản thu được gồm chiêng, ché, nồi đồng, quần, áo, vải, ngựa, dê, thóc, gạo..., vừa tịch thu được chia hết cho đồng bào nghèo các dân tộc Kinh - Thượng, rồi làm lễ ăn thề đoàn kết và chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và bóc lột.

Ngày 14/3/1945, khi được tin quân Nhật kéo lên đàn áp lực lượng khởi nghĩa, chính quyền cách mạng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chuyển vào bí mật. Đội du kích Ba Tơ đã chuyển lên vùng núi Cao Muôn để xây dựng lực lượng, xây dựng chiến khu, phát triển thắng lợi cuộc khởi nghĩa ngày càng rộng lớn hơn.

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM THÀNH CÔNG

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi đã có ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Về phía địch, phát xít Nhật dùng chính sách mị dân, cùng với các nhóm hoạt động chính trị phản động, lợi dụng tình hình phức tạp, đưa ra những luận điệu lừa bịp, hòng thực hiện âm mưu dựng lên chính quyền tay sai bán nước, để thực hiện chính sách nô dịch của chúng.

Cuối tháng 3/1945 Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã triệu tập một cuộc họp ở Gò Huyện (Mộ Đức) để đánh giá tình hình và bàn chương trình hành động cụ thể.

Lúc này các cơ sở Việt Minh và Ủy ban vận động cứu quốc ở các cấp xã, vùng, tổng, huyện đã nhanh chóng phát triển rộng khắp trong tỉnh. Thanh thế của Việt Minh và Đội du kích Ba Tư càng lan rộng mạnh, vừa làm cho Nhật và tay sai lo sợ vừa có sức hút đối với hầu hết nông dân và nhân dân lao động, tạo thuận lợi chưa từng có cho yêu cầu xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng.

Số hội viên các hội cứu quốc, mà đông nhất là Hội nông dân cứu quốc, đã từ 11.000 trong tháng 5/1945 lên 7 vạn trong tháng 6/1945. Đến tháng 7/1945 đã phát triển 11 vạn người. ⁽⁵²⁾

Đội du kích cứu quốc Ba Tư từ các chiến khu Nước Sung, Nước Lá vùng núi Cao Muôn Ba Tư tiến về đồng bằng hoạt động phát triển thành hai đại đội và xây dựng lại chiến khu ở Bắc và Nam tỉnh. Nông dân đã hăng hái tham gia lực lượng vũ trang cách mạng gồm hàng ngàn đội viên tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích. Hai đại đội du kích Ba Tư (Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám) đã thường xuyên cử một số chiến sĩ về các vùng nông thôn huấn luyện tự vệ cứu quốc và du kích cứu quốc và tham gia phát động nông dân đấu tranh chống Nhật, làm cho phong trào nông thôn có bước phát triển mới, không khí cách mạng ở nông thôn náo nhiệt hẳn lên.

Nông dân toàn tỉnh đã hưởng ứng thực hiện chỉ thị của "Ủy ban vận động cứu quốc của Tổng bộ Việt Minh"

(Tỉnh ủy Quảng Ngãi) qui định nội dung, phương hướng và kế hoạch vận động và quản lý tài chính, lấy ngày 27 âm lịch hàng tháng, làm ngày “mua khí giới” để động viên nông dân quyên góp ủng hộ các lực lượng vũ trang cách mạng.

Thực hiện các chủ trương về tài chính quân nhu nói trên của Đảng, từ tháng 6/1945 đã có phong trào quyên góp chuyển quân lương và phong trào tòng quân trong nông dân phát triển rất nhộn nhịp.

Phong trào cách mạng càng lên cao thì hệ thống ngự quyền của Nhật và Pháp để lại ở cơ sở, làng, xã tổng ở trong tỉnh càng tan rã nhanh. Nhiều nơi tổng lý đã giao sổ sách hộ tịch và đồng triện cho Nông hội hoặc Ủy ban vận động cứu quốc địa phương quản lý, hoặc họ hoạt động dưới sự điều khiển của cán bộ cách mạng. Ở một vài phủ huyện, tri huyện và nha lại chỉ hoạt động cầm chừng, có người liên hệ với cách mạng, hoạt động bí mật cho cách mạng. Từ tháng 6/1945 trở đi ở Quảng Ngãi có nhiều vùng nông thôn do lực lượng cách mạng làm chủ với nhiều mức độ khác nhau. Quân Nhật và chính quyền tay sai thực tế chỉ còn bám giữ ở thị trấn, thị xã và các trục lộ chính. Ngay tại các nơi này chúng cũng không còn kiểm soát được, cán bộ cách mạng vẫn đi lại hoạt động dễ dàng, gần như nửa công khai. Điều đó chứng tỏ chế độ thống trị của ngoại bang phong kiến tay sai đã đến ngày tàn. Vấn đề chuẩn bị những điều kiện cho cuộc nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã được đặt ra cấp bách.

Tỉnh ủy có một loạt chủ trương mới, trong đó đặc biệt

là chính đốn các Ban chấp hành của Hội Nông dân cứu quốc và các đoàn thể khác, nhằm tạo ra khả năng mới lôi cuốn quảng đại quần chúng trong tỉnh xông lên khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Lúc này hệ thống chỉ đạo các đoàn thể quần chúng đã được hình thành ở hầu khắp xã, tổng, phủ, huyện, riêng các giới nông dân, thanh niên, phụ nữ... đã lên đến cấp tỉnh, số lượng chất lượng hội viên đều tăng lên, khí thế sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa thể hiện rất rõ. Lực lượng du kích cứu quốc Ba Tư đã được bổ sung, huấn luyện tương đối chu đáo: Đại đội Phan Đình Phùng ở chiến khu Vĩnh Tuy đã có 600 chiến sĩ, và đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn đã có gần 400 chiến sĩ, hầu hết là xuất thân từ nông dân lao động. Lực lượng tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích ở các vùng nông thôn đã được triển khai trên diện rộng. Cơ sở cách mạng trong binh lính địch đã được phát triển khá. Công chức, hạ sĩ quan, thân hào, thân sĩ, linh mục... cũng bắt đầu ngã về phía cách mạng ngày càng nhiều. Trong tỉnh đã nổi lên cái thế gần như hai chính quyền song song tồn tại.

Đến cuối tháng 7/1945 tình thế cách mạng đã gần chín muồi. Cả tỉnh Quảng Ngãi đã hội nhập những điều kiện chủ quan sẵn sàng nổi dậy khi thời cơ đến.

Ngày 9/8/1945 Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật.

Ngày 14/8/1945 Nhật đầu hàng đồng minh.

Tỉnh ủy đã kịp thời phát ra hai chỉ thị số 8 và số 9 ra lệnh cho đoàn thể các lực lượng chính trị vũ trang cách mạng trong tỉnh vùng lên khởi nghĩa giành chính

quyền về tay nhân dân.

Thi hành mệnh lệnh khẩn cấp của Tỉnh ủy, nông dân làng Thi Phổ Nhì (nơi cơ quan Tỉnh ủy đóng) đã vang lên tiếng trống khởi nghĩa, rồi loan chuyển âm vang nhanh chóng khắp nơi trong tỉnh. Hàng chục vạn nông dân trong tỉnh đã cùng các lực lượng cách mạng từ các chiến khu làng xã, thị trấn, thị xã triển khai thế trận chuẩn bị ào ạt tấn công vào sào huyệt của kẻ thù. Lực lượng quần chúng nông dân có vũ trang đã phối hợp với các lực lượng trong toàn tỉnh vùng lên tổng khởi nghĩa. Diễn biến cụ thể như sau:

Vào đêm 14 rạng ngày 15/8/1945 nông dân khắp nơi trong tỉnh đã nổi dậy thị uy biểu tình có vũ trang, vây bắt tổng lý và bọn tay sai ngoan cố, tịch thu toàn bộ hồ sơ, công quỹ, đồng triện của ngụy quyền thôn xã, rồi ùn ùn kéo lên vây chiếm các phủ, huyện, châu lý, bắt ngụy quyền các phủ lý phải giao nộp toàn bộ hồ sơ sổ sách ấn tín, ngân quỹ cho cách mạng. Riêng tại châu Ba Tư, quần chúng đã phối hợp với cơ sở cách mạng trong binh lính địch chiếm đồn khố xanh, tước vũ khí rồi mới kéo đến chiếm trụ sở ngụy quyền. Ở Sơn Hà, Trà Bồng có lực lượng du kích Ba Tư tham gia với đồng bào. Cuộc khởi nghĩa ở thị xã được tiến hành từ vòng ngoài và tiến vào nội thành.

Ngày 15/8/1945, ta và Nhật đã thỏa thuận ký một bản hiệp ước với Ban khởi nghĩa tỉnh Quảng Ngãi, thỏa thuận giao chính quyền cho ta, rút quân về Đà Nẵng chờ ngày về nước.

Vào sáng ngày 30/8/1945 hàng chục vạn nhân dân toàn tỉnh đã kéo về thị xã Quảng Ngãi để chứng kiến ngày hội ra mắt của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh do đồng chí Trần Toại làm Chủ tịch.

Các đoàn thể nhân dân trong những ngày khởi nghĩa đã bùng lên khí thế cách mạng sôi động nhất; các đội tự vệ du kích từng xã đã tăng cường củng cố và phát triển rộng rãi, hăng say luyện tập suốt ngày đêm. Mọi ngã đường đều được canh phòng cẩn mật. Các lò rèn của nông dân hào hứng sản xuất hàng loạt gươm giáo phục vụ cho các lực lượng vũ trang cách mạng.

Trong những ngày vui thắng lợi lịch sử này nhân dân đã thể hiện sức sống mãnh liệt “ngày hội của dân tộc” sau bao nhiêu năm bị dồn nén. Nông dân say sưa hội họp, mít tinh, ca hát biểu tình, tuần hành, luyện tập quân sự, tận dụng tất cả tiềm năng, sức lực và vũ khí có thể có, để phục vụ cho cách mạng. Mọi người đều gọi nhau bằng “đồng chí” và chào nhau bằng khẩu hiệu “hy sinh vì Tổ quốc” - Lời thề bất tử của đội quân du kích Ba Tư.

Một cuộc đời cho nông dân đang trào dâng sức sống. Mọi thói hư tật xấu, hủ tục bị đẩy lùi, nhường chỗ cho nếp sống văn minh, lành mạnh đang dâng lên. Từ nông thôn đồng bằng, đến làng nóc vùng núi và thành thị...đâu đâu cũng vang lên những bài ca tiếng hát ca ngợi cách mạng, ca ngợi Bác Hồ, chào mừng cách mạng thắng lợi.

Nông dân Quảng Ngãi đã phát huy được truyền thống cách mạng của tiền nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tỏ rõ lòng trung thành và sức sống quật cường làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng, đã huy động toàn lực để giành thắng lợi có tính chất lịch sử góp phần làm rạng rỡ thêm cho quê hương Quảng Ngãi, một tỉnh nghèo về kinh tế nhưng rất giàu lòng yêu nước và dũng khí đấu tranh.

Phần thứ ba

**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
CỦA NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
1945 - 1954**

Chương VIII

**NÔNG DÂN THAM GIA XÂY DỰNG VÀ
BẢO VỆ CHẾ ĐỘ MỚI, CUỘC SỐNG MỚI,
THAM GIA KHÁNG CHIẾN 1945 - 1954**

Ngày 2/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” lịch sử tại Quảng trường Ba Đình, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Nông thôn cả nước ta rực rỡ cờ hoa thắng lợi, chào

mừng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Trong những ngày độc lập đầu tiên ấy đã làm hồi sinh một dân tộc sau gần một thế kỷ sống trong đêm đen nô lệ. Song Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đang phải đương đầu với muôn vàn khó khăn do Pháp, Nhật gây ra. Ở Bắc bộ gần 2 triệu người bị chết đói, hàng triệu người sống trong cảnh màn trời, chiếu đất, tóc tang⁽⁵³⁾. Nước đã độc lập nhưng 90% nông dân mù chữ; giữa lúc đó, ở miền Nam, hơn 5.000 quân Anh tràn vào giải giáp quân Nhật, nhưng lại giúp thực dân Pháp tái xâm lược nước ta một lần nữa. Chúng đã gây hấn ở Nam bộ ngày 23/9/1945. Ở miền Bắc hàng vạn quân Tàu Tưởng cũng ào ạt kéo vào giải giáp quân Nhật nhưng lại thực hiện âm mưu thủ đoạn hòng bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân ta.

Đứng trước tình hình “ngàn cân treo sợi tóc” đó, ngày 25/11/1945 Trung ương Đảng ta đã kịp thời ra chỉ thị “Kháng chiến và kiến quốc”, kêu gọi nhân dân cả nước bước vào cuộc chiến đấu mới.

Đảng và Chính phủ ta do Hồ Chủ tịch đứng đầu đã hết sức bình tĩnh, sáng suốt lo mọi việc nội trị, ngoại giao..., đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bao sóng to, ghềnh thác để đến bến bờ vinh quang.

Ở Quảng Ngãi khá đông thanh niên nông dân đã tình nguyện xung phong vào các đơn vị giải phóng quân, vệ quốc đoàn đi vào Nam chiến đấu. Chỉ trong những ngày đầu đã có 10 chi đội với 15.000 quân vào Nam kháng chiến. Những lời thơ cổ động được thanh niên học thuộc và thách nhau :

*"Làm trai chưa biết trận tiền
cũng như lá úa ngoài hiên rụng buồn."*

Và cứ 100 chiến sĩ đã có 85 người xung phong ra trận 18.000 quân gồm 10 chi đội đã lên đường vào Nam giết giặc. Điều đó nói lên khí thế của cao trào cách mạng lúc bấy giờ.

Ở Quảng Ngãi lúc này cũng chịu ảnh hưởng chung của cả nước, khó khăn phức tạp vẫn diễn ra hàng ngày. Chính quyền nhân dân vừa mới thành lập còn thiếu thốn mọi thứ. Các đoàn thể quần chúng, nhất là nông dân vừa hình thành còn nhiều yếu kém. Hậu quả của chế độ đế quốc, phong kiến để lại rất nặng nề. Nạn đói bắt đầu xảy ra đối với nông, ngư dân vùng ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ và nông dân các huyện miền núi Trà Bồng, Ba Tơ...

Các phe nhóm, đảng phái chống đối và phản động cũng trở dậy hoạt động như Quốc dân đảng, "Thế giới cách mạng đảng" của Trần Kỳ Truyện...⁽⁵⁴⁾

Chính quyền cách mạng các cấp phát huy chức năng chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên quyết bắt giữ những tên phản động ngoan cố chống phá cách mạng, đồng thời sẵn sàng khoan hồng cho những người lầm đường lạc lối biết ăn năn hối cải. Do vậy các tổ chức phản cách mạng lần lượt bị tan rã. Phong trào cách mạng của nhân dân ngày càng lên cao, các Hội cứu quốc của nông dân và các tầng lớp khác ngày càng phát triển mạnh mẽ và được tổ chức thống nhất khắp tỉnh.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương tịch thu ruộng đất

của thực dân Pháp và bọn Việt gian, đem cấp cho nông dân thiếu ruộng cày cấy; chia lại công điền, công thổ; vận động nông dân đấu tranh đòi địa chủ thực hiện giảm tô, xóa bỏ các món nợ lâu đời; xóa bỏ các hủ tục mê tín dị đoan; thực hiện quyền nam nữ bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh; xây dựng nền văn hóa giáo dục mới, phát động phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho nhân dân.

Ngay sau khi chính quyền vừa mới được thành lập, “hợp tác nông dân” tỉnh cũng được thành lập. Các huyện xã đều có chi cuộc “Hợp tác nông dân”. Đây là nơi tiêu thụ các sản phẩm và tiếp tế hàng hóa cho đồng bào trong tỉnh, tránh được nạn đầu cơ tích trữ của tư thương. Lúc mới thành lập “Hợp tác nông dân” có 8000 cổ phần với số vốn 1.500.000 đồng, chỉ sau gần 1 năm hoạt động cả vốn lẫn lãi đã lên đến 2.300.000 đồng.

Người nông dân được hưởng những quyền lợi về tự do dân chủ do cách mạng đưa lại. Muốn người như một, hưởng ứng nhiệt liệt và hăng hái thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng và chính quyền cách mạng.

Thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ về việc chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm để đưa đất nước thoát ra khỏi hiểm họa. Bác nói “giặc đói, giặc dốt là bạn đồng minh của giặc ngoại xâm”.

Nông dân trong tỉnh nô nức thi đua phát triển sản xuất thực hiện khẩu hiệu “sinh sản là cứu quốc”, nông dân ngoài sản xuất lúa còn ra sức trồng màu, nhất là mì lang và các rau màu khác. Vì vậy không những tự giải quyết lương thực cho địa phương mà còn đóng góp tích cực để nuôi quân và ủng hộ mặt trận kháng chiến ở phía

Nam. Mỗi nhà nông dân đều có “hũ gạo tiết kiệm”, mỗi tuần đều có một bữa “đồng tâm” nhin ăn để tiết kiệm gạo cứu đói.

Nông dân khắp nơi trong tỉnh đã dấy lên phong trào tặng gia sản xuất, theo lời động viên của Bác Hồ “Tặng gia sản xuất, tặng gia sản xuất ngay, tặng gia sản xuất nữa !”⁽⁵⁵⁾. Nông dân đẩy mạnh thâm canh, phát động phong trào làm phân chuồng, phân xanh, phân bắc, nhiều nhà làm hố xí hai ngăn, ví tro hố tiểu để lấy phân bón ruộng. Ở miền núi thì trên các nương rẫy từ Trà Bồng đến Ba Tư đều trồng sắn, khoai, vớ hoang trồng thêm hoa màu ngắn ngày, đào ao, vét giếng, đắp đập, đào mương..., muôn người như một hăng say lao động đưa sản xuất trong tỉnh ngày càng phát triển...

Để có tiền mua súng đạn phục vụ kháng chiến, Trung ương Đảng đã phát động đồng bào cả nước tham gia lạc quyền vàng trong một tuần lễ gọi là “tuần lễ vàng”. Đáp lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, nông dân Quảng Ngãi không những ủng hộ vàng mà còn đóng góp cả bạc trắng và bạc đồng. Trong buổi khai mạc “tuần lễ vàng” nhiều phụ nữ nông dân đã ủng hộ ngay đôi hoa tai, vòng kiềm, đôi xuyên kỷ niệm của đời mình. Có người mang cả nồi đồng, xanh đồng ra góp vào quỹ chống ngoại xâm. Cả tỉnh Quảng Ngãi đóng góp được hơn 52 kg vàng, 14 tấn đồng và 107 kg bạc trắng⁽⁵⁶⁾, góp phần giải quyết khó khăn về tài chính cho Chính phủ. Kết quả này thể hiện rõ lòng yêu nước của nông dân và đồng bào Quảng Ngãi.

Từ ngày 17 đến ngày 24/9/1945 chính quyền của tỉnh đã huy động 100 tấn gạo, 1000 tấn muối và bán lẻ 100 tạ muối, 150 tấn gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện

Trà Bông, Ba Tơ... Nhiều nơi nhân dân tình nguyện ăn cháo, ăn khoai để quyên góp nhiều nhất cho cách mạng. Ngoài việc đảm bảo nuôi dưỡng bộ đội trong tỉnh, nhân dân Quảng Ngãi còn đóng góp 2000 bộ quần áo, 506 chiếc mền, 200 cây vải, 37 đôi giày và 9000 đồng bạc ủng hộ các đơn vị cách mạng như Trường quân chính Khu V, Trung đoàn 68, Đại đội 31 trong thời gian đóng quân ở Quảng Ngãi.

Đầu năm 1946 “Hội đồng canh” đã được thành lập nhằm giúp đỡ bản cố nông tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống. Các trại nhà nghèo cũng được xây dựng. Nông dân Quảng Ngãi còn ra sức hưởng ứng các ngày đồng tâm cứu đói, góp được 600 tấn gạo, góp phần cứu đói cho đồng bào miền Bắc. Chỉ trong ngày đầu tiên nhịn ăn đã góp được 12.642 đồng và 70 tấn gạo. Đóng góp cho ngày Nam bộ kháng chiến được 102.884 đồng, trong tuần lễ “binh sĩ bị nạn” góp 10 vạn đồng.

Mặt khác hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ về phát động phong trào bình dân học vụ để giải thoát cái nhục của một nước mà hơn 95% nông dân mù chữ. Đây là lực cản lớn cho việc phát huy vai trò làm chủ của nông dân trong sự nghiệp “kháng chiến và kiến quốc”. Qua thời gian vận động, đến đầu năm 1946 trong tỉnh đã có hàng ngàn lớp học, hàng vạn học sinh. Song song với phong trào “bình dân học vụ” các trường tiểu học (cấp I), trung học (cấp II, III) cũng ra đời đáp ứng nhu cầu học văn hóa của nhân dân. Ở đảo Lý Sơn cách đất liền 25 km cũng có 20 lớp học bình dân. Đầu năm 1947 xã Bình Chánh (Bình Sơn) là xã đầu tiên thanh toán nạn mù chữ, được Liên khu V khen thưởng.

Sau đó xã Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa), xã Trà Giang (Trà Bông) cũng được công nhận thanh toán nạn mù chữ vào năm 1948, 1949. Quảng Ngãi là một trong 10 tỉnh thanh toán nạn mù chữ sớm nhất trong cả nước, được Chính phủ khen ngợi.

Hầu hết nông dân được đi học, đó là một trong những nét biểu hiện cho khí thế của một dân tộc đang trỗi dậy và vươn lên làm chủ vận mệnh của dân tộc và đất nước; biểu hiện ưu việt của chế độ mới.

Để góp phần xây dựng bộ máy chính quyền thực sự là của dân, do dân và vì dân, ngày 6/1/1946 nông dân Quảng Ngãi cùng công dân cả tỉnh, cả nước phấn khởi và hăng hái đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Và ngày 17/2/1946 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi công dân bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân xã. Đặc biệt là từ tháng 4/1946 khi Mặt trận liên Việt ra đời, hầu hết ở xóm làng đã hình thành “Hội thập gia liên Việt”⁽⁵⁷⁾ nhằm thắt chặt tình đoàn kết các tầng lớp nhân dân động viên nhau tham gia công tác xã hội góp phần vào sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc”.

Trong toàn thể nông hội và bà con nông dân, phong trào sản xuất tự cấp, tự túc ngày càng phát triển mạnh mẽ. Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất lương thực, nhà nào cũng thực hiện chỉ tiêu trồng rau, nuôi gà, trồng dâu hoặc bông để dệt vải. Những dải đất phì nhiêu dọc theo hai bờ sông Trà Bông, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Cầu..., phủ kín màu xanh có kế hoạch đóng góp nuôi quân. Học sinh có “con gà kháng chiến” các mẹ, các chị có “con heo kháng chiến” nông dân thanh niên có “cây đu đủ, cây

chuối kháng chiến”, các cụ phụ lão có “bụi mía kháng chiến”. Chủ trương phát triển kinh tế tự cấp tự túc của Đảng lúc bấy giờ đã đi ngay vào cuộc sống của mọi lớp người mà nhất là nông dân.

Việc sản xuất và bảo vệ sản xuất lúc này gắn chặt với ý thức thực hành tiết kiệm. Các đoàn thể đã vận động nông dân thực hiện ăn cơm độn ngô, khoai, sắn từ lúc đầu mùa gặt tăng cường phát triển các loại rau ngắn ngày. Chính quyền cấm nhân dân nấu rượu bằng gạo, vận động nông dân không làm bún, bánh bằng gạo, khuyến khích chế biến các thức ăn từ màu. Nhờ vậy mà đến lúc giáp hạt nông dân vẫn còn gạo ăn.

Ngoài ra còn có hình thức đóng góp bằng mua công phiếu kháng chiến, lập quỹ kháng chiến được nông dân hưởng ứng nhiệt liệt.

Cùng với việc củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng trong đó có Hội nông dân cứu quốc đã được củng cố và phát triển. Qua các đại hội nông dân cứu quốc từ cơ sở đến xã, huyện và tiến hành bầu đại biểu Hội nông dân cứu quốc tỉnh (6/1946), đại biểu bầu ra Ban chấp hành Hội nông dân cứu quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất do đồng chí Huỳnh Việt làm Bí thư.

Như vậy trải qua hơn một năm, biết bao khó khăn vất vả về mọi mặt nhưng nông dân Quảng Ngãi đã sẵn sàng vượt qua, nâng cao tinh thần cách mạng trong việc đóng góp sức người, sức của khá lớn cho công cuộc kháng chiến kiến quốc toàn quốc tạo nên cuộc sống sôi động hào hứng, thực hiện nghĩa vụ của người dân làm chủ đất nước, quê hương.

Chương IX

NÔNG DÂN THAM GIA BẢO VỆ VÙNG TỰ DO, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, GIỮ GÌN TRẬT TỰ TRỊ AN TRONG THÔN XÓM 1947 - 1950

Nhân dân ta hưởng không khí độc lập tự do chưa được bao lâu, lại phải bước vào cuộc chiến đấu mới. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai bùng nổ. Ngày 19/12/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với ý chí sắt thép “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” !⁽⁵⁸⁾

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nông dân toàn tỉnh dấy lên cao trào cách mạng mới. Nhiệm vụ cấp thiết của nông dân trong tình lúc này là ra sức sản xuất, tự túc lương thực, thực phẩm và góp phần chi viện cho tiền tuyến. tích cực bố phòng và sẵn sàng chiến đấu, lập ban tản, tiếp cư các cấp, phá đường giao thông và cầu cống không cho quân địch di chuyển. Hầu hết nông dân đều dùng cuộc xẻng, thuổng, xà beng tham gia phá đường để kháng

chiến. Chẳng bao lâu quốc lộ 1A từ cầu Châu Ổ đến Sa Huỳnh, đường 5A từ Thạch Trụ đi Ba Tư, đường 5B từ thị trấn Sơn Tịnh đi Sơn Hà và các đường quan trọng khác đều bị phá từng đoạn, nhiều cầu bị phá sập, nhiều chướng ngại vật dựng lên, nhiều cây to dọc đường đã bị chặt ngã. Nhiều giao thông hào liên hoàn qua các xã cũng được đào đắp khẩn trương. Tuyến chiến đấu ở đèo Mỹ Trang (Đức Phổ) được hình thành vững chắc. Nhiều thôn xã nông dân đã cải tạo địa hình, rào các đường chính vào làng. Các cơ quan huyện, tỉnh sơ tán về nông thôn. Các cấp khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, lập Ủy ban kháng chiến hành chính. Xây dựng các chiến lũy trên các tuyến đường quan trọng, sản xuất nhiều loại vũ khí thô sơ, tự tạo bố trí chông mìn cam bẫy để đánh địch. Nhiều lần địch dùng máy bay ném bom phá cầu, nông dân tham gia sửa chữa ngay; địch đánh phá đầu máy xe lửa thì nông dân tham gia cùng công nhân đường sắt đẩy toa tàu đi tới (lúc bấy giờ gọi là xe gôn hoặc cam-nhông-ray).

Đi đôi với việc phá hoại các con đường, nhà cửa một số thị trấn, thành Quảng Ngãi cũng được huy động nông dân các huyện phá dỡ ngày đêm trong một tháng với hàng triệu công.

Ngày 12/5/1947, thực dân Pháp cho 2 máy bay đến bắn phá trường học và huyện lỵ Bình Sơn, nhưng do ta đã có hầm hào trú ẩn, nhân dân đã sơ tán trước nên tổn thất không đáng kể. Sau đó giặc Pháp vẫn tăng cường đánh phá ác liệt nhưng nông dân vẫn bình tĩnh bám đất, bám làng vừa sản xuất, vừa chiến đấu.

Trong lúc này, nông dân cùng với các tầng lớp nhân

dân trong tỉnh đã tích cực giúp đỡ đồng bào Quảng Nam-Đà Nẵng tản cư vào khá đông. Nhiều gia đình tản cư đã những chỗ ăn ở và tham gia kháng chiến hoặc làm các ngành nghề để sinh sống.

Nông dân toàn tỉnh tích cực khai hoang, phục hóa, thực hiện “tác đất tác vàng” ra sức thâm canh các loại cây lương thực như : lúa, mì, lang, bắp..., phát triển các loại rau, củ... biến bờ hào chiến lũy thành bờ lang hàng mì xanh tốt.

Để đảm bảo nước phục vụ các loại cây trồng, năm 1947 nông dân cùng nhau đóng góp công sức xây dựng các công trình thủy lợi như : nông dân Bình Sơn đóng góp mỗi người 5 ang lúa để đắp đập Cà Ninh, ngăn nước mặn. Đây là chủ trương tích cực và sáng tạo của Đảng bộ và chính quyền, là kỳ công của nông dân Quảng Ngãi, trong thời kỳ khó khăn gian khổ.

Nhân ngày 27/7/1947 ngày lễ tưởng nhớ công ơn các chiến sĩ vì nước hy sinh, những người nông dân cao tuổi tham gia vào Hội “Bạch đầu quân” và hội “mẹ binh sĩ” và các mẹ còn nhận những bộ đội làm con nuôi. Riêng các mẹ chiến sĩ Bình Sơn đã nhận 180 bộ đội về làm con nuôi. Với lòng nhân đạo, các mẹ còn nhận 18 hàng binh Âu - Phi đủ loại quốc tịch về nuôi dưỡng chăm sóc trong 6 tháng. Công cuộc “kháng chiến kiến quốc” ngày càng phát triển, nông dân Quảng Ngãi càng ra sức thi đua yêu nước để vượt qua thời kỳ gay go, ác liệt, tăng thêm tiềm lực cho cuộc kháng chiến.

Để động viên phong trào thi đua yêu nước của nông dân khắp vùng nông thôn, nhiều tổ thông tin ở thôn

xóm được hình thành, mỗi xóm có một chòi thông tin đặt ở một nơi cao. Từ đó đêm đêm các loa đàn bằng tre, quán bằng mo cau, hoặc bằng tôn, truyền đi những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những tin chiến thắng của các chiến trường trong nước cho dân nắm biết, những bài thơ, ca, hò vè, những bài hát ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ca ngợi chiến công cách mạng, ca ngợi tinh thần anh dũng hy sinh của các chiến sĩ và nông dân trong chiến đấu và sản xuất. Những đêm trăng thanh gió mát, nông dân tụ tập dưới chòi thông tin để nghe tin tức, trao đổi bàn luận việc nước, việc nhà. Chòi thông tin đã đem lại sự hiểu biết về nguồn vui cho nông dân trong những năm kháng chiến gian khổ.

Về phía địch chúng tăng cường đánh phá tỉnh nhà bằng mọi cách, từ đổ bộ vùng biển, bắn phá bằng không quân, tung bọn gián điệp do thám, thăm dò chỉ điểm cơ quan và lực lượng ta; tiếp tục bao vây kinh tế ta, không bán vải, dầu thắp, thuốc chữa bệnh, giấy viết... làm cho nông dân ta gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất.

Hưởng ứng chủ trương sản xuất tự cấp, tự túc của Đảng, nông dân bớt mía để trồng bông, mỗi gia đình trồng 10 cây bông ở bờ ao hay cạnh giếng nước. Những câu ca được vang lên trong các xóm làng, rộn ràng thúc giục :

Lúa khoai ta gắng trồng

Từ sườn non đến bờ sông

Áo ta chưa ấm lòng

Thay mía ta trồng bông.

Chỉ riêng năm 1948 diện tích trồng mía giảm 40% (tức là 5000 mẫu/12.000 mẫu mía) ⁽⁵⁹⁾ để trồng dâu nuôi tằm dệt vải. Các khung dệt của gia đình và xưởng dệt của tỉnh ngày càng tăng nhanh. Nông dân biết dệt cá the, lụa, đặc biệt là dệt vải xi ta để dành riêng may quần phục cho bộ đội. Một số cơ sở làm giấy được xây dựng ở Trà Câu, Phổ Phong (huyện Đức Phổ), Nghĩa Thắng, Nghĩa Dũng (Tư Nghĩa), Sơn Tịnh... Nông dân còn dùng quả mù u, bời lời, hạt dầu lai ép thành dầu thấp ; làm thuốc nam thay thuốc tây để chữa bệnh.v...

Mặt khác nông dân còn vận động nhau đóng góp xây dựng trường cấp II ở các xã, huyện và hàng hái đưa con em đến trường học văn hóa.

Năm 1949 khi tổng kết phong trào nông dân toàn tỉnh, Nông hội Bình Sơn là đơn vị lá cờ đầu của tỉnh và có những nông dân được bầu là chiến sĩ thi đua.

Đến mùa hè năm 1950 nhiều xã, thôn, huyện đã thanh toán xong nạn mù chữ, đó là ước mơ ngàn đời, nay người nông dân mới thực hiện được.

Thời kỳ 1949 - 1950, hàng vạn nông dân Quảng Ngãi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đó phần lớn trở thành lực lượng lãnh đạo nông cốt trong 2 cuộc khởi nghĩa.

Từ đầu năm 1950 đến 1952 hàng ngàn đảng viên xuất thân từ nông dân đã hăng hái xung phong đi các chiến trường, nhất là Tây Nguyên và cực Nam, phục vụ công tác ở đó cho mãi đến cuối đời.

Phong trào thi đua yêu nước đã phát triển rộng khắp

các vùng nông thôn trong tỉnh. Nông dân Quảng Ngãi thể hiện lòng nhiệt tình với cách mạng bằng những hành động cụ thể trong sản xuất và chiến đấu. Những hoạt động trong sản xuất như hàng lang kháng chiến, hàng mì kháng chiến, con gà kháng chiến, ngày hội chợ kháng chiến vv... Nữ nông dân thực hiện khẩu hiệu "Mỗi một phụ nữ phải có một nghề thay thế cho nam giới ra trận". Nhiều chị em ra sức học cày, học cuốc, học bừa, học đánh tranh lợn nhà v.v... làm ruộng, quán xuyến việc nhà. Ngoài nghề chính, chị em nông dân còn làm các nghề thủ công như quay tơ, dệt vải, đan áo, làm nón, đóng cối xay lúa v.v... Đêm đêm tiếng hò của các chị trên những cánh đồng kang nước :

"Sáng trăng sáng cả cánh đồng

Em đi tát nước gàu sòng gàu giai

Phận em chẳng dặng làm trai

Em đành tát nước gàu giai, gàu sòng..."

Trong 2 năm 1949 và 1950 trong toàn tỉnh có 22.882 nữ nông dân biết cày, 13.558 nữ công dân biết đánh tranh lợn nhà và 4.054 nữ nông dân nuôi tầm kéo sợi. Nữ nông dân Quảng Ngãi, cùng phụ nữ toàn tỉnh vinh dự được Khu 5 tặng cờ cho phong trào phụ nữ chức nghiệp.

Phong trào thi đua của nông dân không những được thể hiện sinh động trong sản xuất, luyện tập tự vệ mà còn thể hiện trong phong trào tòng quân giết giặc, đi dân công, chi viện cho tiền tuyến nhằm góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Nông dân đóng góp dưới nhiều hình thức như : công phiếu kháng chiến, quỹ tham gia kháng chiến..., riêng “Hội mẹ chiến sĩ” ở nông thôn đã đóng góp 153.737 đồng, và 1.044 ang lúa, quỹ “đồng tâm kháng chiến” 700.834 đồng, tuần lễ mùa đông kháng chiến 616.516 đồng v.v...

Nông dân còn tham gia giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ, học tập văn hóa, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn, chống mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè bê tha, góp phần bảo vệ trật tự an ninh trong thôn xóm tạo nên cuộc sống thanh bình, vui tươi, lành mạnh. Với những thành tích trên, năm 1952, nhân dân Quảng Ngãi đã được chính phủ tặng Huân chương kháng chiến hạng hai (Huân chương đầu tiên của cả nước).

Đứng trước tình hình nhiệm vụ mới, Đảng tiếp tục tập hợp quần chúng nông thôn với khẩu hiệu “dựa hẳn vào bản nông, đoàn kết với trung nông, liên hiệp với phú nông, tranh thủ lôi kéo địa chủ tham gia chống thực dân Pháp”, đưa hoạt động của Hội tiến lên một bước mới.

Trong những năm 1947, 1948 do yêu cầu bức thiết của việc tập hợp lực lượng nông dân, số cán bộ có năng lực hoạt động đã được đưa về cho Nông hội, và Nông hội được tổ chức đến cấp khu.

Đại hội đại biểu nông dân cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II được tiến hành từ ngày 18/8/1950 đến 20/8/1950 tại đình Thi Phổ Nhất thuộc xã Đức Trung

huyện Mộ Đức. Đến dự đại hội có đồng chí Nguyễn Hồng Châu, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đồng chí Tôn Diêm, đại diện cho Nông hội Khu 5, 150 đại biểu chính thức, bao gồm nam nữ, các dân tộc, thành phần xuất thân đại biểu chính thức là bản cố, trung nông (không có phú nông, địa chủ) và đại biểu các ban ngành của tỉnh.

Trong 5 ngày làm việc, đại biểu đại hội đã:

- Tổng kết phong trào nông dân và công tác hội trong thời gian qua, bàn chương trình hoạt động của hội và phong trào nông dân trong tình hình mới.

- Thảo luận điều lệ Hội - Điều lệ có qui định hội viên nông dân thuộc các thành phần bản, cố, trung nông, không có phú nông, địa chủ.

- Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh sản xuất, động viên con em nông dân tòng quân giết giặc, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn.

- Cũng cố tổ chức sắp xếp bộ máy, giảm biên chế bổ cấp huyện (biên chế thường trực Tỉnh hội 1950 là 40 người). Đại hội đã bỏ phiếu kín bầu ra Ban chấp hành "Hội Nông dân cứu quốc" tỉnh là 17 đồng chí, trong đó có 1/3 là nữ (thành lập Ban cán sự nữ nông thôn). Đồng chí Phạm Thanh Biên (Lam Sơn) tỉnh ủy viên làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Tín - Phó bí thư và 3 ủy viên thường vụ. Sau đó đồng chí Cao Ký thay đồng chí Biên làm Bí thư "Hội Nông dân cứu quốc" tỉnh.

Sau đại hội, các mặt công tác đã được triển khai tốt. Cán bộ Hội đã đi sát cơ sở, bám phong trào để chỉ đạo

kip thời. Thường trực Tỉnh hội thông báo hàng tháng tình hình hoạt động của các cấp Hội và phong trào nông dân ở cơ sở cho hội viên trong toàn tỉnh.

Ngày 11/12/1950 Hội nông dân thực hiện chủ trương của Đảng lấy một số ruộng vắng chủ, ruộng lộc điền, hương điền, tế điền, tự điền cho nông dân sản xuất, thực hiện giảm tô 25% để bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh kháng chiến tiến tới.

Để bồi dưỡng sức dân cũng là tăng cường tiềm lực kháng chiến to lớn của nông dân đối với sự nghiệp chống Pháp, cứu nước, Đảng ta đã kịp thời đề ra chủ trương và biện pháp cụ thể thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức, quân cấp công điền và tạm cấp tạm giao ruộng đất tịch thu của Pháp và Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho nông dân không đất hoặc thiếu ruộng đất.

Đầu năm 1949 sắc lệnh giảm tô được Chính phủ ta ban hành là nguồn động viên rất lớn đối với nông dân. Việc hưởng ứng của nông dân đối với chủ trương của chính phủ được biểu hiện bằng những cuộc biểu tình, mít tinh rầm rộ khắp vùng nông thôn trong tỉnh.

Còn chủ trương quân cấp công điền rất hợp lòng dân. Sau khi cướp chính quyền, nông dân được hưởng quyền bình đẳng về phân công điền, đồng thời còn cho phép nông dân nghèo được tự do phá đất hoang để sản xuất. Trong những năm đầu kháng chiến, việc đảm phụ quốc phòng cũng như chi phí cho chính quyền địa phương còn dựa vào sự ủng hộ trực tiếp của nông dân, nên mọi người được hưởng trọn vẹn phần công điền. Nhưng khi cuộc kháng chiến ngày càng đòi hỏi tăng thu để đủ chi và

việc quyên góp không thể làm như trước nữa. Do đó nông dân thuận tình với Chính phủ trích từ 20% đến 60% số ruộng đất công điền để đầu giá bỏ vào ngân sách địa phương, số còn lại cấp bình quân cho nam nữ cử tri. Mặc dù số diện tích quân cấp bị sụt nhưng nông dân không phàn nàn mà tìm cách khắc phục bằng khai hoang tăng vụ, thâm canh tăng năng suất trên diện tích đã có. Điều đó thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của nông dân biết đặt quyền lợi chung lên trên.

Trong những năm 1949-1950 dưới sự hướng dẫn của Hội Nông dân cứu quốc và Hội đồng tạm cấp ruộng đất cấp tỉnh để thực hiện chính sách ruộng đất, nông dân nhiều nơi hưởng ứng rầm rộ. Lúc đầu ta tiến hành điều tra và tịch thu ruộng đất của Việt gian và đồn điền của Pháp. Nông dân ở những nơi đó tự nguyện và để nghị ưu tiên tạm cấp cho số gia đình vệ quốc quân, liệt sĩ, thương binh và số nông dân không ruộng cày cấy...

Công cuộc kháng chiến cứu nước ngày càng ác liệt. Một số địa chủ phản động chạy ra vùng địch tạm chiếm cam tâm làm tay sai cho giặc, giết hại đồng bào. Được sự lãnh đạo của Đảng và được chính quyền cho phép, Nông hội đã tịch thu số ruộng đất của những phần tử ấy giao cho tá điền đang lãnh canh không phân biệt lương giáo.

Song song với việc giảm tô, sắc lệnh giảm tức cũng được ban hành làm cho nông dân, nhất là những người nông dân ăn vay nặng lãi, nợ nần lưu cữu đã được giảm gánh nặng bao đời đè nén. Nhiều nơi trong tỉnh công việc giảm nợ, xóa nợ đã có tác dụng khuyến khích anh

chị em hăng hái tích cực sản xuất, nông dân hưởng ứng rầm rộ. Nông dân một vài nơi còn đòi lấy lại số ruộng đất mà họ đã cầm cố trả nợ cho địa chủ trước đó.

Song song với hướng dẫn thực hiện sắc lệnh giảm tức, Hội Nông dân vận động lập “hợp tác xã tín dụng” nhằm giúp đỡ nông dân nghèo có vốn sản xuất.

Trong những năm đầy khó khăn gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng Ngãi, lực lượng nông dân trong tỉnh đã thể hiện vai trò to lớn của mình, cùng với quân dân toàn tỉnh vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc, vừa khắc phục thiên tai, địch họa để ổn định đời sống, xây dựng thôn xã chiến đấu, phát triển chiến tranh du kích, tiến lên hoàn thành nhiệm vụ của mình, tích cực tham gia đóng góp nhân tài, vật lực phục vụ cuộc kháng chiến cứu nước.

Chương X

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI HƯỞNG ỨNG LỆNH TỔNG ĐỘNG VIÊN SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC GIÀNH THẮNG LỢI KẾT THÚC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951 - 1954)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi dồn dập : từ chiến dịch Hòa Bình (2/1952), Tây Bắc (mùa thu 1952) và hàng loạt chiến dịch lớn nhỏ ở khắp mọi miền đất nước, đã khẳng định sự lớn mạnh của ta và sự suy yếu có tính qui luật của chủ nghĩa thực dân xâm lược. Pháp càng kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì càng sa lầy và sẽ phải kết cục bằng sự thất bại nhục nhã.

Với chiến lược mới của Na-va, tên tướng thực dân Pháp “lôi lạc”, cộng với sự hà hơi tiếp sức của Mỹ, địch hy vọng sẽ giành thắng lợi kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

Ở tỉnh Quảng Ngãi, vào tháng 1/1950 thực dân Pháp lợi dụng một số sơ hở thiếu sót của cán bộ ta thực hiện

âm mưu gây bạo loạn ở huyện Sơn Hà, tổ chức bọn phỉ giết người, cướp của ở nhiều xã, uy hiếp cả 4 huyện miền núi, gây cho ta nhiều khó khăn. Dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy 5 và Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Hội nông dân tỉnh đã huy động nông dân các nơi trên phối hợp với nhân dân và các lực lượng vũ trang chính trị của tỉnh, thực hiện tốt chủ trương “đẹp loạn an dân” đánh bại các âm mưu thủ đoạn của địch.

Chấp hành nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ 3 (3/1950) nông dân trong tỉnh phấn khởi thực hiện lệnh tổng động viên để góp phần chuyển mạnh thế và lực của cách mạng sang giai đoạn tổng phản công. Nông dân đã xây dựng hàng loạt giao thông hào, hầm chiến đấu, hầm bí mật, chuẩn bị chống địch lấn chiếm vùng tự do. Nông dân còn tham gia học tập gương cầu, kiệm, liêm chính, chí công vô tư của Hồ Chủ tịch.

Về phía địch, sau những thất bại ở Việt Bắc (tháng 10/1950) được sự hỗ trợ tiếp sức của Mỹ để cứu vãn tình thế, thực dân Pháp ra sức đánh phá vùng tự do, đồ bộ giết người, cướp của, bao vây vùng biển, phá hủy ghe mành của ngư dân, hòng làm suy yếu hậu phương ta, cắt nguồn chi viện cho tiền tuyến. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Quảng Ngãi là vùng tự do, là hậu phương của Liên khu 5. cung cấp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thực hiện khẩu hiệu “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” nông dân Quảng Ngãi đã chịu đựng và vượt qua bao khó khăn gian khổ, chất chịu từng lon gạo, bụi mìn, để phục vụ chiến trường. Hàng vạn nông dân đi đán

công, gồng gánh, vượt đèo lội suối cung ứng những nhu cầu thiết yếu cho bộ đội đánh địch giành thắng lợi cao nhất.

Những năm tháng chiến tranh, người nông dân ở hậu phương Quảng Ngãi luôn gắn bó theo sát mọi diễn biến của người chiến sĩ ngoài trận tiền. Nhiều đơn vị đã nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ như hai đại đội thanh niên xung phong huyện Mộ Đức và Đức Phổ đã tích cực đưa gạo lên Mang Đen trong điều kiện phải vượt qua đơn vị địch trên đoạn đường 8 km. Khi hoàn thành nhiệm vụ, lại xung phong đi Đắc Tô. Thiếu gạo xuống Cam Xứ để lấy. Hết gạo ăn thì vào rừng đốn cây làm cối để giã gạo ăn, còn gánh gạo trên vai vầu để nguyên cho bộ đội ăn no đánh giặc. Có khi dân công gánh nặng trên vai hàng 50 kg, nhưng vẫn bám theo bộ đội truy kích địch đến tận biên giới Việt - Lào. Đội dân công xã Bình Dương (Bình Sơn) và hai đội thanh niên xung phong huyện Mộ Đức và Đức Phổ được tuyên dương toàn Liên khu. Chiến sĩ thi đua Nguyễn Tấn Hứa (Đức Tân, Mộ Đức) được cử đi dự đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Từ Xuân - Hè 1953 đến chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, toàn tỉnh Quảng Ngãi có trên 11.000 dân công loại A, 54.903 dân công hạng B, 51.117 dân công hạng C, và 112 nữ cứu thương hộ lý, 23 tập thể và 29 cá nhân đi phục vụ chiến đấu được Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Ban chỉ huy tiền phương tỉnh, huyện khen thưởng.

Phải nói rằng trong những năm tháng ấy, tinh thần yêu nước của nhân dân lao động nói chung và người nông dân nói riêng là vô bờ bến. Ước mơ ngàn đời của họ vẫn

là được sống trong một nước độc lập tự do, người cày có ruộng, ấm no, hạnh phúc. Nông dân đã góp hàng chục vạn ngày công đã được huy động để xây dựng làng chiến đấu, đào địa đạo, nhất là nông dân các thôn vùng ven biển. Có nơi địa đạo liên hoàn dài đến 3-4 km như Phú Quý, Châu Thuận, Vạn Tường, Thanh Thủy, Tuyết Diêm, An Lộc, Phước Thuận (Bình Sơn), Núi Đất, Đức Chánh (Mộ Đức) và cũng nhờ những kinh nghiệm đào địa đạo đó mà trong suốt 21 năm chống Mỹ sau đó nhân dân bám đất đánh địch giành thắng lợi vẻ vang.

Ngày 30/8/1971 thực dân Pháp dựa vào bọn phản động quốc dân Đảng ở địa phương mang nhãn hiệu “cờ báo tin” do tên Huỳnh Bút cầm đầu nội gián, với 2000 quân đủ các loại binh chủng hải lục không quân ồ ạt đánh chiếm đảo Lý Sơn. Cùng ngày chúng ném bom thôn Châu Thuận (Bình Sơn) giết 50 người nông dân vô tội, phần lớn là trẻ em và đàn bà, thiêu cháy 500 nóc nhà, đây là trận bắn phá dã man gây thiệt hại nhiều nhất về người và tài sản của nhân dân tỉnh ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đúng như Bác Hồ đã nói “Cuộc chiến đấu càng gần thắng lợi càng thêm gay go ác liệt”.

Đứng trước tình hình đó, nông, ngư dân Quảng Ngãi thực hiện phương án đối phó khóa chặt vùng ven biển, tăng cường phòng gian, phản gián, thực hiện khẩu hiệu “không nghe, không biết, không thấy”.

Trong năm 1952 địch đổ bộ 35 lần xuống các xã ven biển Bình Đông, Bình Châu, Bình Chánh, Bình Hải (huyện Bình Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Phổ

An Sa Huỳnh (Đức Phổ), Đức Lân (Mộ Đức). Trong những cuộc hành quân đổ bộ chúng đã giết hàng ngàn nông, ngư dân, làm bị thương hơn 400 người và bắt giam hơn 500 người, đốt cháy 3929 nóc nhà, thiêu huỷ 599 ghe thuyền và phá ngư lưới cụ, phá huỷ nhiều đập bờ xe nước. Hầu hết các cuộc đổ bộ của giặc Pháp đều bị quân ta trừng trị. Chỉ trong 4 tháng năm 1951 quân dân du kích các xã ven biển Bình Chánh, Bình Đông, Bình Châu (Bình Sơn), Tịnh Hòa, Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Phổ Thạnh (Đức Phổ) cùng đại đội 28 của huyện Sơn Tịnh và B28 bộ đội tỉnh đã chặn đánh các cuộc đổ bộ của địch, tiêu diệt 127 tên, thu một số vũ khí, thuốc, men và đồ dùng khác.

Do chính sách bao vây bắn phá của địch bằng không quân, nhiều cầu cống bị đánh sập như cầu sông Vệ, cầu Cây Bứa, các thị trấn bị bắn phá như Châu Ổ, Thi Phổ, Hành Thịnh.

Đứng trước những khó khăn chung, các cấp hội trong tỉnh đã vận động nông dân, ngư dân giúp đỡ lẫn nhau trong lúc họa nạn với tinh thần "lá lành đùm lá rách", ra sức sản xuất, tăng vụ và làm thủy lợi. Nông dân các xã (ven sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ) làm nhiều bờ xe nước từ 4 bánh đến 9 bánh và phát động phong trào đào kênh đắp đập, đưa nước vào đồng.

Năm 1951 - 1952 nông dân huyện Mộ Đức, có sự giúp đỡ của nông dân các huyện trong tỉnh đã đào kênh Bầu Súng dài trên 4 km, có hơn 1km được đào sâu xuyên qua lòng núi đá ong. Bằng những dụng cụ thô sơ, nhưng với lòng quyết tâm của hàng ngàn nông dân, con kênh đã

đào xong và đủ sức tiêu nước cho hơn 350 mẫu ruộng và tưới nước cho hơn 150 mẫu (trong kháng chiến chống Mỹ, kênh Bầu Súng cũng là một bộ phận địa đạo, nơi ẩn náu của các chiến sĩ cách mạng).

Nông dân Mộ Đức đã đào đắp xong kênh Tứ Đức tưới cho hàng ngàn ha ruộng cho 4 xã.

Cũng trong những năm này, nông dân huyện Tư Nghĩa đã bỏ công sức đào tưới cho hàng ngàn ha ruộng đất.

Cũng trong năm 1951 - 1952, nông dân huyện Sơn Tịnh cùng với sự giúp đỡ của một số nông dân trong tỉnh đã đào đắp kênh Sơn Tịnh, đưa nước về đồng tưới cho hơn 1500 ha.

Những công trình thủy lợi đã làm được trong kháng chiến đã nâng diện tích ruộng được tưới nước của tỉnh Quảng Ngãi, so với thời kỳ Pháp thuộc tăng gấp 13 lần. Công tác thủy lợi trong kháng chiến chống Pháp là một thành tích lớn về nông nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi. Đó cũng là thành tích của nông dân tỉnh nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các con số tổng hợp sau đây đã nói lên điều đó.

Trước cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân ta chỉ mới có đập Ngự Hàm Giao Thủy (Bình Sơn), đập Cù Và (Sơn Tịnh), đập Ba La (ở Tư Nghĩa), kênh An Chỉ (Hành Phước), đập Ngự Hàm Châu Me Đông (Bình Sơn), đập Ngự Hàm Tư Cung Nam (Bình Sơn), mương và đập sông Thoa (Mộ Đức), đập An Thọ (Đức Phổ). Tất cả đã tưới nước cho 5762 mẫu.

Từ cách mạng Tháng Tám thành công đến năm 1953 ta đã tiến hành các công trình tiêu thủy nông gồm có : 184 đập bồi, 102 mương, 5.181 ao, 1.892 cần vọt, 3.319 xe lúa, tưới được 28.382 mẫu.

Các công trình lớn gồm có : mương Bình Minh (Bình Sơn), đập Cà Ninh (Bình Sơn), kênh Sơn Tịnh, kênh Tư Nghĩa, hệ thống kênh An Long Cà. đập An Thọ, kênh Bầu Súng, 141 bờ xe lấy nước tưới được 21.391 mẫu.

Tất cả các công trình lớn nhỏ và tiêu thủy nông tưới trong năm 1953 là 49.773 mẫu. Năm 1954 ta phát triển thêm 20 đập bồi, 2196 ao, cũng có thêm kênh Tư Nghĩa đã tưới thêm 17.888 mẫu nữa. Đó là chưa kể các việc làm lẻ tẻ.

Sau khi hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ được ký, ta đã tranh thủ : tận dụng nước Sông Vệ đào kênh An Long và các mương nhánh dài 17 cây số, hoàn thành đập Phố Thạnh (Đức Phổ), đắp bờ ngăn nước mặn do các trung đoàn tình nguyện quân Hạ Lào giúp nhân dân Sơn Tịnh đào mương Tịnh Ân và trung đoàn D giúp đắp một bờ lở và hai bờ ngăn nước mặn tưới thêm 1381 mẫu.

Như vậy trong 9 năm kháng chiến chống Pháp nông dân tỉnh ta đã làm thêm các công trình thủy lợi lớn nhỏ tưới thêm 74.897 mẫu, tăng sản lượng hàng năm 36.000 tấn. Nhờ đó mà ta có lương thực thực phẩm cho đời sống và kháng chiến kiến quốc của một tỉnh hậu phương của Liên khu 5. ¹⁶⁰⁾

Những thành tựu kinh tế đã đạt được trong những năm 1951 - 1952 góp phần làm cho nền kinh tế phát

triển, tạo điều kiện để nông dân thực hiện lệnh tổng động viên của Trung ương Đảng.

Cuối năm 1951 hưởng ứng thực hiện chính sách thuế nông nghiệp mới, nông dân trong tỉnh đã đóng góp hàng vạn tấn thóc cho kháng chiến. Thuế nông nghiệp toàn tỉnh, kể từ 1951, nông dân Quảng Ngãi đã đóng góp 4.383.065 kg, năm 1952 : 13.448.999 kg, năm 1953 : 21.433.212 kg, năm 1954 là 9.941.852 kg. Tất cả là : 40.440.998 kg. Ngoài ra còn đóng góp cho phụ thu kháng chiến vào năm 1949 là 2.600 tấn lúa, vào qui quán hương năm 1950 : 1800 tấn lúa. Riêng qui dân phụ chuyên mạnh sang tổng phần công chỉ tính từ ngày khởi thu đến ngày 31/3/1953 nông dân đã đóng góp :

Tiền mặt :		389.184.892 đ
Lúa :	2.222.000 kg	= 82.102.811 đ
Vàng 6 lạng 1 chỉ hai phân 5 ly		= 221.014 đ
Bạc 21 đồng 2 thời 922 giắc		= 70.295 đ
Đường : 36.295 kg		= 2.046.130 đ
Trâu bò : 47 con		= 168.789 đ
Ngựa : 5 con		= 113.000 đ
Nồi đồng và đồng : 64 cái, 56 kg		= 100.938 đ
Vải : 918 mét		= 256.070 đ
Ruộng đất hiến vĩnh viễn 148 mẫu 1 sào 8 thước		9.641.593 đ
Ruộng đất hiến có thời hạn 1.082 mẫu 1 sào 11 thước		31.819.915 đ

Tổng cộng tất cả thành tiền là : 515.725.447 đồng⁽⁶¹⁾

Sự đóng góp tích cực của nông dân toàn tỉnh đã góp phần to lớn vào nuôi quân đánh giặc.

Ngày 23/8/1952 lợi dụng nhân dân ta đang đói kém vì mất mùa, giặc Pháp tăng cường đổ bộ đánh phá gây thêm nhiều khó khăn tổn thất cho ta.

Trong lúc giặc Pháp tăng cường đánh phá vùng tự do, thì ở Quảng Ngãi liên tiếp bị thiên tai dồn dập. Hết hạn hạn kéo dài đến bão lụt lớn (10/1952) làm 117 người chết, 5520 nhà bị sập, 926 ghe thuyền bị hư hại, hơn 7000 ang lúa bị trôi. Đời sống nông dân vốn đã vất vả khó khăn nay lại càng khó khăn hơn. Nhiều vùng nông dân bị đói nặng nhất là các xã ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh.

Lúc này trước mắt nông dân Quảng Ngãi phải ra sức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Hội nghị Tỉnh ủy tháng 10/1952 đã chủ trương : “chống đói là công tác trung tâm trước mắt, kết hợp chặt chẽ với thuế nông nghiệp và tăng gia sản xuất, tiết kiệm” hội nghị còn nhấn mạnh “phải gây tình thân tích cực, tự lực cánh sinh, lấy sức dân để giải quyết nạn đói, lấy tăng gia sản xuất chống đói là chính”.

Thực hiện nghị quyết trên, một cuộc vận động chống đói khẩn cấp trong toàn tỉnh được đẩy lên mạnh mẽ. Phong trào sản xuất tự túc được nông dân toàn tỉnh hưởng ứng, tạo khí thế sôi nổi ở khắp vùng nông thôn. Chỉ trong một thời gian ngắn đã thu được 330 tấn lúa, cùng với 430 tấn ở các kho dự trữ và 50 tấn gạo cứu tế

cùng 50 triệu đồng của Chính phủ cho vay, lập tức được đem ra cứu giúp đồng bào các vùng bị đói. Mặt khác nhân dân hăng hái đẩy mạnh sản xuất các loại hoa màu ngắn ngày để kịp thời giải quyết lúc khó khăn. Nhờ đó mà nạn đói trầm trọng trong những năm 1952 ở Quảng Ngãi từng bước được đẩy lùi.

Bước sang những tháng đầu năm 1953, giặc Pháp lại tiếp tục tăng cường đánh phá các vùng ven biển huyện Đức Phổ, các xã giáp ranh Tam Quan, huyện Hoài Nhơn (Bình Định) và các vùng ven biển huyện Bình Sơn. Nhưng nông dân các xã đã góp phần chiến đấu và chiến thắng quân giặc, tạo thành một thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững chắc.

Trong thời gian này nông dân còn hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương của Đảng bộ về việc đẩy mạnh xây dựng miền Tây Quảng Ngãi.

Để tăng cường xây dựng miền núi vững mạnh, hàng ngàn nông dân là lực lượng du kích ở các huyện đồng bằng được huy động lên tăng cường cho miền Tây, cùng với nông dân các dân tộc thiểu số địa phương xây dựng bố phòng thôn xã chiến đấu, làm cho miền núi trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc. Nông dân miền núi từng bước được vận động giáo dục giác ngộ, đã tích cực hăng hái cung cấp tin tức và dẫn đường cho bộ đội truy bắt bọn phản cách mạng còn lẫn trốn trong rừng. Đặc biệt các vùng có tình hình chính trị phức tạp như Sơn Hà, Ba Tơ thì hình thành các đội dân quân du kích để phối hợp với bộ đội chính qui đánh địch, bảo vệ xóm làng cho đồng bào an tâm sinh sống.

Năm 1954 cả tỉnh có 32.012 du kích nam, 12.317 du kích nữ; đặc biệt có 317 cụ phụ lão cũng xung phong tham gia du kích. Toàn bộ lực lượng đó tổ chức thành 505 tiểu đội và 8493 tổ. Cùng với việc hàng say trong sản xuất, tòng quân giết giặc, đi dân công, đóng góp lúa gạo, tiền bạc cho kháng chiến, nông dân ở địa phương còn tham gia xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn. Hội viên nông dân gương mẫu tham gia học tập bổ túc văn hóa, học tập đạo đức tác phong của Bác Hồ, hưởng ứng phong trào ăn ở vệ sinh sạch sẽ, đoàn kết thương yêu đùm bọc tương thân tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống; tích cực bài trừ mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè, bỏ bớt cúng tế linh đình.

Nhờ đẩy mạnh sản xuất nên hai năm được mùa liên tiếp, giá lúa từ 12.000 đồng/ang (tín phiếu) năm 1952, xuống còn 3000 đồng năm 1953. Khoai lang từ 10.000đồng/ang (5kg) xuống còn 1.000 đồng/ang. Nhờ đó tỉnh ta đẩy lùi được nạn đói. Để phục vụ những nhu yếu phẩm cho nông dân, một số nơi đã xây dựng được cửa hàng hợp tác xã mua bán, để cung cấp vải, mắm, muối, gạo, heo, đậu, nông cụ và thuốc chữa bệnh cho nông dân, góp phần làm cho cuộc sống ở nông thôn bắt đầu được cải thiện.

Để bồi dưỡng sức dân, từ năm 1953 Chính phủ đã phát động quần chúng nông dân đấu tranh đòi giảm tô và thực hiện chia công điền cho nông dân không có ruộng cày. Lúc bấy giờ số dân toàn tỉnh Quảng Ngãi có 650.000. Địa chủ có 1010 hộ, phú nông ; 9.405 hộ, trung nông: 74.475, bản nông 127.266, cố nông : 32.722 hộ.

Năm 1950 Đảng và Chính phủ mới tiến hành tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho dân cày nghèo. Đến năm 1951 mới thi hành giảm tô nhưng thực tế đến năm 1953 mới thực sự phát động quần chúng nông dân đấu tranh đòi giảm tô và thực hiện chia công điền cho nông dân không có ruộng cày.

Tính đến cuối năm 1953 : tạm cấp 638 mẫu ruộng vắng chủ (riêng của Nguyễn Hy là 400 mẫu).

- Chia 600 mẫu ruộng của tên già Kiêu cho đồng bào dân tộc Ba Tư.

- Chia 25.675 mẫu ruộng điền thổ (công điền) cho nông dân.

- Thực hiện giảm tô, nông dân thu về được 8.000 tấn thóc (1953). Nếu tính từ cách mạng tháng Tám 1945 đến tháng tám 1954 đã có 37.413 nông dân tá điền được hưởng quyền lợi giảm tô trên một diện tích là 155.498 mẫu ruộng đất.

- Kết quả thu được về tay nông dân: 8.882.652 kg lúa, 14.301 ang bắp, (mỗi ang 4,4 kg) 80.885 ang khoai, 7.884 muồng đường (mỗi muồng 10 kg), 5.995 ang đậu, 196 ang mè, 11.662.569 đồng (tín phiếu).

Đi đôi với đấu tranh đòi giảm tô (1953) nông dân đã truy cạnh đòi lại được 19.304 mẫu mà địa chủ đã bao chiếm chia ruộng đất của Việt gian cho nông dân gần 1110 mẫu cho 2750 người trong số này có 323 đồng bào dân tộc thiểu số, mỗi người được chia ít nhất là 1 sào 5 thước, nhiều nhất là 2 sào 9 thước. Nhiều hình thức tổ chức sản xuất mới đã được tiến hành. Nếu kể từ cách

mạng Thăng Tám thành công đến năm 1953, thì đã có 1501 hội vòng công gồm 21.514 người với số quỹ 110.377 kg lúa và 23.110.935 đồng bạc. Về hợp công đã 576 cơ sở gồm 30.400 người với số ruộng đất 8.160 mẫu, 340 con trâu bò và quỹ là : 18.575.475 đồng, lúa 3.083.590 kg. Hội công nhân nông nghiệp có 80 cơ sở gồm 6.601 người, với số ruộng đất 363 mẫu, một số tài sản trị giá là 5.435.630 đồng, lúa 79.619 kg, tiền : 60.420.687 đồng. Tổ đối công đã có 1.700 cơ sở gần 26.700 người. (62)

Trong những năm 1952 - 1954 quân Pháp liên tục đổ bộ, tàn phá vùng ven biển; ngày 21/5/1954 bọn chúng đã ngoan cố đưa quân đổ bộ lên Sa Cần và ngày 30/5/1954 chúng đưa quân lên Sa Kỳ để gây nhiều tội ác. Song bọn chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân và dân ta và chúng đã nếm mùi thất bại nặng nề.

Hưởng ứng việc chi viện cho chiến trường Tây Nguyên, nông dân Quảng Ngãi lại có hàng ngàn thanh niên tiếp tục tòng quân giết giặc. Trong thời gian này nông dân Quảng Ngãi đã bổ sung cho các đơn vị chủ lực 8 đại đội, 3960 thanh niên và 600 học sinh trường Trung học Lê Khiết nhập ngũ. Hàng vạn nông dân nam nữ đi dân công phục vụ chiến trường, tiếp tế lương thực, thực phẩm, vũ khí, vận chuyển thương binh.

Trên khắp các tuyến đường ngang, mọi phương tiện như xe ngựa, xe hơi, xe đạp thồ đã vận chuyển hàng nghìn tấn hàng rạ tiền tuyến. Ở các dòng sông ghe thuyền đầy ắp nối đuôi nhau ngược dòng, từng đoàn dáu công ngày đêm tấp nập đổ ra chiến trường, biết bao gian

nan thử thách trên tuyến đường đưa hàng ra trận; mưa gió, ốm đau, thiếu thốn... vẫn không ngăn được bước chân của người nông dân Quảng Ngãi. Nông dân các huyện miền núi Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, đã gửi công lương thực, soi đường, dẫn đường bộ đội, nhường gạo - tiếp tế cho bộ đội. Tinh thần yêu nước mãnh liệt đó đã góp phần không nhỏ vào cuộc chiến đấu và chiến thắng rực rỡ ở Bắc Tây Nguyên.

Chiến công trong những năm 1953 - 1954 ở Tây Nguyên và các chiến trường khác mà đặc biệt là thắng lợi vang dội ở Điện Biên Phủ (5/7/1954) của quân dân ta đã có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong cuộc chiến đấu trường kỳ gian lao thử thách đó người nông dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh rất ngoan cường trong sản xuất và chiến đấu, xứng đáng với truyền thống giữ nước vẻ vang của nông dân và dân tộc Việt Nam.

Ngày 20/7/1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết. Nước Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia, thực hiện ngừng bắn ở Việt Nam và trên toàn chiến trường Đông Dương. Pháp rút lui toàn bộ quân đội về nước. Vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Nhân dân Việt Nam sẽ tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước nhà.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp trên mảnh đất quê nhà, người nông dân Quảng Ngãi đã thể

hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường tham gia xây dựng chế độ mới về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Vừa xây dựng vừa tham gia kháng chiến, bảo vệ được vùng tự do, chỉ viện cho tiền tuyến về sức người, sức của với lòng tự nguyện, tự giác khá cao. Họ đã có công lớn trong việc bảo vệ các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến ở miền Nam Trung bộ, các lực lượng vũ trang toàn Liên khu 5. Họ đã làm tốt công tác hậu phương đối với tỉnh bạn tạm bị chiếm, giữ tròn tình nghĩa, cùng chia cơm, nhường áo, nhường nhà cho đồng bào tản cư của tỉnh bạn cùng xứ Quảng ngày xưa. Đó là những thành tích trở thành truyền thống rất tốt đẹp đáng được lưu truyền, phát huy và gìn giữ.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp trên mảnh đất quê nhà, người nông dân Quảng Ngãi đã từ thân phận của người nô lệ, bị áp bức lầm than, đã giành được chính quyền làm chủ vận mệnh của mình. Tỉnh Quảng Ngãi là một tỉnh tự do trong suốt chín năm đó. Nông dân Quảng Ngãi được sống trong độc lập tự do với tình Đảng, nghĩa đồng bào yêu thương gắn bó, chung sức chung lòng, vừa kháng chiến vừa chăm lo xây dựng cuộc sống no cơm, ấm áo của mình bằng sức lực, trí tuệ, mồ hôi nước mắt và kể cả xương máu của mình. Gian khổ mà vẫn vui tươi. Khó khăn đều cố kết đoàn mà vượt. Đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện. Tâm mắt được nhìn xa, trông rộng theo con đường của Đảng và Bác Hồ kính yêu đã vạch ra. Điều đó đã ghi được một dấu ấn lâu bền trong tâm hồn của mình không thể nào phai được. Nông dân Quảng Ngãi biết rõ đâu là chính đâu là tà để tiếp bước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã giành được thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng miền Nam vẫn còn trong tay giặc.

Một giai đoạn đấu tranh cách mạng mới lại bắt đầu. Cuộc chiến đấu đầy hy sinh với kẻ thù dân tộc còn đang tiếp diễn.

Nông dân Quảng Ngãi quyết không quản ngại hy sinh, nguyện đóng góp xứng đáng sức người, sức của vào cuộc chiến đấu mới của cả dân tộc. Lịch sử sẽ chứng minh cho sức sống của Đảng và lòng tin của người nông dân trong cuộc chiến đấu gay go và phức tạp, đẫm máu, biết đánh và quyết thắng tên đế quốc đầu sỏ mạnh nhất và hung ác nhất trong thế kỷ XX này.

Phần III

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRONG SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC 1954 - 1975

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là cuộc đọ sức đấu lịch sử lớn nhất từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, giữa một bên là các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, mà nhân dân Việt Nam là đội xung kích, với một bên là chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ tàn bạo nhất, ngoan cố nhất, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất trong thế giới tư bản.

Đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến tranh bằng tất cả sức mạnh của chúng, huy động mọi lực lượng có thể huy động được, phát huy đến mức tối đa sức mạnh của lục quân, không quân, hải quân, sử dụng những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, trừ vũ khí nguyên tử, tiêu phí với số tiền khổng lồ để thực hiện những chiến lược phản cách mạng hiểm độc nhất. Nhưng cuối cùng lịch sử đã chứng minh sự thất bại cay đắng của chúng tại mảnh đất Việt Nam oanh liệt này.

Như chúng ta đã biết, sau thất bại nhục nhã của đế quốc Pháp ở Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 được ký kết, công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt lịch sử cực kỳ quan trọng của cách mạng nước ta. Đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Miền Bắc đã được hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn chịu sự quản lý tạm thời của quân đội liên hiệp Pháp. Theo hiệp định Giơ-ne-vơ sau hai năm sẽ thực hiện tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc. Nhưng đế quốc Mỹ nhảy vào Việt Nam, âm mưu hất cẳng thực dân Pháp, phá hoại hiệp định, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, dựng lên chính quyền tay sai bán nước Sài Gòn với cái tên gọi là “Việt Nam cộng hòa”

Đứng trước âm mưu đen tối của đế quốc Mỹ, nhân dân cả nước ta sôi sục hờn căm, quyết đứng lên chiến đấu dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 21 năm của nhân dân ta là giai đoạn thử thách ác liệt và nghiệt ngã nhất vì phải chống trả với một kẻ thù hung ác nhất của thời đại và đã giành thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc chiến đấu kiên cường lâu dài, gian khổ, hy sinh và đầy bão táp đó, nông dân Quảng Ngãi đã thể hiện tinh thần yêu nước bất khuất qua từng giai đoạn lịch sử, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân dân Quảng Ngãi nói riêng và của cả nước nói chung.

Ý chí kiên cường và dũng khí đấu tranh của nông dân Quảng Ngãi đã được thể hiện rõ nét trong những chặng đường đánh bại từng âm mưu chiến lược của kẻ thù, từ “chiến tranh đơn phương” đến “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nông dân Quảng Ngãi đã không hề tiếc sức người, sức của, trí tuệ cùng quân dân trong tỉnh và cả nước từng bước đẩy địch lún sâu vào thế lúng túng bị động, đi từ thất bại này đến thất bại khác, dẫn đến thất bại hoàn toàn vào mùa xuân 1975. Mùa xuân tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước và đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Chương XI

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRONG NHỮNG NĂM ĐẤU TRANH ĐỂ GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, CHỐNG CHÍNH SÁCH “TỔ CỘNG” CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM, BẢO VỆ ĐẢNG, ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ (1954-1956)

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ được tiếp tục diễn ra dưới hình thức đấu tranh chính trị. Nghị quyết của Trung ương tháng 7 - 1954 đã nêu rõ : “cùng như kháng chiến, đấu tranh để giành lấy và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc là một quá trình đấu tranh gian khổ và phức tạp...”

Tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chung là : “Trong một thời gian nhất định, nhiệm vụ chung của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến và củng cố hòa bình”. Với cách mạng miền Nam, thì “nhiệm vụ trước mắt là phải đấu tranh đòi đòi phương thi hành đầy đủ hiệp nghị Giơ-ne-vơ; củng cố hòa bình, thực hiện

tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, không được khủng bố, đàn áp nhân dân và trả thù những người kháng chiến cũ, không được cướp giết lại ruộng đất cũng như các quyền lợi dân sinh, dân chủ mà cách mạng đã mang lại cho nhân dân”⁽⁶³⁾.

Ở tỉnh Quảng Ngãi, tháng 11-1954 đã thực hiện chuyển quân tập kết xong phía Bắc Quảng Ngãi (tính từ Sông Vệ trở ra). Đến tháng 5-1955 tập kết xong toàn tỉnh và cả Khu V.

Ngày 22-7-1954 Hồ Chủ tịch đã ra lời kêu gọi : “Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Để giành lấy thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và cán bộ từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí”⁽⁶⁴⁾.

Từ buổi đầu, sau khi hiệp định Giơ-nơ-vơ được ký kết, không khí hòa bình đã loan nhanh về tận những làng quê làm xúc động lòng người. Khắp vùng nông thôn đâu đâu cũng tổ chức mít tinh, biểu tình mừng chiến thắng, ủy hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa⁽⁶⁵⁾.

Ngày 2 tháng 9 năm 1954 hàng chục vạn nông dân Quảng Ngãi từ đồng bằng, ven biển, miền núi đã giong cao băng cờ biểu ngữ, phấn khởi kéo về sân bay Quảng Ngãi dự cuộc mít tinh do các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền Mặt trận tỉnh Quảng Ngãi và Khu V tổ chức để kỷ niệm 9 năm ngày cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh ngày 2/9, đồng thời chào

mừng thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống Pháp.

Những ngày hòa bình đầu tiên trên làng quê Quảng Ngãi, không chỉ có đoàn tụ mà còn có sự chia ly. Vừa vui mừng chiến thắng vừa phải thực hiện ngay nhiệm vụ chuyển quân tập kết ra Bắc, giao cho đối phương quản lý từng vùng đến quản lý toàn tỉnh⁽⁶⁵⁾. Những giờ phút đoàn tụ vui buồn ấy của gia đình và xóm làng sau những năm tháng chiến tranh thật ngán ngùi: “chưa vui sum họp đã buồn chia ly”.

Về phía địch, để tiếp tục đánh phá, ngăn cách phong trào cách mạng, bọn chúng biết Quảng Ngãi là một tỉnh tự do trong 9 năm kháng chiến chống Pháp một tỉnh có lực lượng cách mạng hùng hậu, nhân dân có tinh thần yêu nước cao, nên chúng đã dùng mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm, thâm độc nhất để đánh phá.

Địch đã gấp rút tập hợp bọn phản động dựng lên chính quyền từ tỉnh đến các làng xã. Đồng thời địch sử dụng bọn “Chí xéng” (quân phiến loạn Sơn Hà 1950) và đưa bọn lính Nùng từ miền Bắc vào để đánh phá phong trào cách mạng, trấn áp nhân dân. Chúng còn lập ra đảng phản động như “Cần lao nhân vị” bọn phản động lưu manh “Quốc dân đảng” và bọn đội lốt tôn giáo làm chỗ dựa chính trị cho Mỹ, ngụy. Địch rắp tâm xóa bỏ mọi thành tựu cách mạng và tước đoạt mọi quyền lợi của nhân dân do Đảng ta mang lại, trong chín năm kháng chiến. Chúng đổi huyện thành quận, đổi tên các xã, cướp lại ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân, xóa bỏ việc giảm tô giảm tức, ngăn cấm việc tự do đi lại làm ăn, hạn chế việc học hành, cấm các bài hát cách mạng v.v...

Đặc biệt nguy hiểm là dịch thực hiện quốc sách "tố cộng", "diệt cộng" với phương châm "giết lầm còn hơn bỏ sót" chúng bắt nhân dân học tập "sám hối", "ly khai cộng sản", "tố giác cộng sản nằm vùng", chúng lùng sục khắp hang cùng ngõ hẻm truy bắt, đánh phá các cơ sở cách mạng. Chúng biến trường học thành nhà tù, dựng lên hàng loạt nhà ngục để giam cầm, tra tấn, giết hại những cán bộ cách mạng của Đảng.

Ngày 16/7/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố : "Không có hiệp thương tổng tuyển cử. Chúng ta không ký hiệp định Giơ-ne-vơ. Bất cứ phương diện nào chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi hiệp định đó" ⁽⁶⁶⁾. Từ đó chúng đơn phương nổ súng đàn áp cách mạng, khủng bố nhân dân.

Kẻ địch ngày đêm rình mò, nghe ngóng, móc nối với một số bọn phản động đưa bọn nguy quân chiếm đóng các vùng quan trọng của huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ... Mặt khác chúng tăng cường gây rối và dùng áp lực uy hiếp cán bộ cách mạng và nhân dân, phát triển giáo dân..., tìm cách gây mâu thuẫn giữa các giáo phái, nâng đỡ thiên chúa giáo, chèn ép phật giáo.

Để xóa bỏ thành tích 9 năm kháng chiến, phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, chống tuyên cử thống nhất đất nước, chúng còn tuyên truyền tư tưởng phản động, nói xấu cộng sản, xuyên tạc chính sách cải cách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách dân công của Đảng và chính phủ ta v.v... Chúng ta còn tiến hành thanh lọc các thành phần, tìm cách nắm một số cán bộ, đảng viên thuộc thành phần địa chủ, phú nông bị động

chạm quyền lợi ruộng đất, tô tức, thuế nông nghiệp, đi dân công trong kháng chiến chống Pháp, bắt mãi đứng ra tố cáo đảng viên, khủng bố các gia đình tham gia kháng chiến, những gia đình có người đi tập kết ra Bắc. Chúng bắt buộc nông dân khắp vùng phải học tập chính trị, ly khai chồng con theo cách mạng, tịch thu tài sản, phá dỡ nhà cửa cán bộ đảng viên, xuyên tạc hiệp định Giơ-ne-vơ v.v... Người nông dân sống trong cảnh đời bị o ép ngột ngạt, nhiều gia đình cách mạng sống trong tình cảnh đau thương tan nát. Cùng với sự thanh lọc, củng cố hệ thống kìm kẹp từ tỉnh đến từng liên gia và dần rải một mạng lưới mật thám dày đặc. Dịch còn tiến hành những vụ lùng ráp bắt bớ, giam cầm và tra tấn nhục hình, cướp phá qui mô; một tên thôn trưởng cũng có quyền ra lệnh bắt người giết tại chỗ. Chúng đã dùng những thủ đoạn tra tấn man rợ của thời Trung cổ : chôn sống, phơi thây, mổ bụng, moi gan, bêu dầu, lấy người, để thay trâu đấm trong các bữa ăn thê, uống huyết thê. Nhà tù mọc lên như nấm , xã nào cũng có trại giam. Nhà lao Quảng Ngãi chật ních người.

Trong chiến dịch “tố cộng” tàn ác đó, Mỹ-Diệm bước con phải giết cha, vợ phải bỏ chồng đi kháng chiến, đi tập kết, chúng còn cấm nông dân không được tự do đi lại làm ăn. Các cuộc sinh hoạt gia đình dù chỉ có ba người cũng bị coi là không hợp pháp. Mọi sinh hoạt bình thường của nông dân đều bị kiểm soát nghiêm ngặt. Dịch gây nên bầu không khí ngột ngạt, sợ sệt, nghi kỵ lẫn nhau hòng chia rẽ khối đoàn kết đấu tranh của nông dân.

Cùng với chính sách khủng bố triệt phá ở đồng bằng, bọn Mỹ-Diệm đã tiến hành hàng loạt âm mưu thủ đoạn đánh phá miền núi. Chúng biết đây là vùng căn cứ cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi. Bước đầu chúng tiến hành xây dựng bộ máy chính quyền ở các thôn, sóc, bắt thủ tiêu những cán bộ cách mạng, gây mâu thuẫn và kích động thù hằn dân tộc, xúi dục người Kinh và người Thượng sát hại lẫn nhau. Đồng thời chúng áp dụng thủ đoạn “dùng người dân tộc trị người dân tộc”, “dùng người dân tộc chống lại cách mạng”.

Chúng đưa hơn 2.500 lính người Hrê do tên Đinh Ngô, Đinh Ênh, Đinh Bồ Nhĩ cầm đầu từ Kon Tum về Quảng Ngãi khống chế nông dân các dân tộc. Mỹ-Diệm tìm cách mua chuộc tù trưởng Cà Rá và những người có thế lực, biến họ thành công cụ đàn áp đồng bào, đánh phá phong trào cách mạng. Tuy nhiên lúc đầu chúng tiến hành có phần dè dặt hơn. Đầu tiên chúng đánh phá những vùng người Kinh rồi, loan sang các xã chung quanh huyện lỵ, chúng lợi dụng lái buôn và bọn lưu manh đưa đường tiến lên vùng cao sục sạo từng thôn sóc, tàn sát dã man đồng bào dân tộc. Ở xã Trà Thủy, Trà Sơn (Trà Bồng) bọn chúng đã giết chết một lúc 13 người và bắt đi nhiều người khác. Ở huyện Sơn Hà chúng bắn chết một lúc 22 người. Trong toàn tỉnh số người bị chúng bắt ngày càng tăng lên rất nhanh, trung bình mỗi thôn có 1.500 người đến 3000 người dân thì ít nhất có 300 người bị bắt đánh đập tra tấn. Ở thôn An Điền xã Bình Chương (Bình Sơn) chỉ có 1000 dân mà có tới 5 trai giam. Điều đó chứng tỏ mức độ khủng bố, đàn áp của địch trong thời kỳ đầu của chế độ Ngô Đình Diệm là rất khốc liệt và tàn bạo.

Sau chiến dịch “tố cộng” đợt 2, nhất là sau ngày 20/7/1956 địch tổ chức ăn mừng phá được hiệp thương tuyến cử để kích động tinh thần bọn nguy quân, nguy quyền ra sức đánh phá phong trào cách mạng. Hàng loạt những chiến dịch được bọn chúng triển khai để hòng thực hiện mưu đồ đen tối đó.

Người nông dân Quảng Ngãi sống trong những năm tháng đầy bão táp đó; mọi tình cảm, tư tưởng và sinh hoạt cuộc sống bị đảo lộn bởi những âm mưu thủ đoạn độc ác của kẻ thù.

Đứng trước tình hình đó ngày 25/10/1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi, sau khi rút vào hoạt động bí mật đã họp tại chân núi Cà Đàm (Trà Bồng) đã đề ra nhiệm vụ và những chủ trương lớn để chỉ đạo phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, trong đó chú trọng nhiệm vụ gìn giữ lực lượng, giữ vững phong trào cách mạng ba vùng : miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, tiến hành công tác tổ chức đảng và quần chúng đi vào bí mật, phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, xây dựng căn cứ địa ở miền Tây...

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp hội nông dân trong tỉnh đã hướng dẫn cho hội viên học tập để thấy rõ ý nghĩa thắng lợi to lớn của kháng chiến chống Pháp, quán triệt nhiệm vụ đoàn kết đấu tranh chống địch, xác định quyết tâm bước vào cuộc chiến đấu mới. Nhân dân tích cực dùng mọi biện pháp, kể cả tận dụng các phong tục tập quán của đồng bào dân tộc để hạn chế, ngăn chặn sự đánh phá của địch, bảo tồn lực lượng cách mạng, bảo vệ cán bộ, đảng viên của Đảng.

Chính nhờ vậy mà ngay trong những năm tháng đen tối nhất, cách mạng vẫn xây dựng được lòng tin trong nhân dân nói chung và nông dân Quảng Ngãi nói riêng.

Trong một thời gian ngắn, thực hiện các chủ trương trên, ta đã hạn chế được tổn thất, sắp xếp lại lực lượng quân chúng nông dân, xây dựng được một số căn cứ ở miền núi và đồng bằng, tổ chức được lực lượng hợp pháp, nửa hợp pháp và những tổ chức biến tướng như tổ chức tuần sương ở đồng bằng, tổ chức giữ rẫy ở miền núi... để bảo vệ thôn xóm. Tổ chức này gồm những thanh niên nông dân tốt, hoạt động dưới danh nghĩa chống trộm cắp, nhưng thực chất là để đánh trả các lực lượng phản động ác ôn của địch, bảo vệ cán bộ cách mạng và nhân dân.

Có những nơi nông dân ta không chịu nổi sự đàn áp, khủng bố của địch đã tự phát vùng lên dùng rựa, gậy gộc, đòn xóc, bô cào đánh trả lại địch như vụ Bình Dương (Bình Sơn) vụ Tịnh Thiện (Sơn Tịnh). Ở Tịnh Thiện ngày 21-11-1954, tên quận trưởng Sơn Tịnh lệnh cho Hội đồng hương chính xã cướp lúa kênh của nông dân. Cuộc đấu tranh của nông dân Tịnh Thiện đã giằng co với địch trong 5 ngày liền (từ 21 đến 25-11-1954) ngày 26-11-1954 địch tăng cường lực lượng công an quận và hàng trăm tên lính xuống đàn áp, đánh chết đồng chí Nhấn (cán bộ nông hội xã) bắt đồng chí Lê Ngọc (chi ủy viên). Hàng trăm nông dân đã bao vây đấu lý với địch và số người đấu tranh kéo tới ngày càng đông. Địch hoảng hốt xả súng bắn bừa giết hại thêm ba nông dân nữa, thế là bà con nông dân rùng rùng nổi dậy với tất

cả phương tiện có trong tay đánh trả quyết liệt. Anh Trương Ngựa dùng cuộc đập chết tên Tôn Long Khả (Công an quận). Đồng bào dùng đòn xóc, bả cào, dao phát bờ đánh chết 7 tên khác, đồng thời bắt giam các tên Lê Cam, Đào Sâm, Nguyễn Thìn... bọn địch hoang mang tháo chạy.

Đêm 26-11-1954 đồng bào sắp tử thi ^{của} bà con nông dân bị địch sát hại, nhốt những tên địch bị bắt, tổ chức canh gác, nổi đèn đuốc sáng rực, kiên quyết đấu tranh đòi địch bồi thường nhân mạng, trả lại lúa kèngh cho nông dân. Sáng 28-11-1954 địch đưa 2 đại đội lính xuống giải vây cho số lính bị bắt và mang xác những tên bị giết về quận.

Tháng 10-1955 địch bày trò trưng cầu dân ý để phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống với khẩu hiệu: "Con xanh (Bảo Đại) bỏ giỏ, con đỏ (Ngô Đình Diệm) bỏ thùng". Nhưng nhiều nơi nông dân ta đã vứt cả con xanh, con đỏ vào sọt rác, bỏ phiếu cho Cụ Hồ Chí Minh, hoặc bỏ vào thùng phiếu các khẩu hiệu viết sẵn "đả đảo Mỹ - Diệm", "ủng hộ Hồ Chí Minh" "ủng hộ Chính phủ VNDCCH"...

Để thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi bà con nông dân đã tích cực hưởng ứng đợt đấu tranh công khai đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, quan hệ bình thường Nam-Bắc diễn ra từ năm 1955 đến năm 1956, ngày càng lên mạnh. Ngày 20/7/1956, trong khi bọn địch tổ chức ăn mừng thắng lợi phá được hiệp thương tuyển cử thì nhiều cuộc mít tinh biểu tình của nông dân đã

diễn ra khắp nơi trong tỉnh, lôi kéo hàng chục vạn người tham gia, nhất là nông dân ở các huyện miền núi.

Tại Đức Phổ, nông dân ở các huyện miền núi ra đồng sản xuất, mọi người đều mặc đồng phục để biểu thị tinh thần đoàn kết, quyết tâm chống địch. Nông dân sôi nổi ký vào kiến nghị để đấu tranh. Trong khi đó nông dân Thu Xà (Tư Nghĩa) nằm lẩn giữa đường cản đầu xe không cho địch bắt người thân đi dinh điền.

Nông dân Sơn Tịnh, Bình Sơn kéo đến trụ sở ngay quyền chất vấn, đưa kiến nghị. Cuộc đấu tranh đòi thi hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà đã diễn ra liên tục và rộng khắp các vùng nông thôn, miền núi, ven biển trong tỉnh.

Ở huyện Sơn Hà hơn 300 đồng bào nông dân Kinh - Thương hàng ngũ chỉnh tề có băng cờ khẩu hiệu kéo đến Di Lăng đòi địch phải hiệp thương với miền Bắc để tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Tên Đinh Ngô (quận trưởng) Đinh Ênh (đồn trưởng) đã ra lệnh cho lính dùng cây, gạch, đá đàn áp cuộc đấu tranh, dùng 6 năm mây (khoảng 300 sợi) còng trói nông dân ta.

Thế là xảy ra một cuộc xô xát, nứu kéo, la hét của đồng bào vang động cả một vùng, phản đối Ngô, Ênh đánh, trói dân. Địch buộc phải mở trói cho dân nhưng bắt một số người mà chúng cho là cầm đầu chở xuống Hà Thành. Ba ngày liền bà con nông dân biểu tình ngồi trước sân đồn Di Lăng đòi thả những người bị bắt, đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Các mẹ già, em bé chạy đi chạy lại như con thoi để chăm lo tiếp tế cơm nước, trâu thuốc cho 300 đồng bào đấu tranh tại đồn Di Lăng. Cuối

cùng buộc địch phải thả những người bị bắt, hứa sẽ đưa nguyện vọng của đồng bào lên thượng cấp.

Ở huyện Trà Bồng bà con nông dân đã biến buổi lễ đâm trâu ăn mừng của bọn ngụy quyền sau các đợt “tố cộng” thành một buổi ca ngợi cách mạng, tri ơn công lao to lớn của Bác Hồ. Trong những ngày nước sôi lửa bỏng đó, bọn địch bày ra những trò tiệt chủng, đình đám “tri ân Ngô Tổng thống” để tỏ lòng trung thành với cái chế độ gọi là “chính nghĩa quốc gia”. Nhưng tất cả những trò bịp ấy đã bị các già làng yêu nước vạch trần. Trong lúc bọn chúng đang làm lễ đâm trâu ăn mừng ở huyện Trà Bồng thì một cụ già làng đã đứng lên hát một bài hát dân tộc theo điệu Cà-lu tế thần với những lời bóng gió ca ngợi niềm tin vào cách mạng và châm chích lũ giặc hung tàn:

Trâu này là trâu của đồng bào

Núi nước đã nuôi trâu khôn lớn

Trâu ăn cỏ núi, cỏ ánh mặt trời⁽⁶⁷⁾

Ta nhớ ông trời...

Ta thương ông trời, công ơn trời biển.

Nhiều hơn lông trên mình trâu.

Núi, nước, nhân dân chỉ có một mặt trời

Mặt trời trở về vạn cổ hết lũ chúng bây.

Phải nói rằng trong thời gian địch đánh phá quyết liệt ở huyện Trà Bồng, nhưng không có một cán bộ đảng viên nào hoạt động hợp pháp bị giặc bắt và không có cán bộ nào đầu hàng, đầu thú với địch.

Để quản lý chặt chẽ người nông dân, bọn nguy quyền đã theo dõi sát sao từng làng; chúng lập danh sách từng gia đình và buộc phải treo trước cửa nhà, bọn chúng còn chụp ảnh làm thẻ căn cước cho từng người sống đồng bào ta viện nhiều cố để thoái thác và phản ứng dưới nhiều hình thức phong phú. Bọn địch bắt buộc phải chụp ảnh để làm thẻ căn cước thì đồng bào viện cố sợ ma không làm. Hoặc khi chúng lùng sục vào các làng nóc để rình bắt cán bộ cách mạng thì đồng bào đặt ra lệ kiêng cử, cấm không cho ai đi lại trong làng, hoặc khi địch bắt buộc treo ảnh Diệm, treo cờ ba que thì đồng bào nông dân đem treo ngược ở xó tối hoặc chuồng heo rồi nói với chúng là làm theo phong tục địa phương, nếu treo như quốc gia thì ma bắt cả làng v.v...

Điều đáng chú ý là phong trào đấu tranh quyết liệt và sôi động của nông dân miền Tây Quảng Ngãi nói chung trong giai đoạn này chủ yếu là đấu tranh chính trị, nhưng đồng bào các dân tộc đã lợi dụng khả năng hợp hạp sẵn có của mình để sử dụng các loại vũ khí như dao, ná để chống địch, làm cho địch phải dè dặt không dám ngang ngược lấn tới. Tuy ở đồng bằng địch đánh phá ác liệt có gây cho ta những tổn thất khổ khăn, nhưng ở các xã vùng cao: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long đồng bào đã kiên quyết đấu tranh không cho bọn địch lập bộ máy kìm kẹp. Chính tên quận trưởng Trà Bồng đã phải thú nhận trong một cuộc hội nghị kiểm điểm thực thi chính sách "tố cộng" "diệt cộng" của Diệm rằng: "hơn một năm rưỡi tố cộng, toàn quận Trà Bồng chưa bắt được một đảng viên, cán bộ nằm vùng nào..."

Từ cuối năm 1955 bọn địch tập trung đánh phá miền núi thì hàng loạt thanh niên nông dân vùng dân tộc đã hăng hái tham gia tích cực thay phiên nhau canh gác, bảo vệ, dẫn đường, đưa thư, tiếp tế cơm nước cho các cán bộ, đảng viên cộng sản; các nam nữ thanh niên dân tộc đã núp dưới danh nghĩa “nhóm sản xuất”, “nhóm giữ rẫy”; song thực chất đó là các cơ sở trung kiên của cách mạng, họ là những người can đảm, có dũng khí bảo vệ cách mạng, tự nguyện tham gia với ý chí hăng say nhiệt tình không kể ngày đêm, mưa rét, vượt qua mọi khó khăn để bảo vệ cán bộ cách mạng bảo vệ cơ quan chỉ đạo của Đảng các cấp trong tỉnh và nhân dân trong làng nóc.

Có thể nói đây là giai đoạn người nông dân đồng bằng và miền núi Quảng Ngãi được rèn luyện trong máu lửa đấu tranh để chuẩn bị vươn lên và vượt qua thời kỳ khó khăn lớn trong buổi đầu đưa phong trào cách mạng tỉnh nhà tiến lên một bước mới, tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, góp phần cùng quân dân cả tỉnh vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Chương XII

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI GÓP PHẦN CHỐNG TRẢ CHÍNH SÁCH KHỦNG BỐ CỰC KỲ DÃ MẠN CỦA MỸ - DIỆM, ĐƯA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN LÊN (1957 - 1960)

Sau khi phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử, Mỹ-Diệm ra sức tấn công phong trào cách mạng và tuyên bố: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17" "lấp sông Bến Hải" "Bắc tiến" "Quyết tâm diệt cộng" và phương châm "giết lầm hơn bỏ sót". "Bọn chúng tiến hành mạnh hơn ở miền núi và trong toàn tỉnh, hồng đim ngập phong trào cách mạng trong biển máu. Chúng liên tiếp mở đợt II rồi đợt III "tố cộng". Cứ mỗi đợt "tố cộng" là biết bao cảnh đầu rơi, máu chảy, gây nên tình hình rối ren, phức tạp ở khắp vùng nông thôn, làm cho một bộ phận nông dân hoang mang, khủng hoảng lòng tin, ngờ vực lẫn nhau. Chúng bắt đảng viên tố cáo lẫn nhau, xé cờ Đảng, ly khai Đảng, làm tường thuật, cam đoan sấm hối v.v..chúng buộc những gia đình có thân nhân đi kháng chiến phải kê khai danh sách rồi phân loại hành

hạ đủ điều. Nhiều đảng viên phải thay đổi chỗ ở, một số tạm thời không hoạt động được, một số cơ sở đảng bị chúng phá vỡ, nhiều đảng viên, nông dân yêu nước bị bắt bớ tù đày hoặc bị xúc tát đi “di dân”, đi lập dinh điền, đồn điền ở Tây Nguyên.

Trong cuộc chiến đấu một mất, một còn với địch, người nông dân Quảng Ngãi đã thể hiện lòng trung thành với Đảng bằng nhiều hình thức đấu tranh vô cùng phong phú và đa dạng với những sáng kiến độc đáo, khôn khéo mà địch không thể buộc tội được. Nhiều nơi, khi nông dân bị địch buộc mỗi nhà phải viết khẩu hiệu chống cộng: ” còn cộng sản, dân còn đau khổ” thì quán chúng nông dân chỉ viết “còn cộng sản, dân còn” khi bị địch hạch hỏi thì nói là viết chưa xong, chúng buộc dân khẩu hiệu trên cửa thì dán dán giữa cửa, khi mở cửa thì không nhìn thấy. Nông dân còn đặt ra nhiều câu ca dao châm chích chính sách của chế độ Diệm như : “hoan hô Ngô thủ tướng, bao nhiêu công điền đem nướng sạch trơn”, “nhân dân phần uất căm hờn; nghìn năm còn nhớ công ơn Bác Hồ” hoặc khi nói về cờ đỏ sao vàng, nông dân có câu “một trăm thước vải trải ra, không bằng một thước xita nhộm điều. Nông dân đã nuôi dưỡng, đùm bọc cán bộ, đảng viên dưới hầm bí mật, khi bị địch bắt không bao giờ khai báo, như bà Lê Noa, ông Nguyễn Đức Huy ở Đức Chánh (Mộ Đức)... có thể nói ở khắp nơi trong tỉnh, từ miền núi đến đồng bằng, ở đâu cũng có nhiều gương dũng cảm, hy sinh bảo vệ cán bộ cách mạng. Các trại bí mật của thanh niên nam nữ nông dân miền núi

lần lượt ra đời ngày càng nhiều, càng đông. Chỉ nói ở huyện Trà Bồng từ những năm 1957, 1958 cuộc chiến tranh “diệt cộng” cướp quê của địch càng trở nên khốc liệt, hình thức đấu tranh “nửa hợp pháp, hợp pháp” của ta ngày càng thu hẹp lại. Các trại bí mật luôn dời địa điểm, các nhóm thanh niên nông dân trung kiên “sống thơi, chết thơi” tiến lên tổ chức luân phiên, dài ngày bên trại để tiện cho việc liên lạc, đồng thời để được học tập nhiều hơn. Mạng lưới bảo vệ cũng ngày càng được phát triển và được kiện toàn vững chắc hơn, không những là tai mắt của nông dân dân tộc trong làng nóc mà còn là hàng trăm, hàng ngàn chiến sĩ vũ trang cách mạng thâm lạng. Đó là chông, thò dưới dạng gài thú rừng của đồng bào dân tộc đã biến thành vũ khí rất có hiệu quả để chống giặc đi càn phá, lùng sục. Các tuyến “bố phòng hợp pháp” này đã bắt đầu một cuộc kháng chiến bí mật, bọn địch không hề hay biết, đã ngăn cản và làm tổn thất biết bao cuộc lùng vạy, bố ráp của địch. Trong thời điểm hoạt động cách mạng âm thầm này, nhiều thanh niên nông dân ở đồng bằng thoát ly lên căn cứ miền núi tìm Đảng. Còn nông dân các huyện miền núi như Trà Bồng thì hướng vào các “trại bí mật” nơi mà họ đặt niềm tin chiến thắng và ý chí chiến đấu chống kẻ thù cướp nước và bán nước. Họ chung sống với cán bộ, đảng viên ra sức học tập chính trị, văn hóa, làm thực nam, luyện tập quân sự và thực sự là lực lượng trung kiên của cách mạng, của Đảng.

Các trại bí mật được phát triển mạnh ở các huyện

Trà Bông, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ... , hình thành một lực lượng bất hợp pháp đông đảo. Sự ra đời của một lực lượng mang đầy khí thế cách mạng tự nguyện của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi đã truyền thêm sức mạnh cho cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, góp phần làm phong phú cho cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng do Đảng ra lãnh đạo, khiến cho kẻ thù phải e dè kiêng sợ.

Các nhóm trả đầu như, phó Nía đã lần lượt ra đời. Nhiều vụ diệt ác tự động đã xảy ra ở nhiều nơi, nhất là ở miền núi Sơn Hà, Ba Tơ..., gây tiếng vang lớn.

Tinh thần tiến lên của cách mạng miền Nam theo phương hướng phải dùng bạo lực đánh đổ kẻ thù, cũng đã được các cấp lãnh đạo xúc tiến trong thực tế, chuẩn bị cơ sở vật chất: gạo, muối, công cụ, súng đạn...

Nông dân miền núi và đồng bằng đã dùng mọi cách mua hàng và các nhu yếu phẩm cần thiết chuyên chở đưa lên căn cứ, gây nên khí thế mới cho cách mạng.

Ở xã Trà Khê (Trà Bông) có lúc giặc kéo lên dí súng bắt nông dân nóc Già Thiên, cầm roi gậy đánh những người chúng nghi là cơ sở cách mạng, đồng bào đã kiên quyết thực hiện lời thề: Người Cờ không đánh người Kinh. Khi bị giặc bắt đưa vào đồn, tống vào trại giam thì cả ngày đồng bào hát Xà-nu, a - giới, la ré, véo cho con khóc rống lên trong đêm khuya hoặc buổi trưa vào giờ chúng nghỉ, nhằm buộc địch phải thả họ về. Song khi bọn giặc tuyên bố cho về thì đồng bào lại phản đối

với lý lẽ là : về bản làng thì “quốc gia” bảo họ theo công sản, thà “quốc gia” nhốt mãi trong tù để chết còn hơn, nếu cho về phải để cho dân tự do làm ăn không nghi kỵ. Chúng buộc phải nới lòng gọi là “mở rộng dân chủ” thì đồng bào càng làm ồn ào, náo động, để rồi cuối cùng đại diện cho cái gọi là : “chính quyền quốc gia” huyện Trà Bồng phải nằng nể lấy lòng để họ nhanh chóng về làng. Già Chiêm một mặt khuyên nông dân, một mặt đấu tranh buộc địch bảo đảm đưa hết nông dân về Trà Khê. Tên sĩ quan ngụy buộc phải bắt tay “hoan nghênh” và “cắm ơn” cụ.

Khi đồng bào kéo nhau về làng bắt tay làm nương rẫy thì bọn giặc lại kéo lên lưng súc các nóc. Đồng bào vận động nhau sắp đặt bàn thờ cúng ông bà, ma quý, người khỏe mạnh đắp chiếu nằm rên, các nhà đều ráp ngô, không cho giặc vào nhà với lý lẽ cả làng đều óm đầu và đang cúng cử. Hàng trăm tên địch mang súng đành phải loanh quanh bên ngoài. Có tên ngoan cố đập rào vào sân, liền bị nông dân bao vây, kẻ nắm tay người nắm đầu buộc chúng phải tháo ra ngay. Một số tên giặc tức tối dọa bắn nhưng đồng bào la hét thách đố, bọn chúng phải chùn tay và đành phải uất ức rút lui. Khi địch rút khỏi xóm làng thì đồng bào dọn dẹp bàn thờ hò reo chiến thắng và tiếp tục công việc sản xuất.

Cuộc đấu tranh chống địch đang đòi hỏi mở rộng, liên kết nhiều vùng với những hình thức mới.

Từ ngày 7/7/1958 đến ngày 10/7/1958. Đại hội đoàn

kết các dân tộc toàn tỉnh tại Gò Rô thuộc xã Trà Phong (Trà Bồng) đã được tổ chức. Đại hội là biểu tượng của tinh thần đoàn kết toàn dân cho ý chí cách mạng và nguyện vọng độc lập tự do thống nhất nước nhà của nhân dân Quảng Ngãi.

Trên 70 bô lão và cán bộ kháng chiến tóc đã hoa râm cùng với đại biểu nông dân lớp trẻ thuộc các dân tộc Kinh, Cor, H'rê, Cà Dong..., đã về dự đại hội Gò Rô lịch sử này.

Chính nơi đây, từ những năm 1937, 1939 đã diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa nghĩa quân người Cor trong phong trào "Nước xu đỏ" với quân của thực dân Pháp xâm lược, những hình ảnh lịch sử 20 năm trước như sống lại trong trí óc và tâm khảm của những đại biểu dự đại hội Gò Rô.

Cụ Chân, người chỉ huy trận đánh Gò Rô năm xưa đã hy sinh; nhưng cụ Bung, người thay thế cụ Chân và một số nghĩa quân Cor chiến thắng trận Gò Rô năm ấy nay cũng có mặt tại đại hội. Cụ Tài-người chỉ huy căn cứ Nước Tang, anh Thuộc (con trai cụ Phó Mục Gia) người đã diệt tên quan ba Pháp (ba Bọt Tờ) đồn trưởng Trà Bồng năm 1942, nay cũng hăm hở về dự đại hội: Về dự đại hội còn có Phó Nía, một thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp ở Sơn Hà trước năm 1941, anh Lành là đại biểu trẻ của nông dân Sơn Hà.

Đồng chí Phạm Thanh Biền, đại diện cho Tỉnh ủy báo cáo trước đại hội tinh thần nghị quyết của hội nghị

Tỉnh ủy bên bờ sông Tang và chỉ thị tháng 5/1958 của Liên khu ủy 5 về việc tổ chức và hoạt động của lực lượng tự vệ vũ trang bí mật. 200 đại biểu đã chăm chú lắng nghe từng lời trong nghị quyết.

Trong suốt đại hội nhiều ý kiến phát biểu sôi nổi nói lên tâm tư nguyện vọng, ý chí quyết chiến, quyết thắng đối với bọn Mỹ - Diệm. Tiếng nói của tuổi già hòa chung với tiếng nói của tuổi trẻ, tạo thành sức mạnh của nhân dân Kinh - Thượng toàn tỉnh Quảng Ngãi. Tinh thần nghị quyết của Khu ủy 5 được truyền đạt đã đi vào trái tim và khối óc của những người tham gia đại hội.

Giữa buổi tiệc rượu pha huyết thê, cụ Triều - người chiến sĩ kiên cường suốt 20 năm hằng say chiến đấu, đại diện cho nhân dân vùng cao và đường rừng; cụ Kiên, đại diện cho nhân dân vùng thấp của đường nước đứng lên nhận lá cờ của Đảng trao, cờ có thêu dòng chữ: "suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng". Hai cụ nghiêm trang nhắc lại những việc làm cụ thể của mỗi đại biểu khi trở về địa phương:

1- Kêu gọi nông dân các dân tộc đoàn kết chung quanh Đảng, kiên quyết chống Mỹ và bè lũ tay sai cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

2- Động viên nông dân bố phòng chống thú rừng đồng thời chống giặc, cứ mạnh dạn bố phòng, hoặc cứ bố phòng rồi báo cho giặc biết sau.

3- Thuyết phục nông dân bỏ lối "kinh tế leo cây" (đi hái trái cây, đào củ rừng thay gạo), đẩy mạnh sản xuất,

phát triển trồng mì, thực hiện tiết kiệm để có ăn và có dự trữ.

4- Động viên từng nóc, từng nhà bằng đủ mọi cách có thể mua sắm dự trữ muối, vải, nông cụ đủ dùng trong ba năm hoặc lâu dài hơn.

5- Kiên quyết không cho con cháu đi lính nguy, vào “dân vệ”, làm tay sai cho giặc. Gia đình nào có con em lầm đường phải tìm cách gọi về, ai ngoan cố phải chịu trách nhiệm với xóm làng, các cụ già và xóm làng sẽ không bảo đảm tính mệnh về sau này.

6- Xã nào có đồn giặc, có bọn lính, bọn nguy quyền, bọn “dân vệ” hoặc đã nhận súng hoặc còn tay không, nóc nào còn bọn “bình định nông thôn” phải theo rời nắm chắc tranh thủ giáo dục cho chúng quay về không gây tội ác với nông dân hoặc đồng tình ủng hộ nông dân chống địch.

7- Động viên số thanh niên còn lại ở các nóc đi thoát ly để khỏi sa vào tay giặc mà chết thối, chết mục, chết nhục.

8- Giải thích kêu gọi nông dân các dân tộc xóa bỏ mê tín dị đoan có ảnh hưởng trở ngại đến đời sống, sản xuất, hoạt động của cách mạng.

9- Triệt để thực hiện “3 không” (không nghe, không thấy, không biết), cảnh giác với âm mưu địch, giữ gìn bí mật để bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng.

10- Mỗi đại biểu dù tuổi già, sức yếu sẽ đem hết sức

mình làm gương cho con cháu, phổ biến tin'ì thần đại hội GòRô cho tất cả các cụ già, cho toàn thể nhân dân để mọi người nhất trí đoàn kết hạ quyết tâm, phối hợp hành động, cùng nhau thi đua giành kết quả tốt nhất.

Nội dung và lời thề của đại hội GòRô đã nhanh chóng phổ biến tận nhân dân.

Từ các làng nóc của núi rừng Trà Bồng, các thôn xóm của miền Tây Quảng Ngãi, đều tổ chức hội nghị dạy chuyên, để nông dân được nghe truyền đạt từng ý từng lời của nghị quyết đại hội GòRô. Từ đó khắp miền Tây Quảng Ngãi đã dấy lên một khí thế mới trong đấu tranh chống Mỹ-Diệm. Nông dân các dân tộc miền núi Quảng Ngãi vượt qua hy sinh, mất mát đau thương, khẩn trương chuẩn bị cho những trận chiến đấu mới.

Nông dân vùng Trà Tân, Trà Bùi, Trà Thọ vẫn bảo vệ vững chắc khu căn cứ an toàn của tỉnh, địch không thể lập được nguy quyền và không thể càn quét, đánh phá được. Nông dân cả vùng cao Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ...làm rất nhiều "rẫy cao" để có lúa, bắp, mì dành riêng nuôi cán bộ Đảng, cán bộ cách mạng, dù có lúc thiếu đói cũng không ăn đến. Nhiều nơi nông dân các dân tộc đã thẳng tay trừng trị bọn ác ôn, như chị Hơ Brui ở Sơn Thành dùng rìu bổ củi diệt một tên trung úy nguy. Mẹ Hơ Lăng ở Sơn Thủy bị địch bắt chôn sống đã đội mồ đứng lên về nhà xách dao vào đồn địch tìm chém

tên Nhu ác ôn đã chôn sống bà v.v..

Ở nông thôn đồng bằng, cuối năm 1958 đến 1959 nhiều cơ sở cách mạng được phục hồi. Một số đồng chí bị tù lần lượt được trở về hoạt động. Trên địa bàn nông thôn đồng bằng, nông dân yêu nước đã phối hợp với lực lượng cách mạng bất hợp pháp, tổ chức nhiều vụ diệt ác trừ gian, gây rúng động cho bọn nguy quyền cơ sở. Thực hiện chủ trương rút thanh niên thoát ly lên căn cứ tham gia các lực lượng cách mạng. Hàng loạt cán bộ ở nông thôn trong tỉnh hưởng ứng tham gia sôi nổi. Một số hầm vũ khí đã được đào lên. Cơ sở ở Ba Tư đã vận động một số dân về nộp súng cho cách mạng.

Đánh hơi được tình hình các lực lượng cách mạng, có không khí mới, địch càng tăng cường khủng bố tràn lan, tìm mọi cách tách rời nông dân với cách mạng, tiến hành rào vi, tập trung các gia đình nông dân ở nơi hẻo lánh vào giữa xóm để kiểm soát. Bọn liên gia trưởng, ấp trưởng tăng cường kìm kẹp chặt các gia đình bị tình nghi là Việt cộng, bắt buộc phải trình diện hàng ngày. Tuy vậy bọn chúng vẫn lộ rõ tinh thần suy yếu, hoang mang; ban ngày thì chúng tác oai tác quái nhưng ban đêm đều tìm đường trốn đi ngủ ở đồn bót, nên hoạt động của ta cũng bớt khó khăn. Cán bộ cách mạng đêm đêm vẫn hoạt động bám sát nông dân tuyên truyền và xây dựng cơ sở, nhiều tổ chức cách mạng trong nông thôn được hình thành và phát triển.

Trong thời gian này, cùng với chính sách “tố cộng”

bọn Mỹ-Diệm chủ trương cướp lại đất công điền của nông dân đang canh tác để dấu giá lấy tiền. Đồng thời tiến hành thanh lọc dân chúng rồi cưỡng ép di dân, ráo riết bắt lính để tăng cường cung ứng cho các binh chủng của chúng.

Mặt khác, chúng biến nông thôn miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của các nước đế quốc, với khẩu hiệu “hữu sản hóa nông dân” “tư sản hóa địa chủ” v.v...

Đứng trước tình hình chế độ độc tài Diệm - Nhu hoành hành như vậy. Nông dân trong tỉnh, được sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, đã đấu tranh quyết liệt để bảo vệ công điền, công thổ, chống chính sách di dân của chúng. Nhiều nông dân quyết bám giữ nơi chôn nhau cắt rốn, ôm giữ cột nhà không cho bọn chúng phá dỡ, quyết bám trụ với ý chí “một tác không đi, một li không rời” thậm chí có nông dân bị chúng xúc bỏ lên xe đã liều chết nhảy xuống.

Đặc biệt trong những năm này bọn Diệm ra sức thực hiện cái chủ trương cực kỳ phản động với tinh thần như chúng đã làm “giết lầm hơn bỏ sót”, “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật” trong luật 10/59 hùng tiêu diệt những người cộng sản. Chúng lê máy chém đi khắp nơi nhằm tiêu diệt cách mạng. Đây là thời kỳ bọn địch không thể cai trị nông dân bằng đường lối chính trị nịnh dân phản động được nữa mà đã bộc lộ nguyên hình của một tập đoàn tay sai bán nước, dùng bạo lực phát xít để

đàn áp và cai trị, báo hiệu thời kỳ suy yếu và suy sụp có tính qui luật của chúng.

Qua thực tiễn tình hình từ khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ cho đến lúc này, mặc dù bằng nhiều biện pháp tàn bạo và lừa mị “quốc gia, dân chủ”, đi đôi với “tố cộng”, “diệt cộng” đàn áp khủng bố dã man, Mỹ-Diệm cố gây cho ta tổn thất lớn. Nhưng qua đó, bộ mặt xâm lược của đế quốc Mỹ và phần dân hại nước của tập đoàn Ngô Đình Diệm ngày càng bộc lộ rõ. Đại đa số nông dân đã không hề khuất phục, đã từng bước đấu tranh gìn giữ lực lượng, giành thắng lợi từng phần để tiến lên với khí thế và lực lượng mới đang ra sức hồ hởi chuẩn bị vật chất, tinh thần theo phương hướng Đảng đã đề ra.

NÔNG DÂN VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI 1959

Miền Tây Quảng Ngãi là địa bàn cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của tỉnh nhà. Nhân dân các dân tộc miền Tây có truyền thống đấu tranh lâu đời chống chế độ và ách áp bức bóc lột của bọn phong kiến và đế quốc xâm lược. Từ phong trào “Nước xu dỏ” chống sưu, chống thuế trong những năm 1937, 1938, cho đến những cuộc chiến đấu nảy lửa ở Gò Rô Trà Bồng 1939, 1942...

Bước vào năm 1959 phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi đã đứng trước một thử thách lớn. Mỹ-Điệm đã chia Quảng Ngãi ra làm 3 vùng để áp dụng các biện pháp đánh phá khác nhau. Những nơi mà chúng cho là có lực lượng cách mạng, nhất là ở căn cứ miền núi thì chúng mở những cuộc hành quân càn quét lớn. Ở những nơi mà lực lượng hai bên giằng co tranh chấp thì chúng dùng bảo an, dân vệ hoạt động ráo riết ngày đêm để đánh phá cơ sở, lùng bắt cán bộ. Còn những nơi do chúng kiểm soát thì tăng cường các hình thức kim kẹp, khống chế, bắt nhân dân phải khuất phục.

Cả miền Tây Quảng Ngãi thuộc loại vùng đánh phá bằng các cuộc hành quân càn quét lớn. Giữa năm 1959 Mỹ-Diệm huy động sư đoàn 22 ngụy, mở cuộc càn quét lớn lên miền núi Quảng Ngãi, nhất là ở Trà Bồng, nơi chúng biết có cơ quan lãnh đạo tỉnh đóng và vùng cao Sơn Hà, Ba Tư. Chúng tiến đánh liên tục nhiều ngày, nhiều lần và gây nhiều tội ác, xâm phạm nghiêm trọng đến phong tục tập quán của đồng bào. Chúng bắn giết nhân dân, hủy diệt mùa màng, phong tỏa kinh tế. Còn bọn bảo an, dân vệ truy tìm cán bộ, uy hiếp nhân dân, lập lại ngụy quyền ở những nơi suy yếu, nhằm dọn đường cho cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn khóa 2.

Trong lúc Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi ra sức chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đọ sức với giặc, thì Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã được triển khai ở Quảng Ngãi, soi sáng và cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng.

Một ngày tháng 7/1959 tại căn cứ cách mạng của tỉnh nhà ở Trà Bồng, Tỉnh ủy tổ chức cuộc hội nghị học tập Nghị quyết 15 cho cán bộ lãnh đạo các cấp trong tỉnh, trong lúc địch đang mở cuộc càn quét lớn. Hội nghị đã phải mấy lần dời địa điểm học tập, có lúc chỉ cách địch từ một đến hai km. Hội nghị vẫn được bảo vệ an toàn cho đến ngày cuối cùng. Một tinh thần mới, một khí thế mới đã được dấy lên trong cán bộ lãnh đạo các cấp trong tỉnh.

Sau hội nghị, tinh thần của Nghị quyết 15 được lan lượt học tập và phổ biến trong Đảng và quần chúng, đã

động viên mạnh mẽ ý chí quật khởi của toàn dân. Khắp nơi cán bộ nông dân náo nức chuẩn bị sẵn sàng bắt tay vào cuộc đấu tranh một mất, một còn với bọn giặc cướp nước và bè lũ tay sai bán nước.

Trong lúc bọn địch tiến hành càn quét, đốt phá, cướp bóc tài sản của nông dân các dân tộc, một số đồng bào đã sẵn sàng tự tay đốt phá hết nhà cửa rồi kéo nhau vào sâu trong rừng rậm, trên các đỉnh núi cao, không để địch bắt người, cướp lúa gạo, heo gà. Có một số làng phân công các cụ già và trẻ em ở lại làng để giữ nhà, chăm sóc những người đau yếu, bệnh tật chưa đi được, sẵn sàng đấu tranh với địch và nắm tình hình hoạt động của địch. Trong các cuộc càn quét, cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ, đốt phá rừng quế, súng nổ ở khắp núi rừng Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà, Ba Tơ.

Cán bộ ta đã bám sát từng làng để hướng dẫn và cùng đồng bào đấu tranh quyết liệt.

Tuy bọn địch hung hăng nhưng cũng chỉ dám đi trên những con đường lớn, lướt qua rồi rút nhanh, chưa dám đi sâu vào núi. Những cuộc hành quân qui mô dài ngày đó đã được báo chí, đài phát thanh Mỹ-Ngụy tuyên truyền là chiến công rực rỡ, có một không hai của quân đội "quốc gia" chào mừng luật 10/59 ra đời. Ngoài những tội ác của giặc là bắn giết, hãm hiếp, cướp bóc, đốt phá, còn hành động dã man hơn nữa là phá trụi những rừng quế non xanh đang nhú mầm, nhổ lúa non, đánh gãy bắp (ngô) đang kết trái, đâm thủng, đập vỡ nhiều nồi đồng, chiêng đồng của ông bà xưa để lại. Bọn chúng đã

xâm phạm nghiêm trọng đến phong tục cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số, gây nhiều tổn thất cho nông dân Trà Bồng, vùng cao Sơn Hà, Ba Tơ... làm cho ngọn lửa căm thù giặc càng bốc cao hơn, nhất là ở huyện Trà Bồng.

Tiếp đó, địch lại tiến hành cuộc hành quân mang tên "Thượng du vận" hết sức mị dân. Chúng không công khai đốt phá bắn giết, hãm hiếp, cướp bóc như trước mà kêu gọi nông dân đi bầu cử quốc hội thật đông để "tri ân" Ngô Tổng thống, để tỏ "thiện chí quốc gia".

Chúng mở chiến dịch tuyên truyền bầu cử quốc hội ngay ở khắp nơi, từ trại lính đến quán xá, lều chợ, kể cả các làng nóc xa xôi hẻo lánh.

Tỉnh ủy đã có chủ trương cụ thể cho từng vùng, chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn nhân dân chống trở hễ bầu cử của địch. Khu căn cứ an toàn và các xã vùng cao Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long...lãnh đạo nhân dân kiên quyết tẩy chay bầu cử, không ai đi bỏ phiếu, địch đến thì lánh né, địch khủng bố thì đánh trả. Các xã vùng thấp, tạo điều kiện hợp pháp để tránh đi bầu cử v.v...

Ở huyện Trà Bồng địch chia thành 3 khu vực bầu cử với 3 hòm phiếu đặt ở 3 cứ điểm, mà chúng cho là an toàn nhất: Đồn Đá Líp với một hòm phiếu cho các xã phía Bắc huyện, đồn Tà Lạt cho các xã phía Nam và quận lỵ Trà Bồng cho các xã phía Đông. Mỗi khu vực đều do một đồn chính và các đồn bót chung quanh với hàng

ngàn tên lính và nhân viên nguy quyền khổng chế.

Để chống trò hề “bầu cử quốc hội” của địch, trưa ngày 18/8/1959, nông dân các dân tộc trong toàn huyện Trà Bồng đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn, hàng ngũ chỉnh tề, từ khắp mọi ngả đường nông dân đổ về quận lỵ hô vang khẩu hiệu “đả đảo bầu cử quốc hội” và hét hú náo động cả núi rừng Trà Bồng. Ảnh hưởng cuộc biểu tình vang dội đến tận Đông Phú, Bình Hòa, cầu Bà Lãnh, Thạch An (Bình Sơn), bọn lính ở trong đồn xông ra chặn các ngả đường và nổ súng đàn áp cuộc biểu tình. Những cuộc đấu lý, trì kéo nhau diễn ra mỗi lúc càng căng. Quận lỵ Trà Bồng đông nghẹt người, ồn ào náo động cả thị trấn. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ làm ngòi nổ cho phong trào, bà con nông dân của các xã vùng cao lần lượt kéo nhau về núi.

Theo đúng kế hoạch đấu tranh đã vạch ra những đồng bào ở nhà tích cực làm nhiệm vụ bộ phòng vì cất dấu tài sản, ra tận đầu làng vui mừng tiếp đón những người vừa đấu tranh trở về rồi cùng nhau trao đổi những việc làm mới.

Đúng như dự đoán, ngay ngày hôm sau quân địch kéo đến đàn áp. Nhưng hai xã Trà Giang, Trà Thủy không còn một bóng người. Bọn chỉ huy ra lệnh cho lính truy lùng để bắt bớ nhân dân.

Gần đến ngày bầu cử, tình hình càng nặng nề, căng thẳng. Cũng chính trong những ngày này, tinh thần Nghị quyết 15 của Đảng được phổ biến đến từng đảng

viên cơ sở, từ làng này đến làng khác, từ các trại thanh niên thoát ly đến từng gia đình, xóm làng, nương rẫy, đâu đâu cũng trào dâng khí thế cách mạng mới.

"Đảng đã cho đánh rồi !" đó là nguyện vọng sục sôi đấu tranh của tất cả đồng bào đang ngày đêm mong ước và đợi chờ. Hầu hết nông dân trong các làng xóm đã chuẩn bị mọi vũ khí để chiến đấu như : Cung tên, thuốc độc, hầm chông, cạm bẫy..., một số cán bộ "nước thần, nước xu" thời chống Pháp đã đi tập kết ra Bắc nay được trở về địa phương tham gia chiến đấu. Từng xã, từng xóm, từng làng..., đã rộn ràng tổ chức những ngày lễ đâm trâu ăn thề. Ngày đêm nông dân tập trung quanh cây Nêu nhảy múa ca hát cùng nhau ôn lại truyền thống đấu tranh và động viên nhau : "Sống thơn, chết thơn", dám hy sinh tất cả vì sự sống còn của núi rừng, đất nước.

Ngày bầu cử quốc hội bù nhìn đã đến ! Tình hình càng căng thẳng hơn. Bọn địch đưa lính "cộng hòa", chiến tranh tâm lý, "Thượng du vận "công dân vụ, mã tà..., để dụ dỗ phỉnh phờ, dụ sủng lừa dân về lòng phiêu. Để làm thí điểm, chúng tổ chức nhân dân Trà Bồng bầu cử quốc hội sớm hơn các nơi khác 2 ngày (28/8/1959).

Càng gần đến ngày bầu cử nguy quyền Sài Gòn càng lừa bịp, thì sức chống đối của nông dân Trà Bồng càng quyết liệt hơn. Hàng ngày nông dân các làng kéo nhau ra rừng, ra rẫy sản xuất, hái rau quả, ra sông bắt cá để lánh địch và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp đến.

Để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh, đơn vị bộ đội 339 đã được lệnh trên phối hợp với các trại thanh niên thoát ly với các nhóm “trả đầu”, quyết trừng trị bọn giặc đi lùng sục, càn quét, quấy phá, cướp bóc..., đồng thời quyết giải thoát số dân bị chúng dí súng buộc phải về các hòm phiếu. Khắp các ngã đường, hầm chông, bẫy đá, tên nã, các bến lỵ bờ sông, ngọn suối đến từng sườn núi, những nơi hiểm yếu đều được canh gác chặt chẽ. Các lực lượng cách mạng đã sẵn sàng quyết làm thất bại cuộc bầu cử của địch.

Mọi người ai làm việc nấy với tinh thần khẩn trương tự giác cao độ.

Ngày 26/8/1959, bọn ác ôn, cảnh sát kéo lên xóm anh Rừng xã Trà Lĩnh truy bức dân. Nhân dân chống lại, chúng đã phải bỏ chạy.

Ngày 27/8/1959, địch lại đem quân lên Trà Quân hăm dọa giết thanh niên, làm hai người bị thương buổi sáng, tối đến thanh niên và nông dân xông vào bắt trời cả bọn.

Sáng ngày 28/8/1959 trong lúc bọn giặc còn ở trong làng, nông dân rì tai nhau kéo hết ra rẫy không đi bỏ phiếu. Thấy thế bọn “xây dựng nông thôn” nhẩy ra ngàn chặn dân để chờ bọn lính đến đẩy dân về thùng phiếu. Nông dân kiên quyết phản đối và tuyên bố “không cho đi rẫy thì chúng tôi nhất định chỉ ở lại làng thôi” đồng bào còn dám nói thẳng trước mặt bọn địch rằng “quốc hội của ai chứ không phải quốc hội của chúng tôi”.

Khi gặp phải sự chống trả của đồng bào, bọn địch giương súng đòi bắn và đánh đập một số người. Các em nhỏ bắt đầu la khóc. Có nông dân đã dùng cảm xông vào giạt roi, giăng súng với địch. Rồi sau đó nông dân vẫn kéo nhau ra rẫy.

Từ cuộc đấu tranh bằng lý lẽ đã dẫn đến các cuộc giăng co quyết liệt với địch ở hầu hết các làng. Bọn địch ở đồn chờ mãi không thấy dân đi bỏ phiếu nên tiếp tục đưa quân lên. Thanh niên thoát ly làm nhiệm vụ cảnh giới trinh sát ở các ngã đường đã phi báo kịp thời cho nhân dân trên nương rẫy biết, mọi người vẫn tiếp tục làm việc, im lặng và chờ đợi.

Khi giặc kéo đến các làng thấy vắng lặng, bọn chúng bực tức đánh đập các cụ già rồi kéo nhau đi vây ráp các rẫy. Những cuộc đấu tranh bắt đầu nổ ra quyết liệt. Nông dân viện lý do đói, rách là do quân “quốc gia” cần quét cướp phá, nên không đi bỏ phiếu. Địch giữ trò hung hăng xác láo. Những cuộc xô xát lại tiếp tục xảy ra trên các nương rẫy, tiếng hú hét, hò la kêu cứu, tiếng mõ giục liên hồi tiếng tù và nổi lên dậy cả núi rừng. Lúc đó thanh niên thoát ly kịp thời loan tin từ làng này đến làng khác, hình thành làn sóng cách mạng của đồng bào Cor bất khuất.

Một cao trào cách mạng của đồng bào được bắt đầu.

Ở Trà Phong, địch đến từ chiều 27. Sau một đêm tuyên truyền bầu cử không kết quả, sáng ngày 28, chúng giữ trò hành hung không cho đồng bào đi rẫy. Thanh

niên nông dân làm reo la ó, quây giáo mác, gây gộc bao vây lùng đuổi bọn chúng chạy hết lên nhà sàn và buộc chúng phải đầu hàng. Những tên ngoan cố nhảy ra khỏi nhà bị đồng bào đâm chết. Cả xã nổi tù và, chiêng trống, thanh la, mõ cổ vũ cho cuộc đấu tranh áp đảo địch. Thanh niên đồng loạt nhảy lên nhà sàn ôm vật lủ giặc ném lăn và giết chết cả 8 tên. Tiếng hú hét lại vang lên khắp núi rừng được truyền đi nhanh chóng. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ.

Ở Trà Khê, cũng vào sáng ngày 28/8/1950 có 15 người xóm anh Út bị địch vây bắt tập trung và dí súng vào người dẫn đi. Thanh niên nông dân trong làng bắt ngờ xông vào ôm vật ngã và bắt sống cả tên 6 tên địch, sau đó đã xử trị 2 tên ngoan cố độc ác.

Thanh niên dẫn đầu đồng bào với giáo, mác, gây gộc đã cầm tay đuổi theo một toán địch ở vùng. Nhiều cuộc vật lộn đã diễn ra ở các ngã đường. Nhân dân đuổi theo bọn chúng, vừa động viên thanh niên, vừa hò reo và vây bắt đã diệt được 6 tên.

Càng về trưa, tiếng hét, hú, tiếng tù và, chiêng, trống, mõ, phèn la nổi lên vang dậy núi rừng. Làng xã nào cũng vùng lên giết giặc. Các cụ già dân tộc mang chiêng đồng, trống, thanh la giao cho mọi người chuyển tay đánh thúc liên hồi. Các chiến sĩ đại đội 339 đã kịp thời nổ súng đánh địch. Các nhóm "trả đầu" và thanh niên thoát ly với khăn đỏ quàng vai đã tỏa ra khắp các nẻo đường bố phòng, cắm chốt, xua đuổi, đánh địch khắp nơi. Các tổ nam nữ thanh niên truyền tin, tay nhịp mõ,

cổ quàng khăn đỏ, chạy từ làng này sang làng khác. Đàn bà, trẻ em chặt nứa vót chông, mang nước tiếp tế cho các cán bộ phòng, phá đường. Khắp các nẻo đường rừng núi, đều có người chạy ngược xuôi, lui tới tấp nập. Tiếng súng nổ tứ phía, các toán lính địch khiếp sợ chạy thực mạng về đồn. Nông dân xé các khăn nhiễu đỏ, lụa đỏ, vải đỏ chia nhau mỗi người một mảnh quàng vào cổ để làm tín hiệu của lực lượng khởi nghĩa, tay cầm giáo mác, dao rựa, gậy gộc truy đuổi theo giặc. Họ chia nhau đi lùng giặc trong núi, đón đầu đường giặc chạy về đồn, bắt giết những tên ngoan cố. Nhiều tên lính chạy trốn trong núi không dám chạy về đồn. Bọn lính ở các đồn nhỏ lẻ, cả đồn lớn như Đá Líp, Tà Lạt quân lính cũng hoang mang bỏ cả đồn trại, hòm phiêu chạy thực mạng về quận lỵ. Nông dân tràn vào đồn, đập nát hòm phiêu, thu toàn bộ đồ đạc, đốt phá sang bằng đồn trong đêm. Quế, lúa, chiêng, nồi, giáo mác, chăn chiếu, heo gà mà bọn chúng đã cướp của dân đều được mang về trả lại cho các gia đình nông dân. Cũng trong ngày và đêm 28/1/1959 nông dân còn kéo nhau đi vây, tấn công các trụ sở xã. Một số đại diện xã và bọn dân vệ đã bỏ việc về nhà. Một số chạy theo dân, cùng dân tìm bắt địch. Còn một số ít phụ tá, thư ký, công dân vụ và dân vệ bỏ trụ sở chạy thực mạng vào núi. Tất cả trụ sở nguy quyền xã và cả 5 đồn: Đá Líp, Tà Lạt, Tầm Rung, Nước Vọt, Trà Khê đều bị đốt cháy sạch trong đêm 28/8/1959. Lửa cháy rực sáng cả núi rừng Trà Bồng.

Từ hôm ấy, khắp núi rừng Trà Bồng, nông dân các

dân tộc đi lòng bắt bọn ác ôn và lính cộng hòa trốn trong núi. 63 tên đã bị bắt và lần lượt bị đưa ra xét xử trước Tòa án nhân dân xã hay liên xã được mở ra từ 29/8 đến 4/9/1959. 31 tên ác ôn có nhiều nợ máu đã phải đền tội.

Khắp huyện Trà Bồng bùng lên như rục lửa.

Hai đồn địch: Eo Reo, Eo Chim đến trưa ngày 29/8/1959, quan lính đều hoảng sợ đóng cửa nằm im trong đồn, không một tên nào dám đi ra ngoài. Chiều 29/8 dưới sự lãnh đạo của Đảng, hàng trăm nông dân đủ các lứa tuổi cùng với lực lượng 339 làm nòng cốt kéo đến bao vây cả hai đồn địch. Những người đi đầu cầm giáo mác, tù và, mõ, được bí mật nằm chờ đến quá nửa đêm, khi nghe súng lệnh là cướp đồn. Ở đồn Eo Reo, lực lượng nông dân tham gia bình vận quá đông nên bị lộ. Địch trong đồn bắn ra làm một số người bị thương, nhưng không một ai nao núng. Các vòng vây ngày càng siết chặt. Từ mờ tối đến gần sáng, được súng rục chung quanh đồn. Tiếng trống mõ, tù và, tiếng hét, hú, đặc biệt của người Cor vang dội lúc gần sáng ngày 30/8/1959 bọn địch ở trong đồn bắn ra dữ dội. Cửa đồn bỗng mở toan. Bọn lính ủa nhau tháo chạy ra đường lớn. Nông dân lập tức tràn ngay vào đồn reo hò truy lùng bọn địch lần trốn. Bọn lính chạy về hướng Tầm Rung với ý định kéo đến đồn Eo Chim để phối hợp đối phó với ta. Nhưng con đường Eo Reo - Tầm Rung - Eo Chim đã bị ta đào phá từng đoạn và bị bố phòng dày đặc, kiểm soát chặt địch không thể nào vượt qua được. Quân địch bị ta phục kích đánh tại bến nước Tầm Rung làm chết và bị thương 30

tên, chúng buộc phải tháo chạy ngược lại hướng Eo Reo định theo đường xuyên núi chạy về tam núp trong đồn Tà Lạt. Nhưng đồn Tà Lạt cũng bị ta đốt phá sạch. Bọn chúng hốt hoảng chạy thẳng về quận lỵ Trà Bồng.

Ở Eo Chim những hoạt động của lực lượng nông dân bị địch phát hiện sớm nên chúng đào thêm công sự và dùng hỏa lực đối phó mạnh. Một số nông dân và chiến sĩ đại đội 339 trúng đạn bị thương; nhưng ta vẫn siết chặt vòng vây, dùng cung tên tẩm độc bắn thẳng vào đồn. Mặc dù trời mưa rất to, lực lượng tiếp viện chưa đến kịp, ta vẫn vây chặt. Đến sáng ngày 30/8/1959 nông dân các xã chi viện đã đến. Đặc biệt toàn bộ lực lượng khởi nghĩa thắng lợi ở Eo Reo đã kéo đến chi viện cho Eo Chim. Thanh niên du kích đã chặt hàng ngàn cây chuối rừng về xây công sự rất cao, dày chắn đạn địch. Trong lúc đó lực lượng khởi nghĩa dùng hết sức lực để đào đường hào đến tận chân đồn giặc. Lực lượng 339 và lực lượng vũ trang các xã ở Eo Reo cũng được điều đến. Hàng ngàn tên, nổ, súng trường, tiểu liên bắn tới tập vào đồn giặc, vừa đánh vừa kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Song bọn địch ở đây đã có sẵn quân lính "chí xềng" Hè từ vụ phiến loạn ở huyện Sơn Hà trước đây đưa đến đã ngoan cố chống trả cuộc bao vây của ta. Đến trưa ngày 30/8/1959 được tin một đại đội lính nguy từ huyện lỵ Trà Bồng kéo đến để giải vây cho Eo Chim. Một trung đội của đại đội 339 cùng du kích và một số nông dân đi chặn đánh địch. Đồng thời ta vẫn tiếp tục bổ sung lực lượng bao vây đồn Eo Chim, huy động lực lượng bắn phá

đường và bố phòng không cho quân địch di chuyển. Chiều ngày 30/8/1959, đơn vị 339 cùng du kích và nông dân địa phương đánh lui đại đội địch tại gần suối Nước Lang, giết 9 tên, thu 6 súng. Đại đội viện binh địch hốt hoảng kéo chạy về quận lỵ có một số bị thương vì hầm chông dọc đường.

Đêm 30 rạng ngày 31/8/1959, quanh đồn Eo Chim, rực lửa, tiếng chiêng công, tù và, mõ, tiếng hò reo vang dội cả núi rừng. Đến trưa ngày 31/8/1959 địch mở toan cửa đồn rồi chạy thực mạng về hướng quận lỵ. Nông dân và du kích tràn vào đồn thu toàn bộ chiến lợi phẩm như: quế, lúa, nôi, chiêng..., và nôi lửa đốt sạch đồn.

Trên đường tháo chạy về quận lỵ, bọn địch đã bị bẫy đá, mang củng, tên, nổ thuốc độc làm bị thương và chết hơn 100 tên. Đến chiều ngày 1/9/1959 đám tàn binh nguy mới lợt khỏi Đốc Dẻ bạt vĩa kính hồn tháo chạy về quận lỵ.

Tại quận lỵ Trà Bồng chỉ một giờ sau khi nghe toán tàn binh đầu tiên kéo về cấp báo tình hình, tên quận trưởng và bọn nguy quyền trong các cơ quan quận lỵ hoang mang kéo nhanh về tỉnh lỵ. Nguy quyền quận lỵ Trà Bồng hoàn toàn bị tê liệt từ ngày 1/9/1959. Nông dân xã Trà Xuân nổi dậy cảnh cáo bọn ác ôn và tranh thủ thời cơ chuyển nhiều hàng hóa, nông cụ, nhu yếu phẩm lên tặng nông dân các xã trên núi cao.

Như vậy trong suốt tám ngày đêm chiến đấu quyết liệt với địch, nhân dân mà chủ yếu là nông dân các dân

tộc Trà Bồng đã cùng các lực lượng vũ trang mới thành lập, dũng cảm mưu trí tiêu diệt 161 tên địch và làm bị thương hàng trăm tên khác; lúc này trừ một nhóm nhỏ ở sát quận lỵ trên mảnh đất Trà Bồng trung dũng kiên cường không còn bóng địch. Các nhóm “trả đầu” các nam nữ thanh niên thoát ly vui mừng với các “trại bí mật” trở về với làng nóc thân yêu của mình. Nông dân lại tiếp tục bố phòng, chặn các ngã đường, soi nõi học tập chính trị, văn hóa văn nghệ, nhảy múa ca hát và cùng nhau xây dựng chính quyền mới - Chính quyền cách mạng.

Ngày 3/9/1959 nông dân xã Trà Phong mở đại hội chính thức thành lập đội du kích xã và bầu Ủy ban nhân dân tự quản. Đây là hình thức chính quyền cách mạng đầu tiên xuất hiện công khai tại Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau đó tất cả các xã vùng cao Trà Bồng đều thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

Chỉ trong 8 ngày đêm cuối tháng 8 đầu tháng 9/1959, 16.000 nông dân các dân tộc Trà Bồng với tinh thần yêu nước sâu sắc, lòng căm thù giặc cao độ đã nhất tề vùng lên đập tan bộ máy thống trị phản động của Mỹ-Địch trong toàn huyện, mặc dù chúng có đến 2000 binh lính và hơn 1000 tay súng.

Ở huyện Sơn Hà địch cũng bắt ép nhân dân đi bầu cử vào ngày 30/8/1959, chúng bắt nhân dân vùng cao phải đi hai ngày đường xuống tận quận lỵ Sơn Hà để bỏ phiếu. Nhân dân đã đấu tranh chống lại, nêu lý do: “địa

điểm quá xa, cực khổ, nghèo đói không đi được; đi giữa đường gặp Việt cộng thì ai bảo vệ..." Chỉ có một ít người ở gần đồn địch thì phải đi cho có lệ. Còn đại đa số nông dân cự tuyệt việc đi bầu cử. Thanh niên các "trại bí mật" các nhóm tự vệ nông dân đã cầm chông, gài bẫy khắp nơi, chuẩn bị chống trả địch khủng bố.

Ngày 30/8, không thấy nhân dân về quận lý bỏ phiếu và được tin nhân dân Trà Bồng đã khởi nghĩa, địch kéo một đại đội từ quận lý lên vùng cao Sơn Hà đàn áp nhân dân. Nhưng địch vừa kéo đến xã địa đầu (Sơn Long) một số đã bị sa bẫy chông thò. Số còn lại hết hoảng tháo chạy tán loạn, càng vượt chông thò nhiều hơn. Địch phải vội vã khiêng số lính chết và bị thương kéo chạy về quận lý Sơn Hà.

Nông dân 10 xã vùng cao Sơn Hà theo sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã đồng loạt nổi dậy triệt hạ ngụy quyền địch giành quyền làm chủ, chỉ trừ một số xóm ở sát hai đồn địch, toàn núi cao Sơn Hà được giải phóng. Ủy ban tự quản (chính quyền cách mạng của nhân dân) được thành lập ở 9 xã.

Nhân dân các xã Sơn Kỳ, Sơn Hà (ở vùng Tây Nam Sơn Hà) Long Môn, Long Ca, Long An (vùng cao Minh Long), Ba Điền, Ba Lễ, Ba Lục, Ba Đích, Ba Nam, Ba Liên, Ba Khâm, Ba Trang, Ba Gia(Ba Tơ) cũng đã vùng dậy giành quyền làm chủ thành lập chính quyền cách mạng, bảo vệ nương rẫy chuẩn bị đánh địch tàn quét.

Cán bộ chính quyền cách mạng ở các xã vùng căn cứ

giải phóng và làm chủ ở miền Tây Quảng Ngãi lúc này đều là những nông dân yêu nước trưởng thành lên nhờ sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc khởi nghĩa rung chuyển 28/8/1959 của nhân dân mà đông đảo là nông dân các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi đã cổ vũ lôi cuốn phong trào đấu tranh chống Mỹ-ngụy trong toàn tỉnh, thật sự báo hiệu sự thất bại của âm mưu đánh phá Quảng Ngãi và trong chiến lược củng cố miền Nam tấn công miền Bắc của Mỹ-Diệm.

Thắng lợi vang dội của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là bài ca hùng tráng đầu tiên của nông dân Quảng Ngãi trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Trong lời phát biểu tại đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tháng 2/1960, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy Khu V đã khẳng định: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song. Đó là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ bấy giờ. Nó là thắng lợi đầu lòng và đặt xuất cổ vũ phong trào chung trong tỉnh, trong khu phát triển mạnh mẽ..." "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15, không những ở Quảng Ngãi mà cả toàn khu". (68)

Tiếp nối truyền thống Ba Tơ khởi nghĩa (1945), Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vùng dậy kiên cường tháng 8 năm 1959, đã tô đậm thêm truyền thống bất khuất của nông dân Quảng Ngãi, quyết cùng nhân dân miền Nam và cả nước viết tiếp những trang sử hào hùng trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước.

Chương XIII

BẢO VỆ THÀNH QUẢ CUỘC KHỞI NGHĨA THAM GIA GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 - 1965)

I - GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN CĂN CỨ MIỀN NÚI

Do những thắng lợi to lớn và vang dội của phong trào “đồng khởi” của nhân dân miền Nam, cách mạng miền Nam, từ thế bảo tồn lực lượng sang thế phản công liên tục, mạnh mẽ và rộng khắp, đã đẩy địch vào thế bị động lúng túng và đang trên đà tan vỡ.

Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương soi đường, cuộc cách mạng miền Nam bước vào thế trận mới đầy sinh khí. Làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ngày càng lên cao chưa từng thấy, uy hiếp mạnh chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ.

Trước tình hình đó, địch ráo riết bắt lính dồn dân, tiến hành càn quét, đàn áp, khủng bố, bắt bớ, bắn giết những người chúng nghi là cộng sản. Chúng tăng cường các tổ chức mạng lưới mật vụ gián điệp, cộng tác viên

chống cộng để theo dõi không chế hoạt động của các lực lượng cách mạng.

Ở Quảng Ngãi trong 3 tháng đầu năm 1960, địch đã mở 52 cuộc càn quét, quy mô từ một đại đội đến 2 tiểu đoàn. Ở các huyện miền Tây, chúng ráo riết bao vây kinh tế, cấm nhân dân đi lại mua bán gạo lưu giữa vùng cao và vùng thấp, đồng thời tăng cường đốt phá hoa màu, tài sản, nhà cửa của dân cả huyện Trà Bồng bị chúng phong tỏa đốt sạch nhà cửa, chỉ còn lại một số thôn xóm nằm sâu trong núi. Có nơi bị chúng đốt đi, đốt lại đến hàng chục lần. Địch đóng lại một số đồn bót. Nhiều thôn xóm của huyện Sơn Hà cũng bị chúng đốt phá. Hàng ngàn gia đình nông dân ở vùng giữa và vùng thấp cũng bị càn quét, chà đi xát lại nhiều lần, hoặc phải chạy lên vùng cao. Vùng căn cứ ta gặp nhiều khó khăn. Đói rét và bệnh tật ngày càng phát triển.

Mặc dù phải trải qua bao gian khó, thử thách, nông dân các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng đã bền tâm vững chí chiến đấu chống địch, bám trụ sản xuất để vượt qua nạn đói và đảm bảo cho các lực lượng cách mạng ngày càng phát triển đông đảo và lớn mạnh.

Lực lượng đánh địch được tổ chức thành cả một vùng rộng lớn từ Trà Bồng đến Sơn Hà, Ba Tư... Địch ra khỏi đồn, đi đến đâu là cả vùng đều được báo tin, chủ động phòng chống. Nhiều hầm chông, bẫy đá, tên nã... được giăng ra chờ sẵn để đón đánh địch. Chông có nhiều cỡ, nhiều loại ngắn dài, chông du, chông đập, chông cố định, chông cơ động.v.v...Bẫy cũng có nhiều loại : bẫy do người

giật, bẫy tự động, bẫy đá, bẫy nước, bẫy trên cây, bẫy dưới nước. Thò có loại liên thanh, phóng ra một lúc từ 20 đến 30 mũi mác. Ná cũng có nhiều loại, có loại tên chỉ cần trầy da là nhiễm độc chết ngay, có loại tên bắn mang theo lửa đốt các doanh trại, làm bằng tranh tre, gây hỏa hoạn bất ngờ cho địch.

Vũ khí thô sơ được dàn trận một cách thông minh, được sự phối hợp nhịp nhàng với cuộc đấu tranh của nông dân vùng đồng bằng đã hình thành thế trận tiến công địch mạnh mẽ và rộng khắp trong tỉnh.

Đến giữa năm 1960, địch ở miền núi bắt đầu bị sa lầy, phải co cụm lại. Vùng đồng bằng thế và lực của cách mạng đã chuyển dần sang thế phản công. Nhiều trận đánh địch, càn quét đã diễn ra ở hầu khắp miền núi. Vào đêm 15/10/1960 tại Trà Bồng được lực lượng vũ trang làm nòng cốt, nông dân đã nổi dậy bao vây, tiến công các đồn Đá Líp, Tà Lạt...⁽⁷⁰⁾ Du kích đột nhập đốt cháy cơ quan nguy quyền xã Trà Phú. Đơn vị 339 và du kích địa phương tiến công quân lỵ Trà Bồng làm chủ từ đêm đến sáng 16-10-1960. Hào khí cách mạng ở Trà Bồng đã trở lại những ngày khởi nghĩa, hàng nghìn nông dân Trà Bồng đã nổi chiêng, khèn la, trống mõ, tù yà, đốt đuốc truy lùng bọn nguy ác ôn, tịch thu vũ khí. Đứng trước sức mạnh áp đảo của đông đảo nông dân đối với bọn nguy quyền quân lỵ, nguy quân ở các đồn Đá Líp, Tà Lạt, Eo Chim hoảng hốt tháo chạy.

Tại Sơn Hà, nông dân và du kích phối hợp với đơn vị bộ đội 89 tiến công đồn Hà Thành tiêu diệt địch. Nông dân và du kích huyện Ba Tư, Minh Long phối hợp với đơn vị 299 tập kích đồn Lòng Xuân, diệt gọn một đại

đội địch.v.v...Thừa thắng xông lên, nông dân miền núi liên tục phá các khu đồn của địch, nông dân vùng thấp cũng nổi lên diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ, phát triển chiến tranh du kích. Lực lượng chính trị và vũ trang phát triển lên một bước đáng kể, tạo thế và lực ngày càng vững chắc tiến công địch. Trong những tháng cuối năm 1960 đầu 1961 vùng giải phóng được mở rộng đến 54 xã (trong đó Trà Bồng 19 xã, Sơn Tây 10 xã, Sơn Hà 8 xã, Minh Long 4 xã và Ba Tư 13 xã), các tổ chức nông hội hoạt động mạnh, góp phần xây dựng căn cứ địa miền núi vững chắc, tạo thế tiến công giải phóng vùng nông thôn đồng bằng.

Ở các huyện đồng bằng địch tăng cường khủng bố nhân dân, thi hành luật 10/59 chuẩn bị cho việc gom dân lập ấp, quản thúc các gia đình có người thân tham gia cách mạng. Bất chấp địch khủng bố, nông dân được các đồng chí cán bộ Đảng xây dựng cơ sở, tiếp tế lương thực thuốc men lên căn cứ. Nông dân còn tranh thủ đưa con em mình thoát ly tham gia các lực lượng cách mạng và ủng hộ cách mạng, ra sức kêu gọi các con em ở trong hàng ngũ địch trở về với nhân dân.

Thắng lợi đáng kể trong năm 1960 của ta đã bảo vệ và củng cố căn cứ địa và vùng giải phóng ở các huyện miền núi, mở rộng phong trào tiến công địch ở các vùng giáp ranh và vùng thấp, đồng thời thúc đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ của đồng bằng. Những thắng lợi ở Quảng Ngãi đã hòa nhập vào thắng lợi chung của cả miền Nam và Tây Nguyên bất khuất.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền

Nam ra đời đã nói lên sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam, cổ vũ mạnh mẽ quân dân miền Nam, trong đó có nông dân Quảng Ngãi.

Bước sang năm 1961, đứng trước nguy cơ thất bại ở miền Nam Việt Nam, địch đã vội vã triển khai ngay chiến lược “chiến tranh đặc biệt” để cứu vãn tình thế.

Chúng đề ra kế hoạch Xta-lây-Tây-lo đầy tham vọng, nhằm “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng”, thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn để điều hành và thành lập lực lượng đặc biệt để hỗ trợ quân nguy.

Chúng tiến hành đẩy mạnh gom hàng triệu nông dân vào các “ấp chiến lược”, tăng cường các hoạt động tình báo, chiến tranh tâm lý.

Nội dung chủ yếu của kế hoạch Xta-lây-Tây-lo là huy động, bố trí lại lực lượng quân nguy, quân sự hóa bộ máy nguy quyền, chính qui hóa bộ máy nguy quyền, chính quy hóa bọn bảo an, khôi phục phát triển lực lượng dân vệ, biệt kích, củng cố hệ thống cứ điểm, tăng cường công sự phòng thủ dọc phía Nam khu phi quân sự (vĩ tuyến 17) biên giới, biến những nơi đó thành vành đai trắng, tăng cường tuần tiễu dọc ven biển. Đặc biệt là chúng chủ trương dồn dân đại quy mô, rào làng lập “ấp chiến lược” nhằm thực hiện mưu đồ cắt đứt mọi quan hệ giữa nông dân với Đảng, giữa miền núi với đồng bằng để đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi dân. Mặt khác, chúng tăng cường càn quét đánh phá miền núi, chặn phá hành lang, tung gián điệp, biệt kích hoạt động sâu vào hậu cứ của ta; nơi rộng phạm vi kiểm soát ở miền núi, bao vây kinh

tế vùng giải phóng hùng tiêu diệt lực lượng vũ trang và cơ quan lãnh đạo của ta.

Mỹ-Diệm lấy Khu V làm trọng điểm cho việc thực hiện kế hoạch này. Quảng Ngãi là một trong những nơi bị đánh phá khốc liệt nhất. Bọn địch tăng cường đóng thêm nhiều cụm chốt lớn ở vùng giáp ranh để chia cắt giữa miền núi với trung châu, ra sức xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, biệt kích, thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu và thực hiện quân sự hóa phụ nữ.

Mỹ-Diệm chia nông thôn Quảng Ngãi thành ba vùng và áp dụng các biện pháp đánh phá ở mỗi vùng:

- Vùng chúng kiểm soát thì dùng biện pháp hành chính với "tố cộng"

- Vùng tranh chấp thì chúng cần quét, khủng bố, kết hợp với chiêu an.

- Vùng ta giải phóng thì chúng thực hiện đốt sạch, giết sạch.

Đặc biệt ở miền núi, địch thường xuyên cần quét đánh phá vùng căn cứ và vùng giải phóng. Ở vùng tranh chấp thì chúng thực hiện chính sách phá hoại, bao vây kinh tế, cấm mua bán muối, gây cho miền núi nhiều khó khăn.

Với âm mưu và thủ đoạn thâm độc đó, từ giữa năm 1961 bọn địch đã lập "ấp chiến lược" ở hầu khắp những vùng nông thôn, 64% nông dân trong tỉnh bị chúng gom vào "ấp chiến lược".

Đây là một thời kỳ nông dân ta phải sống một cuộc đời như tù tội, nghiệt ngã, đầy thử thách, nhưng cũng

là thời kỳ tạm ổn của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ liên tiếp suy sụp nghiêm trọng bắt đầu.

Đứng trước âm mưu mới của địch, tháng 11/1961 Bộ Chính trị TW Đảng ta đã ra chỉ thị "...đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta" (71)

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã phát động toàn dân hưởng ứng, nông dân Quảng Ngãi đã hăng hái động viên con em mình tình nguyện lên căn cứ để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Hầu hết các xã miền núi đều thành lập đội du kích. Còn ở đồng bằng huyện Bình Sơn thì thành lập các đội vũ trang công tác, hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh ở các thôn An Hội (Bình Thạnh) Bàu Gấm (Bình Phước), Đồng Tú, Đồng Mít (Bình Tân), Châu Bình, Phú Quý (Bình Châu), Phước Hòa, Tuyết Diệm, Đông Lỗ (Bình Thuận). Ban đêm ta làm chủ, các cán bộ nông dân, chiến sĩ, đảng viên tuyên truyền giáo dục vận động nông dân đóng góp sức người, sức của để đảm bảo nhu cầu tại chỗ cho lực lượng vũ trang tiếp tục hoạt động. Kết hợp tiến công địch từ bên ngoài và nổi dậy từ bên trong. Nông dân xã Bình Minh (Bình Sơn) đã vùng lên phá "áp chiến lược" giải phóng nông dân khỏi ách kìm kẹp của địch. Các xã Bình Chương, Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Nguyên (Bình Sơn) cũng nổi lên phá "áp chiến lược" và

đã trở thành vùng tranh chấp giữa ta và địch, ban đêm ta làm chủ hoàn toàn. Chỉ trong một thời gian ngắn hầu hết nông dân khu vực Tây Bắc huyện Bình Sơn được giải phóng. Còn các đội công tác tại Phổ Phong (Đức Phổ), Đức Minh (Mộ Đức), Tịnh Thọ, Tịnh Hiệp (Sơn Tịnh), Hành Tín (Nghĩa Hành) Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) vv... đứng ra sức bám sát quần chúng phát động. Nông dân Phổ Phong chặt cây rấp đường, vớt chông đào công sự bố phòng từ Vực Liêm đến Trung Sơn, tổ chức biểu tình phản đối địch bắt người cướp của, giết trâu, bò...

Nông dân Tịnh Thọ (Sơn Tịnh) hỗ trợ đội công tác diệt các tên ác ôn Nguyễn Trung Ấn, Hồ Hương, Đinh Tài... đột phá trụ sở Hội đồng hương chính xã và khu tập trung dân ở Thương Thọ. Nông dân Tịnh Hiệp cùng đội công tác hỗ trợ tấn công cơ quan Hội đồng hương chính xã, diệt một số tên địch, phá rào vi, làm chủ xã thôn. Nông dân Tịnh Minh hỗ trợ đội công tác diệt tên mật báo Nguyễn Mực, 3 dân vệ và bắn bị thương tên Huệ, đại diện xã... Nông dân Hành Tín phối hợp với lực lượng bộ đội của trên đánh địch ở Đồng Miếu, đánh các "ấp chiến lược" Phú Khương, Phú Thọ giải phóng toàn xã. Nông dân Nghĩa Lâm hỗ trợ lực lượng vũ trang tiêu diệt đồn thôn Hai vv...

Nông dân Đức Phong nổi dậy phối hợp lực lượng chính trị và vũ trang triệt hạ bộ máy quyền xã. Kinh nghiệm đấu tranh của xã Đức Phong (mang mật danh xã 82) được tỉnh tổng kết phổ biến cho các xã khác.

Ở huyện Nghĩa Hành, lực lượng quân giải phóng đã tiến công tiêu diệt đại đội bảo an ở Đồng Miếu, đánh

manh vào các “áp chiến lược” Phú Khương, Phú Thọ giải phóng nông dân xã Hành Tín. Trong thời gian này phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ và rộng khắp ở đồng bằng.

Phong trào bắn máy bay của du kích cũng diễn ra ở nhiều nơi. Ở xã Ba Giang (Ba Tơ) đã bắn một phát súng trường, hạ được chiếc máy bay trực thăng Mỹ (4/1962). Liên tiếp sau đó du kích các xã Ba Điện, Ba Dinh, Ba Tô cũng lần lượt bắn được 3 máy bay nữa.

Cùng với những chiến thắng dồn dập về quân sự, nông dân các xã vùng Đông Bình Sơn, Tây Sơn Tịnh, Tây Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Tây Đức Phổ... đã nổi dậy cùng lực lượng vũ trang phá banh các “áp chiến lược”. Ở xã Phổ Hiệp (Đức Phổ) đã thông qua đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang chống các cuộc càn quét, khủng bố của địch. Đây là xã có phong trào đấu tranh chính trị mạnh nhất của huyện Đức Phổ lúc bấy giờ.

Cuộc đồng khởi của nông dân vùng đồng bằng mở ra lần thứ nhất từ cuối năm 1961 đến hết năm 1962. Nông dân đã cùng các lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh 765 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 1273 tên địch, trong đó có 13 tên cố vấn Mỹ, làm bị thương 753 tên, thu 125 súng các loại, bắn rơi 4 máy bay chiến đấu, bắn cháy 12 xe quân sự, diệt và bắt sống 2729 tên ác ôn, làm tan rã nhiều trung đội dân vệ. Cùng với tấn công quân sự, nông dân đã quyết liệt nổi dậy đập tan bộ máy quyền ở 136 thôn thuộc 36 xã. Hơn 2000 thanh niên nông dân tình nguyện nhập ngũ vào bộ đội. Hàng trăm tấn thóc, hàng ngàn tấn muối, hàng vạn nông cụ được nông dân đóng góp

chuyển lên căn cứ phục vụ sản xuất. Các Ủy ban nhân dân tự quản xã cùng với nông hội chia lại ruộng công điền cho nông dân sản xuất, tiếp tục đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

CAO TRÀO PHÁ “ẤP CHIẾN LƯỢC”

Từ năm 1962 địch đẩy mạnh lập “ấp chiến lược” hầu khắp các vùng nông thôn Quảng Ngãi.

Chúng tiến hành bằng các thủ đoạn : khoanh và gòn dân vào ấp chiến lược ở xung quanh đồn bót hoặc các trục lộ chủ yếu, nếu ai chống lại thì chúng dỡ nhà, cào nhà, đốt nhà, đánh đập, bắn phá, cày ủi ruộng vườn, cây trái... Chúng dựng lên bộ máy kìm kẹp dày đặc, chúng rào kẽm gai, đào mương, cắm chông, xây lô cốt canh gác ngày đêm, đồng thời tổ chức ra tề ấp, xã, ngũ gia, thập gia liên bảo, thanh niên cộng hòa, dân vệ, tân trang ấp v.v...

Ở Quảng Ngãi chúng tăng quân số lên rất nhanh : Sư đoàn 25 bộ binh gồm 4 trung đoàn, một tiểu đoàn bảo an, 11 đại đội hải thuyền, 302 trung đội dân vệ biệt kích và 12.000 thanh niên chiến đấu. Đến năm 1963 có 450 cố vấn Mỹ. Tính trung bình một tên địch kìm kẹp 75 nông dân (trong lúc đó ở Sài Gòn Chợ Lớn, một tên địch kèm 140 người dân)

Đứng trước cuộc sống ngột ngạt trong cái nhà tù khổng lồ của Mỹ-ngụy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đại đa số nông dân Quảng Ngãi đã đứng lên đấu tranh quyết

liệt với địch bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau từ phá lỏng, phá rã, phá banh từng ấp, từng xã, từng khu vực hoặc bung về chỗ cũ làm ăn. Đấu tranh bằng lực lượng tại chỗ và kết hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài và sự đồng tình của một số binh sĩ địch. Quá trình đấu tranh làm tan rã ấp chiến lược đã diễn ra với các hình thức hết sức phong phú và đa dạng.

- Tự đấu tranh xé rào bung về ruộng vườn cũ làm ăn sản xuất, đi sớm về trễ, lần lẩn ở lại ban đêm rồi ở luôn trên vườn đất cũ.

- Bằng một cách phá lệnh giới nghiêm của địch. Hàng ngày nông dân tìm cách về nơi ở cũ để đem cơm gạo, tin tức cho cán bộ và được cán bộ phổ biến các chủ trương chính sách của cách mạng.

- Cơ sở quần chúng cách mạng trong các ấp chiến lược ngày càng phát triển. Nông dân đào hầm nuôi giấu cán bộ cách mạng. Lực lượng vũ trang cách mạng cũng tiến hành đột nhập vào ấp và bám trụ diệt ác, phá tề, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của bà con nông dân trong ấp. Có nơi lực lượng vũ trang ta hỗ trợ cho nông dân nổi dậy phá banh "ấp chiến lược".

- Nông dân nhiều huyện đấu tranh bám giữ ruộng vườn, thực hiện "một tác không di, một ly không rời". Địch xúc tát họ lên xe thì liều chết nhảy xuống. Tuy vậy bọn chúng cũng đã lập được 474 ấp chiến lược, gồm 416.000 nông dân ở đồng bằng và 30.000 nông dân các dân tộc Ba Tơ, Sơn Hà vào ấp.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, nếu địch ra sức đánh

phá để gom dân lập ấp chiến lược thì ta cũng kiên quyết tiến công địch phá ấp giành dân, không ngừng phát triển thế và lực ở các vùng nông thôn, xây dựng thực lực bên trong, thực hiện “hoa nở trong lòng”, để quần chúng nông dân tự giác tự nguyện phá. Bọn chúng xây ấp, nông dân ta phá, chúng xây lại, ta tiếp tục phá. Có nơi phá đi phá lại đến 5, 10 lần.

Ở miền núi địch mở nhiều cuộc hành quân đánh phá vùng giải phóng căn cứ, hành lang của ta. Chúng dùng máy bay bắn phá xóm làng, trâu, bò, rải chất độc hóa học xuống ruộng lúa, rẫy sắn hòng gây khó khăn cho ta.

Về lương thực hầu khắp các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long đều gặp khó khăn.

Tháng 4 năm 1963, địch đã mở cuộc hành quân lớn vào Đố Xá, nơi các cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ và Quân khu đóng. Nông dân ở các huyện Trà Bồng và Khu 7 đã cùng với các lực lượng vũ trang đánh bại cuộc càn quét này. Âm mưu của địch đã bị thất bại các cơ quan đầu não, khu, tỉnh, huyện đã được nông dân bảo vệ.

Bước sang năm 1963 tinh thần nguy quân, nguy quyền địa phương hoang mang dao động, tác dụng của “ấp chiến lược” bắt đầu sa sút. Nhiều chốt điểm của quân nguy bị bức rút. Mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quyền ngày càng tăng. Cơ sở địch ở các thôn ấp không ổn định, thế kìm kẹp bị khủng hoảng.

Về phía ta, sau một thời gian chiến đấu quyết liệt với địch, vùng nông thôn gặp một số khó khăn tổn thất, nhưng cũng đã củng cố kịp thời, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang cách mạng ở nông thôn đã nhanh chóng

lớn mạnh.

Đến cuối năm 1963, kế hoạch Xta-lây-Tây-lơ của địch kéo dài thêm một năm nữa, nhưng vẫn thất bại. Cuộc khủng hoảng về chính trị của ngụy quyền Sài Gòn ngày càng nghiêm trọng. Mỹ buộc phải chỉ đạo làm cuộc đảo chính ngày 1/11/1963, giết chết anh em Diệm-Nhu, hồng ổn định được tình hình để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược. Song thực tế ngụy quyền Sài Gòn chẳng những không ổn định được mà ngày càng thêm rối rắm và đầy mâu thuẫn dẫn đến liên tiếp nhiều cuộc đảo chính buộc Mỹ phải “thay ngựa giữa dòng”⁽⁷²⁾ yếu tố đó càng tạo thời cơ cho ta giành lại nông thôn đồng bằng và tấn công đô thị.

Nắm vững thời cơ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng các lực lượng vũ trang, các cấp hội tích cực vận động nông dân tiếp tục nổi dậy tiến công dồn dập và liên tục, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp của địch ở nông thôn, miền núi và đồng bằng.

Hàng loạt ấp chiến lược bị đánh phá, nhiều đơn vị địch bị ta tiêu diệt hoặc bị đánh bật ra khỏi miền núi, phối hợp với lực lượng vũ trang, nông dân các huyện đồng bằng cũng liên tục tấn công địch, đánh bật địch ra khỏi vùng nông thôn rộng lớn ở phía Tây và phía Đông quốc lộ 1A.

Đứng trước sức tấn công dồn dập của lực lượng vũ trang cách mạng và sự nổi dậy đồng loạt của nông dân, hàng chục đồn bót của địch phải bỏ chạy. Nông dân tổ chức nhiều cuộc biểu tình đả đảo ngụy quyền, diệt, bắt bọn ác ôn, đập phá trụ sở ngụy. Một số nơi, nông dân

công khai phá banh các áp chiến lược, đòi địch phải trả lại ruộng đất bị cướp phá, bồi thường nhà cửa bị đốt phá. Ở huyện Đức Phổ nông dân nổi dậy phá áp chiến lược, trở về làng cũ làm ăn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy lúc này là giải phóng đến đâu, nông dân đấu tranh hai chân ba mũi giáp công, phát động chiến tranh du kích, xây dựng chính quyền thôn xã, xây dựng làng chiến đấu đến đó và tịch thu ruộng đất của bọn phản động ác ôn, đem chia cho nông dân.

Hàng nghìn nông dân các xã Phổ Nhơn, Phổ Hòa, Phổ Cường, Phổ Hiệp (Đức Phổ), Đức Phong (Mộ Đức), Hành Tín, Hành Thịnh (Nghĩa Hành) Tân An, Đồng Ké, Vĩnh Tuy, Tịnh Khê (Sơn Tịnh) là những địa phương đấu tranh bằng hình thức kết hợp hai chân ba mũi khá tốt.

Ở xã Đức Phong (Mộ Đức) sau khi phá banh các áp chiến lược, rồi nhanh chóng cải tạo địa hình, xây dựng công sự, rào làng chiến đấu, nhờ đó du kích đã dựa vào làng chiến đấu đánh địch đi càn, bảo vệ được tính mạng và tài sản cho nông dân.

Ở thôn Vân Hà, chỉ qua một đêm vừa phá “áp chiến lược” vừa xây dựng làng chiến đấu. Sáng ngày hôm sau, địch tổ chức tấn công tái chiếm liền bị du kích đánh bật ra, làm cho nhiều tên bị mất mạng, buộc địch phải bỏ chạy.

Các thôn Tân Tự, Hải Môn, Sa Bình xã Phổ Minh, thôn Thủy Triều, Văn Trường xã Phổ Văn (Đức Phổ) đã

xây dựng làng chiến đấu tốt nên khi địch kéo đến càn phá thì nông dân cùng du kích phản ứng quyết liệt, đánh lui nhiều cuộc tấn công của chúng, buộc chúng phải tháo chạy.

Cùng phối hợp với phong trào nổi dậy phá ấp chiến lược, nông dân các huyện đã tổ chức biểu tình nhập thị, kết hợp với quần chúng thị trấn, thị xã đấu tranh; đồng thời các lực lượng đặc công, biệt động thị, đánh phá vào các mục tiêu đầu não của ngụy quyền, hình thành phong trào tiến công địch bằng 2 chân 3 mũi giáp công đều khắp trên 3 vùng, miền núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho bọn ngụy quyền ngụy quân hoang mang lo sợ.

Ở miền núi, phong trào vòng công hợp tác tương trợ đã được phát triển rộng khắp. Chính quyền tự quản ngày càng được củng cố, sản xuất và công tác nuôi quân được đẩy mạnh. Đông đảo thanh niên nam nữ tham gia vào dân quân du kích, lực lượng thoát ly. Văn hóa, văn nghệ trong vùng căn cứ cũng dấy lên sôi nổi.

Phong trào cách mạng của Quảng Ngãi sau những năm khó khăn, đến đây đã phát triển những bước vững chắc.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nông dân cùng với các lực lượng vũ trang giải phóng đã cố gắng phá hàng mảng ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ phần lớn vùng nông thôn đồng bằng, liên tục tiến công tiêu hao sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận địch. Đồng thời tăng cường củng cố và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt. Bốn đại đội

độc lập và một tiểu đoàn tập trung của tỉnh đã được xây dựng. Hàng ngàn con em nông dân thoát ly tham gia các lực lượng cách mạng.

Chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang và nông dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ đã liên tục tấn công tiêu diệt địch, phá banh hàng loạt ấp chiến lược, vây ép các đồn bót quân nguy. Tính đến tháng 8/1964, địch phải rút bỏ một số đồn bót quan trọng như Tà Ma, Hải Giá, Sơn Cao, Sơn Giang (Sơn Hà), Đá Cuội (Bình Sơn), Gò Su (Tư Nghĩa), Nhơn Lộ (Nghĩa Hành), đồn số 7 Eo Gió, núi Bé (Đức Phổ) để tăng cường lực lượng chốt các cụm cứ điểm cố thủ những vùng xung yếu và dọc theo trục giao thông vùng giáp ranh.

Tháng 9 và tháng 10 năm 1964, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Đông Sơn (các xã đông Bình Sơn và đông Sơn Tịnh ghép lại thành huyện Đông Sơn), nông dân cùng các lực lượng vũ trang cách mạng tấn công và nổi dậy tiêu diệt địch, giải phóng 11 xã : Tịnh Kỳ, Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Thiện, Bình Phú, Bình Hòa, Bình Châu, Bình Tân, Bình Thanh, Bình Hải, Bình Trị...

Cùng với những đòn tiến công quân sự dồn dập, phong trào đấu tranh chính trị của nông dân cũng diễn ra rất phong phú và phát triển với qui mô lớn.

Từ cuộc biểu tình đầu tiên của nông dân huyện Đức Phổ, hàng loạt những cuộc biểu tình của nông dân các huyện đấu tranh trực diện với địch, hơn một triệu lượt nông dân tham gia đấu tranh nhập thị, tăng gấp 10 lần so với năm 1963.

Vùng giải phóng nông thôn được mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp và vững chắc của cách mạng tỉnh nhà. Trong vùng giải phóng, chính quyền cách mạng, Mặt trận giải phóng và nông hội cùng các đoàn thể được Đảng lãnh đạo, đã động viên nông dân xây dựng cuộc sống mới. Ruộng đất của bọn Việt gian, tề nguỵ ác ôn bị tịch thu và đem chia cho nông dân thiếu ruộng. Các đoàn thể quần chúng, trong đó có Hội nông dân giải phóng được xây dựng và củng cố. Năm 1961 đã có Ban chấp hành Hội nông dân giải phóng lâm thời từ cơ sở đến huyện, tỉnh. Năm 1962 các huyện Bình Sơn, Đức Phổ, Nghĩa Hành và các huyện miền núi đã tiến hành đại hội đại biểu Hội nông dân giải phóng từ xã đến huyện. Đến tháng 10 năm 1962 đã tiến hành đại hội đại biểu Hội nông dân giải phóng tỉnh Quảng Ngãi và bầu Ban chấp hành Hội nông dân tỉnh do đồng chí Trịnh Phú Qua làm bí thư.

Đại hội đại biểu nông dân giải phóng các cấp trong tỉnh 1962 - 1963 là đợt sinh hoạt chính trị mang ý nghĩa to lớn đối với nông dân và nông thôn vùng giải phóng.

Tháng 7 năm 1964 đã có 4 cuộc biểu tình nhập thị đấu tranh của hơn 2 vạn nông dân các huyện trong tỉnh, trong đó nổi nhất là hai huyện Đức Phổ và Bình Sơn. Mặt khác nông dân còn tích cực tham gia cùng với các tổ chức khác làm công tác binh vận kêu gọi binh lính địch đào rã ngũ được vận động từ thấp đến cao, từ lẻ tẻ đến những đơn vị lớn. Trong năm 1964 toàn tỉnh đã có hơn 1065 binh lính đào ngũ, 262 trung đội thanh niên tân trang, dân vệ, biệt kích rã ngũ, 26 trung đội địch

làm nội ứng và binh biến, mang 450 khẩu súng về nộp cho cách mạng.

Đặc biệt là ở miền núi tháng 4/1964 nhân dân Trà Bồng đã cùng các lực lượng vũ trang quân khu và tỉnh đã đánh bại cuộc hành quân càn quét lớn vào Mang Xim gồm 12 tiểu đoàn khoảng 5.000 quân và 80 máy bay các loại. Chiến thắng Mang Xim đã có ảnh hưởng lớn trong quân và dân tỉnh nhà.

Cuộc tiến công và nổi dậy của nông dân ở đồng bằng Quảng Ngãi lần thứ hai kéo dài đến hết năm 1964, quân dân Quảng Ngãi đã đánh hơn 594 trận loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.162 tên địch, thu 761 súng các loại, phá hủy 60 xe quân sự, phá hủy 232 “ấp chiến lược”, giải phóng cho hơn 334.000 nông dân khỏi ách kìm kẹp của Mỹ-ngụy.

Vùng giải phóng đồng bằng được mở rộng và kéo dài từ vùng giáp ranh miền núi đến sát ven biển, từ xã Bình Thạnh (Bình Sơn) đến dọc sông Trà Khúc và từ Nam sông Vệ đến đèo Bình Đê (Đức Phổ) và từ vùng Đông huyện Tư Nghĩa nối liền đến Đông Đức Phổ.

Ở miền núi đã giải phóng vùng lưu vực sông Hrê, Sơn Cao (Sơn Hà) hình thành thế bao vây buộc địch phải co cụm lại trong đồn bót. Hệ thống giao thông đường bộ từ đồng bằng đến miền núi của địch bị ta cắt đứt. 50% ấp chiến lược bị ta phá vỡ và xây dựng thành các thôn, xã, làng, chiến đấu, lực lượng du kích phát triển mạnh và dựa vào làng chiến đấu chống trả các cuộc càn quét của địch bảo vệ vùng giải phóng. Đến đây phong trào chiến tranh du kích ở Quảng Ngãi phát triển rộng khắp và

ngày càng lớn mạnh.

Tính đến cuối năm 1964, nông dân đã được chia 2.091 mẫu ruộng công, ruộng vắng chủ và ruộng của ác ôn cho 160.317 nhân khẩu thiếu ruộng, 433 tá điền giành được 2.325 ang giống lúa tẻ. Các huyện miền núi đã cấy tía 73.784 ang giống lúa, 103.908 ang bắp, trồng 41.726.485 gốc mì. Nhờ thế đã tăng bình quân lương thực đầu người từ 200kg lên 400 kg ở Sơn Hà, từ 182 lên 381 kg ở Trà Bồng. Xây dựng thêm được 57 tổ đổi công thường xuyên và 344 tổ đổi công từng vụ, ừng việc. Phong trào hợp tác tương trợ lao động ở miền núi được củng cố và phát triển.

Từ vùng giải phóng, hàng ngàn thanh niên hàng hái gia nhập quân giải phóng, tham gia du kích. Hàng vạn tấn lương thực thực phẩm được huy động để phục vụ kháng chiến. Những thành tích mở rộng và xây dựng vùng giải phóng đã tạo nên, sức bật lớn để phong trào cách mạng của tỉnh nhà vươn lên giành những thắng lợi to lớn hơn.

Trong những năm đầu chống “chiến tranh đặc biệt” cho đến khi phong trào phát triển rộng mạnh, đồng bào miền núi đã phục vụ nhiều mặt, đóng góp khá phong phú; nào bảo vệ các lực lượng chính trị, vũ trang, đóng góp sức người, sức của, lương thực nuôi quân, vận chuyển hàng chi viện từ Bắc vào Nam trên con đường mòn Hồ Chí Minh đã ngày càng nâng cấp, mở rộng. Cuối năm 1964, một trận lụt chưa từng có đã xảy ra làm thiệt hại nhiều của cải và sinh mạng con người ở cả miền núi và đồng bằng. Địch nhân cơ hội đó lừa dân, xúc tát dân,

gây thêm khó khăn cho nông dân trong tỉnh. Với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng và sự tương trợ của các tỉnh bạn, nông dân Quảng Ngãi đã nhanh chóng vượt qua thiên tai hiểm có này. Ngay trong khó khăn phong trào đấu tranh chống địch xúc tát dân cũng diễn ra rất quyết liệt.

Tháng 11 năm 1964 Giôn-Xơn lên nắm chính quyền ở Mỹ. Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Đế quốc Mỹ buộc phải bày mưu tính kế chuẩn bị cho bước leo thang mới.

Sau đợt tiến công và nổi dậy năm 1964, nông dân cùng các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã giải phóng và làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn, giành lại phần lớn số dân ở đồng bằng. Tổ quốc và hoạt động của “Hội nông dân giải phóng” được phát triển mạnh mẽ. Hai lực lượng và ba thứ quân trong tỉnh đã trưởng thành và phát triển nhanh chóng. Nông dân hàng hái tham gia du kích, tự vệ ngày càng nhiều. Sự kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự đã đem lại nhiều thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bộ đội giải phóng đã tiến công tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch. Du kích các làng xã chống địch càn quét, cướp phá, bảo vệ vùng giải phóng bao vây đồn bót địch... hỗ trợ mạnh mẽ cho quân chúng nổi dậy thành cao trào ở đồng bằng, làm thay đổi cục diện chiến trường có lợi cho ta.

Nông dân Quảng Ngãi quán triệt và tích cực thực hiện chỉ thị của Quân khu ủy, tháng 11/1964 đã chiến đấu tiêu diệt địch và giành dân, mở rộng vùng giải phóng.

Phối hợp với chiến trường toàn khu, được sự hỗ trợ

của các lực lượng vũ trang, nông dân trong tỉnh nổi dậy phá “áp chiến lược”. Đêm 15/2/1965, đại đội 401 của huyện Sơn Tịnh đã tiến công tiêu diệt 2 trung đội dân vệ ở Tịnh Đông, giải phóng nông dân xã Tịnh Bình, san bằng chốt điểm cầu Tam Hán, giải phóng xã Tịnh Bắc. Lực lượng vũ trang huyện còn tiến công vào ấp Thế Long xã Tịnh Phong, Kim Lộc xã Tịnh Châu diệt một đại đội địch.

Ở huyện Bình Sơn, bộ đội huyện và du kích xã phối hợp tấn công các ấp chiến lược ở xã Bình Dương, thôn Phú Long xã Bình Phước, thôn Nam Yên xã Bình Hòa, Liên Trì, đò Ông Râu xã Bình Hiệp... diệt nhiều trung đội dân vệ. Nông dân nổi dậy phá ấp, phá kềm, xây dựng làng chiến đấu.

Ở huyện Tư Nghĩa, ngày 6/3/1965, cùng với với lực lượng vũ trang, nông dân đã nổi dậy giải phóng 3 xã : Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Dũng, sát vùng ven thị xã Quảng Ngãi.

Nông dân các huyện phía Nam tỉnh, cùng với lực lượng vũ trang tiến công quân địch ở thôn An Ba, Hành Thịnh (Nghĩa Hành) Quán Vịt Trà Câu (Đức Phổ), Quán Hồng (Mộ Đức) phá ấp chiến lược, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Nông dân đã phối hợp cùng bộ đội đánh phá, cắt đứt nhiều đoạn giao thông của quốc lộ 1, các đường ngang từ Bình Sơn đi Trà Bồng, Sơn Tịnh đi Sơn Hà, Mộ Đức đi Ba Tư... cũng bị phá nát từng đoạn, gây cho địch nhiều khó khăn trong việc tiếp tế và cơ động ứng viện giữa đồng bằng và miền núi.

Ở miền núi, phối hợp cùng lực lượng bên trong, lực lượng vũ trang và du kích huyện Ba Tư đánh địch ở Ba Gia, Ba Tầng, Ba Động... giải phóng trên 3000 đồng bào các dân tộc. Lực lượng vũ trang và du kích huyện Sơn Hà cũng tiến công địch ở xóm Gò, xóm Đồng, Di Hoãn... đưa hơn 3000 đồng bào trở về làng cũ làm ăn.

Trước sức tiến công mạnh mẽ và liên tục của ta, bọn ngụy quyền ở xã, thôn, một số ra hàng, một số chạy trốn đi nơi khác, bọn ngụy quyền đào rã ngũ, mang vũ khí trở về với cách mạng.

Nông dân khắp nơi nổi dậy phá banh hàng trăm ấp chiến lược, xây dựng làng chiến đấu. Ở đồng bằng, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, tạo thành thế liên hoàn bao vây, quận lỵ, thị xã.

Nông dân đã làm chủ ở hầu hết thôn xóm, làng nóc. Chính quyền tự quản đã được xây dựng và phát triển hiệu lực, thế trận cách mạng ba vùng được tăng cường vững mạnh.

Đến đông xuân 1964 - 1965 nhiều vùng giải phóng được mở rộng, phần lớn nông dân được giải phóng khỏi áp chiến lược, giành quyền làm chủ, lực lượng kháng chiến càng phát triển mạnh đã góp phần cùng toàn miền đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Trong giai đoạn này khá nhiều nông dân có giác ngộ cao đã được kết nạp vào Đảng và được giao nhiệm vụ lãnh đạo chính quyền thôn xã. Phong trào sản xuất đóng góp nuôi quân càng phát triển rất mạnh. Riêng huyện Trà Bồng cứ 1000 nông dân vùng giải phóng thì có 100 người tham gia du kích, 500 tham gia tự vệ, đóng góp 49.000 ngày

công, xay giã 20.000 ang lúa.

Nông dân Sơn Hà năm 1965 bình quân mỗi lao động trồng được 3360 gốc mì, toàn huyện trồng gần 5 triệu gốc mì, phát triển được 967 hội viên nông dân giải phóng, có 937 nông dân tham gia du kích xã thôn. Từ năm 1963 đến năm 1965, nông dân Sơn Hà đóng góp cho kháng chiến 130.000 ang lúa.

Nông dân Sơn Tịnh có trên 2120 người gia nhập du kích xã, thôn, 93 người tham gia du kích mật. Ở vùng giải phóng nông dân nghèo được chia 1.188 mẫu ruộng, làm được 13 bờ xe nước, đóng góp thu mua vận chuyển ra vùng giải phóng và khu căn cứ hàng ngàn tấn lương thực thực phẩm.

Trong giai đoạn này ở vùng nông thôn giải phóng của tỉnh Quảng Ngãi đã có trường học, giáo viên (do cách mạng đào tạo) lo việc dạy học cho con em nông dân, có trạm y tế, nhân viên y tế (y sĩ, y tá) chăm sóc sức khỏe cho nông dân. Nhiều nam nữ thanh thiếu nhi tham gia được sự hướng dẫn của các văn nghệ sĩ được đào tạo ở miền Bắc vào, đã đem ánh sáng văn hóa phục vụ cho nông dân.

Ngày 27/4/1965 Quân ủy Trung ương ra chỉ thị mở đợt hoạt động hè mang tên "chiến dịch Lê Độ" (từ 15/5 đến 30/8/1965) nhằm tiếp tục tiêu diệt một bộ phận lớn quân nguy tăng cường phá ấp chiến lược, giải phóng phần lớn nông thôn, đồng bằng mở rộng vùng giải phóng Nam - Bắc Tây Nguyên đồng thời tập trung sức đánh một số trận phủ đầu quân Mỹ. Quân khu 5 quyết đánh mở chiến dịch hè mang tên "chiến dịch Lê Độ"

Chấp hành chỉ thị của Quân khu và chủ trương của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang cùng nông dân Đông Nam thị xã Quảng Ngãi, Đông Mộ Đức và Đông Đức Phổ nổi dậy bao vây đánh địch, đồng thời huy động toàn bộ du kích và dân công ra phía trước chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Đêm 28 rạng ngày 29/5/1965, với sự phục vụ của đông đảo nông dân, bộ đội địa phương huyện Sơn Tịnh tiến công vào hai trung đội dân vệ ở ấp chiến lược thôn Diên Niên Phước Bình và một trung đội cộng hòa đóng ở Núi Chợ, Lộc Thọ xã Tịnh Sơn. Sau 10 phút chiến đấu, quân địch bị tiêu diệt sạch.

Ta còn tiến hành đánh địch từ Ba Gia kéo xuống Núi Tròn, Núi Khi để tiếp viện, tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn cộng hòa nguy, tên tiểu đoàn trưởng bị ta bắt sống. Hai cố vấn Mỹ chết tại trận. Nông dân các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc cùng lúc nổi dậy, dùng gậy gộc, dao rựa... cùng bộ đội truy bắt 217 tù binh, thu toàn bộ vũ khí.

Tiếp theo những ngày sau đó, nông dân các xã đã giúp đỡ quân giải phóng đánh tiếp nhiều trận vào quân cứu viện của địch từ thị xã Quảng Ngãi kéo lên. Sau 42 giờ chiến đấu liên tục, toàn bộ một tiểu đoàn quân nguy bị tiêu diệt ở Phước Lộc, Núi Nón, Mã Tổ xã Tịnh Sơn.

Chiến thắng vang dội ở Ba Gia trong hai ngày 30 và 31 tháng 5 năm 1965 là bài ca hùng tráng của bộ đội chủ lực và nông dân địa phương. Sự phối hợp của quân dân cách mạng Quảng Ngãi làm nên chiến thắng Ba Gia lịch sử đã giữ vững và phát huy mạnh mẽ quyền chủ

động trên chiến trường, góp phần cùng quân dân toàn miền đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, làm thất bại căn bản âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”. Một loại chiến tranh mà đế quốc Mỹ cho là rất hiệu nghiệm để thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Đến năm 1965 toàn tỉnh có 45.365 hội viên, năm 1966 ở 6 huyện đồng bằng có 67 xã giải phóng, có 59 xã có Ban chấp hành nông hội xã. Ban chấp hành xã nhiều nhất là 13 đồng. Sự củng cố và phát triển của Hội nông dân giải phóng là điều kiện để nông dân có tổ chức đoàn kết đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ của nông dân ngày càng phát triển.

Chương XIV

PHÁT HUY THỂ THẮNG, THỂ TIẾN CÔNG, NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1968)

Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đế quốc Mỹ chuyển sang “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, đồng thời tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại cực kỳ độc ác đối với miền Bắc nước ta.

Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 1965, ở các tỉnh Khu V địch đã nâng quân số Mỹ và Nam Triều Tiên lên khoảng 120.000 tên.

Ở Quảng Ngãi vào tháng 5/1965 chúng đã đổ một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, chiếm núi Bầu Đá, Núi Đất xã Bình Thạnh (Bình Sơn) và chiếm những điểm cao khác ở xã Bình Chánh, Bình Đông (Bình Sơn) để án ngữ phía Nam căn cứ Chu Lai và khống chế các xã phía Đông Bắc huyện Bình Sơn. Đồng thời bọn Mỹ đã cày ủi các thôn, xã trên thành vùng trắng. Chúng thường xuyên dùng tàu thuyền chiến đấu tuần tra, kiểm soát dọc ven biển phía Đông huyện Bình Sơn.

Được Mỹ hỗ trợ trực tiếp, quân nguy đã tung lực lượng mở nhiều cuộc hành quân càn quét với sự yểm trợ của máy bay, pháo binh đánh phá ác liệt vùng giải phóng gây nhiều cuộc tàn sát dã man đối với nông dân tỉnh ta.

Đáp lời kêu gọi vang dậy núi sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập tự do!”, nông dân Quảng Ngãi đã nêu cao lời thề:

“Chúng tao chỉ có lời này.

Thề cùng giặc Mỹ có mà không tao.

Lời nói sắc tựa nhát dao

Thề cùng giặc Mỹ có tao không mà”.

Một phong trào thi đua sôi nổi “tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt” đã được phát động mạnh mẽ trong lực lượng vũ trang giải phóng trong đồng đảo nông dân và các tầng lớp quần chúng ở khắp cả 3 vùng, nông thôn đồng bằng, ven biển, miền núi.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo trong một thời gian ngắn, hầu hết các thôn xã trong tỉnh đã hoàn thành bước chuẩn bị sẵn sàng đánh Mỹ, cứu nước. Nông dân các xã Phổ An, Phổ Minh (Đức Phổ), Đức Phong (Mộ Đức), Tịnh Khê (Sơn Tịnh) Bình Đông, Bình Thanh, Bình Châu (Bình Sơn) đã hoàn thành xây dựng làng chiến đấu khá vững chắc. Hầm hào được xây dựng liên hoàn qua nhiều thôn trong một xã để lực lượng vũ trang cơ động đánh địch. Nông dân cùng du kích ngày đêm xây dựng công sự, đào địa đạo, giao thông hào, biến nông thôn thành trận địa phản kích và tiến công địch bằng lực lượng tại chỗ, dựa vào làng chiến đấu, kết hợp đấu

tranh vũ trang với đấu tranh chính trị liên tục tiến công địch bằng hai chân ba mũi giáp công, kết hợp vũ khí thô sơ và hiện đại, áp dụng sáng tạo nhiều cách đánh có hiệu quả, tiêu diệt tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Nông dân trong tỉnh đã đóng góp sức người sức của với ý thức tự giác cao độ. Nhiều gia đình nông dân ở Tịnh Khê (Sơn Tịnh) đã hiến cả vườn ươm, nguồn thu nhập chính của gia đình để du kích xây dựng công sự. Có người còn dỡ cả nhà mình để lấy cây gỗ xây dựng công sự, làm hầm trú ẩn. Nông dân đã động viên nhau bằng câu nói đượm tình yêu nước "còn đất nước là còn tất cả, còn giặc Mỹ là mất tất cả" hàng ngàn thanh niên nông dân ở vùng giải phóng, vùng địch tạm chiếm, được Đảng và Hội nông dân giáo dục tuyên truyền đã hăng hái tự nguyện xung phong lên đường tòng quân giết giặc. Nhiều bà mẹ dẫn con em mình đến gặp chính quyền cách mạng hoặc nơi đóng quân xin cho con em được gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng cầm súng đánh Mỹ.

Năm 1966 có 8.000 hội viên nông dân tham gia đội du kích thôn, xã.

Phong trào du kích nông dân xung phong đi ra phía trước cũng diễn ra rất sôi động. Thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn Quảng Ngãi đã được bày sẵn sàng lao vào cuộc chiến đấu một mất một còn với địch. Quán Mỹ đi đến đâu cũng đều bị quân dân Quảng Ngãi đánh cho tơi tả. Ở Phổ Quang (Đức Phổ) có cụ nông dân 51 tuổi, suốt trong 13 ngày đêm, tay cầm quả lựu đạn bám theo bộ đội, du kích đánh địch. Em Việt 14 tuổi của

Đội văn nghệ xã Phổ Minh đã bố trí 114 hầm chông làm bị thương 4 tên lính Mỹ. Cô gái Nguyễn Thị Nga cứu thương của xã Phổ Phong, mượn súng của du kích, bắn tĩa diệt 3 tên địch và đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ. Anh Nguyễn Mai trưởng Ban văn nghệ xã Phổ Minh, lãnh đạo đội văn nghệ phối hợp cùng du kích chiến đấu suốt 21 ngày đêm. Riêng anh đã dùng bảy viên đạn thu được của địch diệt 7 tên Mỹ.

Cùng phối hợp với quân giải phóng và du kích địa phương, nông dân đã kiên quyết đấu tranh không cho địch bắt bớ, tàn sát đồng bào ta.

Để củng cố nguy quyền bị ta đánh đổ trong đồng khởi 1962-1964 địch đưa các binh chủng được gọi là “đoàn xây dựng nông thôn” mang tên “chim sắt”, “chim ưng” mở chiến dịch “phượng hoàng” hòng bình định các vùng nông thôn trong tỉnh.

Mặc dù quân số địch ngày càng tăng, với những cuộc càn quét qui mô ngày càng ác liệt, nhưng chúng phải đương đầu với cuộc chiến tranh nhân dân đã bày sẵn, ở các vùng nông thôn lớn được giải phóng tạo thành sức mạnh vũ bão áp đảo kẻ thù.

Để phát huy tinh thần chiến đấu: “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, nhân dân Quảng Ngãi đã cùng với các lực lượng vũ trang của khu làm nên chiến thắng vẻ vang ở Vạn Tường (Bình Sơn) vào 2 ngày 18 và 19 tháng 8 năm 1965. Đây là đòn đánh phủ đầu quân Mỹ khi chúng vừa bước vào thế trận của một cuộc chiến tranh nhân dân.

Khi đế quốc Mỹ trực tiếp đổ bộ vào tham chiến, chúng đã cùng một lữ đoàn bao gồm đủ các binh chủng thuộc sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1 và số 3 tấn công vào Vạn Tường, một thôn nhỏ ở vùng ven biển huyện Bình Sơn. Lực lượng của chúng gồm hơn 8000 quân, 70 máy bay phản lực, 1000 máy bay lên thẳng, hơn 40 khẩu pháo, hơn 100 xe tăng, xe bọc thép..., dưới quyền chỉ huy của tên đại tá Mỹ.

Mục tiêu của cuộc hành quân là tiêu diệt một đơn vị chủ lực quân giải phóng tại Vạn Tường, đồng thời cũng để thí nghiệm một chiến thuật và kỹ thuật quân sự tối tân của Mỹ.

Trận đánh Vạn Tường là cuộc đọ sức lớn đầu tiên giữa quân chủ lực và quân viễn chinh Mỹ. Sau hai ngày giáp chiến ác liệt, một trung đoàn quân giải phóng và du kích Vạn Tường đã đánh bại cuộc hành quân qui mô lớn của quân Mỹ, tiêu diệt 919 tên Mỹ có 4 đại đội bị diệt gọn, bắn rơi 13 máy bay, phá hủy 15 xe tăng và xe bọc thép.

Phía ta vẫn giữ vững trận địa, nhà cửa nông dân có một số bị cháy do súng phun lửa của địch, nhưng chúng không chiếm được một làng nào, nông thôn vẫn bán ruộng vườn, nhà cửa, dù bị tàn phá nặng nề.

Đêm 18/8/1965 tuy bị thua nặng nhưng địch vẫn ngoan cố dùng pháo sáng và máy bay quần lượn kiểm soát, pháo địch ở quân lỵ Bình Sơn bắn yểm trợ suốt đêm.

Sau chiến thắng vang dội đó, ngay trong đêm, lực lượng chủ lực của ta rời khỏi trận địa đi làm nhiệm vụ mới. Việc thu dọn chiến trường, nuôi giấu di chuyển

thương binh, chôn cất tử sĩ, hoàn toàn do du kích và nông dân địa phương các xã khu Đông Bình Sơn đảm nhận, trong đó nhân dân 2 xã Bình Hải, Bình Hòa đóng góp nhiều công sức nhất. Nhiều gia đình nông dân tham gia tích cực như gia đình bà Bùi Thị Bưởi, ông Lê Phương, ông Phạm Thỏ. Hai cụ già: Phạm Điều và Nguyễn Khiết đã bám sát địch, dẫn đường cho bà con nông dân đi theo chôn cất các tử sĩ, di chuyển thương binh. Ở xóm Lạc Sơn gia đình bà Bi và một số gia đình đã có công cất giấu, nuôi dưỡng thương binh để chuyển xuống trạm phẫu thuật ở xã Bình Phú - Bình Châu. Ở xóm Nón, Lộc Tự có mẹ Bưởi, mẹ Ánh đã tích cực chôn giấu 100 ba lô, 6 chiếc đồng hồ, 100 cây bút máy, 20 ruột ghé gạo và dụng cụ cấp dưỡng của bộ đội. Khi quân Mỹ rút, hai mẹ báo cho du kích đến nhận. Chi Mùi, một nữ du kích còn rất trẻ đã thể hiện lòng nhiệt tình, dũng cảm dẫn đường cho bộ đội giải phóng trong trận chiến đấu ác liệt này.

Thắng lợi vang dội ở Vạn Tường là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân do Đảng ta phát động. “Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt” đã trở thành khẩu hiệu chiến đấu thấm sâu vào lực lượng quân sự và nông dân địa phương.

Sau chiến thắng ở Vạn Tường, hàng loạt trận đánh Mỹ xuất hiện ở một số xã trong tỉnh, một số xã nằm trong vành đai căn cứ quân sự Chu Lai như : Bình Đông, Bình Thuận, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Nguyên, Bình Trung, Bình Khương... thuộc huyện Bình Sơn. Mỗi lần quân địch đi càn là gặp ngay sự chống trả quyết liệt.

của du kích và nông dân. Du kích các xã vẫn kiên định vận dụng phương châm 2 chân 3 mũi trụ bám đánh địch kiên cường, đấu tranh chính trị đa dạng, giữ vững vùng giải phóng.

Ngay khi quân Mỹ đặt chân đến đất Chu Lai, nông dân Quảng Ngãi, mà Bình Sơn là huyện trực tiếp đương đầu với chúng. Trên mảnh đất này đã sản sinh nhiều anh hùng, dũng sĩ diệt Mỹ như Đoàn Văn Luyện mới 13 tuổi đã gài mìn diệt 14 tên Mỹ, anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Bi, anh hùng Ngô Thanh Trang, Ngô Thị Tuyết... và biết bao anh hùng dũng sĩ khác như Lê Khương, Phạm Đường, Nguyễn Văn Tròn, Đinh Kơ Méo, võ Thị Nhã, Võ Duy Chín, Nguyễn Văn Được, Đoàn Thị Ánh Tuyết, Đoàn Văn Cẩm v.v... đã nêu cao tinh thần đánh Mỹ từ đầu “chiến tranh cục bộ”.

Đầu năm 1966 bọn địch tập trung củng cố và mở rộng vành đai, xây dựng tuyến hai, ra sức càn quét đánh phá liên tục vào các xã vùng ven căn cứ. Chúng thực hiện hai gọng kìm “tìm diệt” lực lượng chủ lực ta, làm bẽ gãy xương sống Việt cộng và “bình định” hồng chiếm lấy trái tim khối óc nông dân ta.

Trước thế trận của địch, người nông dân Quảng Ngãi không hề nao núng, vẫn tiếp tục chống càn, bảo vệ vùng giải phóng, góp phần đánh bại âm mưu “tìm diệt” và “bình định” và chiến dịch trong mùa khô lần thứ nhất của địch. Riêng Quảng Ngãi từ ngày 1/1/1966 cho đến 20/6/1966 đã đánh 857 trận lớn nhỏ, trong đó 607 trận là do lực lượng du kích và nông dân các xã tiến hành. Đây là thời kỳ đánh Mỹ lập công nhiệt nhất.

Đi đôi với phong trào đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, binh dịch vận thu kết quả lớn, công tác xây dựng vùng giải phóng cũng đặc biệt chú ý. Nông dân đã được huy động đắp 2 đập lớn: Cà Ninh và Bờ Đấp, phục hồi 25 bờ xe nước, phục vụ cho tưới tiêu 2.990 mẫu ruộng. Trong năm 1965, đã chia 2.867 mẫu 8 sào và 259 ang giống ruộng công, ruộng ác ôn và vắng chủ cho 9.523 gia đình nông dân. Các ngành văn hóa, giáo dục, y tế cũng được quan tâm đúng mức.

Như vậy chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ bước đầu đã bị đánh bại. Sau đó chúng liên triển khai tổ chức cuộc phản công lần thứ 2 từ tháng 10/1966 đến tháng 4/1967 với 40 vạn quân Mỹ, nửa triệu quân nguy cơ giành thắng lợi bằng hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”.

Ngày 6/6/1966 Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động lòng căm thù giặc Mỹ xâm lược trong toàn Đảng và toàn dân, được nông dân hưởng ứng nhiệt liệt, biến lời kêu gọi của Đảng và Mặt trận DTGPMNVN thành hành động cụ thể, quyết chiến đấu giành độc lập và chủ quyền cho đất nước quê hương.

Trong lúc quân Mỹ liên tiếp bị tiêu diệt nặng. Tháng 5/1966 chúng đưa quân Nam Triều Tiên và chư hầu vào hòng cứu nguy tình thế. Chúng tiến hành xây dựng căn cứ và mở hàng loạt các cuộc càn quét, đánh phá, bắn giết, gây ra biết bao cảnh chết chóc đau thương. Đặc biệt là vụ tàn sát cực kỳ dã man, 339 người dân ta ở Bình Hòa, Đốc Phú (Bình Sơn) ngày 5/12/1966. Riêng thôn An Phước có 295 người, trong đó 168 thiếu nhi, 88 phụ nữ, 22 trẻ sơ sinh, 21 bà mẹ có thai, không ai chết còn

nguyên vẹn, tất cả đều đổ ruột đứt đầu, mất chân tay...

Tiếng kêu thống thiết và đầy uất hận của nông dân xã Bình Hòa đã được thể hiện trong buổi lễ phát động lòng căm thù của Huyện ủy Bình Sơn được tổ chức tại trường An Phước (2-1967) xã Bình Hòa, với khẩu hiệu chiến đấu “Xé xác rồng xanh, phanh thây giặc Mỹ”⁽⁷³⁾ và kèm theo bức thư vô cùng thống thiết của chị em phụ nữ nông dân xã Bình Hòa. Sau đó nhân dân xã Bình Hòa còn sáng tác bài thơ “Mối thù không nguôi” nhằm khắc ghi tội ác của giặc và kêu gọi quân dân trong tỉnh và cả nước quyết bắt bọn giặc dã man phải trả nợ máu này.⁽⁷⁴⁾

Sau đợt phát động của Huyện ủy Bình Sơn, lòng căm thù trong Đảng bộ và nhân dân địa phương đều dồn lên đầu súng. Lực lượng vũ trang của huyện gồm 3 đại đội (95, 51 và 31) cùng với 2 tiểu đoàn 48 và 83 của tỉnh phối hợp tổ chức trận đánh tại 3 địa điểm là thôn Trung Hậu, núi Phổ Tinh và đường Hồ Chờ. Trận đánh diễn ra lúc đại đội Mỹ ở Phước Hòa (Bình Trị) càn lên để hợp đồng với tiểu đoàn quân Nam Triều Tiên. Gặp C1, D48 của ta đánh diệt, chúng liền cho quân chiếm Động Chúa nhưng gặp C3, D48 đánh xuống và bắt được 2 tên Nam Triều Tiên.

Ngày 20/1/1967 hơn 4 vạn nông dân ở hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh ùn ùn kéo vào tỉnh lỵ Quảng Ngãi đấu tranh, tố cáo tội ác của giặc Mỹ và “lính Pắc - Chung - Hy (Nam Triều Tiên) với khẩu hiệu “bọn xâm lược Mỹ và chư hầu rút về nước !”

Đi đôi với việc tiêu diệt sinh lực địch, công tác binh

vận của nông dân trong tỉnh cũng được tiến hành không kém phần anh dũng ngoan cường, đầy thông minh, sáng tạo. Bọn lính Pắc-Chung - Hy là đội quân đánh thuê tàn ác, cứ thấy người là bắn giết. Nông dân ta chưa có người biết tiếng Triều Tiên nên khó giao tiếp để giữ thế hợp pháp nhưng bằng mọi cách nông dân phải bám đất giữ làng. Được sự hướng dẫn và làm trước của đồng đảng viên và cán bộ nên công tác binh vận ngày càng đem lại kết quả. Bọn lính Nam Triều Tiên ngày càng hiểu mình bị Mỹ lợi dụng làm lính đánh thuê, tàn sát nhân dân Việt Nam. Nhờ đó nông dân vẫn giữ được thế đấu tranh hợp pháp phát triển, đấu tranh chính trị, du kích chiến tranh, nắm bắt tình hình, giành được thế đứng cho các lực lượng cách mạng đứng chân ở một vị trí rất quan trọng.

Trong cuộc chiến đấu kiên cường và anh dũng của quần dân Quảng Ngãi, đã có nhiều nông dân lập công xuất sắc. Điển hình có cụ già Rớt 86 tuổi ở Phú Quý (Bình Châu, Bình Sơn) khi quân Nam Triều Tiên đi càn bắt 17 nông dân dẫn về đồn, trong đó có cụ. Khi du kích tấn công giải thoát cho số người bị bắt này, cụ đã tình nguyện theo du kích đánh giặc trả thù cho bà con nông dân và cụ đã dũng cảm giết mìn tiêu diệt gọn một trung đội địch.

Nông dân Quảng Ngãi tích cực thực hiện đường lối phương châm của Đảng đề ra là đấu tranh 2 chân 3 mũi. Điển hình có cụ già Lũy ở xã Bình Thanh (Bình Sơn) dùng chữ Hán để binh địch vận đã hạn chế tính gian ác của giặc. Cụ Võ Tấn ở xã Bình Long, cụ Nguyễn Ân, Bùi

Ngại ở xã Bình Châu, Bình Hòa (Bình Sơn), khi địch phát hiện tiểu đoàn 48 của ta thì nông dân thôn Châu Thuận tìm cách nuôi giấu che chở. Khi giặc chở hai tiểu đoàn Nam Triều Tiên đổ quân càn quét, đánh phá, nhưng khi chúng đến nơi thì quân ta đã di chuyển đi nơi khác. Chúng định tập trung nông dân lại để sát hại. Cụ Võ Túc đã thông qua tên phiên dịch nói với bọn chúng đừng giết hại bà con nông dân vô tội. Tên chỉ huy lôi cụ ra tra hỏi - “Cộng sản cư trú tại thôn này 300 tên đi đâu?” Cụ trả lời :

- “Mười ngày trước đây, cộng sản qua lại ngoài rừng có nói rằng : đồng bào không được ra khỏi nhà nguy hiểm. Cho nên quân đội Đại Hàn phải đề phòng kéo nguy hiểm”, trong lúc đó bọn lính đi lùng sục, đập phải mình chết mấy tên, tên chỉ huy tin ông già nói thật, nên đến bắt tay và khen “lão hữu hảo” (công già tốt bụng).

Nhờ cách đối đáp khôn khéo, các cụ đã làm hạn chế mức độ gian ác của địch đối với bà con nông dân, đồng thời tạo điều kiện hợp pháp làm ăn.

Cùng tương tự như vậy, những cuộc đấu lý của nông dân các xã Bình Thanh, Bình Hiệp (Bình Sơn), Tịnh Phong, Tịnh Thọ (Sơn Tịnh) đã chặn đứng những hành động tàn sát dã man của quân Nam Triều Tiên. Mặt khác nông dân còn kích động, khoét sâu mâu thuẫn giữa bọn lính Mỹ với lính Nam Triều Tiên làm cho chúng nổ súng bắn nhau.

Ngoài ra nông dân còn thường xuyên dùng loa kêu gọi địch không được bắn pháo bừa bãi vào làng xóm, kêu gọi binh lính nguy hiểm chống lệnh của chỉ huy, không

lầm bìa đỡ đạn cho đế quốc Mỹ. Bọn lính Mỹ ở Động Bằng, Núi Rú (Bình Sơn) khi máy bay hạ cánh chở đi tiếp viện thì bỏ chạy trốn hoặc đấu tranh không chịu lên máy bay. Một trung đội Mỹ ở đồn Nước Mặn xã Bình Nguyên (Bình Sơn) đã chống lệnh đi càn, bọn chỉ huy phải điều về căn cứ Chu Lai để giải quyết.

Nhiều nơi bọn lính Nam Triều Tiên cố thủ trong đồn, bót gian ác, hung hãn. Chúng còn nhờ bà con nông dân yêu cầu du kích đừng bắn chúng. Nhân đà bọn địch hoang mang lo sợ, nông dân càng lấn tới đấu tranh mạnh hơn, buộc chúng phải co cụm lại.

Ở Xã Phổ Minh (Đức Phổ) bà con nông dân khiêng một cụ già bị pháo Mỹ bắn bị thương đến gặp bộ chỉ huy đòi phải cứu chữa và bồi thường. Tuy chúng rất tức nhưng phải băng bó và cấp thuốc cứu chữa. Nông dân thôn Hải Môn kéo ra đấu tranh không cho chúng bắt 2 cụ già và hô to “đả đảo giặc Mỹ”, không cho chúng đốt phá nhà cửa, phá hoại hoa màu, hãm hiếp phụ nữ.

Ở xã Phổ Quang (Đức Phổ) lính Mỹ bắt một em bé vừa dẫn ra sân, tập tức các em khác cùng kéo ra ngăn cản, đấu tranh buộc chúng phải thả.

Có thể nói 14 xã của Đức Phổ là 14 pháo đài diệt Mỹ. Cùng với các lực lượng vũ trang, nông dân dựa vào làng chiến đấu, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, quân dân Đức Phổ liên tục tấn công địch làm thất bại cuộc hành quân lớn của Mỹ-Ngụy.

Nếu tính những cuộc đấu tranh chính trị có qui mô lớn thì toàn tỉnh đã diễn ra 184 lần và 173.425 lượt

người tham gia, phần lớn là phụ nữ nông dân.

Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, phong trào du kích bắn máy bay, diệt xe cơ giới địch cũng diễn ra mạnh mẽ và đều khắp.

Bằng các loại đạn pháo, bom lén thu được của địch, du kích đã cải tiến thành loại mìn đánh xe tăng rất lợi hại. Những trận đánh bắn máy bay cũng được xây dựng rộng khắp ở mọi làng quê. Nhiều máy bay địch bị bắn rơi ở huyện Đức Phổ, Sơn Hà, Trà Bồng...

Từ những trận đánh lẻ tẻ, tiêu diệt từng xe, bộ đội địa phương cùng nông dân, du kích đã tiến lên tập kích diệt gọn từng tốp địch; như du kích các xã thuộc huyện Bình Sơn chỉ trong một trận chống càn đã dùng mìn cải tiến diệt 20 xe tăng địch.

Bị tiến công liên tục và đều khắp, làm cho quân Mỹ - Ngụy và bọn Nam Triều Tiên bị đánh tả tơi, gọng kìm "tìm diệt" và "bình định" của địch ở nông thôn Quảng Ngãi đã bắt đầu khủng hoảng. Hàng trăm binh lính ngụy đã bỏ súng quay về với nhân dân. Nhiều lính Mỹ và Nam Triều Tiên phản chiến. Tình hình đó làm cho bọn ngụy quyền, ngụy quân càng hoang mang lo sợ.

Từ ngày 30/8/1967 đến ngày 7/9/1967 quân và dân Quảng Ngãi lần đầu tiên đã thực sự đánh sâu vào hậu phương địch, đưa chiến tranh vào thị trấn, thị xã, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10.000 tên địch. Trong đó có 3.600 tên Mỹ, và 200 tên Nam Triều Tiên, bắn cháy 118 xe quân sự, thu 450 súng các loại, phá banh 46 ấp chiến lược, hàng chục

vạn nông dân được giải phóng.

Qua 2 năm chiến đấu đầy anh dũng và muôn hình, muôn vẻ của nông dân và các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi với quân viên chính Mỹ, quân ngụy và chư hầu đã trải qua những bước thử thách cực kỳ gian khổ và đầy hy sinh nhưng đã giành được những thắng lợi căn bản làm thay đổi tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch, quân và dân ta ngày càng mạnh lên, địch ngày càng lún sâu vào tình thế lúng túng.

Những thắng lợi của quân dân Quảng Ngãi mà tuyệt đại đa số là nông dân đã góp phần cùng quân dân toàn miền đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ, tạo điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bước vào cuộc tổng tiến công nổi dậy đồng loạt vào mùa xuân Mậu Thân 1968.

XÂY DỰNG NÔNG THÔN VÙNG GIẢI PHÓNG

Những thắng lợi dồn dập và căn bản của quân và dân trong tỉnh đã đem lại những kết quả hết sức thiết thực cho người nông dân lao động. Những vùng nông thôn giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức hội nông dân giải phóng được xây dựng và củng cố để cùng với chính quyền cách mạng vận động giáo dục nông dân tham gia thực hiện tốt chính sách điều chỉnh ruộng đất, tổ chức sản xuất, phát triển mạng lưới y tế, giáo dục phục vụ cho nông dân, cho kháng chiến. Những chủ trương và chính sách đúng đắn của Đảng đối với nông dân đã mang ý nghĩa chính trị rất sâu sắc, là nguồn

động viên to lớn phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Từ năm 1965 đến năm 1971, vùng nông thôn giải phóng thực hiện chính sách ruộng đất như sau :

Năm 1965 có 6 huyện (Đức Phổ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa).

Tổng số ruộng đất được cấp là : 3.855 mẫu.

Tổng số nông dân tạm giao là : 2.117 mẫu.

Tổng số người được hưởng là : 72.137 người.

Năm 1966 có 3 huyện (Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành).

Tổng số ruộng đất tạm cấp là : 577,5 mẫu.

Tổng số ruộng đất tạm giao : 2208 mẫu.

Tổng số người được hưởng là : 18.175 người.

Năm 1967 toàn tỉnh tạm cấp 1.484 mẫu tạm giao 598 mẫu.

1968 toàn tỉnh tạm cấp 350 mẫu, tạm giao 151 mẫu

1969 toàn tỉnh tạm cấp 750 mẫu.

1970 Sơn Tịnh tạm giao 32 mẫu, các vườn có sản phẩm đặc biệt của 2 xóm thôn Vĩnh Tuy xã Tịnh Hiệp có 14 hộ.

Những vùng nông thôn giải phóng dưới sự lãnh đạo của Đảng, vận động các cấp hội từng bước đưa nông dân vào làm ăn với tinh thần đổi công để giúp nhau trong sản xuất và đời sống.

Năm 1965 cả tỉnh có 2253 tổ với 45.365 hội viên

Trong đó:

Đức Phổ : 77 tổ với 3089 hội viên

Mộ Đức : 44 tổ với 940 hội viên

Nghĩa Hành: 106 tổ với 935 hội viên

Sơn Tịnh : 105 tổ với 915 hội viên

Bình Sơn : 260 tổ với 4818 hội viên.

Năm 1966 cả tỉnh có 970 tổ với 31.201 hội viên.

Trong đó : Đức Phổ : 77 tổ với 6.800 hội viên

Mộ Đức : 181 tổ với 5.698 hội viên

Nghĩa Hành : 106 tổ với 4.518 hội viên

Sơn Tịnh : 127 tổ với 3.810 hội viên

Bình Sơn : 279 tổ với 10.375 hội viên

Nông dân tham gia vào du kích là 8.373 người.

Năm 1967 cả tỉnh có 1823 tổ, 36.632 hội viên.

Năm 1967 là năm mà hội viên nông dân tham gia du kích cao nhất. Đa số hội viên nông dân tham gia vào hàng ngũ du kích và binh vận.

Năm 1968 cả tỉnh có 1.310 tổ, 28.677 hội viên.

Năm 1969 - 1970 số tổ và hội viên vẫn giữ như năm 1968.

Về tổ vòng công : Năm 1972 toàn tỉnh có 202 tổ với 3000 hội viên. Năm 1973 có 216 tổ với 3484 hội viên.

Hầu hết nông dân ở miền núi trong vùng giải phóng đã vào vòng công, hợp tác tương trợ lao động từ hình thức thấp đến hình thức cao.

Cùng với chính sách tạm cấp ruộng đất, ta còn chủ trương dùng ngân tín cho nông dân vay trâu, bò và tiền để làm vốn sản xuất. Tính từ tháng 1/1972 đến 15/9/1972 tổng kinh phí cho vay của 7 huyện là : 36.717.760 đồng; trong đó trâu có 237 con, bò có 93 con, máy bơm nước có 31 chiếc.

Nông dân các vùng giải phóng cũng ra sức làm thủy lợi đào ao vét giếng và đắp hàng trăm bờ đập để đảm bảo tưới cho 60% diện tích đồng ruộng.

Cùng với tăng gia sản xuất, làm thủy lợi, nông dân còn hăng hái và nhiệt tình đóng góp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ nhanh đến ngày tháng lợi.

Năm 1970 nông dân đóng góp 427 tấn lương thực và bán 794 tấn, ủng hộ 4.157.000 đồng, gửi quà cho bộ đội, du kích 20.000đ, 6 tấn gạo và 600 kg đường, đi dân công trên 3.500 người.

Bước sang năm 1971

Gạo nông dân ủng hộ 317 tấn

Gạo nông dân bán 2555 tấn

Nông dân ủng hộ tiền : 12.335.000đ.

Năm 1972 nông dân bán gạo 1.352 tấn

Nông dân ủng hộ tiền : 20.854.153 đồng.

Huyện	Trâu	Bò	Máy bơm nước		Tổng số tiền
			Lớn	Nhỏ	
Đức Phổ	59	40	2	21	16.100.000
Mộ Đức	58		2	1	5.462.000
Nghĩa Hành	70	5	5		6.178.910
Bình Sơn					4.406.850
Sơn Tịnh	8				300.000
Đông Sơn		48			3.300.000

Phong trào phát triển văn hóa giáo dục ở những vùng nông thôn giải phóng vẫn thực hiện tốt, biết bao khó khăn của những năm tháng kháng chiến ác liệt, song con em của nông dân vẫn được cấp sách đến trường.

Năm 1970 có 44 lớp với 2.008 học sinh thì năm 1973 có 253 lớp với 9.134 học sinh - Ngoài ra còn mở được 58 lớp bình dân cho 435 nông dân đi học.

Ở những vùng nông thôn giải phóng số lượng hội viên nông hội giải phóng ngày càng tăng.

Nhìn chung các mặt hoạt động của Hội nông dân trong các giai đoạn đã có những nỗ lực rất lớn.

Đến tháng 4/1967 chiến dịch mùa khô lần thứ 2 của địch chấm dứt, hai gọng kìm “tìm diệt” và “đình định” của địch coi như bị phá sản. Về căn bản, ta đã làm cho chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch bị thất bại, tinh thần quân địch bị giảm sút nghiêm trọng, nội bộ của ngụy quyền ngày càng lung củng - Hàng loạt phong trào yêu nước của sinh viên học sinh, các giáo phái nổi lên rầm rộ ở khắp các thành phố, thị xã, thị trấn, đòi lật đổ chính phủ bù nhìn Thiệu - Kỳ - Hương.

Phong trào diệt ác phá kềm của du kích nông thôn cũng rộ lên rất mạnh để hưởng ứng chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đề ra trong phiên họp từ 14 - 16 tháng 11/1967 về việc chuẩn bị mọi điều kiện cho đợt phản công vào xuân Mậu Thân 1968.

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRONG CUỘC TẬP KẾT CHIẾN LƯỢC XUÂN 1968

Cuộc “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta được đẩy lên đỉnh cao trong năm 1967. Lúc này trên toàn miền Nam có 535.009 tên lính Mỹ, 62.000 tên lính chư hầu cộng với 555.000 tên lính nguy dịch đã leo thang chiến tranh đến tâng cao nhất.

Đứng trước tình hình đó, tháng 12/1967 Bộ Chính trị Đảng ta đã mở phiên họp và có nhận định quan trọng: “nguy quân không còn đủ sức làm nhiệm vụ “bình định”, quân Mỹ và chư hầu không thể làm nhiệm vụ “tìm diệt” có hiệu quả. Ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch ở thế thua, thế bị động, khó khăn... Cuộc chiến tranh của ta có thể chuyển sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định”.

Từ nhận định đó Bộ Chính trị đã quyết định mở một cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt vào tết Mậu Thân 1968 nhằm đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Lúc này địch ra sức đẩy mạnh biện pháp chiến lược chủ yếu là “tìm diệt” và “bình định” chúng đề ra 3 nhiệm vụ chính phải làm: Ra sức “tìm diệt” quân chủ lực ta, “bình định nông thôn” và đánh phá căn cứ hành lang, cửa khẩu của ta. Địch cho rằng thực hiện được các việc trên thì sẽ ngăn chặn được sự tiến công của ta trong năm 1968. Song thực tế diễn biến của tình hình không

như ý muốn của chúng. Quân Mỹ - ngụy và chư hầu buộc phải dần mỏng và đang bị siết chặt dần bởi vòng vây của cuộc chiến tranh nhân dân. Tinh thần binh lính địch ngày càng bạc nhược, ý chí chiến đấu đang suy sụp, mâu thuẫn nội bộ ngày càng tăng.

Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (12/1967) đã đề ra nhiệm vụ “Động viên toàn Đảng” toàn quân và toàn dân trong tỉnh nỗ lực phi thường quyết tâm cao độ, thực hiện nhiệm vụ tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn chiến trường bằng 3 mũi giáp công thật mạnh để phối hợp với toàn khu, toàn miền... Hình thành thế mạnh và thế tiến công liên tục, thực hiện quả đấm quân sự tiêu diệt lớn, thực hiện tiến công kết hợp với nổi dậy, tiến lên giành chính quyền về tay nhân dân và kiên quyết bảo vệ chính quyền đó... phải mở ra và giành lại toàn bộ nông thôn đồng bằng, phát triển phong trào chiến tranh du kích cao hơn bao giờ hết. Xây dựng thôn xã chiến đấu vững mạnh, liên đoàn sát quản lý, thị xã và các trục lộ giao thông, hình thành thế bao vây, uy hiếp, tiến công liên tục xây dựng bàn đạp, kết hợp tiến công với nổi dậy...”⁽⁷⁵⁾

Ở tỉnh Quảng Ngãi đúng 2 giờ 30 phút ngày 31/1/1968 phối hợp với quân và dân toàn miền, quân dân tỉnh ta đã đồng loạt giáng những đòn sấm sét và bất ngờ vào căn cứ sào huyệt của địch. Ở thị xã Quảng Ngãi như Bộ tư lệnh sư đoàn 2 ngụy, toà hành chính tỉnh, tỉnh đoàn bảo an, sân bay, đài phát thanh, Ty cảnh sát, nhà lao, ga Ông Bó, ngã Năm... Đòn thứ nhất đã gây cho địch bất ngờ và tổn thất nặng nề. Tuy vậy ta vẫn chưa đánh

chiếm được các mục tiêu đầu nào của chúng. Chiều ngày 1/2/1968 lực lượng vũ trang của ta rút ra đánh địch ở vùng ven thị xã để hỗ trợ cho nông dân nổi dậy đấu tranh.

Để phối hợp nhịp nhàng với đòn tiến công địch của lực lượng vũ trang, hơn 30.000 nông dân các huyện trong tỉnh được tổ chức thành đội ngũ ùn ùn tiến vào thị xã đấu tranh trong tư thế giành chính quyền.

Ở huyện Sơn Tịnh hơn 12.000 nông dân kéo vào thị xã, phối hợp với 4000 nông dân các địa phương khác kéo đến quận lỵ và hơn 10.000 nông dân đang bị kìm kẹp trong các khu tập trung của địch nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ đòi được trở về làng cũ làm ăn.

Ở huyện Tư Nghĩa hàng chục nghìn nông dân tay cầm dao, rựa, giáo mác và gậy gộc, giương cao bành cờ biểu ngữ xuất phát từ phía Đông và phía Tây của huyện kéo vào thị xã đấu tranh.

Ở các huyện khác cũng có hàng chục nông dân kéo về quận lỵ, thị trấn đấu tranh uy hiếp địch. Mặc cho địch tìm mọi cách ngăn chặn, hăm dọa, đàn áp dẫm máu nhưng không thể nào ngăn cản được cao trào đấu tranh đang dâng lên như nước vỡ bờ của lớp lớp nông dân đang uất ức, căm thù bè lũ cướp nước và bán nước.

Đòn tiến công đầu tiên đã làm cho quân địch bị thiệt hại nặng nguy quân rệu rã, nguy quyền hoang mang lo sợ. Bộ máy cai trị của địch hầu như bị tê liệt. Ta không để cho bọn địch có thời gian ngơi nghỉ và củng cố, ngày 4/2/1948 ta mở cuộc tiến công lần thứ 2.

Các mục tiêu trong thị xã như ngã Năm, Quán Cơm, ga Ông Bó, Đài phát thanh v.v... lại bị tấn công lần nữa. Nhiều đơn vị địch chưa kịp củng cố đã bị tiêu diệt. Nhiều kho xăng kho súng đạn, lô cốt bị đánh cháy, phá hủy.

Trước sự nổi dậy đồng loạt, liên tục, rộng khắp của nông dân và sự tấn công dồn dập và mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang giải phóng, nhiều đơn vị và binh chủng địch bị tiêu diệt hoặc bị đánh tới tấp, bộ máy nguy quyền ở nông thôn bị tan rã, bọn ác ôn ở quận, tỉnh hoảng hốt bỏ chạy ra Chu Lai (căn cứ Mỹ) vào đảo Lý Sơn để lánh nạn. Bọn bảo an, dân vệ thủ dầu rã ngũ hàng loạt, ở các đồn, bót lẻ tẻ quân nguy phải bỏ chạy. Quân chủ lực của chúng phải lui về phòng thủ cơ cụm ở các sào huyệt căn cứ ở thị xã, thị trấn. Đại bộ phận nông thôn được giải phóng, nông dân làm chủ xóm làng.

Đứng trước thất bại nặng nề trong tết Mậu Thân, Mỹ-ngụy ra sức chống đỡ bằng cách tăng cường phòng thủ bảo vệ căn cứ và các cơ quan đầu não của chúng, đồng thời mở những cuộc càn quét đánh phá phong trào cách mạng ở nông thôn và quanh các vành đai căn cứ quân sự của chúng. Chúng dùng máy bay và pháo lớn bắn phá vào các xóm làng, rải chất độc hóa học để hủy diệt ruộng vườn, cây cối và gây ra nhiều vụ giết người man rợ ở khắp các xóm làng, đồng ruộng. Điển hình là vụ thảm sát đẫm máu ở Sơn Mỹ (Sơn Tịnh) vào ngày 16/3/1968 do bọn lính Mỹ thuộc lữ đoàn 11, sư đoàn 23 American gây ra.

Vào sáng ngày 16/3/1968 nông dân các thôn xóm, xã Tịnh Khê đang chuẩn bị bước vào một ngày lao động

mới. Nhiều gia đình còn đang ăn sáng, một số ít người đi chợ, đi biển, ra đồng cày cấy....bỗng nhiên các đại bác của địch từ các căn cứ pháo binh ở Núi Râm, Chi khu Sơn Tịnh, tiểu khu Quảng Ngãi nã dồn dập vào các thôn Tư Cung, Trường Định, Cổ Lũy, Mỹ Lai. Cuộc bắn giết vô nhân đạo của địch kéo dài hơn 30 phút. Xóm làng nhà cửa bốc cháy, cây cối đổ nát, người chết và người bị thương nằm la liệt.

Sau đợt bắn phá đó, chúng đưa 2 máy bay trực thăng vũ trang bay tới quần lượn nhiều vòng rồi nã đạn đại liên và rốc két tới tấp vào xóm làng. Tiếp theo đó 9 chiếc máy bay lên thẳng nối đuôi nhau hạ cánh đổ quân xuống đồng ruộng giữa xóm Thuận Yên và Trường An thuộc thôn Tư Cung. Cùng lúc đó lại có 1 đàn máy bay lên thẳng khác đổ quân xuống bãi trống cạnh xóm Gò, thôn Cổ Lũy.

Ở thôn Tư Cung có một đại đội Mỹ, sau khi đổ quân xuống lập tức bao vây xóm thôn Thuận Yên. Chúng chia nhau chặn các ngã đường, bịt kín các ngõ xóm không để một người nào chạy trốn ra ngoài. Chúng càn qua các ruộng lúa, bắn vào những người nông dân đang làm ruộng ngoài đồng. Trung đội Mỹ do tên trung úy chỉ huy tiến thẳng vào làng, vừa đi vừa bắn xối xả vào bất cứ cái gì mà chúng nhìn thấy. Bọn Mỹ chia làm nhiều toán, tỏa ra các hướng lùng bắt đốt phá, chặt phá cây cối, bắn giết trâu, bò, gà, vịt....chúng bắn chết người rồi cho vứt xác vào lửa hoặc đốt nhà để người chạy ra rồi bắn.

Chúng còn gom dân làng lại rồi tiến hành cuộc tàn sát tập thể cực kỳ dã man. Ở bãi đất trống cạnh chòi

tranh gần nhà ông Nguyễn Nhiên và con mương cạn cuối xóm Thuận Yên, chỉ trong vòng mấy giờ đồng hồ, bọn Mỹ đã bắn chết 407 người, hầu hết là phụ nữ, trẻ em và người già. Có 24 gia đình bị chúng giết sạch không còn một người. Ở con mương cuối xóm Thuận Yên bọn Mỹ đã bắn chết một lúc 170 người dân vô tội.

Như vậy trong suốt 3 giờ đồng hồ, bọn Mỹ khát máu đã tàn sát dã man 504 bà con nông dân xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh) (407 người ở xóm Thuận Yên thuộc thôn Tư Cung và 97 người ở xóm Mỹ Hội thôn Cổ Lũy) trong đó có 182 phụ nữ, 173 trẻ em, 60 cụ già. Có 247 ngôi nhà bị đốt cháy, hàng nghìn trâu bò và gia cầm bị giết sạch.

Quân Mỹ đã tàn sát nông dân một cách cực kỳ man rợ, đã gây nên một làn sóng căm thù cao độ đối với nhân dân trong tỉnh và cả nước, đồng thời bị cả loài người lên án mạnh mẽ.

Nhân dân Quảng Ngãi mãi mãi khắc cốt ghi xương mối thù Sơn Mỹ và đã cùng thể với nhau “nợ máu phải trả bằng máu” ý chí quyết tâm đó sẽ biến thành hành động thực tế trong cuộc chiến đấu sống còn với đội quân xâm lược Mỹ.

Để trả thù cho đồng bào Sơn Mỹ, các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi mở tiếp hai đợt tiến công lớn trong chiến dịch hè thu 1968, cùng với các đơn vị chủ lực, lực lượng và du kích các huyện đã hiệp đồng nổ súng tiến công vây ép các mục tiêu ở quận lỵ, thị trấn, thị xã.

Trong đợt tiến công lần thứ 2 của chiến dịch ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1052 tên địch, bắt sống 76 tên,

thu 59 khẩu súng, phá hủy 19 xe quân sự các loại.

Nông dân cùng các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã liên tục tấn công, liên tiếp nối dây danh phá các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã, thị trấn hết đợt này đến đợt khác làm cho địch bị tổn thất nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh.

Trên mặt trận đấu tranh chính trị cũng đã xuất hiện hàng trăm tấm gương nông dân sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng. Nhiều cuộc đấu tranh, nông dân dùng cày lao vào đầu xe giặc để chặn đứng cả đoàn xe. Nhiều gia đình nông dân đã nhiệt tình nuôi giấu thương binh, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang cách mạng đang chiến đấu ở cả 3 miền : miền núi, đồng bằng, thị trấn, thị xã... nhiều người đã hy sinh một cách oanh liệt.

Như vậy nông dân Quảng Ngãi đã góp phần giáng một đòn quyết định đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược và buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri.

Nội dung hoạt động của Hội nông dân giải phóng trong giai đoạn này là tập hợp đại bộ phận nông dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân chủ và người cày có ruộng. Nông hội tham gia mọi hoạt động của phong trào yêu nước, chủ yếu là đấu tranh chính trị, biểu tình, bãi thị, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Năm 1969 Ban chấp hành Hội nông dân giải phóng

tỉnh Quảng Ngãi đã được tăng cường đồng chí Hoàng Hồng Thất làm Bí thư, đồng chí Châu Thị Đoàn, Phó bí thư và Thường vụ Hội có đồng chí Nguyễn Long, Phạm Hùng Long...

Số lượng hội viên nông dân cũng ngày càng phát triển. Năm 1968 - 1969 toàn tỉnh có 37.625 hội viên, trong đó ở đồng bằng chiếm 24.651 người, miền núi có 12.972 người. Hội đã tích cực hù hào vận động nông dân vào làm ăn tập thể trong các tổ vùng đối công tương trợ lao động. Sáu huyện đồng có 377 tổ với 8.314 hội viên. Ở 6 huyện miền núi có 765 tổ với 12.972 hội viên tổ đối công và có 86 tổ viên hợp tác tương trợ lao động, trong đó có 75 tổ nông dân vào các hình thức làm ăn tập thể.

Nông dân Quảng Ngãi rất tự hào với chiến thắng của quê hương mình. Những cuộc hành quân qui mô lớn của đội quân nhà nghề Mỹ, với vũ khí máy bay, xe tăng hết sức tối tân, trong 2 mùa khô 1965 - 1966, và cả năm 1968, đều đã bị quân và dân Quảng Ngãi đánh cho tan tác. Chiến thắng Vạn Tường của quân và dân ta là nỗi đau khó quên của quân đội Mỹ và Chính phủ Mỹ, nó cũng chứng tỏ sức sống đấu tranh bền bỉ phi thường của các lực lượng vũ trang giải phóng Quảng Ngãi và đồng bào nông dân trong tỉnh.

Chương XV

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI QUYẾT TÂM GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Chiến thắng vang dội của quân và dân ta trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào tết Mậu Thân đã làm chấn động dư luận và tác động sâu sắc đến tình hình chính trị, kinh tế và ngoại giao của nước Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Tổng thống Giôn-xơn phải rút khỏi nhà trắng, Ních-xơn, một tên đại diện cho các thế lực hiếu chiến Mỹ, lên làm tổng thống.

Dầu năm 1969, Ních-Xơn phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ và cho ra đời cái gọi là “học thuyết Ních-Xơn” để kéo dài và mở rộng chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm “thay màu da của các xác chết”.

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xơn là một chiến lược toàn diện về quân sự, chính trị và kinh tế. Xương sống của chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” là “bình định”. Ních-Xơn ra lệnh đẩy mạnh “bình

định cấp tốc” rồi “bình định đặc biệt”, “bình định phát triển nông thôn” rồi “bình định và phát triển mới”.v.v... Đồng thời đẩy mạnh hai gọng kìm “quét và giữ”, hòng đẩy quân giải phóng ra xa các đô thị, chiếm đóng vùng nông thôn giải phóng, hòng triệt tiêu nguồn gốc chiến tranh nhân dân của ta. Điều đó thể hiện, sự bị động và lúng túng trong âm mưu xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ.

Để thực hiện chiến lược này, ở Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy tăng cường đánh phá, càn quét ác liệt, từ tháng 11/1968 ở các vùng giáp ranh, miền núi, và đồng bằng, chúng rải chất độc hóa học ở khắp miền, vùng Đông huyện Minh Long, Đông Bắc huyện Trà Bồng, vùng Tây Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Đức Phổ...chúng dùng máy bay B 52 ném bom rải thảm ở xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa), Tịnh Giang, Tịnh Đông (Sơn Tịnh), Đức Sơn (Mộ Đức) và các huyện miền núi. Nhiều thôn xóm vùng giáp ranh bị cay ửi thành những vùng đất hoang vắng trơ trụi. Mặt khác, chúng triển khai kế hoạch “bình định” quy mô lớn ở các vùng nông thôn trong tỉnh bằng các cuộc hành quân liên quân Mỹ-ngụy, nhằm giải tỏa các cứ điểm bị quân ta vây hãm từ chiến dịch mùa thu năm 1968. Vùng ven thị xã thì chúng đẩy mạnh 2 gọng kìm “quét và giữ”, cố tìm diệt cơ sở cách mạng, thực hiện gom dân lập ấp, đặt lại hệ thống kìm kẹp của chúng, hành quân liên tiếp đánh phá các căn cứ kháng chiến của ta, khống chế những đầu cầu tiếp viện của quân giải phóng, đẩy lùi quân chủ lực ta ra xa vùng đồng bằng và những căn cứ trụ bám của ta uy hiếp thị trấn, thị xã của chúng.

Tại vùng đồng bằng ven biển giáp giới hai huyện Bình Sơn - Sơn Tịnh, Mỹ-ngụy đã mở cuộc hành quân mang tên "liên kết 9" đúng vào khu vực Ba-Làng-An gồm 6 xã: Bình Phú, Bình Châu, Bình Tân (huyện Bình Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê (huyện Sơn Tịnh) sau đó mở rộng toàn vùng Đông. Lực lượng của địch gồm có 8000 quân cơ động, hàng chục xe tăng, xe bọc thép, hàng chục máy bay chiến đấu yểm trợ, 21 khẩu pháo mặt đất và pháo hạm đội 7 do tên chuẩn tướng đô đốc hạm đội 7 chỉ huy chung, tên chuẩn tướng Nguyễn Văn Đoàn sư trưởng sư 2 ngụy chỉ huy phối hợp.

Đúng 7 giờ ngày 13-1-1969, sau những đợt bắn phá dữ dội bằng pháo binh và máy bay, các lực lượng địch có xe tăng dẫn đầu, được bọn ác ôn lưu vong địa phương dẫn đường từ các hướng tiến vào xã Tịnh Khê, lũng sục thôn Trường Định, Tư Cung, Mỹ Khê thuộc huyện Sơn Tịnh nhưng ngay từ đầu lực lượng bộ đội địa phương và du kích xã chặn đánh tiêu diệt 50 tên ở thôn Tư Cung. Dựa vào làng chiến đấu du kích chiến đấu anh dũng diệt thêm 60 tên nữa và một số xe bọc thép M.113.

Cánh quân đổ bộ bằng máy bay lên thẳng vào xã Bình Phú, Bình Tân (Bình Sơn) liền bị du kích chặn đánh diệt 26 tên Mỹ, bắn rơi 3 trực thăng. Quân Mỹ đổ bộ lên các xã Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh) và Bình Châu (Bình Sơn) bị quân giải phóng chặn đánh tiêu diệt hàng trăm tên nữa.

Sáng ngày 16-1-1969 quân Mỹ tổ chức cuộc vây bắt nông dân thôn Phú Mỹ (Bình Phú, Bình Sơn) nhưng lực

lượng quân giải phóng tiêu diệt gần hết một đại đội. Quân Mỹ đi lùng vào các xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh) đều bị vướng mìn và sục hầm chông của nông dân và du kích, chết hàng trăm tên nữa. Quân giải phóng và du kích địa phương liên tục tấn công địch suốt ngày đêm không cho chúng có thời gian củng cố đội hình, đồng thời đánh mạnh vào những nơi chúng gom nông dân để chở đi vào trại tập trung, tạo thế cho nông dân đấu tranh càng mạnh mẽ hơn.

Cuộc chiến đấu đánh phá âm mưu “bình định thí điểm” do Mỹ-ngụy tiến hành của quân và dân vùng Đông Bình Sơn, Sơn Tịnh đang diễn ra hết sức quyết liệt thì tối ngày 27-1-1969 các đơn vị bộ đội được sự giúp đỡ tích cực của nông dân địa phương, tổ chức tiến công vào một số mục tiêu quan trọng trên trục đường số 1 dọc theo thị trấn Bình Sơn, Sơn Tịnh.

Phối hợp với khu vực trọng điểm, lãnh đạo tỉnh chủ trương mở đợt hoạt động hợp đồng tác chiến để kéo các lực lượng địch dần mỏng, tạo thuận lợi cho vùng trọng điểm đánh bại cuộc càn quét “bình định thí điểm” của Mỹ-ngụy. Trong quá trình chống địch đi càn, du kích cùng bộ đội tổ chức nhiều trận tập kích diệt từng tiểu đội, trung đội địch quanh khu đồn Văn Thánh, phối hợp với du kích mật diệt bọn ác ôn trong khu đồn, tạo thế cho nông dân đấu tranh đòi trở về với quê quán.

Du kích xã Tịnh Khê, trong 2 ngày 23 và 24/1/1969 đã tiêu diệt trên 60 tên bảo an. Ban ngày các chiến sĩ du kích Tịnh Khê nhử địch vào khu vực có bãi mìn, hầm



Lực lượng nông dân và lực lượng vũ trang khởi nghĩa các huyện kéo về giải phóng Thị xã Quảng Ngãi ngày 24/3/1975

chông để diệt, còn ban đêm đánh vào những nơi địch trú quân. Du kích xã Bình Châu (Bình Sơn) bám địa đạo, đánh địch, giữ vững làng chiến đấu Phú Quý, không cho địch đánh phá. Du kích còn vận động nông dân thu gom được 1500 quả đạn pháo cối lép làm mìn tự tạo bố trí đánh xe tăng địch.

Thực hiện chủ trương tấn công địch bằng 3 mũi giáp công, nông dân đã tích cực tham gia mũi đấu tranh chính trị, binh vận. Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân các xã Tịnh Khê, Tịnh Kỳ (Sơn Tịnh), Bình Phú, Bình Hòa (Bình Sơn) đã liên tục diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Hơn 30.000 lượt người kiên quyết chống địch gom dân, chống đốt phá cướp giết, tìm mọi cách không cho bọn chúng đưa vào khu đồn. Vận động các gia đình có con em trong lính nguy, thuyết phục bọn phiến địch đưa yêu sách để kéo dài thời gian chờ cho du kích và bộ đội ta đến nổ súng tấn công rồi viện cớ bị Việt cộng tấn công để cùng nhau bỏ chạy đi nơi khác.

Nông dân xã Bình Châu, Bình Hòa (Bình Sơn) đã kiên trì đấu tranh giằng co với hàng trăm tên địch, có lúc chúng phải dùng hai tên Mỹ khiêng một nông dân đưa lên trực thăng đẩy vào khu đồn nhưng hàng chục nông dân kiên quyết ngăn lại. Chỉ có 60 gia đình ở An Bàng mà chống chọi lại với 1 đại đội Mỹ. Cuộc đấu tranh diễn ra suốt cả ngày, bọn Mỹ chỉ bắt được vài ông bà già và phụ nữ có con, đẩy lên trực thăng đưa vào các khu đồn.

Ngay từ khi mới bị đồn, nông dân khu đồn Văn Thánh

đã liên tục đấu tranh đòi trở về làng xóm cũ, đòi được tự do đi lại làm ăn. Nhiều hình thức đấu tranh diễn ra sôi nổi như tuyệt thực, không nhận bánh mì, gạo của địch cấp phát, phản đối chủ trương phân loại nông dân, ly khai người thân gia đình. Biến các cuộc mít tinh của địch thành cuộc tố cáo vạch tội bọn ác ôn, cảnh sát... Đồng thời nông dân còn khiêng những người bị đánh đập tàn phế, bị kiệt sức đến tố cáo trước mặt tên tỉnh trưởng Quảng Ngãi và bọn cố vấn Tân - Tây - Lan, trong dịp bọn chúng đến khu đồn dân. Nông dân trong khu đồn luôn tổ chức những cuộc đấu tranh hợp pháp, giành thắng lợi từng bước, phá thế kìm kẹp của chúng, hàng ngày tìm cách thoát ra khỏi khu đồn, liên lạc và phối hợp với du kích mật giết bọn lính "bình định", ác ôn, lính gác... Thấy không quản lý được nông dân trong khu đồn, lại thường xuyên bị tấn công bất ngờ, tên tỉnh trưởng buộc phải để hơn 6.000 nông dân ở khu đồn Văn Thánh trở về làng cũ.

Sau hơn 36 ngày đêm chiến đấu anh dũng, sáng tạo, được sự hỗ trợ đắc lực của quân giải phóng dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của chi bộ Đảng, toàn bộ nông, ngư dân vùng Ba - Làng - An quyết không chịu khuất phục, không ngại hy sinh, đã kiên cường bám đất, bám làng đánh bại đợt "bình định thí điểm" của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 1454 tên Mỹ-ngụy, diệt gọn 5 trung đội Mỹ, 1 đại đội ngụy, đánh cháy và hỏng 17 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, thu 35 súng các loại. Thắng lợi của ta đã được đi báo cáo điển hình trong toàn tỉnh và ở Khu V.

Trong những ngày tháng 2/1969 quân dân khắp các địa phương Quảng Ngãi tiến công tiêu diệt nhiều đơn vị Mỹ-ngụy gây cho chúng thiệt hại nặng nề.

Trong các trận chiến đấu ác liệt đó đều có mặt các tổ du kích, các đội công tác vũ trang, các lực lượng đấu tranh chính trị ở làng xã tham gia, chặn một mũi một hướng độc lập, hoặc phối hợp chiến đấu với quân giải phóng. Trong đó có gương chiến đấu, công tác của nữ nông dân là chiến sĩ giao liên Nguyễn Thị Minh. Minh là một chiến sĩ lanh lợi và đầy mưu trí. Có lần Minh đang dẫn đường cho một đơn vị quân giải phóng thì gặp địch bất ngờ, cô nhanh chóng đề ra phương án tác chiến, giúp ban chỉ huy tổ chức chiến đấu diệt gần hết 1 đại đội thám báo Mỹ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nông dân đã tích cực tham gia đấu tranh chính trị và binh vận nhân ngày kỷ niệm phụ nữ 8-3-1969.

Cùng với cuộc xuống đường rầm rộ của hơn 8000 quần chúng thị xã, hàng vạn nông dân các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh nổi dậy phá khu đồn “áp chiến lược” giành quyền làm chủ. Đồng bào dân tộc các huyện miền núi Ba Tơ, Sơn Hà cũng nổi dậy đấu tranh đòi được trở về làng nóc nương rẫy. Nhiều tên ngụy quyền ác ôn bị bắt, hoặc ra đầu thú cách mạng hoặc hoảng hốt bỏ chạy đi nơi khác. Vùng nông thôn giải phóng được mở rộng, hơn 2000 nam nữ thanh niên nông dân tình nguyện tham gia quân giải phóng và các ngành xây dựng căn cứ.

Chiến dịch Đông - Xuân kết thúc, nông dân cùng với các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu 11.869 tên địch, làm tan rã 9 đoàn "binh định nông thôn". Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nông dân đã nổi dậy phá banh 12 khu đồn, 36 "ấp chiến lược", phá tan bộ máy kìm kẹp ở các ấp và khu đồn gần 200.000 nông dân ở đồng bằng và miền núi giành được quyền là chủ.

Thắng lợi to lớn của chiến dịch đông - xuân 1969 trên quê hương Quảng Ngãi là thắng lợi của chiến dịch mang sắc thái tiến công tổng hợp rõ rệt. Thắng lợi đã khẳng định vai trò và khả năng cực kỳ to lớn của nông dân trong phong trào toàn dân đánh giặc, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với sức mạnh tổng hợp đó đã uy hiếp trực tiếp chương trình "binh định nông thôn" của đế quốc Mỹ và nguy quyền Sài Gòn.

Trước thất bại nặng nề, bọn địch đã tìm cách đối phó bằng cách tập trung sức đánh phá dữ dội bằng bộ binh, pháo binh và không quân, mở rộng diện "binh định", đề ra chương trình "binh định cấp tốc" trong toàn tỉnh. Chúng ra sức đồn quân, bắt lính, thành lập các liên đội bảo an, khôi phục lại bọn nguy quyền thôn, xóm, ấp...

Đến tháng 6/1969 địch đã bắt hàng nghìn người từ 15 đến 35 tuổi, có lúc tới 45 tuổi để bổ sung cho các lực lượng địa phương quân. Quân nguy ở Quảng Ngãi lên đến 30.000 tên (không tính lực lượng phòng vệ dân sự).

Với lực lượng đó, từ tháng 6 trở đi, địch tổ chức nhiều đợt đánh phá vùng giải phóng, càn quét các khu căn cứ của ta, dùng máy bay B52 ném bom, rải thảm, thả chất

độc hóa học, hủy diệt môi sinh, môi trường, buộc nông dân phải rời bỏ ruộng vườn, làng mạc ra sống dọc theo các trục lộ giao thông xung quanh thị xã, thị trấn, để chúng dễ bề dồn nông dân vào các khu dồn “ấp chiến lược”. Địch tập trung đánh phá cả ngày lẫn đêm. Có ngày pháo từ hạm đội 7 và các phân chi khu ở đất liền bắn hàng ngàn quả đạn vào các xã phía Nam huyện Mộ Đức; Bắc Đức Phổ, Đông Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa. Bọn chúng còn dùng máy bay ném bom bắn phá vùng Tây Sơn Tịnh, Bình Sơn, Nghĩa Hành và các huyện miền núi.

Để thực hiện chiến dịch “bình định” có hiệu quả, Mỹ-ngụy dùng xe cày ủi, đánh phá, quyết biến vùng giải phóng của ta thành vùng trắng, đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi nông thôn, phong tỏa giữa vùng ta và vùng địch. Triệt phá và bao vây kinh tế hòng bóp ngạt đời sống nông dân, buộc phải bỏ làng xóm ra đi. Có lúc địch dùng hàng trung đoàn chủ lực và quân địa phương đánh sâu vào khu căn cứ, vùng giải phóng của ta, đốt phá mùa màng, ruộng đồng, nương rẫy. Mỹ dùng trực thăng thả bọn gián điệp, biệt kích đánh phá các hành lang cửa khẩu giữa đồng bằng và miền núi. Những hoạt động đó được gọi là chiến dịch “rung cây không cho chim đậu”, hoặc “tát nước bắt cá” thực chất là tìm mọi cách đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi nông dân, khống chế, uy hiếp nông dân, gây khó khăn cho cách mạng. Trên thực tế chúng cũng đã gây cho ta những khó khăn tổn thất không nhỏ.

Đến cuối 1969 địch đã cày ủi các xã vùng Đông Bình

Sơn như Bình Tân, Bình Phú, Bình Thanh, Bình Hòa... thành những vùng trắng, không một bóng cây, bắt nông dân vào các khu đồn. Toàn bộ khu Đông Bình Sơn và Sơn Tịnh còn dân của hai thôn An Tráng xã Bình Tân (Bình Sơn) và Trường Định xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh) vẫn kiên quyết trụ bám để tiếp tế giúp đỡ cho bộ đội và du kích chiến đấu.

Các xã vùng Tây Sơn Tịnh như Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Thọ, Tịnh Bình thì dịch dùng hàng chục xe ủi liên tục cày di xới lại mấy tháng liền để triệt phá. Các xã vùng Đông Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa và Tây Nghĩa Hành cũng bị dịch đánh phá thành vùng trắng. Nông dân bị bắt dồn vào trại tập trung. Các công sự bí mật của ta bị dịch san bằng. Lực lượng vũ trang của ta phải dạt lên vùng núi khu Tây. Đến đây ta gặp nhiều khó khăn. So với những năm 1967 - 1968 tuy có tổn thất nhưng mức độ ác liệt, hy sinh, tổn thất, bị mất đất mất dân không như thời kỳ này.

Điều đó nói lên sức chịu đựng gian khổ và hy sinh của nông dân trong tỉnh là rất lớn.

Đứng trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã kịp thời ra nghị quyết xác định nông thôn là địa bàn rất quan trọng, do đó nhiệm vụ giành và giữ dân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng nông thôn đồng bằng là cực kỳ quan trọng và cấp bách nhằm đánh bại kế hoạch "bình định" của kẻ thù.

Nông dân tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực hưởng ứng chủ trương của Tỉnh ủy phát động một chiến dịch phá tan âm mưu của địch.

Chiến dịch mở màn vào đêm 11 rạng ngày 12 tháng 8/1969. Cùng với lực lượng quân giải phóng tác chiến xung quanh khu vực Gò Hội (Đức Phổ), nông dân phối hợp với bộ đội mở cuộc tiến công đánh vào 50 vị trí của quân ngụy trong thị xã đến đồn bót “áp chiến lược” diệt hàng trăm tên địch. Ngày 17/8/1969 Tiểu đoàn đặc công 406 của ta tập kích quận lỵ Trà Bồng và căn cứ địch ở núi Bạc Hà (Bình Sơn).

Trong chiến dịch thu đông 1969 nông dân cùng với lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.587 tên địch, trong đó có 334 tên Mỹ, đánh cháy, đánh hỏng 31 xe quân sự, bắn rơi 7 máy bay các loại.

Giữa lúc cuộc chiến đấu của dân ta chống quân Mỹ-ngụy đang diễn ra vô cùng quyết liệt thì một tin chấn động lòng người được loan đi trên Đài Tiếng nói Việt Nam làm đau buồn cho quân dân cả nước. Hồi 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969 (1) Bác Hồ kính yêu, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, Người cha thân yêu của giai cấp nông dân và toàn dân tộc đã qua đời.

Nông dân Quảng Ngãi đã tổ chức lễ tang Bác trong khắp mọi làng quê, kể cả ở vùng địch tạm thời kiểm soát. Hình ảnh Bác Hồ vẫn sống mãi trong trái tim của nông dân Quảng Ngãi. Nén đau thương dồn mọi nỗ lực cho cuộc kháng chiến cứu nước đi đến thắng lợi như ước vọng của Bác Hồ vĩ đại trong bản di chúc phát huy truyền thống đoàn kết, dũng khí cách mạng, khắc phục mọi khó khăn ác liệt, anh dũng chiến đấu đập tan những cuộc hành quân “bình định” nông thôn của địch, giữ vững và phát huy thế tiến công của ta.

Về phía địch, để thực hiện cho kỳ được âm mưu “bình định nông thôn”, từ cuối năm 1969 ngụy quyền Quảng Ngãi chủ trương xúc tát hết nông dân ở vùng giải phóng vào khu đồn. Chúng dùng bộ binh càn đi quét lại và dùng bom đạn đánh cho trắng đất sạch dân, hủy diệt xóm làng, gây không biết bao đau thương cho nông dân ta. Hàng ngàn nông dân bị chúng giết hại trong các cuộc lùng ráp, càn quét, chúng dùng mọi thủ đoạn để đẩy mạnh chương trình “bình định bổ sung” trong những địa bàn trọng điểm để rồi sau đó lấn dần ra khắp tỉnh.

Về phía ta, lực lượng bị hạn chế, không còn giữ được hoàn toàn thế chủ động như trước. Các đơn vị tập trung của tỉnh phải bật lên vùng căn cứ miền núi, nhân dân ở các vùng sâu, vùng ven bị bọn cảnh sách dã chiến thường xuyên lùng ráp, bắt thanh niên vào lính bổ sung cho số bị tiêu diệt.

Các vùng nông thôn chúng mới đánh chiếm được thì bọn “bình định nông thôn” và bọn “chiến tranh tâm lý” phân nhóm, bám vào từng gia đình để theo dõi và khống chế nông dân, khai phá hầm bí mật, lùng sục tìm bắt cán bộ cơ sở cách mạng bám trụ trong nông dân. Mặt khác, chúng tiếp tục đánh phá dai dẳng hậu cứ của ta, rải chất độc hóa học khắp các huyện miền núi : Ba Tơ, Sông Hre, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, chúng dùng không quân rải chất độc theo các bờ sông Xà Lò, Sông Tang, Sông Rin, Sông Hre... và các nương rẫy của nông dân vùng núi. Nhiều cơ sở sản xuất của cách mạng cũng bị chất độc hóa học phá hoại. Ban đêm Mỹ-ngụy dùng máy bay trực thăng vũ trang thả pháo sáng, bắn phá các cánh đồng trống. Ban ngày dùng tàu rọ rà soát phát

hiện các khu rừng vùng giáp ranh căn cứ, vườn cây rậm, chỗ có người, rồi bất ngờ hạ cánh đổ quân chớp nhoáng tập kích vào cơ quan trụ lũng bắn giết cán bộ và nhân dân.

Mỹ-ngụy còn đổ quân cấm chốt, cướp bóc tài sản đánh phá hầu hết các cửa khẩu của ta, lục soát cướp giật hàng hóa của nông dân, thu nhặt tất cả những gì mà chúng nghi là tiếp tế cho cộng sản, kể cả hàng hóa ở ngay trong chợ.

Chúng tăng cường bắt lính dôn quân, tăng cường lực lượng phòng vệ dân sự và “thanh niên tân trang”. Chúng cấp lương thực và vũ khí cho lực lượng này, giao nhiệm vụ giữ xóm canh làng thay cho bọn dân vệ, nghĩa quân bị dôn lên lực lượng bảo an. Đầu năm 1970 ở Quảng Ngãi Mỹ-ngụy đã thành lập xong ba tiểu đoàn cơ động, 64 đại đội, 196 trung đội dân vệ, 139 trung đội “thanh niên tân trang”, 311 liên đoàn phòng vệ dân sự có khoảng 10.150 tên. Ngoài ra ở khắp xóm làng Quảng Ngãi thường xuyên có mặt 3 trung đoàn của sư đoàn 2 ngụy, lữ dù 11 của quân Mỹ ở Gò Hội (Đức Phổ) và 2 tiểu đoàn của lữ đoàn 198. Với lực lượng trên, Mỹ-ngụy ra sức đánh phá phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, gây cho ta không ít khó khăn, tổn thất.

Trong thời gian này, nông dân trong tỉnh thường xuyên bị địch uy hiếp và đang đứng trước tình cảnh đói cơm, lạt muối nhất là ở miền núi.

Tuy vậy nông dân Quảng Ngãi vẫn kiên tâm, bền chí, một lòng một dạ theo Đảng làm cách mạng, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Họ kiên quyết

bám đất, bám làng, nuôi giấu quân cách mạng, cùng nhau đoàn kết chiến đấu đánh trả quân Mỹ-ngụy, mà không hề hoang mang khiếp sợ vắn anh dũng, ngoan cường.

Có nhiều địa phương nông dân bám trụ đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Ở xã Đức Phong (Mộ Đức) nông dân bị địch lừa đi xúc lại nhiều lần trong một ngày nhưng vẫn kiên cường chống lại không chịu vào khu đồn của địch. Chúng dùng xe ủi sạch ruộng vườn, nhà cửa, phá nát nông cụ nhưng nông dân vẫn bám đất giữ làng. Hình ảnh Bà Thường, người phụ nữ nông dân tiêu biểu ở xã Đức Phong đã thể hiện cho ý chí đấu tranh bất khuất ở đó khi bị địch vây ráp, càn phá. Nghi bà con nuôi giấu cán bộ cách mạng, bọn chúng đánh bà gãy tay và cột dây móc bà vào xe lôi đi, song bà vẫn kiên quyết chịu đựng và chửi thẳng vào mặt chúng. Bọn chúng tức tối bắn chết bà. Tám gương kiên trung bất khuất của bà đã sống mãi trong tiềm thức của nông dân quê hương trăm mến ngàn thương mà bà đã thương yêu, kính trọng và hiến dâng.

Ở xã Phổ Cường (Đức Phổ) sức càn phá của địch cũng dữ dội. Chúng đốt sạch, phá sạch, nhưng nông dân vẫn bám đất, bám làng không chịu vào trại tập trung. Xã Phổ Châu bị địch cho xe ủi trắng, đóng dày đặc đồn bót, nông dân cùng du kích vẫn kiên quyết chiến đấu, diệt ác, phá tề, không cho chúng lập được ngụy quyền thôn ấp... Ở xã Tịnh Khê, Tịnh Thọ, Tịnh Minh (Sơn Tịnh), Bình Trung, Bình Tân (Bình Sơn), Hành Thịnh (Nghĩa Hành), Sơn Thành (Sơn Hà) và nhiều xã ở Trà Bồng dù

cho bọn địch ra sức cày ủi trắng đất, sạch làng, bom đạn bắn phá suốt ngày đêm, song nông dân vẫn quyết tâm bám đất bám ruộng, bám vườn với ý chí “một tấc không đi, một ly không rời” cùng nhau đoàn kết đánh giặc giữ làng.

Mỗi thôn xóm, đường làng dâu dâu cũng là trận địa đánh Mỹ, diệt ngụy. Đó là những địa phương kiên cường trụ bám giữ vững phong trào, với những thành tích to lớn trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nên được Chính phủ Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên dương danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang giải phóng.

Trải qua những tháng ngày gian khổ thử thách mới còn nhiều nhưng với niềm tin và ý chí, nghị lực tôi luyện qua thực tiễn đấu tranh, nông dân Quảng Ngãi chuẩn bị vào giai đoạn đấu tranh mới với tư thế sẵn sàng bám đất, bám làng giành lại quyền chủ động, đẩy mạnh đấu tranh đánh địch bằng ba mũi giáp công, từng bước phá vỡ kế hoạch “bình định nông thôn” của Mỹ-ngụy, giành từng tấc đất, giữ từng người dân, giữ lòng dạ mình trung thành với dân, với nước.

Từ xuân đến hè năm 1970, được sự giúp đỡ của nông dân địa phương, các lực lượng vũ trang trong tỉnh nêu cao quyết tâm khắc phục khó khăn chiến đấu liên tục, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, tiêu diệt được một bộ phận quan trọng quân địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, đồng thời đánh địch ở các khu đồn, hỗ trợ cho nông dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

Qua một năm chiến đấu đầy hy sinh gian khổ nông dân đã cùng với lực lượng vũ trang từng bước đánh bại âm mưu “bình định nông thôn” của Mỹ-ngụy, tiêu hao nhiều sinh lực địch. Hơn 36.000 nông dân đã giành quyền làm chủ, phá 31 ấp, khu đồn. Mặc dù trong quá trình chiến đấu ác liệt, bị mất đất, mất dân (gần 2/3 số xã vùng Đông), các vùng giải phóng của tỉnh bị uy hiếp nhưng nông dân Quảng Ngãi vẫn giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Thời gian này địch liêu lĩnh tiến hành kế hoạch “bình định” rất khẩn trương. Chúng dùng nhiều đơn vị chủ lực mở nhiều cuộc hành quân thay nhau đánh phá và “bình định” một số vùng thuộc huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Đức Phổ, lập thêm khu đồn, “ấp chiến lược”. Chúng lập thêm khu đồn Đá Chẽ và đưa vào đó cùng một lúc 5.500 nông dân. Đây là thời kỳ đánh phá và “bình định” cao điểm của Mỹ-ngụy ở các vùng nông thôn. Chúng hủy diệt hàng chục làng mạc, bắt dồn hàng chục vạn nông dân vào các khu đồn ven thị.

Cuộc chiến đấu của nông dân Quảng Ngãi cùng với lực lượng vũ trang đứng trước tình thế rất gay go, quyết liệt và đầy thử thách. Nông dân toàn tỉnh thực hiện tinh thần nghị quyết của thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (7/1970) đã đề ra nhiệm vụ của năm 1971 là “phải động viên sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân kết hợp chặt chẽ với mũi đấu tranh chính trị và binh vận hoạt động liên tục trong từng thời điểm hỗ trợ trực tiếp cho quân chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, đánh mạnh vào quân ngụy, phá tan ngụy

quyền giành giữ dân, giữ vững thành quả cách mạng đã đạt được, tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn”.

Năm 1970 Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định thành lập huyện Đông Sơn (gồm các xã Bình Phú, Bình Tân, Bình Thanh, Bình Châu của huyện Bình Sơn) và Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh Ấn Đông, Tịnh An, Tịnh Long một phần xã Tịnh Phong của huyện Sơn Tịnh.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, cuối năm 1970, đảng viên, cán bộ “Hội nông dân giải phóng” các cấp bám cơ sở vận động nông dân sản xuất, đào hầm chống phi pháo, giúp bộ đội xây dựng công sự sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết trụ bám bí mật diệt tề ngụy, cảnh cáo bọn tề điệp, ác ôn, làm lỏng kẹp, vận động đông đảo hội viên cùng nhân dân tham gia đấu tranh chính trị, vây đồn phá ấp vv...

Về phía địch, trong tháng 12/1970 chúng tập trung 3 trung đoàn chủ lực tiếp tục chương trình “bình định” lấn đất, giành dân, đẩy mạnh dôn quân, bắt lính, tăng cường quân địa phương thành lực lượng cơ động, thế chân lực lượng “cộng hòa”. Mỹ-ngụy liên tục tổ chức các cuộc hành quân cảnh sát đàn áp nông dân, đánh đến đâu chốt đến đó “bình định” kẹp nông dân tại chỗ. Tính đến tháng 6/1971 Mỹ-ngụy ở Quảng Ngãi có 8 tiểu đoàn cộng hòa, 3 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn cảnh sát, 13 liên đội bảo an, 5 tiểu đoàn biệt động quân, 201 trung đội và đại đội dân vệ, 41 đoàn “bình định nông thôn” 261 cứ điểm đồn bót lớn nhỏ, 197 “ấp chiến lược” 43 khu dôn dân và hàng ngàn “thanh niên chiến đấu” Mỹ chỉ còn để lại khoảng 200 tên cố vấn quân sự.

Thời kỳ địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng rất thâm độc, nham hiểm. Chúng giết nhiều gia đình cách mạng, giết nông dân rồi vu khống cho ta, chúng bôi nhọ hầu hết nông dân cách mạng, ngoài lứa tuổi bị bắt lính ra, chúng buộc phải vào lực lượng phòng vệ dân sự để canh gác xóm làng. Chúng đưa bọn chiêu hồi về đánh lại cơ sở ta làm cho hàng ngàn cán bộ cốt cán bị bắt, hy sinh gây cho ta nhiều khó khăn. Tuy vậy nhưng đa số nông dân vẫn sáng suốt phòng ngừa, đề cao cảnh giác và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, cương quyết bám đất bám làng, gắn chặt với quê hương, tạo thời cơ tiến lên giành thắng lợi mới.

Kết hợp tiến công với nổi dậy, nổi dậy với tiến công, nhiều vùng nông thôn được giải phóng mở rộng, nhiều hệ thống giao liên được khôi phục thông suốt, tạo ra thế mới, lực lượng mới đánh liên tục cả mùa thu và suốt năm 1971.

Những thắng lợi dồn dập nói trên đã cổ vũ phong trào cách mạng của nông dân trong tỉnh. Tổ chức "Hội nông dân giải phóng" có điều kiện xây dựng, củng cố và phát triển.

Năm 1971 Ban thường trực tỉnh Hội nông dân được củng cố tăng cường đồng chí Võ Trọng Nguyễn - Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư Hội, thay đồng chí Nguyễn Lâm và Nguyễn Thị Vân, đồng chí Nguyễn Ngạc và đồng chí Nguyễn Diên (dân tộc) Phó bí thư, và 3 đồng chí thường vụ Hội là đồng chí Hương, đồng chí Cấp và đồng chí Tam.

Qua một năm hoạt động đối với sự nỗ lực của các lực

lượng vũ trang, hàng chục vạn nông dân được giải phóng với nhiều mức độ khác nhau : có 76.093 người được hoàn toàn giải phóng, 59.583 người làm chủ hợp pháp, 101.571 người được lỏng kẹp... Một khí thế cách mạng mới được đẩy lên mạnh mẽ ở nông thôn và đồng bằng. Chỉ tính từ xuân sang hè 1971, quân dân Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.080 tên địch, thu 284 súng các loại, bắn rơi bắn hỏng 45 máy bay, 140 xe quân sự bị thiêu hủy. Chương trình "bình định nông thôn" của Mỹ-ngụy bị thất bại nặng nề, buộc chúng phải lùi một bước, quân chủ lực ngụy bị điều đi đối phó ở các chiến trường. Quân Mỹ rút bớt. Nhiều bọn bình định địa phương hoang mang lo sợ. Hàng chục cuộc binh biến ly khai, bỏ ngũ trong hàng ngũ quân ngụy đã diễn ra.

Bước sang 1972 quân ngụy bắt đầu mất khả năng tiến công, buộc phải đi vào thế phòng ngự chiến lược. Trong khi đó, lực lượng ta không ngừng lớn mạnh về nhiều mặt, rất có lợi cho ta để mở một cuộc tổng tiến công chiến lược quy mô lớn vào mùa hè 1972, nhằm đánh bại một bước căn bản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ-ngụy, đưa cuộc cách mạng tiến lên những bước phát triển mới.

Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (1/1972) đã chỉ rõ : "tranh thủ thời gian nắm lấy thời cơ lớn, tạo thế bạo lực tạo thời cơ phát triển thế tiến công địch bằng 3 mũi giáp công trên cả 3 vùng chiến lược thực hiện 3 cao trào, mở mang liên hoàn ở nông thôn, phát triển cao trào thành thị, phát động nhân dân vùng dậy giành quyền làm chủ đều khắp, cương quyết đánh bại về cơ

bản kế hoạch bình định nông thôn của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ”.

Vùng nông thôn giải phóng được tăng cường nhiều cán bộ xuống xã, huyện, đẩy mạnh xây dựng phong trào mọi mặt, hình thành tổ chức đấu tranh chính trị ở từng ấp, xã tổ chức gia đình binh sĩ thành từng bộ phận len lỏi vào hàng ngũ địch, “áp chiến lược” gọi lính là con em mình về với gia đình, về với nhân dân.

Trong lúc nóng dân cùng lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đang chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch. Đầu tháng 2/1972 dưới sự giúp đỡ tích cực của nông dân, các lực lượng vũ trang Đức Phổ, Mộ Đức... đánh tiêu diệt các chốt điểm, đồn bót lẻ của địch dọc theo trục đường số 1 từ Thạch Trụ vào vùng 4, vùng 5 xã Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Khánh...(Đức Phổ).

Bộ đội huyện và du kích các xã huyện Sơn Tịnh đánh diệt các chốt địch ở Thế Long, Thế Lợi, mở rộng hành lang xuống khu Đông.

Nông dân và các lực lượng vũ trang huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn và các huyện miền núi cũng tiến công diệt bọn địch đi lẻ tẻ, bọn biệt kích phục đường, bọn tự vệ, bọn trinh sát, thám báo vũ trang..., đồng thời còn tiến công vào các khu tập trung để diệt ác trừ gian, vận động nông dân trong khu dồn đấu tranh phá lỏng kẹp.

Khí thế phấn khởi của nông dân, chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược vào mùa hè năm 1972 đã được thể

Hơn 1.198 nam nữ thanh niên nông thôn xung phong gia nhập quân giải phóng và các ngành trong tỉnh. Nông dân đóng góp hơn 38 tấn gạo, 181 ang lúa (1 ang bằng 5 kg) nông dân miền núi vận động nhau ăn củ, ăn rau, dành rạo để nuôi bộ đội. Cụ già Suốt ở huyện Trà Bồng có 4 teo lúa đem nộp hết cho cách mạng khi cán bộ hỏi:

- Nộp hết lúa, cụ ăn gì? Cụ vui vẻ trả lời ngay:

- Tao ở nhà ra nương kiếm củ, kiếm rau ăn cũng được; gạo để cho bộ đội Cụ Hồ ăn có sức đánh Mỹ-ngụy giải phóng đất nước.

Một nông dân ở xã Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa) vợ chết, anh xuống thị xã mua hòm, khi về anh mua gạo chứa đầy hòm mang về hiến cho cách mạng.

Ngoài ra nông dân Quảng Ngãi còn đóng góp gần 2 triệu đồng bạc, bán hàng ngàn tấn lương, thực, thực phẩm cho cách mạng. Trong các khu dồn "áp chiến lược", những nơi địch còn tạm thời kiểm soát, nông dân tự nguyện chuyển ra từng gánh gạo, túi tiền để đóng góp cho cách mạng. Làm được những việc ấy cũng có một số nông dân bị địch phát hiện, bắt bớ, khủng bố. Nhưng họ vẫn kiên cường chịu đựng mọi hình thức khủng bố của địch không hề khai báo.

Mỹ-ngụy thám thính và phát hiện biết ta chuẩn bị tiến công lớn trong mùa xuân, ngay từ đầu năm 1972 chúng điều thêm 2 trung đoàn chủ lực về Quảng Ngãi, tăng cường 2 tiểu đoàn pháo binh 21 và 22, 2 chi đoàn xe tăng, 1 tiểu đoàn thông tin cùng các tiểu đoàn bảo an cơ động phòng thủ phía Bắc Đức Phổ, Tây Sơn Tịnh, Mộ Đức, Bắc Nghĩa Hành. Chúng thường xuyên

cần quét đánh phá ở các hành lang miền núi vùng giáp ranh, xuyên rừng tìm kiếm dấu vết của ta, dùng máy bay đổ quân nhảy cóc tập kích bất ngờ vào những nơi chúng nghi ngờ có bộ đội và cơ quan ta đóng.

Đến tháng 3/1972 Mỹ-ngụy đã hình thành trở lại các hệ thống phòng ngự vòng ngoài để hỗ trợ cho bọn “bình định” tề diệp lòng ráp đánh phá cơ sở bên trong, tập trung củng cố các khu đồn, các ấp. Đây là thời kỳ chúng tập trung sức ráo riết tiến hành “bình định” ở nông thôn Quảng Ngãi.

Quân dân Quảng Ngãi nêu cao quyết tâm thực hiện với khí thế quyết chiến và quyết thắng trong năm 1972, các đơn vị giải phóng và du kích trong toàn tỉnh mở các cuộc tấn công, bắt đầu từ đêm 12 rạng ngày 13/4/1972 tập kích cứ điểm Kỳ Tân, đến ngày 22/4/1972 ta tiêu diệt trung đội địch ở xóm mới Nghĩa Hành.

Ở vùng trọng điểm phía Nam tỉnh, chiến dịch được triển khai tương đối mạnh, mặc dù trong quá trình chiến đấu với địch có phạm thiếu sót nhưng ta đã kịp thời rút kinh nghiệm chỉ đạo quyết tâm chiến đấu, giải phóng được 17.000 nông dân. Bộ máy kìm kẹp của địch bị ta đánh tan rã hoàn toàn, một số bị diệt, bị bắt tại chỗ, một số hoảng hốt bỏ chạy. Nông dân cùng với lực lượng vũ trang đã phá banh các khu đồn lớn của địch như Kiến Khương, Thi Phố, Ông Nhơn, Ông Đo, xóm Mới... và nhiều ấp khác, ta còn đánh chiếm và làm chủ khu Long Phụng. Sau đó nhờ sự giúp đỡ của lực lượng vũ trang, nông dân các thôn xã đã giữ gìn được trật tự trị an, xây dựng chính quyền cách mạng. Các cấp Hội cũng vận

dựng làng chiến đấu, tuyển chọn nam nữ thanh niên phát triển lực lượng du kích xã, thôn.

Cùng với vùng trọng điểm ở Đông Sơn và Đông Bình Sơn, các lực lượng vũ trang tổ chức đánh chiếm các điểm cao và khu đồn An Sen (Bình Phú, Bình Sơn), An Sen là điểm trực tiếp khống chế vùng đồng bằng ven biển khu vực Ba-Làng-An, kiểm soát dọc hành lang vùng Đông Bình Sơn, Đông Sơn và tuyến đường chạy dọc theo ven biển tiếp giáp với căn cứ Chu Lai về phía Bắc và Cổ Lũy ở phía Nam, ý định chiến dịch của ta là khai thông một mảng liên hoàn ở phía Đông, làm chủ cửa Cổ Lũy, sang Đông Tư Nghiã và Đông Mộ Đức, giáp hướng chiến dịch phía Nam.

Chiến thắng An Sen là trận mở đầu của hướng thứ yếu của chiến dịch. Trong 12 tiếng đồng hồ ta đã tiêu diệt trong đồn cũng như quân tiếp viện tương đương một tiểu đoàn.

Nông dân xã Bình Phú hoàn toàn được giải phòng. Khu đồn cùng chốt điểm An Sen bị san bằng. Ở Đông Sơn hoang mang giao động. Ta đã có một xã giải phóng mạnh làm bàn đạp vững chắc để tiến công ra các hướng có nguồn cung cấp tại chỗ, thuận lợi cho cuộc chiến đấu dài ngày.

Với sự tấn công mãnh liệt của ta, từ ngày 13 đến ngày 21/4/1972 đã giải phóng hoàn toàn 6 xã ở Ba-Làng-An là : Bình Phú, Bình Châu, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện... một phần xã Tịnh Khê, tiêu diệt 176 tên địch,

bắt sống 80 tên, vận động 2 trung đội “thanh niên tân trang” làm binh biến rồi trở về với cách mạng, đại đội 14 nguy bị diệt gọn, thu 165 súng các loại, 12 máy bộ đàm, truy lùng bắt hàng trăm tên tề điệp.

Sau khi các xã được giải phóng, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, bộ đội du kích và cán bộ “Hội nông dân giải phóng đã giúp nông dân ổn định ngay cuộc sống xây dựng lại xóm làng, xây dựng lực lượng, quyết tâm trụ bám bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Trước những thắng lợi dồn dập của ta, quân địch hoang mang dao động, đó là thời cơ thuận lợi để ta tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng rộng lớn liên hoàn các nơi trong tỉnh.

Ở phía Bắc tỉnh, các lực lượng vũ trang cùng nông dân vùng Đông Sơn Tĩnh, Bình Sơn tiếp tục chiến đấu giải phóng các xã còn lại như : Bình Trị, Bình Hải (Bình Sơn) Tĩnh Khê (Sơn Tĩnh) phá ấp, diệt đồn, tiêu hao, tiêu diệt hàng đại đội bảo an và 4 trung đội nghĩa quân.

Trong đợt chiến đấu mùa xuân, lực lượng vũ trang cùng với nông dân đã giải phóng mở ra ở Đông Sơn và vùng Đông Bình Sơn 13 xã liên hoàn. Phía Đông Bắc Mộ Đức, nông dân làm chủ nhiều đoạn đường giao thông quan trọng, thông suốt từ Nam ra Bắc trên tuyến biển, từ Đông sang Tây, quản lý các cửa khẩu, trao đổi hàng hóa lương thực giữa nông dân đồng bằng với miền núi. Nông dân các xã giải phóng tích cực xây dựng làng, xã chiến đấu, xây dựng củng cố lực lượng du kích và cán bộ chính quyền, cán bộ nông hội thôn ấp, tiếp tục động viên nhân tài, vật lực của nông dân, tích lũy để tạo thêm tiềm

chính quyền, cán bộ nông hội thôn ấp, tiếp tục động viên nhân tài, vật lực của nông dân, tích lũy để tạo thêm tiềm lực cho kháng chiến, bổ sung lực lượng thanh niên cho quân giải phóng.

Địch bị thất bại nặng, chúng tăng cường đánh phá các vùng nông thôn giải phóng bằng phi pháo và dùng bộ binh mở các cuộc hành quân càn quét ở phía Bắc tỉnh để phản kích lại quân giải phóng.

Thừa thắng, quân giải phóng tiến công mạnh vào phía Nam huyện Bình Sơn, hai bên đường quốc lộ số 1 giáp với Sơn Tịnh tạo thành vùng nông thôn giải phóng rộng lớn, mở thông các tuyến liên hoàn từ phía Nam quản lý Bình Sơn xuống vùng Đông.

Chiến dịch xuân hè 1972 kết thúc vào ngày 30.6.1972. Qua hai đợt chiến đấu liên tục thắng lợi giòn giã tuyên phòng thủ kìm kẹp nông dân của Mỹ-ngụy cơ bản bị phá vỡ. Bọn địa phương quân bị ta đánh quy. Quán và dân Quảng Ngãi đã giành dân và làm chủ được trên các địa bàn quan trọng, tạo ra được thế lực mới, tạo điều kiện và phương tiện đánh bại chương trình “bình định nông thôn” của địch.

Trong 2 đợt chiến đấu và chiến thắng quan địch, quân dân Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu 5174 tên địch, diệt gọn 1 tiểu đoàn và nhiều đại đội, liên đội bao an, dân vệ, bắt sống 401 tên, thu 901 khẩu súng, phá banh 32/43 khu đồn, 36/197 “ấp chiến lược”.

Hơn một trăm ngàn nông dân được giải phóng, nối liền 13 xã liên hoàn Đông Bình Sơn và cả huyện Đông Sơn với 9 xã Đông Bắc Mộ Đức, Đông Tư Nghĩa, mở ra

hành lang từ Đông Sơn đến đông Mộ Đức, làm chủ các cửa khẩu chính như Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy...

Tiếp theo, ta mở chiến dịch mùa thu bắt đầu từ 15/9 tiêu diệt địch ở quận lỵ Ba Tơ và các vị trí chung quanh. Ngày 31.10 trong khi địch chạy về tập trung ở trung tâm căn cứ Đá Bàn, ta tiêu diệt và dứt điểm cứ điểm này. Quận lỵ Ba Tơ và một vùng rộng lớn chung quanh hoàn toàn được giải phóng. Ở đồng bằng hầu hết các huyện đều đẩy mạnh tiến công và nổi dậy giải phóng và làm chủ nhiều vùng rộng lớn, kể cả các cửa biển Sa Huỳnh, Cổ Lũy, Sa Kỳ, Sa Cần...

Chiến thắng xuân - hè và thu năm 1972 trên quê hương Quảng Ngãi là chiến thắng toàn diện, cả tiến công và nổi dậy, về tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ về tay nông dân, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch "bình định nông thôn" của Mỹ-ngụy, đẩy quân địch lún sâu vào tình trạng khốn đốn, hoang mang cực độ. Hơn 144.000 nông dân trong tỉnh được giải phóng, chính quyền Mỹ buộc phải ngồi lại đàm phán với ta từ cuối năm 1969, ký kết hiệp định Pa-ri vào ngày 27/1/1973 chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút quân Mỹ về nước.

Hiệp định Pa-ri được ký kết thể hiện sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng giữa ta và địch. Tạo ra khả năng chắc thắng của sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam Việt Nam.

Tuy vậy đế quốc Mỹ vẫn tìm mọi cách nuôi dưỡng tập đoàn ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, xóa bỏ tình trạng 2 chính quyền, hai

quân đội và 3 lực lượng chính trị hiện có ở Việt Nam. Với công thức : “quân nguy, cộng viện trợ và cái gậy chỉ huy của Mỹ”, chúng hy vọng sẽ chia cắt lâu dài nước ta.

Được Mỹ hà hơi tiếp sức, nguy quyền Sài Gòn ngày càng tỏ ra ngoan cố, liên tục vi phạm hiệp định, cố giữ chính quyền bù nhìn tay sai Nguyễn Văn Thiệu.

Bọn địch tập trung 31.000 quân các loại phối hợp với máy bay, xe cơ giới, pháo binh tàu chiến mở các cuộc hành quân qui mô lớn lần chiếm đánh phá vùng giải phóng, quyết chiếm lại các vùng giải phóng của tỉnh Quảng Ngãi trước ngày ký hiệp định Pari (27/1/1973). Mặt khác chúng ra sức bắt lính dôn quân, đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, tăng cường chiến tranh tâm lý, liên tục đánh chiếm bắt người, gom dân, di dân, thành lập “nhân dân tự vệ” mở hội làng truy tức, thanh lọc, phân loại các gia đình, xuyên tạc chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc của cách mạng.

Ở tỉnh Quảng Ngãi sau khi ký hiệp định Pa-ri đến cuối 1974 có thể chia làm 3 bước: Từ tháng 1/1973 đến tháng 8/1973 là giai đoạn địch trải quân thành từng tiểu đoàn đại đội, đánh nống lấn các vùng xen kẽ như Bình Trị, Bình Bắc, Bình Nguyên (Bình Sơn), sau đó chúng mở những trận càn đánh vào vùng giải phóng. Chỉ tính từ tháng 2 và tháng 3/1973 nông dân trong tỉnh đã phải chịu đựng hàng vạn quả bom, pháo cỡ lớn, vùng Nam Đức Phổ và Tây Sơn Tịnh, Đông Sơn liên tiếp bị cày phá. nhà cửa ruộng vườn của nông dân trở thành vùng trắng, ghe mành của ngư dân bị đốt phá, tài sản bị cướp. Nông dân nhiều nơi không còn nhà ở, thậm chí không

có cơm ăn. Với thủ đoạn tấn công theo kiểu gặm dần từng miếng như tằm ăn dâu, chúng ra sức mị dân cũng có thể kìm kẹp. Ở các vùng do chúng kiểm soát thì chúng đẩy nhanh chiến tranh tâm lý, vừa nóng lẫn vừa vu khống ta vi phạm hiệp định Pa-ri.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nông dân trong tỉnh sẵn sàng đấu tranh chống địch, giữ vững thành quả cách mạng, kiên trì thi hành các điều khoản của hiệp định, giữ vững hòa bình... nội dung, ý nghĩa của hiệp định được cán bộ ta tuyên truyền rộng rãi trong nông dân, binh lính và nhân viên nguy quyền Sài Gòn, đồng thời ta tố cáo và trừng trị những hành động vi phạm hiệp định của địch, kiên quyết đấu tranh buộc địch phải lùi từng bước.

Đối với nông dân ở vùng địch, vùng đang tranh chấp thì đấu tranh đòi thực hiện quyền tự do dân chủ, chống bắn giết cướp bóc. Đồng thời kết hợp với đấu tranh chính trị, ta tranh thủ một số nguy quân, nguy quyền đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của nông dân. Đi đôi với đấu tranh chính trị và binh vận, nông dân kết hợp với bộ đội giải phóng trừng trị những vụ lấn chiếm của địch vừa đánh vừa cảnh cáo vừa binh vận thương lượng. Do đó ta làm tan rã một số đơn vị quân địch.

Tuy nhiên một vài nơi trong tỉnh còn bị động, lúng túng chưa kịp thời đánh trả vì sợ vi phạm hiệp định Pa-ri vừa ký kết. Đó là hiện tượng áu trĩ hữu khuynh đã được phát hiện và nhanh chóng khắc phục. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nông hội tranh thủ nắm lực lượng quan chúng nông dân, ra sức xây dựng các tổ chức bí mật,

nắm các tổ chức công khai hợp pháp trong các vùng địch tạm thời quản lý, kiểm soát và chuẩn bị mọi lực lượng để tạo thời cơ mới.

Đến tháng 7/1973 Hội nông dân giải phóng tỉnh Quảng Ngãi tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VI ở Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) gồm có 49 đại biểu chính thức, đại diện cho 16.045 hội viên. Đại hội đã kiểm điểm tình hình hoạt động xây dựng Hội và đánh giá phong trào nông dân trong thời gian qua, đề ra phương hướng hoạt động Hội và phong trào đấu tranh cho nông dân trong thời gian tới. Đại hội bầu Ban chấp hành Nông hội mới của tỉnh gồm 19 đồng chí, Ban thường vụ có 6 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Ngạc làm Bí thư. Ban thường vụ đã phân công từng đồng chí thường vụ phụ trách các tiểu ban như: Ban Tuyên huấn, Ban Chính sách, Ban địch hậu, Ban đời sống, Ban tổ chức, văn phòng v.v...

Tổng số hội viên nông dân trong năm 1973 là 16.045 người, sinh hoạt trong 638 tổ (có 2191 cán bộ tổ). Sang năm 1974 có 16.198 hội viên, sinh hoạt trong 834 tổ trong vùng giải phóng, ban chấp hành Hội nông dân giải phóng các cấp vận động nông dân thi đua sản xuất, khai hoang, phục hóa.

Nông hội Bình Sơn vận động nông dân tham gia sới nổi phong trào xây dựng những công trình thủy lợi như đập Đá Giăng (Bình Minh), đập Bà Phụng (Bình Mỹ) và còn mua một số máy nước tưới cho cánh đồng xã Bình Chương, Bình Minh...

Việc mua bán giao lưu giữa các vùng để trao đổi hàng hóa, cầu móc hàng từ vùng địch lên vùng giải phóng được

diễn ra sôi nổi. Lương thực, thực phẩm và các loại cần thiết cho đời sống và chiến đấu, công tác, kể cả loại xe Jeep quân sự cũng được vận chuyển lên vùng giải phóng.

Phong trào giáo dục được phát triển mạnh ở vùng nông thôn giải phóng. Trường cấp I cấp II được mọc lên ở các xã giải phóng để phục vụ cho con em nông dân, có nơi còn thu hút cả học sinh ở vùng địch đến học.

Phong trào văn nghệ lại có dịp rộ lên sôi nổi ở một số vùng giải phóng, tạo nên khí thế mới.

Nhưng, đến tháng 9/1973 địch bắt đầu mở chiến dịch “phượng hoàng” để đánh phá. Chúng tập trung lực lượng cộng hòa và bảo an liên tục tấn công nóng lán đóng chốt. Trừ những đồn bót bị ta tiêu diệt, địch đã cắm thêm 167 chốt điểm mới nâng số đồn bót trong tỉnh lên 415 cái, lập thêm khu đồn và hàng chục “ấp chiến lược”. Chúng ra sức cướp bóc, đàn áp nông dân, nhưng chúng bị ta đánh trả quyết liệt phải dần ra, rồi lại tiếp tục phản từng đơn vị nhỏ đánh thọc nhiều mũi lán chiếm đến đâu đóng chốt đến đó. Chúng trải quân xúc dân vùng giải phóng vào lại các khu đồn. Đưa bọn tề ấp, tề xã trước đó chạy trốn nay về lại lập lại thế kẹp, bọn sĩ quan ngụy ở nơi khác về nắm dân thực hiện “quản quản”, “cảnh sát hóa” bộ máy ngụy quyền, đồng thời ra sức bắt lính, đón quân, củng cố phòng vệ dân sự, ngăn chặn các cửa khẩu hành lang không cho nông dân quan hệ giữa hai vùng ta và địch.

Trước tình hình đó Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Chỉ thị 108 vạch rõ bản chất ngoan cố của địch và nhắc nhở các lực lượng ta khắc phục tư tưởng hữu

khuyh, tư tưởng hòa bình, động viên toàn Đảng, toàn dân vượt qua mọi khó khăn gian khổ đánh trả âm mưu xảo quyệt của địch, quyết giành lại các thành quả cách mạng đã đạt được, thực hiện phương châm 3 mũi giáp công liên tục đánh địch, kết hợp giành và giữ dân, tích cực diệt ác, đánh phá và bao vây các chốt điểm của địch, gây rối loạn hậu phương địch buộc chúng phải lúng túng đối phó. Tuy vậy vẫn còn có một số cán bộ nông dân dao động tư tưởng, tinh thần trụ bám đánh địch chưa kiên quyết có nơi bỏ địa bàn, một số nông dân tạm thời bỏ chạy sang vùng địch để mua cuộc sống.

Từ tháng 1/1974 trở đi, địch tiếp tục thực hiện chiến dịch mang tên "tìm về tổ ấm", ra sức lấn chiếm, tăng cường kiểm soát các vùng chiếm được, ra sức đánh phá hành lang hồng ngân chặn các hoạt động của ta đang củng cố lại các trục giao thông trong tỉnh

Nhưng với sự giúp đỡ và phối hợp tác chiến tích cực của nông dân, quân giải phóng các nơi đánh trả địch quyết liệt và tiến công buộc chúng phải co rút lại. Ngày 17.8.1974 huyện Minh Long đã hoàn toàn giải phóng. Ngày 21.9.1974 vùng Giá Vụt (Ba Tơ) cũng được giải phóng. Hai chi khu quận lỵ đã được giải phóng cùng với các thắng lợi khác đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả tỉnh tiếp tục tiến lên với khí thế hào hùng và niềm tin vững chắc. Lực lượng cơ sở, các đội công tác của ta được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kết hợp diệt ác, làm rối loạn hậu phương địch.

Ta ra sức xây dựng và củng cố vùng giải phóng, phát

triển sản xuất, tiếp tục khai hoang, vờ hóa...làm cho phong trào vùng giải phóng ngày càng phát triển.

Kết hợp nhịp nhàng với những đòn tiến công quân sự, nông dân các khu đồn trong tỉnh đã nổi dậy đốt phá khu đồn trở về làng cũ làm ăn. Phát huy thế thắng, ta tiếp tục mở ra phía trước, vừa đánh vừa củng cố xây dựng, chuẩn bị cho chiến dịch mùa thu 1974.

Suốt trong 2 chiến dịch hè và thu 1974 nông dân trong tỉnh đã cùng với bộ đội đánh bại âm mưu cấm chốt của địch, buộc chúng phải quay về thế phòng ngự bị động. Hệ thống kim kẹp của địch ở thôn xã bị tan rã, ta đã tạo được thế và lực mới để bước vào trận đánh quyết định.

Những chiến dịch của ta mở ra trong hè thu năm 1974 đã làm cho quân chủ lực nguy bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng, tinh thần chiến đấu của chúng sa sút nghiêm trọng, buộc chúng phải lui về phòng ngự cố giữ những phần đất còn lại.

Để chống đỡ những đòn tiến công của ta, ở Quảng Ngãi, Mỹ-ngụy đã bố trí một sư đoàn xe tăng 40 chiếc, 2 chi đội xe bọc thép, 2 phi đội trực thăng, 52 khẩu pháo cùng hàng chục ngàn quân bảo an, dân vệ biệt kích để hòng phản kích lại ta.

Về phía ta cùng với lực lượng vũ trang và chính trị được tiếp tục chuẩn bị khá chu đáo. Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp các ngành và cử cán bộ xuống tận thôn xã để chỉ đạo tổ chức lực lượng. Các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ củng cố lại tổ chức, sắp xếp lực lượng thành

đại đội, tiểu đoàn, có chỉ huy, lãnh đạo chặt chẽ sẵn sàng tư thế xuống đường đấu tranh. Mỗi huyện có từ 1 đến 2 tiểu đoàn quần chúng khởi nghĩa. Đảng cũng đưa cán bộ cơ sở hợp pháp hoạt động ở vùng địch chiếm, nắm chắc lực lượng nông cốt, các tổ nông dân trung kiên. Các gia đình binh sĩ được tổ chức thành những nhóm, được giáo dục động viên chu đáo và hướng dẫn các hình thức hoạt động cụ thể.

Chỉ trong 2 tháng đầu năm 1975 lực lượng chính trị của quần chúng nông dân được hình thành có khả năng huy động hàng vạn người sẵn sàng xuống đường đấu tranh.

Trong lúc nông dân cùng các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đang ra sức chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy thì tin vui thắng trận từ các nơi dội về dồn dập làm nức lòng quân dân cả tỉnh.

Kể từ ngày 10/3/1975 Buôn Mê Thuộc đã bị quân ta đánh và làm chủ. Sau khi mất Buôn-Mê-thuộc, mặc dù được chủ Mỹ cố gắng hà hơi tiếp sức nhưng bọn tay sai vẫn không ngóc đầu lên được. Chúng đã bỏ mất hết tỉnh này đến tỉnh khác. Cho tới cuối tháng 3/1975 thì toàn bộ Quân khu 1 và Quân khu 2 đã rơi vào tay cách mạng. Trước tình hình đó Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã họp phiên khẩn cấp ngày 31/3/1975 quyết định tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong năm 1975.

Ở tỉnh ta, đầu tháng 3 năm 1975 các lực lượng quân khu được lệnh phối hợp tác chiến với lực lượng vũ trang Quảng Ngãi. Trong đó tổng số du kích trong toàn tỉnh lúc này là 12.500 người (chủ yếu là thanh niên nông dân). Lực lượng đấu tranh chính trị được tổ chức khá

đông (phần lớn là nông dân) và con hàng ngàn nông dân được trang bị vũ khí thô sơ sẵn sàng cùng lực lượng vũ trang tiêu diệt quân địch ở từng địa phương. Lực lượng binh vận được tổ chức thành từng nhóm tiến hành vận động binh lính địch làm binh biến hoặc đào ngũ. Sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong tỉnh đã được huy động cao, được bố trí trong một thế trận liên hoàn ở các khu vực đã tạo nên niềm tin vững chắc vào thắng lợi của mùa xuân tổng tiến công lịch sử.

Về phía địch, lúc đầu chúng mở vài đợt càn vào các bàn đạp xung yếu của ta nhằm thăm dò lực lượng ta và nắm tình hình. Chúng tập trung một số quân chủ lực thay nhau tổ chức tấn công ở phía Tây Nam Nghĩa Hành, với ý định lấn chiếm dứt điểm từng vùng rồi loan dần ra toàn tỉnh.

Trong lúc đó quân giải phóng dùng một bộ phận nhỏ kết hợp với du kích hoạt động nghi binh, liên tục tiến công tiêu diệt từng bộ phận quân địch, làm cho chúng mệt mỏi, đồng thời vận động nông dân nổi dậy phá ấp, diệt những chốt điểm nhỏ phía Nam lừa địch vào đó để đánh lạc hướng địch, tạo thế cho hướng trọng điểm hoàn thành kế hoạch triển khai lực lượng.

Trong lúc quân chủ lực địch tập trung vào một hướng, giành đi giết lại vùng Tây Nam Nghĩa Hành như đèo Quán Thơm, Núi Ngang, núi Đình Cương ... còn bọn địa phương quân thì lo đối phó với du kích và phong trào nông dân nổi dậy đốt phá "ấp chiến lược", khu đồn ở khắp nơi.

Đầu tháng 3/1975 quân giải phóng đến tập kết ở khu vực trọng điểm của chiến dịch, thế trận đã bày sẵn chỉ

còn chờ hiệu lệnh nổ súng tấn công.

Phối hợp với chiến thắng ở Buôn-Mê-thuột, ngày 13/3/1975 chiến dịch tổng hợp xuân-hè 1975 trên quê hương Quảng Ngãi đã giành thắng lợi giòn giã, đẩy địch đến thế bị động cực cùng.

Được lệnh nổ súng, lực lượng vũ trang ta nhanh chóng tràn vào tấn công các quận lỵ đồn bót, thị xã, làm cho địch kinh hồn bạt vía, không phương chống đỡ.

Ngày 24/3/1975 pháo binh quân giải phóng đã nã đạn dồn dập vào các mục tiêu của địch, xe tăng của ta tiến thẳng xuống thị xã. Xe tăng và bộ binh ta phát triển rất nhanh, pháo binh bắn uy hiếp sân bay Quảng Ngãi. Trên các chốt tuyến phòng ngự của địch ở phía Tây thị xã bị ta tiến công, quân ngự bị tiêu diệt một số, số còn lại bỏ chạy thục mạng về thị xã Quảng Ngãi ùn đống lại đó làm náo loạn khu trung tâm tiểu khu.

Không chống đỡ nổi sức tấn công từ bốn phía của quân ta, 12 giờ trưa ngày 24/3/1975 tên chuẩn tướng Trần Văn Nhứt và bọn chỉ huy ở tiêu khu Quảng Ngãi cùng bọn ngự quyền tỉnh tháo chạy bằng trực thăng. Chúng mở cuộc hành quân tẩu thoát toàn bộ các lực lượng về Đà Nẵng trong đêm, bị quân ta phục kích đánh tơi tả tại Bình Hiệp trong đêm 28/3/1975.

Bộ đội ta và các đội công tác từ các hướng tiến thẳng vào thị xã, lần lượt chiếm các vị trí quân sự và cơ quan ngự quyền tỉnh. Hàng vạn nông dân các huyện nổi dậy từ các ngã tiến vào thị xã và quần chúng bên trong thị xã nổi dậy phối hợp trong khí thế vô cùng sôi động náo nhiệt.

Thị xã Quảng Ngãi được giải phóng vào đêm 24/3/1975, cờ Mặt trận tung bay khắp phố phường, hàng ngàn cán bộ và nông dân cách mạng bị Mỹ-ngụy bắt giam tại nhà lao Quảng Ngãi được giải thoát đã trực tiếp tham gia vào những công việc của những ngày đầu giải phóng.

Những nông dân trung kiên đã liền dẫn bộ đội, du kích địa phương truy bắt tề điệp, binh lính sĩ quan địch còn lẩn trốn, tổ chức lại trật tự an ninh ở nông thôn, thị trấn, thị xã.

Tối ngày 24/3/1975 cùng với các đơn vị quân giải phóng, bộ đội huyện, du kích, cán bộ cơ sở, hàng chục vạn nông dân bao vây tiến công quận lỵ Mộ Đức, Đức Phổ, căn cứ địch ở Gò Hội (Đức Phổ) và các đồn bót khác, tiêu diệt và bắt sống hàng chục ngàn tên lính ngụy, thu 16 khẩu pháo 105 ly, 155 ly và toàn bộ vũ khí đạn dược và đồ dùng quân sự khác.

Tỉnh Quảng Ngãi - quê hương của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, một mảnh đất "có tiếng đánh Tây có gan đánh Mỹ...", đã toàn thắng trong tổng tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương.

Hơn 30 ngày đêm thực hiện cuộc tổng tiến công, và nổi dậy, biết bao công sức chiến đấu và huy sinh, nông dân Quảng Ngãi đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của Đảng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mà đỉnh cao là thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân

1975, nông dân và toàn thể quân dân trong tỉnh đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình, góp phần xứng đáng cùng cả nước tiến lên giành thắng lợi lớn, thực hiện trọn vẹn lời di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu là “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”.

Thắng lợi vang dội đã mở ra một tiền đồ tươi sáng cho nông dân nói riêng và cả dân tộc nói chung, khẳng định sức sống mãnh liệt của truyền thống, làm nền tảng quý báu cho con đường xây dựng đất nước quê hương.

Phần IV

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1975 - 1990

Chương XVI

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VÀ HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

Sau mấy chục năm chiến tranh gian khổ và ác liệt, nước ta đã giành được độc lập hoàn toàn. Tổ quốc ta đã được thống nhất, niềm hân hoan chiến thắng đã dấy lên trong mọi miền đất nước. Từ đây nông dân và cả dân tộc ta vĩnh viễn thoát khỏi ách nô lệ lầm than, dành toàn bộ tài trí và sức lực vào công cuộc xây dựng nước nhà, thực hiện di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch kính yêu là : “Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn !”.

Tuy nhiên, sau đại thắng mùa Xuân 1975, miền Nam đã hoàn toàn giải phóng nhưng những hậu quả nghiêm trọng bởi chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ còn đè nặng lên mọi mặt đời sống ở nông thôn ⁽⁷⁶⁾

Đó là những tàn phá ghê gớm của cuộc chiến tranh lâu dài ác liệt và tàn khốc. Mỹ đã rải hàng trăm ngàn tấn chất độc hóa học ở toàn miền Nam. Hàng triệu ha ruộng đất bị hoang hóa. Số thương tật quá nhiều. Nhà cửa nơi ăn ở chưa ổn định, bị đốt phá, đổi dời ..., còn những việc không sao khắc phục ngay được. Quảng Ngãi là một trong những tỉnh bị tàn phá nặng nề nhất. Ở những vùng nông thôn, diện tích ruộng đất bị hoang hóa khá cao. Nhiều thôn xã bị chằng chịt những lô cốt “áp chiến lược”, mìn và dây thép gai, đất đai canh tác tính theo bình quân đầu người thấp và đại bộ phận là đất xấu. Hệ thống thủy lợi bị phá hủy, nông cụ thiếu thốn, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu. Hàng vạn người không có hoặc thiếu việc làm, trình độ văn hóa, kỹ thuật thấp. Nhân lực thuộc khu vực kinh tế nông nghiệp bị giảm sút lớn. Khu vực dịch vụ phi sản xuất ở thị trấn, thị xã khá cao. Cộng vào đó những tàn tích và lối sống văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới còn in dấu ấn ở hầu khắp các vùng nông thôn và thành thị. Những căn bệnh xã hội hiểm nghèo, tệ nạn mê tín dị đoan cũng gây không ít khó khăn trở ngại.

Nhưng độc lập hoàn toàn, tự do thực sự là hiện thực sinh động nhất cho cả dân tộc Việt Nam nói chung và nông dân nói riêng. Sau khi đánh bại chủ nghĩa thực dân mới, làm chủ đất nước thì nông dân dạt dào niềm

vui phấn khởi, đoàn kết một lòng dựng xây quê hương theo con đường của Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch ra. Nông dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng ra sức thanh toán mọi hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh hủy diệt của đế quốc Mỹ, xây dựng một nông thôn mới XHCN.

Việc truy quét bọn phản động ngoan cố còn lẩn trốn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, giáo dục cải tạo số người đã từng làm việc cho địch. Việc đưa dân bị bắt, xúc tát vào vùng địch trở về quê cũ làm ăn, chăm lo đời sống cho nhân dân là những vấn đề rất cấp bách đặt ra cho chính quyền cách mạng lâm thời.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các cấp hội, nông dân Quảng Ngãi ra sức phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn để tham gia xây dựng chính quyền cách mạng. Ngày 25-4-1976, nông dân toàn tỉnh hăng hái đi bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, xây dựng cuộc sống mới đầy triển vọng tốt đẹp.

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Ngay sau ngày giải phóng, hơn 60 vạn dân mới được giải phóng và 12 vạn dân trụ bám ở vùng giải phóng đã cùng nhau khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, mở rộng diện tích trồng trọt, tăng vụ để sản xuất lương thực đủ ăn⁽⁷⁷⁾.

Tháng 9 - 1976 Hội đồng Chính phủ ra quyết định

xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền Nam. Ở tỉnh ta chính quyền cách mạng đã triển khai công tác điều chỉnh ruộng đất và coi đây là công tác trọng tâm của nhiệm vụ của mình, trong hai năm 1975-1976 tiến hành điều chỉnh ruộng đất theo chỉ thị của A-15 Thường vụ Khu ủy V, ngày 19-5-1975 trên toàn tỉnh, nhằm giải quyết kịp thời và thỏa đáng số ruộng đất công, hương điền thổ cho nông dân không ruộng và thiếu ruộng trong chỉ thị nêu rõ :

" 1. Tiếp tục xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ về phát canh thu tô ở những nơi còn lại bằng vận động địa chủ tự nguyện hiến điền, hoặc chính quyền cách mạng mua lại ruộng đất phát canh của địa chủ đem chia cho nông dân, chia lại ruộng đất công bằng hợp lý, cần thiết thì điều chỉnh ruộng đất trong nông dân, đảm bảo đoàn kết nội bộ nông dân, đoàn kết nông thôn.

2. Điều hòa lao động, điều chỉnh việc ăn ở, đẩy mạnh vỡ hóa, khai hoang khôi phục và phát triển sản xuất, tạo điều kiện tiến lên sản xuất lớn, xây dựng nông thôn giàu đẹp.

3. củng cố, xây dựng đoàn kết vững mạnh, nhất là tổ chức Hội nông dân ở xã, thôn thực sự làm nòng cốt góp phần xây dựng đất nước"...

Chỉ thị còn nhắc nhở các tổ chức hội nông dân quan tâm giúp đỡ những gia đình đông con, người già yếu, thiếu sức lao động... Chính quyền và hội' nông dân các cấp phối hợp chặt chẽ, vạch kế hoạch tiến hành chu đáo các mặt công tác, triển khai ngay và nhanh gọn đem lại

quyền lợi thiết thực cho nông dân, làm cho không khí ở nông thôn bừng lên ánh sáng mới.

Để triển khai nhanh và có hiệu quả chính sách ruộng đất của Đảng, Nông hội tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức học tập chỉ thị A 15 của Thường vụ Khu ủy (từ ngày 8-6-1975 đến 13-6-1975). Thành phần gồm có Thường vụ Huyện ủy phụ trách dân vận, ủy viên ủy ban huyện hiểu ruộng đất, cán bộ các ngành có liên quan như : Tuyên huấn, thông tin, miền núi, trường đảng, công nghiệp, tòa án, UB mặt trận, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn, Ban chấp hành hội nông dân giải phóng tỉnh, Bí thư nông hội các huyện đồng bằng và thị xã, Bí thư nông hội xã có nhiều ruộng đất công và địa chủ phát canh thu tô. tổng số người dự là 75 (trong đó xã : 32 người, huyện 17 người, tỉnh 26 người) ⁽⁷⁸⁾.

Qua đợt học tập này, hầu hết các thành viên đều nhất trí chỉ vận động hiến ruộng và mua ruộng đất của địa chủ phát canh thu tô chia cho nông dân số ruộng công điền cùng với ruộng địa chủ hiến điền. Đối tượng được chia là hộ nông dân không có ruộng và thiếu ruộng.

Liên hệ với tình hình thực tế sau ngày giải phóng trong tỉnh là : có vùng giải phóng cũ, vùng tranh chấp cao và vùng giải phóng mới.

Đối với vùng giải phóng cũ và một số vùng tranh chấp cao thì ruộng đất canh tác ít, ruộng hoang hóa nhiều do những năm chiến tranh bị bom đạn, chất độc hủy diệt dịch xúc tạt nông dân vào các khu đồn ở thành thị. Do đó vùng này không có ruộng đất của địa chủ phát canh thu tô, không có ruộng đất của nhà chung, nhà chùa,

ruộng công điền cũng tạm giao cho nông dân, ruộng đất ở đây là của nông dân, không có quan hệ bóc lột giai cấp, chỉ có vấn đề ruộng đất giữa người bám trụ với người mới về.

Đối với vùng giải phóng mới trước đây là vùng sâu, vùng ven, vùng bị địch kìm kẹp lâu ngày, ở đây có ruộng đất của địa chủ phát canh thu tô, địa chủ thường, địa chủ ác ôn, địa chủ kháng chiến, ruộng nhà chung, nhà chùa, ruộng họ tộc, ruộng công điền..., nên ở vùng này có nhiều phức tạp. Đặc biệt là "chính sách cải cách điền địa" của địch trong chiến tranh đã làm xáo trộn và gây thiệt thòi nhiều nhất đối với nông dân thiếu ruộng và không ruộng.

Như vậy vùng mới giải phóng có quan hệ bóc lột giai cấp giữa địa chủ với nông dân; có mâu thuẫn giữa nông dân cách mạng với bọn phản cách mạng từ thời Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu, có một số nông dân có quan hệ với ngụy quân, ngụy quyền do chính sách thực dân mới của Mỹ trong quá trình thực hiện "bình định nông thôn" bắt lính dôn quân... đã biến người nông dân trong vùng chúng kiểm soát thành người cầm súng đánh thuế cho chúng.v.v...

Từ đó nông thôn đã nảy sinh tình hình tư tưởng, chính trị của các tầng lớp, có những diễn biến phức tạp. Chính quyền cách mạng và tổ chức hội phải có những chính sách và biện pháp thích hợp để giải quyết đúng đắn và kịp thời nhằm đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong nông thôn.

Kết quả điều chỉnh ruộng đất năm 1975 - 1976 toàn

tỉnh như sau : Ở vùng giải phóng mới, số ruộng đất thực chia là 6.013 mẫu 2 sào 11 thước. Số hộ khẩu chung cả tỉnh là : 67.689 hộ, hộ nông nghiệp chiếm 23.766 hộ, trong đó có 129.087 khẩu được chia ruộng đất. Trong số nhân khẩu được chia ruộng đất có 12.395 khẩu nguy quân và 5.319 khẩu nguy quyền. Đây là chính sách nhân đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đối với những người nông dân bị Mỹ-ngụy lôi kéo mua chuộc làm tay sai cho chúng.

Ở vùng giải phóng cũ, tổng số ruộng đất công vận động nhượng là 2.430 mẫu 3 sào 9 thước. Tổng số ruộng đất tư nhượng và ta tịch thu của các đối tượng có nợ máu với cách mạng là 1.857 mẫu 3 sào 11 thước. Như vậy tổng số diện tích lấy ra để điều chỉnh là 6.592 mẫu. Số hộ được chia là 16.538 hộ (95.549 khẩu) trong đó có 2.187 hộ nguy quân và 123 hộ nguy quyền.

Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ đã được xóa bỏ. Điều mợt ước của hàng ngàn năm của nông dân và khẩu hiệu “người cày có ruộng” của Đảng đề ra đã được thực hiện trên cả tỉnh, giai cấp nông dân đã thực sự được làm chủ nông thôn và chính họ là động lực to lớn trong khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, củng cố khối liên minh công nông để xây dựng đất nước phồn vinh.

Song song với cuộc vận động điều chỉnh ruộng đất, nông dân đã bắt tay ngay vào việc khôi phục kinh tế.

Về nông nghiệp hầu hết ruộng đất bị bỏ hoang. Tính đến 30-6-1975 toàn tỉnh đã phục hóa và khai hoang được 2.398 mẫu.

Các hệ thống thủy nông được sửa chữa, bồi đắp được 391 đập, vét 63.900 mét khối kênh mương và sử dụng 317 máy bơm nước lớn nhỏ tưới cho đồng ruộng. Công việc chống hạn, lụt, úng, cải tiến kỹ thuật nhằm tăng năng suất được thường xuyên đẩy mạnh. Việc trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, đánh cá, khai thác gỗ đều được gây dựng lại. Phong trào vòng đời công, hợp tác bước đầu phát triển. Đến năm 1976 cả tỉnh có 3.498 tổ đổi công với 132.649 tổ viên của 40.424 hộ nông dân.

Nhờ những cố gắng trên mà đến cuối năm 1976 “đã vượt lên tự trang trải lương thực, làm tốt một phần nghĩa vụ đối với Nhà nước và ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh ...” (đánh giá của nghị quyết Tỉnh ủy Nghĩa Bình tháng 3-1977).

Hệ thống đường giao thông được khẩn trương sửa chữa và tu bổ thêm.

Mạng lưới hợp tác xã mua bán bắt đầu được hình thành ở khắp vùng nông thôn trong tỉnh, giá cả được ổn định dần, đời sống nông dân được cải thiện một bước.

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình.

Chương XVII

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI THAM GIA THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC (1976 - 1990) HOÀN THÀNH CẢI TẠO NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG XHCN, CẢI TIẾN QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trong thời kỳ tỉnh Nghĩa Bình, nông dân trên địa bàn Quảng Ngãi (cũ) đã tích cực thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình (27/3/1977) phấn đấu thực hiện 3 năm cải tạo XHCN bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa ở nông thôn. Phương hướng nhiệm vụ chung của tỉnh Đảng bộ trong 3 năm (1977 - 1980) là: "Tăng cường sự lãnh đạo và phát huy truyền thống đoàn kết chiến đấu của Đảng bộ, phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò của các đoàn thể quần chúng, kiện toàn và phát huy hiệu lực của chính quyền nhân dân các cấp, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, từng bước xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới XHCN, nỗ lực hoàn thành khôi phục và phát triển mạnh mẽ kinh tế, văn hóa, căn bản hoàn thành cải tạo XHCN, đặc biệt chú

trọng nông nghiệp. Từng bước xây dựng cơ sở vật chất của CNXH, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân". (79)

Sau hai năm khôi phục kinh tế, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, đáng chú ý là đã xóa bỏ được chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến... Song nền kinh tế tỉnh ta vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, thành phần kinh tế cá thể, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ còn rất lớn. Do đó tỉnh ta đã đề ra kế hoạch 3 năm cải tạo XHCN với qui mô lớn để đưa tỉnh nhà sớm thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu.

Thực hiện kế hoạch đó, từ sau ngày giải phóng, khắp nông thôn Quảng Ngãi đã triển khai cuộc vận động lớn đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể từ hình thức thấp đến hình thức cao. Năm 1976 cả tỉnh có 3498 tổ đổi công với 132.649 tổ viên của 40.424 hộ.

Hè thu 1977 đến đông xuân 1978 có 13 hợp tác xã nông nghiệp gồm 3 hợp tác xã vùng lúa là Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) Phổ Thuận (Đức Phổ) Đức Phong (Mộ Đức) với bình quân 1562 hộ, 6419 khẩu, 3396 lao động, 3865 xã viên trên một hợp tác xã, 279 trâu, bò, 474 ha diện tích canh tác, có 20 đội sản xuất. Tổng số vốn hợp tác xã: 534.520 đồng, cổ phần 1 xã viên 60 đồng, cổ phần công hữu 40 đồng. Tổng giá trị tài sản cố định 1.879.325 đồng.

Vùng lúa, màu và cây công nghiệp có 8 hợp tác xã là: Bình Long, Bình Hiệp, Bình Trung, Bình Chương, Bình Nguyên 1, Bình Nguyên 2 (Bình Sơn), Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa), Hành Phước (Nghĩa Hành), bình quân mỗi hợp

tác xã có 1215 hộ, 5275 khẩu, 2308 lao động, diện tích canh tác 554 ha có 232 trâu bò, 22 đội sản xuất, cổ phần một xã viên là 70 đồng, cổ phần công hữu 40 đồng. Tổng số vốn trong hợp tác xã là 417.783 đồng. Giá trị tài sản cố định là 136.447 đồng.

Ngoài ra còn có 2 hợp tác xã miền núi Sơn Kỳ (Sơn Hà), Trà Phong (Trà Bông) với qui mô bình quân một hợp tác xã có 384 hộ, 1858 khẩu, 1195 lao động, 190 trâu, bò, 211 ha canh tác, gồm 9 đội sản xuất, vốn bình quân mỗi hợp tác xã là 175.045 đồng, giá trị tài sản cố định: 98.535 đồng, cổ phần mỗi xã viên : 50 đồng, cổ phần công hữu 30 đồng.

Đến năm 1980 ta cơ bản hoàn thành hợp tác hóa, trong toàn tỉnh có 152 hợp tác xã với 122.722 hộ và 333 tập đoàn sản xuất đưa 89% hộ nông dân và 95% ruộng đất vào làm ăn tập thể.

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành nhanh gọn, lành mạnh; đến đây nói lên tinh thần giác ngộ cách mạng XHCN và niềm tin của nông dân vào sự lãnh đạo của Đảng; cuộc vận động đó đã kịp thời phát huy thành quả việc điều chỉnh ruộng đất. Những xã viên hợp tác xã có thêm lực lượng để tăng vụ khai hoang, làm phân xanh, phân bắc, phân chuồng, thủy nông...

Về mặt thủy lợi, ở huyện Ba Tư đã vận động nông dân xây dựng đập Va Cơ (1977) đông xuân tưới cho 60 ha, hè thu tưới cho 60 ha. Ở huyện Tư Nghĩa xây dựng đập 3-2, đông xuân tưới cho 70 ha, hè thu tưới 30 ha. Ở huyện Sơn Tịnh xây dựng hồ Hóc Lùng, đông xuân tưới

cho 50 ha, hè thu tưới cho 50 ha. Ở huyện Bình Sơn xây hồ Gia Hội, đông xuân tưới được 70 ha, hè thu tưới 40 ha, hồ Hồ Vàng, đông xuân tưới 40 ha, hè thu tưới 10 ha. Ở huyện Sơn Hà (miền núi) xây dựng đập Xã Diệu, đông xuân tưới 60 ha, hè thu tưới 50 ha, đập Ba' Núi, đông xuân tưới 35 ha. Ở huyện Mộ Đức xây dựng hồ Đá Bàn, đông xuân tưới 35 ha, hè thu tưới 35 ha.

Bước sang năm 1978 huyện Ba Tư xây dựng hồ Tôn Dung, đông xuân tưới 30 ha, hè thu tưới 20 ha, đập Mang Mít, đông xuân tưới 50 ha, hè thu 50 ha, hồ Hồ Lao đông xuân tưới 30 ha. Ở huyện Sơn Hà đắp đập xã Trạch, đông xuân tưới 22 ha, hè thu 14 ha. Huyện Mộ Đức có trạm bơm Nam Sông Vệ và bờ cừ, đông xuân tưới được 10.760 ha, hè thu tưới 1.600 ha. Ở huyện Minh Long đắp đập Suối Lớn, đông xuân tưới 50 ha, hè thu tưới 50 ha. Ở huyện Nghĩa Hành xây dựng trạm bơm Nam sông Vệ, đông xuân tưới 58 ha, hè thu tưới 200 ha. Ở huyện Tư Nghĩa đắp đập ngăn mặn Tân Quang, thiết kế 80 ha, và đắp đập Đồn Điền, đông xuân tưới 50 ha, hè thu tưới 30 ha. Huyện Bình Sơn xây dựng hồ Hóc Đọc, đông xuân tưới 50 ha, hè thu tưới 49 ha, xây hồ Hồ Đá, đông xuân tưới 26 ha, hè thu 22 ha, hồ Đá Giăng đông xuân tưới 110 ha, hè thu tưới 58 ha, đắp đập ngăn mặn Hòa Hải (Quỳnh Lưu) ...

Ngoài ra nông dân còn tích cực cải tiến nông cụ, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất. Nhờ đó năng suất và sản lượng lúa tăng khá nhanh. Cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá từng bước phát triển vững chắc. Nội bộ nông dân đoàn kết tương trợ tốt hơn. Đời sống vật chất

của xã viên được ổn định từng bước và được cải thiện, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới... Đó là những thắng lợi có ý nghĩa thiết thực đối với nông dân, nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Quảng Ngãi trong những năm đầu sau giải phóng.

Từ cuối mùa xuân năm 1977, 1978 đến mùa thu năm 1981 chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh ta được triển khai với tốc độ nhanh. Các cấp hội vừa tổ chức, vừa vận động, giáo dục thuyết phục vừa huấn luyện cán bộ vừa chỉ đạo các hợp tác xã đi vào hoạt động náo nhiệt, đã đưa 98% hộ nông dân và 95% diện tích ruộng đất trâu, bò đi vào làm ăn tập thể.

Trong một thời gian ngắn, công cuộc hợp tác hóa được tiến hành nhanh như chiến dịch có nơi làm lướt "đánh trống ghi tên", nông dân không có thời gian "suy nghĩ trên mảnh ruộng của họ", ngay những ngày đầu đã bộc lộ thiếu sót khá cơ bản mà Nghị quyết 157 ngày 18/11/1983 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình và thông báo kết quả của Hội nghị cải tạo nông - lâm nghiệp miền núi từ ngày 21 đến 23/11/1983 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình về tăng cường, củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng đã rút ra những tồn tại.

Tập thể hóa trong sản xuất chủ yếu chưa triệt để, sử dụng chưa hợp lý, hạn chế phát triển kinh tế tập thể và củng cố quan hệ sản xuất XHCN ở nông thôn.

Cơ sở vật chất kỹ thuật chậm được xây dựng, trang bị kỹ thuật thiếu, không đồng bộ, sử dụng lãng phí hiệu quả kinh tế thấp, nhất là hợp tác xã yếu kém và trung bình.

Do đó đã hạn chế việc thâm canh, tăng năng suất, phát triển ngành nghề.

Hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý hợp tác xã quan liêu bao cấp kìm hãm sự phát triển, lãng phí lao động còn nhiều khâu yếu, phương hướng sản xuất và cơ cấu sản xuất của nhiều hợp tác xã chưa khai thác được thế mạnh của địa phương, một số hợp tác xã còn chậm phát triển ngành nghề, hạn chế chăn nuôi, phân công mới trong lao động còn nhiều lúng túng, một số hợp tác xã rong công phóng điểm.

Cơ quan quản lý, đội ngũ cán bộ vừa yếu lại vừa thiếu.

Thời kỳ này nền kinh tế kém hiệu quả, sản xuất trì trệ. Để giải quyết vấn đề trên, Nghị quyết đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ củng cố hợp tác xã với những chủ trương biện pháp cụ thể như sau :

- Hoàn thiện việc tập thể hóa tư liệu sản xuất, chủ yếu đây là vấn đề bức xúc, trước mắt cần dứt điểm trong thời gian ngắn, chậm nhất đến cuối năm 1984.

Mặt khác, các hợp tác xã tích cực thu hết cổ phần bằng trừ tiền công, tiền bán nông sản.

Tổ chức sản xuất, phân công lao động phát triển lực lượng sản xuất, bố trí lại sản xuất, phân công lại lao động, sắp xếp lại lực lượng sản xuất theo qui hoạch, kế hoạch của hợp tác xã, gắn kinh tế tập thể và kinh tế gia đình xã viên thành cơ cấu kinh tế XHCN ở nông thôn cùng phát triển đúng hướng trên địa bàn huyện. Những năm trước mắt phải nâng tỷ trọng thu nhập từ kinh tế tập thể chiếm trên 50%. Kinh tế gia đình là thành phần

kinh tế XHCN cùng song song tồn tại và phát triển bên cạnh kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể không còn bó hẹp trong sản xuất phụ mà vươn ra làm chức năng sản xuất xã hội, cần có chính sách khuyến khích thỏa đáng như cho vay vốn, giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, giúp chế biến, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm.

- Lập lại trật tự mới trong thực hiện cơ chế quản lý bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của hợp tác xã và quyền làm chủ của xã viên.

- củng cố và tăng cường sức quản lý điều hành trong Ban quản trị gắn với tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở, đẩy mạnh sự hoạt động các tổ chức quần chúng, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của xã viên.

- Chấn chỉnh tăng cường bộ máy quản lý hợp tác xã ở huyện, tỉnh.

- Qui hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

Như vậy trong gần bảy năm ngoài việc chỉ đạo thường xuyên, Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình đã dành sự quan tâm lớn, tìm tòi giải pháp xây dựng và củng cố hợp tác xã hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cải thiện đời sống nông dân. Nhưng kết quả thực tiễn đạt chưa tương xứng với chủ trương đã đề ra. Những mặt yếu kém của hợp tác xã vẫn chậm được khắc phục, có mặt trì trệ kéo dài, sản xuất ngày càng giảm sút. Tuy đời sống nông dân có tiến bộ, song so với công sức bỏ ra thì đời sống nông dân còn

nhiều mặt hạn chế, mảnh ruộng 5% và các nguồn kinh tế phụ của nông dân lại có sức sống mãnh liệt, quyết định từ 60 đến 80% thu nhập, trong khi đó 95% ruộng đất và ngành nghề hợp tác xã chỉ chiếm 20-40% thu nhập của họ. Do vậy cơ cấu thu nhập, tiêu dùng của người xã viên còn thấp kém, giá trị ngày công giảm, thu nhập xã viên chỉ cho ăn đến 65 - 75%, cho mặc 6-7% cho ở từ 5-8% chỉ cho văn hóa giáo dục không vượt quá 2%.

Đời sống tinh thần xã viên đa số còn nghèo trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật còn thấp, công tác giáo dục, y tế được phát triển theo số lượng, nhưng chất lượng thấp.

Tóm lại, sau gần 7 năm xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, sự cố gắng của nông dân là đáng kể nhiều điển hình tiên tiến được Đảng và chính quyền ghi nhận. Tuy vậy nhìn chung theo biểu đồ các chỉ tiêu về sức sản xuất, phát triển sản xuất, đời sống nông dân ở nông thôn tỉnh ta diễn ra theo chiều hướng trì trệ, tăng trưởng kinh tế không đáng kể, đặc biệt với loại hợp tác xã có qui mô lớn, quản lý tập trung càng bị giảm sút nghiêm trọng thiếu sức sống.

Cùng với sự phát triển mạnh của nông dân sau ngày giải phóng. Hội nông dân giải phóng các cấp ngày càng được xây dựng phát triển và củng cố. Cuối 1975 có 9 Ban chấp hành huyện và 53 cán bộ thường trực huyện hội, có 128 ban chấp hành nông dân giải phóng cấp xã với 1.062 cán bộ, có 552 phân hội, số cán bộ phân hội có 2.008 người. Đầu năm 1976 có 58.052 hội viên sinh hoạt trong 4.449 tổ và số cán bộ tổ có 9.082 người. Trong năm

1976 phát triển được 32.806 hội viên, đưa tổng số hội viên đến cuối năm 1976 là 80.058 người.

Trong những năm 1975 - 1977 các cấp hội vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, từ hình thức thấp đến hình thức cao, theo tình hình kinh tế, chính trị từng địa phương và cũng qua phong trào đó mà xây dựng củng cố các cấp hội.

Thực hiện Chỉ thị 24 của Ban Bí thư Trường ương Đảng (12/12/1977) dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, các cấp hội đã tiến hành đại hội đại biểu Hội nông dân tập thể từ chi hội đến xã, huyện và đến tháng 10/1978 tỉnh Nghĩa Bình đã tiến hành đại hội đại biểu Hội liên hiệp nông dân tập thể tỉnh lần đầu tiên sau ngày giải phóng (1975). Đại hội tiến hành tại thị xã Qui Nhơn. Dự đại hội có đồng chí Nguyễn Quang Lâm, ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí trong Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình, các đồng chí trong thường trực UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành trong tỉnh và trên 300 đại biểu chính thức.

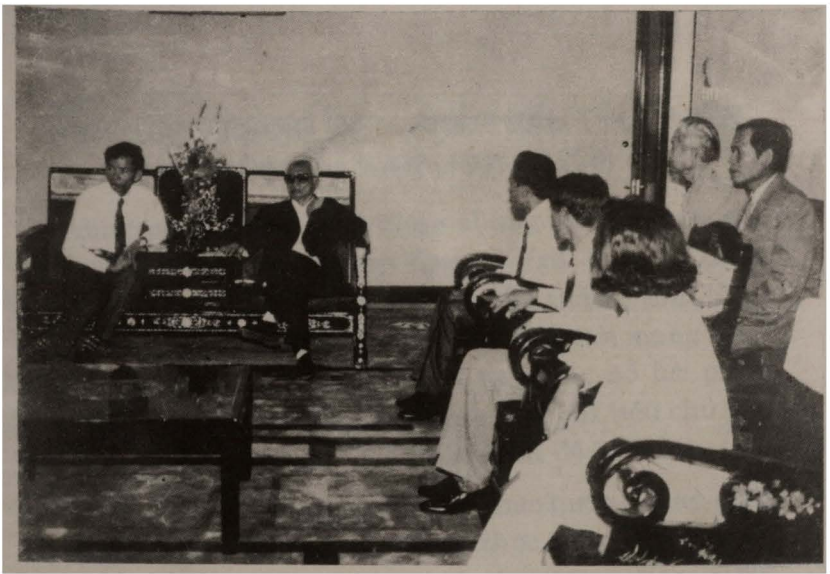
Đại hội đã thảo luận đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của giai cấp nông dân và Hội nông dân trong thời kỳ khôi phục kinh tế và phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong nông thôn, đồng thời bàn phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, chủ yếu là ra sức xây dựng hội nông dân vững mạnh, phát huy chức năng nhiệm vụ của Hội, ra sức tập hợp nông dân vào hội, vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nông thôn mới theo định hướng XHCN.

Đại hội cũng đã bầu Ban chấp hành Hội liên hiệp nông dân tập thể tỉnh Nghĩa Bình gồm 35 đ/c, do đồng chí Trình Nghiê, Tỉnh ủy viên làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Ngạc, Phó chủ tịch.

Thường trực Tỉnh hội lúc này ở trong Ban cải tạo nông nghiệp tỉnh ⁽⁸⁰⁾. Sau đại hội, Ban chấp hành đã phân công trách nhiệm từng đồng chí ủy viên BCH. Thường trực Tỉnh hội được bố trí, sắp xếp lại từng bộ phận như : Tổ chức, tuyên huấn, xây dựng hội, bộ phận phong trào, văn phòng...

Với chức năng và nhiệm vụ của hội, Ban chấp hành hội các cấp phấn đấu thực hiện nhiệm vụ mà đại hội Hội nông dân cấp mình đề ra. Đặc biệt là tập trung giáo dục vận động nông dân toàn tỉnh đi vào con đường làm ăn tập thể.

Hợp tác nông nghiệp ở đồng bằng, tập đoàn sản xuất nông nghiệp ở miền núi ngày càng được củng cố. Hội đã vận động nông dân tương trợ giúp đỡ nhau, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, đẩy mạnh thâm canh, cây trồng vật nuôi vận động nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới, tham gia học tập văn hóa, kỹ thuật để nâng cao trình độ đồng thời vận động nông dân thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, nhất là nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ quân sự.



Đoàn đại biểu Hội NDVN tỉnh Quảng Ngãi và đại biểu các huyện thị ra Hà Nội thăm Bác Phạm Văn Đồng



Bác Phạm Văn Đồng về thăm và làm việc với Hội NDVN tỉnh Quảng Ngãi

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1981 - 1985)

Trong những năm khó khăn chung của cả nước sau ngày giải phóng, nông dân Quảng Ngãi đã góp phần công sức của mình để vượt qua bao thử thách, tinh thần đoàn kết nhất trí nêu cao truyền thống cách mạng kiên cường, phát huy tích cực, tự lực, tự cường nỗ lực phấn đấu thực hiện đạt và vượt phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội lần thứ 3 của Đảng bộ tỉnh đề ra.

Nông dân trong tỉnh phát triển theo hướng toàn diện đã tự giải quyết được nhiều lương thực cho nhân dân và làm nghĩa vụ với Nhà nước ngày càng tăng. Năm 1985 lương thực đạt mức cao nhất từ 11 năm trước về sản lượng và bình quân lương thực tính theo đầu người, diện tích cây công nghiệp ngày càng mở rộng, chăn nuôi phát triển. Đã căn bản hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Phong trào trồng cây gây rừng phát triển mạnh. Năng lực khai thác thủy sản được giữ vững, sản lượng đánh bắt cá biển của ngư dân ngày càng tăng.

Trên mặt trận lưu thông phân phối các hoạt động kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ cung ứng vật tư, tài chính, ngân hàng, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu dùng hình thành kế hoạch phục vụ đã tích cực góp phần phục vụ sản xuất và đời sống nông dân. Đời sống nông dân tuy còn khó khăn nhưng nhìn chung được bảo đảm nhu cầu về các mặt. Mức hưởng thụ về văn hóa của nông

dân được nâng lên rõ rệt. Sự nghiệp giáo dục được tiếp tục cải cách và phát triển. Trung bình 1000 người dân thì có 300 người đi học⁽¹⁾. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng, y tế, thể dục thể thao có nhiều cố gắng phục vụ đời sống tinh thần và tích cực góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nông dân. Việc thực hiện chính sách thương binh xã hội, chính sách khen thưởng ở nông thôn (3 thời kỳ) đã góp phần chăm lo đời sống và động viên những gia đình nông dân có công với cách mạng. Công cuộc cải tạo XHCN đã thu được những kết quả bước đầu, rõ nhất là trong phong trào cải tạo và phát triển nông nghiệp.

Phong trào bảo vệ quốc phòng an ninh ở nông thôn ngày càng được củng cố và tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Để thực hiện được thành quả nói trên nông dân Quảng Ngãi đã khắc phục nhiều khó khăn do thiên tai địch họa và do kinh tế còn quá nghèo nàn lạc hậu của tỉnh ta. Tuy vậy nông dân toàn tỉnh đã tuyên truyền vận động nhau đồng lòng chung sức đẩy lên những cao trào thi đua sôi nổi, điển hình là phong trào thi đua đua đuổi kịp và vượt hợp tác xã Phước Thắng 1 (huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định). Qua phong trào thi đua rộng lớn, tinh thần tự lực cánh sinh cần kiệm xây dựng CNXH của nông dân Quảng Ngãi được phát huy mạnh mẽ.

Trên mặt trận nông nghiệp đã tiến hành nhiều hoạt động tích cực sáng tạo để củng cố các hợp tác xã nông nghiệp thông qua cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác.

xã, nhằm hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới XHCN, thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (31/1/1981).

Mặt trận thủy lợi được coi là biện pháp kỹ thuật hàng đầu trong giai đoạn 1980 - 1985.

Trước đó từ 1976 đến 1977 phong trào làm thủy lợi ngày càng mạnh mẽ bao nhiêu thì nay nông dân vẫn tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn. Nông dân toàn tỉnh đã góp phần hàng mấy triệu ngày công và nhiều tiền, thóc để xây dựng các công trình thủy lợi. Đó là việc làm đầu tiên bài học cha ông để lại trên mảnh đất bạc màu khô cằn này ở miền Trung.

Ở huyện Sơn Hà năm 1980 đã vận động nông dân xây dựng đập Bở Liêu, đồng xuân tưới 18 ha, hệ thu tưới 12 ha, Nghĩa Hành xây dựng đập Quang, đồng xuân tưới được 30 ha, hệ thu tưới 10 ha, Tư Nghĩa đắp đập Đông vườn Tê, đồng xuân tưới 250 ha, hệ thu tưới 80 ha.

Năm 1981, huyện Đức Phổ xây dựng hồ Ông Thơ, đồng xuân tưới 80 ha, hệ thu tưới 20 ha, đập Đá Giăng, đồng xuân tưới 300 ha, hệ thu tưới 200 ha.

Huyện Tư Nghĩa xây dựng trạm thủy điện, Nghĩa Kỳ, đồng xuân tưới 250 ha, hệ thu tưới 200 ha; trạm bơm điện Nghĩa Thương, đồng xuân tưới 500 ha, hệ thu tưới 450 ha; Trạm bơm điện Nghĩa Hiệp, đồng xuân tưới 500 ha, hệ thu 400 ha; Trạm bơm điện Nghĩa Phương, đồng xuân tưới 300 ha, hệ thu tưới 300 ha. Huyện Bình Sơn xây dựng hồ Hàm Rồng, đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu tưới 30 ha v.v...

Năm 1982, Mộ Đức xây dựng hồ Mạch Điều, đồng xuân tưới 150 ha, hệ thu tưới 100 ha. thị xã Quảng Ngãi xây dựng trạm bơm điện Quảng Phú, đồng xuân tưới 200 ha, hệ thu 150 ha. Trạm bơm điện Nghĩa Lộ, đồng xuân tưới 200 ha, hệ thu 120 ha. Trạm bơm điện Nghĩa Chánh, đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu tưới 50 ha. Huyện Sơn Tịnh xây dựng hồ Sơn Rai, đồng xuân tưới 200 ha, hệ thu tưới 100 ha. Hồ Bà Bông đồng xuân tưới 40 ha, hệ thu 20 ha, đập đập Bốn Điền, đồng xuân tưới 50 ha xây dựng trạm bơm điện Tịnh Phong, đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu tưới 50 ha.

Năm 1983 huyện Mộ Đức đắp hồ Hóc Sầm, đồng xuân tưới 250 ha, hệ thu 200 ha. Hồ ông Tới, đồng xuân tưới 60 ha, hệ thu tưới 20 ha. Huyện Nghĩa Hành đắp đập ông Phải đồng xuân tưới 60 ha, hệ thu 40 ha, huyện Sơn Tịnh đắp hồ Sao So, đồng xuân tưới 30 ha. Hồ Tre, đồng xuân tưới 40 ha hệ thu 20 ha. Huyện Bình Sơn đắp hồ Suối Khôi, đồng xuân tưới 20 ha, hệ thu tưới 10 ha.

Năm 1984, huyện Ba Tư đắp đập Nước Trinh đồng xuân tưới 60 ha, hệ thu tưới 40 ha, huyện Sơn Hà đắp đập Sờ Rừng, đồng xuân tưới 25 ha, hệ thu 10 ha, đập hồ Đầm Giang, đồng xuân tưới 20 ha, hệ thu 10 ha. Huyện Bình Sơn đắp hồ Liên Trì đồng xuân tưới 80 ha, hệ thu 30 ha, hồ An Hội, đồng xuân tưới 70 ha, hệ thu 30 ha, đập hồ Phó Tinh, đồng xuân tưới 40 ha, hệ thu 10 ha, đập hồ An Phong, đồng xuân tưới 150 ha, hệ thu tưới 80 ha, hồ Xóm Núi, đồng xuân tưới 20 ha, hệ thu 10 ha, hồ An Lộc, đồng xuân tưới 60, hệ thu 20 ha.

Năm 1985: huyện Ba Tư đắp đập Man Kế, đồng xuân

tưới 20 ha, hệ thu tưới 10 ha. Huyện Nghĩa Hành xây dựng trạm bơm điện Hành Thiện, đồng xuân tưới 200 ha, hệ thu 150 ha. Huyện Sơn Tịnh đắp hồ Cây Dứa, đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu 20 ha. Hồ Đá Chông, đồng xuân tưới 30 ha, hệ thu 10 ha. Huyện Bình Sơn đắp đập Hóc Mua, đồng xuân tưới 80 ha, hệ thu 20 ha, hồ Bình Long đồng xuân 100 ha, hệ thu tưới 30 ha, hồ An Thanh, đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu tưới 30 ha, hồ Mỹ Thanh đồng xuân tưới 50 ha, hệ thu 20 ha...

So với thời kỳ hợp tác xã trong những năm 1977-1980 nông dân thờ ơ với ruộng đồng, rừng bị tàn phá, ghe thuyền ngư lưới cụ sử dụng kém hiệu quả, lợi ích người lao động không được bảo đảm, dẫn đến triệt tiêu động lực thúc đẩy sản xuất. Bước sang đầu năm 1981, đặc biệt là sự ra đời Chỉ thị 100 (ngày 31/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động như luồng gió mới thổi vào nông thôn, nông nghiệp, làm thay đổi đời sống và sản xuất của người nông dân. Chủ trương sáng suốt đó vừa ra đời đã được nông dân đón nhận và nhân ra nhanh chóng. Thực tế xuất hiện nhiều cách làm sáng tạo như: khoán với cây lúa, cây nông nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, khoán ở đồng bằng, miền núi.

Chỉ thị 100 đã tạo ra cơ chế quản lý để người lao động từng hộ xã viên phát huy quyền làm chủ thực sự, kích thích nông dân bỏ vốn, sức lao động tăng gia sản xuất. Chuyển từ mô hình cơ chế quản lý hợp tác xã cũ, từng bước hình thành cơ chế mới và hình thành hợp tác sản xuất mới.

Từ 1981-1985 (1985 có 197 hợp tác xã với 147.428 hộ, 33 tập đoàn sản xuất, với 99% số hộ và 96% ruộng đất vào làm ăn tập thể). Ruộng đất, mặt nước, rừng, biển là nguồn vốn quan trọng được sử dụng ngày càng tốt hơn. Tình hình kinh tế xã hội có nhiều tiến bộ. Năng xuất lúa trong tỉnh năm 1980 là gần 17 tạ/ha, đến năm 1985 đã nâng lên 27,6 tạ/ha/năm. Sản lượng lúa 1980 là 140.000 tấn đến năm 1985 là 248.700 tấn. Sản lượng cây mía năm 1980 là 160.928 tấn, đến năm 1985 là 340.076 tấn. Đàn bò 1980 là 92.700 con, đến năm 1985 có 146.213 con. Đàn heo năm 1980 có 228.424 con, đến năm 1985 có 315.863 con. Bình quân lương thực qui thóc đầu người năm 1980 là 207,5 kg đến năm 1985 là 300,8 kg/người.

Tuy các hợp tác xã bị ảnh hưởng nặng, sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền nhiều hợp tác xã trong tỉnh bị mất vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước giảm sút rõ rệt, vật tư nông nghiệp thiếu thốn, song nhờ động lực khoán đã phát huy quyền làm chủ của xã viên. Nên nhiều người bỏ vốn đầu tư xây dựng trạm bơm điện, thủy lợi nội đồng, mua sắm thêm nông cụ, trâu bò, thuốc trừ sâu, phân bón... Nông dân đã tự giác áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật, ra sức thâm canh tạo nên sự chuyển động của nền nông nghiệp thời kỳ 1981-1985. Khoán sản phẩm bước đầu đã nâng được trình độ tổ chức quản lý cho mọi cán bộ cơ sở, thực hiện ba lợi ích, củng cố được hợp tác xã, số hợp tác xã yếu kém thu hẹp lại.

Tuy nhiên, chỉ thị 100 của Trung ương khi đưa vào thực tiễn vẫn còn một số mặt hạn chế. Cơ chế tập trung

quan liêu bao cấp, chưa được tháo gỡ. Cơ chế quản lý hợp tác xã còn nhiều bất hợp lý. Các khoản đóng góp và các quỹ không ngừng gia tăng. Mức khoán ổn định. Hiện tượng rong công phóng điểm tham ô công điểm ngày càng tăng. Việc khoán thấp, khoán cao, nâng hạ mức khoán còn thiếu cơ sở khoa học, bộ máy quản lý hợp tác xã công kênh, kém hiệu lực. Mức huy động Nhà nước tăng. Phần phân phối cho người lao động giảm chỉ được khoảng 20-40%. Động lực người lao động vẫn chưa được phát huy đúng mức.

Nhiều nơi xã viên phải trả bớt ruộng khoán, không giao đủ sản phẩm cho hợp tác xã, gây khê đọng sản phẩm ngày càng lớn như Sơn Tịnh 1.100 tấn, Bình Sơn 600 tấn, Hành Dũng (Nghĩa Hành) 74 tấn và 4,5 triệu đồng, hợp tác xã Hà Thọ Xuân (Tịnh Hà) 200 tấn, hợp tác xã Bắc Phong 100 tấn; có 25% hợp tác xã trong tỉnh không làm được kiểm kê thanh quyết toán và công khai tài chính với xã viên. Vốn bị chiếm dụng và phân tán. Hiện tượng tham ô lãng phí chưa được ngăn chặn. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đứng trước nguy cơ mới. Sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực bị giảm sút. Sản xuất lương thực qui thóc năm 1985 là 196.000 tấn, 1987 chỉ còn 283.580 tấn. Bình quân lương thực đầu người năm 1985 là 300,8 kg, năm 1987 chỉ còn 279,6 kg. Nạn đói bắt đầu xảy ra ở một số nơi.

Thực trạng đó đã đề ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý hợp tác xã, đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đổi mới chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp và nông dân.

Cũng trong thời gian này Ban bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị 11h ngày 29/9/1981 và có dự thảo điều lệ Hội nông dân kèm theo. Chỉ thị này đề ra chức năng nhiệm vụ và nội dung hoạt động của Hội và tổ chức thường trực Hội, Ban chấp hành Hội ở xã là Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng sản xuất là tổ trưởng nông dân. Ở huyện thì thường trực huyện Hội là bộ phận trong Ban nông nghiệp huyện ở tỉnh thì thường trực tỉnh Hội là một bộ phận trong Ban cải tạo nông nghiệp tỉnh. Chỉ thị 116 làm cho hoạt động các cấp hội gặp không ít khó khăn, có nơi coi như không còn Hội.

Đứng trước tình hình khó khăn đó, Ban Bí thư trung ương Đảng đã ra Thông tri số 22, ngày 20/12/1982, thông tri nêu rõ chức năng nhiệm vụ hoạt động của Hội và khẳng định các cơ quan thường trực của Hội được độc lập, có trụ sở riêng, phương tiện riêng và điều kiện làm việc riêng, nhằm tháo gỡ khó khăn cho các cấp Hội.

Cuối năm 1982, Hội nông dân được bổ sung đồng chí Nguyễn A phó Ban nông nghiệp Tỉnh ủy làm Phó chủ tịch thường trực Hội liên hiệp nông dân tập thể tỉnh Nghĩa Bình, đồng chí Trình Nghiên, Tỉnh ủy viên, trưởng ban nông nghiệp vẫn là Chủ tịch (kiêm nhiệm).

Thời gian này các cấp hội dần dần được củng cố và đi vào hoạt động với nội dung thiết thực hơn. Cùng với các mặt tiến bộ là chủ yếu, sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng, đời sống nông dân ở nhiều vùng có bước cải thiện rõ rệt.

Nông dân phấn khởi hăng hái tham gia các cuộc vận động lớn do Đảng và chính quyền đề ra như phong trào

vận động nông dân mua công trái xây dựng Tổ quốc trong những năm 1983-1984.

Đợt 1 mở đầu ngày 19/12/1983, kết thúc ngày 31/3/1984, hơn 200.000 nông dân trong toàn tỉnh Nghĩa Bình tham gia mua công trái. Tổng số cả tỉnh là:

- Tiền mặt: 54.498.000 đồng

- Thóc: 54 tấn.

Đợt 2 mở đầu vào ngày 19/5/1984, kết thúc ngày 30/10/1985. Số người mua công trái toàn tỉnh Nghĩa Bình là 2.000.000 người. Tổng số:

- Tiền mặt: 64.003.200 đồng

- Thóc: 885 tấn 600 kg

Trong đó nông dân chiếm xấp xỉ 50%.

Có một số huyện mua công trái vượt chỉ tiêu như: Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, Đức Phổ... và các xã, phường vượt chỉ tiêu như phường Nguyễn Nghiêm (thị xã Quảng Ngãi) và xã Phổ Hòa (huyện Đức Phổ). Ông Phạm Hót ở thôn Hòa An xã Phổ Hòa (Đức Phổ).

Sự hưởng ứng sôi nổi và đều khắp trong các tầng lớp nông dân đã thể hiện tinh thần yêu nước, yêu CNXH, tin tưởng vào con đường tươi sáng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Cùng với phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc, thì nông dân trong tỉnh đã thi đua củng cố hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Ngày 15/2/1984 Ban bí thư Trung ương Đảng ra

Thông báo số 32 đã xác định chức năng nhiệm vụ của Ban trụ bị đại hội đại biểu Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam và hướng dẫn việc chuẩn bị đại hội.

Thực hiện cải cách Chỉ thị 78 và 116. Thông tri 22, thông báo 32 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Các cấp ủy đã chỉ đạo các cấp hội mở đại hội đại biểu. Hội liên hiệp nông dân tập thể ở 3 cấp xã, huyện, tỉnh.

Trong suốt 5 năm các cấp hội đã tích cực tập trung xây dựng cơ sở hội, hướng mọi hoạt động về cơ sở, nhằm tạo một bước chuyển mới mạnh mẽ về công tác tổ chức. và phát triển được trên 60.000 hội viên. Tổng số hội viên trong toàn tỉnh Quảng Ngãi nữ là 140.058 người, chiếm gần hết nông dân trong toàn tỉnh. Năm 1984 đã tiến hành đại hội ở cấp xã và 11 huyện, thị bầu ra ban chấp hành mới và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đại hội đại biểu, Hội nông dân tập thể tỉnh Nghĩa Bình lần thứ 2 họp tại hội trường Quang Trung (Qui Nhơn) trong 2 ngày 25 và 26/4/1984. Đại hội được đón tiếp đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí trong thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Hoàng Hồng Thất, đại diện ban trụ bị đại hội đại biểu Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam và đại biểu của 5 tỉnh: Quảng Nam-Đà Nẵng, Phú Khánh, Gia lai-Kom Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng, 100 đại biểu các ban, ngành trong tỉnh và 302 đại biểu chính thức trong đó có 172 đại biểu.

Qua 2 ngày làm việc, Đại hội đã đánh giá phong trào nông dân và công tác hội trong thời gian qua, bàn phương hướng nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1984 - 1989 và lựa chọn bầu ra Ban chấp hành Hội lần thứ 2 (tỉnh Nghĩa

Bình) là 39 đồng chí trong đó Quảng Ngãi có 19 đồng chí. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Lại làm Chủ tịch Hội, 3 phó chủ tịch và 5 ủy viên thường vụ, 2 đồng chí phó chủ tịch Nguyễn A và Lê Trúc Lâm, và có nữ đồng chí Nguyễn Thị Xuân Cúc là ủy viên thường vụ.

Dưới ánh sáng Chỉ thị 53 ngày 28/11/1984 của Trung ương Đảng “về tăng cường công tác quần chúng của Đảng”, với chức năng của mình, các cấp hội ra sức giáo dục thuyết phục nông dân thường xuyên liên tục, nhiều đợt với nhiều nội dung như thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể XHCN của nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, “ba cuộc cách mạng” xây dựng thành công chế độ XHCN bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Để thu hút đại bộ phận nông dân tham gia vào tổ chức Hội các cấp đã mở đợt sinh hoạt chính trị phát động nông dân phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nông dân Quảng Ngãi đã tích cực tham gia học tập những nội dung cơ bản về cải tạo và phát triển nông nghiệp, điều lệ hợp tác xã và điều lệ Hội, đã tổ chức cho hầu hết cán bộ hội viên nông dân Quảng Ngãi tham gia học tập tìm hiểu vị trí nhiệm vụ và lề lối làm việc của Ban chấp hành Hội cơ sở, nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên, từ đó nâng cao chất lượng hội viên, củng cố tổ chức cơ sở Hội tuyên truyền giáo dục cách mạng giáo dục nông dân nâng cao một bước lòng yêu nước, yêu CNXH, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thấy rõ hơn tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, thấy được âm mưu của kẻ thù đối

với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa phong trào nông dân trong tỉnh lên một bước mới.

NÔNG DÂN QUẢNG NGÃI RA SỨC PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ 1985-1990

Kế hoạch phát triển kinh tế 1985-1990 là giai đoạn điều chỉnh đổi mới trong nông nghiệp. Sự đổi mới được thể hiện rõ trên một số nội dung như xác định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ; các HTX tiến hành giao khoán đến người lao động, việc sản xuất cây gì, con gì có hiệu quả kinh tế cao do hộ nông dân quyết định hợp tác xã chỉ nắm khâu then chốt, dịch vụ kinh doanh, những việc mà hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Xóa bỏ chế độ phân phối công điểm, hợp tác xã dịch vụ khâu nào thì thanh toán khâu đó, phân phối sản phẩm làm ra sau khi nộp thuế và quỹ phần còn lại do xã viên hoàn toàn quyết định. Sự đổi mới căn bản đó đã tạo ra động lực quan trọng, giải phóng sức sản xuất và sản xuất phát triển ở nông thôn. Người nông dân thực hiện phát huy tối đa năng lực sản xuất của mình.

Trong nhiều năm, với tinh thần tích cực cần cù và sáng tạo của người nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã thu được những kết quả căn bản sau đây.

- Xuất phát từ một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, thông qua hợp tác xã với vốn đầu tư của Nhà nước, sức lao động của hàng chục vạn nông dân trong tỉnh đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ

thuật ban đầu cho nền nông nghiệp, đặc biệt nổi bật là công tác thủy lợi, với phương châm nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ. Năm 1986 huyện Trà Bồng đắp đập Suối Cầu, đồng xuân tưới cho 20 ha, hệ thu tưới 10 ha. Huyện Nghĩa Hành đắp đập dâng Bầu Trung, đồng xuân tưới 80 ha, hệ thu tưới 40 ha, xây dựng trạm bơm điện Hành Thiện, đồng xuân tưới 120 ha, hệ thu tưới 100 ha, đắp đập dâng Bầu Vững, đồng xuân tưới cho 12 ha, hệ thu tưới 12 ha. Ở huyện Sơn Tịnh xây dựng hồ Bình Nam đồng xuân tưới cho 80 ha, hệ thu tưới 30 ha, xây hồ Tân An, đồng xuân tưới cho 40 ha, hệ thu tưới 30 ha.

Năm 1987, huyện Trà Bồng đắp đập dâng Hà Núi, đồng xuân tưới 20 ha, hệ thu tưới 15 ha. Đập Quang, đồng xuân tưới 30 ha, hệ thu tưới 25 ha. Huyện Minh Long đắp hồ chứa Đồng Cân, đồng xuân tưới 30 ha, hệ thu tưới 20 ha, Huyện Nghĩa Hành đắp đập Bầu Nông, đồng xuân tưới 12 ha, hệ thu tưới 12 ha. Huyện Sơn Tịnh đắp hồ Hóc Cơ, đồng xuân tưới 70 ha, hệ thu tưới 20 ha. Huyện Bình Sơn đắp hồ Châu Bình, đồng xuân tưới 80 ha, hệ thu tưới 40 ha. Nông dân còn tích cực tham gia cải tạo đồng ruộng, xây dựng đường giao thông nông thôn khai hoang phục hóa và phúc lợi công cộng.

Thực hiện Chỉ thị 05/CT-TW ngày 24/3/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội.

Các cấp Hội trong tỉnh đã tổ chức cho cán bộ, hội viên học tập quán triệt chỉ thị trên và tiến hành đại hội củng cố Ban chấp hành các cấp. Cuối năm 1986 đến

tháng 6/1987 đã tổ chức Đại hội được 141 xã, 11 huyện thị thuộc Quảng Ngãi hay cả Nghĩa Bình và tiến hành Đại hội đại biểu Hội liên hiệp nông dân tập thể tỉnh Nghĩa Bình lần thứ 3 họp tại thành phố Qui Nhơn. Trong 2 ngày 6 và 7 tháng 7/1987.

Đại hội vinh dự được đón đồng chí Đỗ Quang Thắng, Bí thư Tỉnh ủy Nghĩa Bình và các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy và các đồng chí trong UBND tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Minh và phòng Trung ương Hội và 100 đại biểu các Ban ngành trong tỉnh về dự có 305 đại biểu chính thức trong đó Quảng Ngãi có 174.

Qua 2 ngày đêm làm việc khẩn trương và nghiêm túc, đại hội đã nghiên túc dự thảo báo cáo trình trước Đại hội đại biểu và dự thảo điều lệ Hội nông dân Việt Nam. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ qua và phương hướng nhiệm vụ đến của Hội. Đại hội đã lựa chọn và bầu Ban chấp hành Hội liên hiệp nông dân tập thể tỉnh Nghĩa Bình khóa 3 gồm 35 đồng chí (Quảng Ngãi có 15 đ/c) do đồng chí Nguyễn A làm chủ tịch, 2 đồng chí phó chủ tịch (trong đó Quảng Ngãi có 1 là đồng chí Nguyễn Đức Nhất) và 4 thường vụ (Quảng Ngãi có 1 là đ/c Phạm Ngọc Anh) đồng thời Đại hội cử 17 đồng chí đi dự Đại hội đại biểu Hội nông dân do đồng chí Nguyễn A làm trưởng đoàn (Quảng Ngãi có 7 đ/c: 1 ở tỉnh, 3 ở xã và 3 ở huyện).

Đến đây tình hình phát triển nông nghiệp trong tỉnh có những diễn biến thuận lợi những chỉ thị, nghị quyết của Đảng được đưa ra kịp thời đã làm cho nông dân ngày càng phấn khởi. Đặc biệt là ngày 5/4/1988 Bộ Chính trị

Trung ương Đảng ra Nghị quyết 10 nhằm đổi mới kinh tế trong nông nghiệp. Sự đổi mới được tiến hành trên cả hai mặt. Đổi mới cơ chế quản lý ở cơ sở (hợp tác xã và tập đoàn sản xuất), đổi mới quản lý Nhà nước đối với nông nghiệp nhằm mục tiêu giải phóng sức sản xuất trên mặt trận nông nghiệp phát huy tiềm năng nông nghiệp đa dạng (đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển) tạo cơ sở chuyển nền nông nghiệp đi lên sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên canh độc canh.

Nghị quyết 10 Bộ Chính trị ra đời đã được Thường vụ Tỉnh ủy tiếp thu lãnh đạo các cơ quan, ban ngành có liên quan triển khai khẩn trương, từ thí điểm năm 1988 đến mở diện rộng trên tất cả các hợp tác xã trong năm 1989 và được nông dân trong tỉnh hưởng ứng tích cực. Nhờ đó nông nghiệp tỉnh nhà đã đạt được những bước phát triển mới.

Nông dân trong tỉnh đã tích cực tập trung công sức cho công tác thủy lợi. Cùng với phương châm nông dân làm Nhà nước hỗ trợ năm 1988 nông dân huyện Ba Tư đã đào kênh Con Sô, đông xuân tưới 30 ha, hè thu tưới 15 ha. Huyện Đức Phổ đắp hồ Diên Trường; huyện Nghĩa Hành xây dựng trạm bơm điện Đông Tín, đông xuân tưới 150 ha; thị xã Quảng Ngãi xây dựng trạm bơm điện Trần Phú, đông xuân tưới 50 ha. Huyện Sơn Tịnh xây dựng hồ Hóc Trà, đông xuân tưới 10 ha, hè thu tưới 10 ha, hồ Hồ Môn, đông xuân tưới 20 ha, hè thu tưới 20 ha. Huyện Bình Sơn đắp hồ Đá Bạc, đông xuân tưới 40 ha, hè thu tưới 25 ha.

Đặc biệt đáng chú ý là từ năm 1984 đến nay nông

dân dã tích cực tham gia công trình thủy lợi Thạch Nham ⁽⁸¹⁾ công trình khởi công từ ngày 1-6-1985. Qui mô công trình cụ thể như sau:

Tưới: tổng số 50.000 ha

Trong đó tự chảy 41.000 ha, bơm 4000 ha, tạo nguồn 5.000 ha

Đầu môi: Đập dài 200 mét, rộng 30 mét, cao 19,5 mét (so với mặt biển) thực cao là 26,5 mét từ đáy đến đỉnh.

- Cống Bắc: Gồm 2 cống xả cát, 2 cống lấy nước, lưu lượng 23 mét khối/giây

- Cống Nam: 3 cống xả cát, 3 cống lấy nước, lưu lượng 32 mét khối/giây, 2 lỗ cống để đặt thủy điện 1.000 KW.

- Kênh chính: Tổng số dài 66 km, phía Bắc có 31 km, phía Nam có 35 km, có 138 công trình, trong đó có 9 công trình lớn.

- Kênh nhánh:

+ Kênh cấp 1: Tổng số 193,5 km, phía Bắc có 120 km, phía Nam có 73,5 km, có 793 công trình trên kênh.

+ Kênh cấp 2: Tổng số 340 km, hàng ngàn công trình lớn nhỏ trên kênh

Tính khối lượng:

- Đào đắp đất: 16.746.090 m³

- Đào đá : 441.894 m³

- Đá xây lát : 362.314 m³

- Bê tông : 124.489 m³

Trong đó dầu mỡ : 66.220 m³

Về vốn: Lúc duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật là 1.055 triệu đồng (giá cố định năm 1992) qui đổi vào quý I năm 1990 là 136,9 tỷ đồng. Trong đó:

- Trung ương : 86,9 tỷ đồng

- Địa phương : 50 tỷ đồng

Đến ngày 31/12/1990 đã làm được:

- Dầu mỡ: xong 100%

- Kênh chính: 65% (phía Bắc được 19 km, phía Nam được 17,5 km)

- Kênh nhánh: 30%: cấp I: 78,5 km, cấp II: 36 km. Công trình I,II được 350 cái.

- Kênh nội đồng: khoảng 50 km

Giá trị làm được (vốn) 104 tỷ đồng (Trung ương 73 tỷ, địa phương 31 tỷ)

TIỀN THỐC VÀ VẬT TƯ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ CHO MƯỢN VÀ ỨNG HỖ

TT	Đơn vị	Cho mượn 87-89 tr/đồng	Vận động 1990 tr.đồng	Ứng hộ	
				Thịt (kg)	Đường (kg)
	Tổng số	454.887	1.439.548	7.649	1.460
1	Bình Sơn	100	46.526	528	150
2	Sơn Tịnh	49.954	62.731	2.168	150
3	Tư Nghĩa	173.798	250.000	2.145	250
4	Mộ Đức	61.700	72.405	1.246	
5	Đức Phổ	55.630	48.800	531	150
6	Nghĩa Hành		123.850	806	
7	T. xã Quảng Ngãi	13.791	91.732	225	700
8	Minh Long		1.304		
9	Nhà máy đường Q.Ngãi		744.00		

Cùng với việc mạnh dạn áp dụng những tiến bộ kỹ thuật, nông thôn đã coi trọng việc đẩy mạnh làm thủy lợi, nên sản lượng lương thực mỗi năm tăng, cả năng suất và chất lượng. Năng suất lúa cả năm 1989 là 26,4 tạ/ha sản lượng qui thóc là 284.210 tấn. Năm 1990 năng suất 27,9 tạ/ha.

Năng lực sản xuất của từng hộ nông dân kết hợp với đầu tư của Nhà nước, tiềm năng nông nghiệp một số huyện bước đầu phát huy có hiệu quả như vùng lương thực Mộ Đức, Tư Nghĩa... vùng trồng mía Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa... trồng rừng bạch đàn vùng đất trống, đồi núi trọc được hình thành và ngày càng mở rộng thành vùng có sản phẩm hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Nông dân nhiều nơi trong tỉnh phát triển kinh tế vườn nhà như phong trào nông dân trồng tiêu, trồng đào ở Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh.

Nông dân các huyện miền núi Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng thi nhau phát triển vườn đồi trồng quế, có nông dân trồng hàng chục ha bạch đàn.

Nhiều hộ nông dân và các thành phần kinh tế mạnh dạn bỏ vốn đầu tư mở mang sản xuất, chế biến làm dịch vụ mở mang ngành nghề kinh doanh tổng hợp tạo thêm công ăn việc làm cho nông dân đưa điện về nông thôn, phát triển thủy lợi.

Nhiều nhân tố mới xuất hiện nhiều nông dân sản xuất lúa có năng suất từ 15 - 20 tấn/ha/năm, năng suất mía đạt từ 80 - 120 tấn/ha.

Đặc biệt trên cơ sở bước đầu phát huy vai trò tự chủ của hội nông dân, nhiều hình thức kinh tế, hợp tác mới xuất hiện trên nguyên tắc tự nguyện quản lý dân chủ cùng có lợi.

Trên nhiều vùng bắt đầu xây dựng nông thôn mới, với những nội dung thiết thực phù hợp với điều kiện từng nơi như phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi. Nhiều địa phương đã tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất giỏi từ tổ hội, chi hội đến huyện như Đức Phổ 1991, từ các cuộc hội nghị nông dân trao đổi kinh nghiệm sản xuất, cách làm ăn trong thời kỳ đổi mới, bàn biện pháp giúp các hộ nghèo đói, thiếu vốn và thiếu kinh nghiệm làm ăn để cùng nhau phát triển hội nghị mong muốn.

Chính quyền xã đảm nhận các chức năng quản lý hành chính, luật pháp, quản lý xã hội xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở phúc lợi ở nông thôn.

Có một số vùng nông thôn, nông dân tổ chức lập chợ, xây cửa hàng làm tiền đề cho các tụ điểm kinh tế nông thôn. Tuy nhiên do nhiều vấn đề mới nảy sinh, nhiều vấn đề bức bách đang đặt ra với nông thôn Quảng Ngãi đòi hỏi các cấp hội, chính quyền và nông dân phải cùng nhau giải quyết. Các hiện tượng ấy là :

- Hiện tượng tranh chấp ruộng đất, xuất hiện phổ biến ở nhiều vùng nông thôn với nhiều mức độ khác nhau.

Việc thực hiện đổi mới quản lý HTX những khuyết tật của hợp tác xã theo mô hình cũ trong phân phối

không công khai, thiếu công bằng. Thực tế nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ còn là hình thức. Ở một số huyện từ trong lòng hợp tác xã đã xuất hiện nhiều hình thức hợp tác đa dạng do nông dân tự lập ra mà chưa được khẳng định.

Chính sách của Nhà nước đối với nông dân và hợp tác xã còn nhiều vấn đề mới đặt ra như giá cả nông phẩm không hợp lý, lưu thông tiêu thụ bị ách tắc, tranh mua, tranh bán ép cấp, ép giá hệ thống tổ chức, cung cấp vật tư, dịch vụ phải qua nhiều cấp, tư thương lợi dụng nâng giá, ép giá, nông dân cả dầu vào và dầu ra. Chính sách thuế còn có chỗ chưa hợp lý, chính sách ruộng đất chưa ổn định, luật ruộng đất một số mặt còn lạc hậu với cuộc sống, chưa được nông dân đồng tình. Ngoài ra nông thôn nhiều lao động dư thừa, thiếu việc làm, lại thêm số quân nhân phục viên, số cán bộ nhân viên giảm biên chế ở các cơ quan Nhà nước, lao động nước ngoài về... đang là gánh nặng đặt ra ở nông thôn trong tỉnh.

Đứng trước thực trạng đó đòi hỏi các cấp hội và chính quyền, phải tiếp tục đổi mới về hình thức tổ chức cũng như nội dung hoạt động của các hợp tác xã, phải đổi mới một cách căn bản các chính sách của Nhà nước đối với nông dân, nông thôn và nông nghiệp trong thời kỳ mới.

Nhìn chung qua các giai đoạn cải tạo và phát triển nông nghiệp ở tỉnh nhà đã đạt được những kết quả nhất định, bước đầu tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật rất đáng ghi nhận, trong đó nổi bật nhất là các công trình thủy lợi lớn nhỏ trong tỉnh đã tạo điều kiện cho nền nông

nghiệp tỉnh nhà có bước phát triển mới. Công trình đại thủy nông Thạch Nham đã góp phần phần đầu thực hiện 3 chương trình kinh tế do Đảng ta đề ra trong Đại hội 6. Trong thời kỳ từ 1987 - 1990 nông nghiệp trong tỉnh có bước đột biến, cơ cấu mùa vụ, chế độ canh tác mới được áp dụng ngày càng phổ biến trong nông thôn, giải phóng sức lao động cho nông dân, nhất là phụ nữ như sạ thẳng, dùng thuốc diệt cỏ v.v...

Nhiều vùng trồng cây công nghiệp như mía, đào lộn hột, quế tiêu... theo hướng chuyên canh được hình thành như vùng lúa Mỏ Đúc, Tư Nghĩa vùng mía Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa... vùng quế Trà Bồng, Sơn Hà...

Bộ mặt nông thôn đến đây có bước tiến bộ rõ rệt, nhà ở được cải thiện khá, nhiều vùng được ngói hóa.

Trường học mọc lên khắp nơi, ở các xã có trường cấp I, II, huyện có từ 1 đến 2 trường cấp III. Con em nông dân đa số được học hành một số trở thành bác sĩ, kỹ sư, các nhà khoa học, góp phần phục vụ đất nước.

Bệnh viện cấp huyện và tỉnh được củng cố, mở rộng, các trạm xá xã được xây dựng, số giường bệnh ngày càng tăng, mạng lưới y tế phổ biến đều khắp, nhiều cơ sở phúc lợi cũng được mở ra, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Nông dân phần khởi đóng góp nhiều sức người, sức của, phần đầu hoàn thành các nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ quân sự... Từ 1980 đến 1989 nông dân Quảng Ngãi đã đóng góp cho Nhà nước là 206.907 tấn lương thực, 62.566 kg thuốc lá.

Hợp tác xã nông nghiệp đã tạo ra một đội ngũ cán bộ

cơ sở đông đảo năng lực cán bộ ngày càng được nâng lên, nhất là từ sau Đại hội 6 của Đảng, cán bộ năng động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, có tư duy kinh tế, dám nghĩ dám làm và biết làm, đang là hạt nhân tích cực góp phần thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ở nông thôn.

Tuy vậy phong trào hợp tác hóa trong các giai đoạn từ sau 1975 còn những mặt hạn chế, sai phạm cần khắc phục.

Trong những năm 1977-1980, hầu hết ruộng đất, mặt nước, đồi rừng, mặt biển được quản lý tập trung kém hiệu quả. Đất đai canh tác bị giảm sút, hoang hóa nhiều, nông dân không gắn bó với đồng ruộng sử dụng đất đồi rừng, mặt nước, bãi cát ven biển lãng phí, một số vùng tài nguyên bị cạn kiệt.

- Tình trạng quản lý yếu kém trong các hợp tác xã, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản cố định bị hư hao, thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn của xã viên sử dụng kém hiệu quả, hợp tác xã không có khả năng trả nợ, lao động nông thôn ngày càng thừa, năng suất lao động thấp, sức sản xuất bị kìm hãm nông thôn chưa được giải phóng. Hợp tác xã kéo dài tình trạng thuần nông độc canh, tự túc, tự cấp, tiềm năng nông nghiệp trong tỉnh không được phát huy, nguyên liệu công nghiệp thiếu, xuất khẩu còn nhiều hạn chế.

Thu nhập xã viên từ kinh tế tập thể ngày càng giảm sút, giá trị ngày công thấp. Nhiều nơi hợp tác xã mang nặng tính hình thức. Động lực kinh tế để gắn bó với xã viên bị suy yếu dần, thậm chí bị triệt tiêu.

Dưới ánh sáng đổi mới của Đại hội VI, VII của Đảng đã khẳng định hợp tác hóa nông nghiệp là con đường tất yếu để đưa nông dân đi lên CNXH, đó là hình thức kinh tế phù hợp để chuyển nền nông nghiệp lạc hậu của ta lên sản xuất hàng hóa.

Trong hơn 10 năm, nông dân tham gia phong trào hợp tác hóa đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời những mặt chưa được, không được thậm chí những vấp vấp sai lầm, làm trái qui luật không phù hợp với thực tiễn và những nguyên nhân của nó là những bài học sâu sắc, góp phần đổi mới chế độ kinh tế hợp tác ở nông thôn tỉnh ta trong tương lai.

Sau ngày chia tỉnh, thực hiện Chỉ thị 05 ngày 23-11-1989 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với Hội nông dân trong giai đoạn mới và Nghị quyết 8B của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI và bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, Hội nông dân các cấp trong tỉnh đã có nhiều cố gắng trên mọi mặt để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình.

Nhiệm vụ hàng đầu được triển khai trong giai đoạn mới là giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước, yêu CNXH cho cán bộ và hội viên. Đồng thời tiến hành củng cố tổ chức trong 2 năm 1989-1990 đã kết nạp được 5000 hội viên mới, trong đó có 250 hội viên ngư dân. Tổng số hội viên tính đến tháng 12 năm 1990 là 208.986 người.

Từng bước tổ chức chi tổ hội theo thôn ấp, xóm làng, gắn liền với các tổ chức kinh tế xã hội, từng bước chia

tổ hội nhỏ từ 15 đến 20 người để dễ sinh hoạt. Toàn tỉnh đã kiện toàn được 1.285 tổ, tiến hành đại hội 148 xã, 11 huyện, thị. Trong gần 2 năm từ tháng 7/1989 đến tháng 12/1990 các cấp hội đã mở lớp bồi dưỡng cho 1.467 cán bộ (có 442 cán bộ xã, huyện) về những chủ trương, chính sách của Đảng liên minh công nông trong cách mạng XHCN, nhiệm vụ và nội dung công tác của Ban chấp hành hội các cấp phong cách lãnh đạo và phương pháp làm việc của người cán bộ hội.

Một số cấp hội sinh hoạt theo định kỳ, có nội dung thiết thực như bàn những việc liên quan đến sản xuất và đời sống của cán bộ, hội viên nông dân, học tập nâng cao trình độ, đồng thời giải quyết những vấn đề bức thiết của cuộc sống của từng đối tượng hội viên. Vận động giúp đỡ cho hội viên gặp khó khăn là 2.325.115 đồng, 7050 kg thóc, 8.850 kg gạo, 4.650 cây tre, 5.618 tấm tranh lợp nhà và sửa, làm mới được 447 ngôi nhà.

Từ ngày 21 đến 22 tháng 10 năm 1990, đã tiến hành đại hội đại biểu Hội nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 11. Đến dự đại hội có đ/c Đỗ Quang Thắng, ủy viên TW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Phó bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Ván, Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, đồng chí Trần Cao Minh ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí trong thường trực UBND tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Bút Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi cùng 110 đại biểu các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh và 196 đại biểu chính thức, đại diện cho 208.986 hội viên nông dân trong toàn tỉnh đã về dự Đại hội.

Đại hội được nghe và thảo luận tình hình công tác hội và phong trào nông dân trong nhiệm kỳ 1987-1990 và bàn phương hướng công tác năm 1990-1995, tập trung giải quyết những vấn đề chính là:

- Các cấp hội tiếp tục củng cố tổ chức, trọng tâm là tổ chức cơ sở hội, đổi mới phương thức, nội dung hoạt động và xây dựng đội ngũ cán bộ hội vững mạnh.

- Tổ chức cho nông dân học tập văn hóa, kỹ thuật, học tập quán triệt những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là những văn kiện Đại hội VII của Đảng.

- Tổ chức và hướng dẫn hội viên tích cực tham gia xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất XHCN ở nông thôn với những hình thức và bước đi thích hợp. Đổi mới cơ chế quản lý theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội 7 của Đảng, nâng cao hiệu quả kinh tế, dân chủ hóa, công khai và thực hiện công bằng trong phân phối trao đổi.

- Tham gia giải quyết những vụ tranh chấp của nông dân, nhất là tranh chấp ruộng đất. Hội tham gia giám sát, kiểm tra việc thực hiện những chủ trương chính sách, pháp luật, cơ cấu quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước có quan hệ đến nông dân.

- Hướng dẫn giúp đỡ nông dân áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phát động và tổng kết phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi, phát triển kinh tế gia đình giỏi.

Thực hiện tốt những chính sách của Đảng và Nhà

nước, làm tròn các nghĩa vụ công dân. Chăm lo tổ chức đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nông dân. Vận động nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới, người nông dân mới XHCN, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, chống các tệ nạn xã hội, các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè...

- Giáo dục cho hội viên nông dân xây dựng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức XHCN vững chắc, tinh thần đoàn kết quốc tế, tinh thần cảnh giác cách mạng, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

- Vận động nông dân tham gia tích cực cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy quản lý Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, ở nông thôn trong nông nghiệp, làm cho quê hương ngày càng tươi đẹp, nông dân càng được ấm no, hạnh phúc và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 25 đồng chí và Ban thường vụ gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Tấn Kỳ làm Chủ tịch, đồng chí Lê Văn Minh và đồng chí Võ Thị Thuận làm Phó chủ tịch. Trong phiên họp lần thứ hai Ban chấp hành đã đề ra nghị quyết tăng cường công tác tư tưởng, củng cố xây dựng tổ chức hội, chủ yếu là cơ sở hội, chi tổ hội và kỳ họp thứ 3 đã đề ra nghị quyết về xây dựng quỹ hội và thu hội phí.

Qua đại hội 3 cấp, các cấp hội được củng cố và tăng cường lực lượng cán bộ. Ban chấp hành một số huyện đã sinh hoạt làm việc theo qui chế và có nề nếp, nội

dung sinh hoạt thiết thực và linh hoạt đã mở ra nhiều triển vọng để dẫn dắt nông dân tỉnh ta ngày càng đi lên con đường giàu mạnh, văn minh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại trên suốt chặng đường lịch sử 60 năm đầy gian lao thử thách nhân dân Quảng.Ngãi, trong đó lực lượng to lớn nhất là nông dân đã ngẩng cao đầu, khắc phục mọi gian khổ, hy sinh, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình. Trong thời chiến cũng như thời bình, nông dân luôn cống hiến hết mình cho quê hương đất nước trọn tình trọn nghĩa, thủy chung son sắt rất đáng tự hào. Dù gian khó đến mấy vẫn sống chiến đấu và lao động sản xuất không biết mệt mỏi để bảo vệ và xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả dân tộc viết nên những trang sử vẻ vang cho Tổ quốc.



Đồng chí Nguyễn Văn Vãn - Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi làm việc với
Trung ương Hội NDVN



Hội NDVN tỉnh Quảng Ngãi kết hợp với Sở Y tế Quảng Ngãi khám,
chữa bệnh cho trẻ em ở xã Bình Trị - Bình Sơn

KẾT LUẬN

Truyện thống yêu nước và đấu tranh cách mạng về vang củ. giai cấp nông dân Quảng Ngãi đã gắn liền với lịch sử hình thành mảnh đất và con người của một quê hương tuy nghèo về chất nhưng rất giàu lòng yêu nước và dũng khí đấu tranh.

Vào một vị trí địa lý thiên nhiên khắc nghiệt, ruộng đất cỗi cằn, các thế hệ nông dân ở đây đã phải đổ biết bao nhiêu mồ hôi và máu của mình để cải tạo, xây dựng và bảo vệ.

Trên cái nền sinh sôi và phát triển của mảnh đất, con người với mọi biến thiên của lịch sử đã trải qua, giai cấp nông dân Quảng Ngãi vừa mang đầy đủ bản chất của dân tộc Việt Nam là anh hùng bất khuất nhưng vừa được bồi đắp thêm bằng những đặc tính mang đậm dấu ấn của một quê hương "đất bạc người chăm" cần cù, siêng năng, sáng tạo, trọng nhân nghĩa, kiên trì chân lý, bất khuất và kiên cường, nhạy bén với thời cuộc, dám nghĩ dám làm...

Chính nhờ bản chất, mang tính đặc thù như vậy giai cấp nông dân Quảng Ngãi với vai trò to lớn trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng chống ngoại xâm, áp bức

và cường quyền, dựng xây quê hương. Vùng nông thôn là cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh nhà, giai cấp nông dân là lực lượng to lớn của mọi phong trào yêu nước và cách mạng địa phương. Đặc biệt, miền Tây Quảng Ngãi rất rộng và có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số là căn cứ địa cách mạng của tỉnh nhà, nơi mà cơ quan lãnh đạo cách mạng đầu não của tỉnh từng chọn làm "đất thánh" chỉ đạo phong trào. Vùng nông thôn đồng bằng là nơi cung cấp sức người, sức của không bao giờ ngừng trong tất cả các thời kỳ cách mạng. Hải đảo Lý Sơn dù xa cách đất liền nhưng bao giờ cũng có cùng một nhịp đập với đất liền.

Ghi lại truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường bất khuất của nông dân tỉnh nhà hơn 60 năm qua, không chỉ là sự nghiệp to lớn rất đáng tự hào mà còn được nhìn nhận công lao của nhân dân và rút ra những vấn đề bổ ích và bài học cần thiết cho bước đường đi tới của các thế hệ nối tiếp.

1. Nông dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng rất kiên cường, liên tục và bền vững, cần cù và sáng tạo trong lao động sản xuất.

Lịch sử của nông dân Quảng Ngãi luôn gắn liền với những cuộc đấu tranh với thiên nhiên và xã hội đầy nghiệt ngã để tạo nên một quê hương tươi đẹp như hôm nay.

Bao nhiêu công sức, tri thức, tài năng, bao nhiêu thế hệ hy sinh cho mảnh đất này. Khi chưa có Đảng lãnh đạo, nông dân Quảng Ngãi đã trải qua biết bao nhiêu

cuộc đấu tranh chống ^{các} thế lực xâm lược của ngoại bang và các triều đại phong kiến bạo tàn. Phong trào đấu tranh của nông dân Quảng Ngãi như những làn sóng nối tiếp nhau, lúc lên lúc xuống không bao giờ ngừng, mà xu thế chung của những đợt sóng đấu tranh với mục tiêu chính trị ngày càng tiến bộ hơn, lực lượng chiến đấu ngày càng lớn mạnh và tổ chức được chặt chẽ, qui củ hơn, hình thái và qui mô đấu tranh của phong trào ngày càng rộng khắp và nhiều dạng vẻ linh hoạt hơn : Đặc biệt những lúc con đường giải phóng dân tộc đi vào những khúc quanh của lịch sử đất nước, phong trào đấu tranh của nông dân Quảng Ngãi lập tức có mặt với phong trào cả nước, nhiều lúc có tính quy tụ một vùng.

Đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì nông dân tin theo Đảng, tập hợp dưới cờ Đảng làm cách mạng để giải phóng giai cấp và cả dân tộc.

Truyền thống đấu tranh liên tục, hết thế hệ này đến thế hệ khác, đặc biệt trong thời kỳ phải chống trả quyết liệt với hai tên đế quốc đầu sỏ là Pháp và Mỹ. Cuộc chiến tranh diễn ra vô cùng quyết liệt với những hình thức và nội dung rất đa dạng phong phú, đều cùng nhau xông lên, già, trẻ, trai, gái, Kinh, Thượng đạo đời đấu tranh kịên cường bất khuất chống thù trong giặc ngoài để đưa đến thắng lợi vẻ vang ngày nay. Nông dân đã từng đấu tranh anh hùng “một tác không đi, một ly không rời” chịu đựng mọi hy sinh gian khổ để bám trụ mảnh đất thân yêu của mình. Những chiến công vang dội được diễn ra trên mảnh đất này sau khi có Đảng lãnh đạo

như: Cao trào 1930 - 1931, khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường v.v... Người nông dân Quảng Ngãi biết trọng nhân nghĩa, kiên trì chân lý, không một kẻ lừa mị nào có thể dễ mua chuộc họ. Điều phải họ trọng, điều trái họ đấu tranh đến cùng "cho ra ngô ra khoai" mới chịu. Tin Đảng, tin Bác Hồ, vì Đảng và Bác Hồ là đại biểu cho ý chí tốt đẹp của dân tộc, là ấm no, hạnh phúc, tự do. Họ tin Đảng thông qua hoạt động thực tiễn của những người đảng viên gần gũi họ và chính họ cũng đã trở thành đảng viên và đã trở thành đảng viên đồng đạo. Đảng với họ gắn bó, thuy chung, tin cậy đến cực cùng. Vì vậy nhiều địa phương đơn vị với cá nhân được tuyên dương anh hùng làm rạng rỡ cho quê hương Núi Ấn, Sông Trà. Nông dân Quảng Ngãi làm đúng vai trò là đội quân chủ lực của cách mạng, nông dân là người bạn đồng minh chí cốt, là người bạn rất trung thành của giai cấp công nhân, là chỗ dựa vững chắc và đáng tin cậy của Đảng, quê hương mình, của cán bộ đảng viên cần có gia đình riêng, cơ quan riêng, để cách biệt.

2. Nông dân Quảng Ngãi đã tỏ rõ quyết tâm, một lòng một dạ giữ vững niềm tin đối với đường lối và sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

Lịch sử 60 năm chiến đấu và dựng xây đất nước, người nông dân đã khẳng định chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo chân chính và duy nhất của giai cấp mình. Dù phong trào cách mạng có nơi có lúc bị thoái trào, Đảng có lúc vấp vấp sai lầm. Song suốt chặng đường dài cách mạng, Đảng vẫn là người lãnh đạo sáng

suốt, đầy tài năng và bản lĩnh, đã vạch đường, chỉ lối đưa cuộc cách mạng dân tộc dân chủ đến thành công và đang dẫn dắt cả dân tộc, trong đó đại đa số là nông dân vững bước dựng xây cuộc đời mới.

Với bản chất người nông dân là lao động và tư hữu, vừa có tinh thần cách mạng kiên cường nhưng không sao tránh khỏi hẹp hòi, nhưng khi thấy việc làm nào có ý nghĩa, ích nước lợi dân thì dù phải hy sinh tính mạng và tài sản họ cũng sẵn sàng. Nhưng nếu thấy việc làm phi nghĩa, phản dân hại nước thì cũng sẵn sàng đổ cả máu xương để chống lại. Biết bao bà mẹ đã cống hiến hết những người con của mình cho cách mạng hoặc chịu những hình phạt tra tấn nhục hình của kẻ thù.

Nếu cán bộ đảng viên biết gần dân, dựa vào dân mà đồng đảo là nông dân, giữ đúng đường lối chính sách của Đảng, thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ “đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” thì mọi việc đều nhất định thành công.

Đối với Đảng, hầu hết đảng viên ta cũng từ nông dân mà ra, mỗi quan hệ vốn là máu thịt, dù kẻ thù có trăm mưu ngàn kế cũng không thể nào chặt đứt được mối quan hệ cực kỳ mật thiết đó.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, với những biến động của tình hình phức tạp, những âm mưu thủ đoạn diễn biến hòa bình và những khủng hoảng nghiêm trọng của một số nước XHCN... thì hơn bao giờ hết, bài học về niềm tin đối với Đảng và Đảng gắn bó máu thịt với nông dân lại càng cực kỳ quan trọng .

Trong các giai đoạn ngặt nghèo của cách mạng, cán bộ đều ở trong dân, cùng dân sướng khổ, hòa xương máu. Nay sự sống đời hỏi phải có điều kiện ăn ở. Đó là điều cực kỳ đáng lo ngại. Quên điều đó, không chú ý điều đó là không thấm nhuần bài học lớn của Đảng.

3. Nông dân Quảng Ngãi đoàn kết một lòng, cùng giai cấp công nhân, tạo nên khối công nông liên minh, làm nòng cốt và gắn bó máu thịt với các tầng lớp nhân dân dựng xây đất nước, xem trọng tinh thần hợp tác trong đấu tranh, thủy chung trong mọi lúc.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã từng khẳng định “nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến, kiến quốc thành công, muốn độc lập, thống nhất thật sự, ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân”. (82)

Truyền thống đấu tranh và xây dựng đất nước của giai cấp nông dân đã tạo nên nguồn sức mạnh vô tận cho cả dân tộc. Sức mạnh to lớn của nông dân được phát huy mạnh mẽ là nhờ truyền thống đoàn kết gắn bó máu thịt với các giai cấp các tầng lớp nhân dân yêu nước khác. Tư tưởng “Đại đoàn kết” của Bác Hồ đã được chứng minh qua nhiều giai đoạn lịch sử và thực sự đã thấm sâu vào máu thịt của nhân dân ta nói chung và giai cấp nông dân nói riêng. Bắc Nam là ruột thịt, Nam Bắc là một nhà. Trên dải đất Việt Nam đâu cũng là đất nước của tổ tiên ta. Coi những người chiến đấu công tác trên mảnh đất này là đồng chí, anh em không được đối xử, kẻ trọng người khinh.

Trong hai cuộc kháng chiến đầy cam go gian khổ chống Pháp và Mỹ, nông dân Quảng Ngãi đã thể hiện tinh đoàn kết truyền thống “Một năm khi đói, bằng một gói khi no”, “hũ gạo nuôi quân”, “ngày đồng tâm”, “tuần lễ vàng”, “con gà kháng chiến, hàng lang kháng chiến”, “hàng mì kháng chiến v.v...”

Bước sang thời kỳ dựng xây đất nước thì thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, “nhân dân làm Nhà nước hỗ trợ” v.v...

Người nông dân Quảng Ngãi cũng vốn có truyền thống hào hiệp quên mình vì lẽ phải, vì nghĩa lớn, biết tận gác những lợi ích trước mắt, bản vị để mưu cầu lợi ích chung và lâu dài, có tinh thần quốc tế, sẵn sàng đưa con em mình vào quân đội, chiến đấu hy sinh trên đất nước bạn Campuchia, Lào mà không hề tính toán thiệt hơn.

4. Nâng cao trình độ văn hóa, hiểu biết khoa học kỹ thuật, nhạy bén tiếp thu và sáng tạo cái mới.

Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất núi Ấn sông Trà đã trải qua hết bao cam go gian khổ, đã hun đúc cho người nông dân Quảng Ngãi những đức tính cần cù, chịu khó vươn lên trong tư duy sáng tạo để cải tạo mảnh đất cỗi cằn thành những cánh đồng lúa màu tươi tốt. Hình ảnh những bờ xe nước trước đây dọc theo sông Trà đã nói lên ý chí sáng tạo của lớp lớp nông dân Quảng Ngãi. Bờ xe nước là công trình văn hóa vật chất độc đáo để giải quyết vấn đề cấp thiết nhất cho nông nghiệp, đó là công tác thủy lợi. Nói đến nông dân là nói đến vấn đề ruộng đất mà biện pháp cải tạo ruộng đất

hàng đầu là thủy lợi. Câu nói từ ngàn xưa của cha ông ta đã trở thành nguyên lý “nước, phân, cần, giống”.

Ở Quảng Ngãi, sau khi giành được chính quyền trong kháng chiến chống Pháp đã phát triển thủy lợi rất mạnh để giải quyết lương thực. Hàng loạt công trình thủy lợi lớn nhỏ đã được nông dân đào đắp, xây dựng. Ngày nay nông dân Quảng Ngãi càng phát huy bài học này trong tình hình mới, ra sức học tập nâng cao trình độ văn hóa, hiểu biết khoa học kỹ thuật, phấn đấu đưa năng suất lúa, sản lượng lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngày càng cao, nhằm đưa tỉnh nhà tiến nhanh tiến kịp các tỉnh bạn.

Như vậy những chặng đường lịch sử mà nông dân Quảng Ngãi đã đi suốt hơn 60 năm qua đã khẳng định lòng yêu nước thiết tha, yêu quê hương sâu sắc, ý chí vươn lên trong lao động sáng tạo để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, kiên định thực hiện con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Người nông dân Quảng Ngãi, cũng như toàn thể nhân dân trong cộng đồng các dân tộc trong tỉnh đã ý thức khá sâu rộng về trách nhiệm lịch sử trong giai đoạn tiếp theo của sự nghiệp xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng sao cho khỏi phải hổ thẹn với những lớp người đã đi trước. Họ đã nhứt nhối khi biết tỉnh nhà còn tụt hậu so với các tỉnh anh em. Với truyền thống cách mạng ngoan cường, thông minh, sáng tạo và đầy lòng tin tưởng sẽ đuổi kịp, đi xa hơn nữa trên con đường mà Đảng, Bác Hồ và cả dân tộc ta đã chọn.

PHẦN CHÚ THÍCH

(1) - "Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 1945 - 1947" - NXB Sự thật. Hà Nội 1974 - "Trả lời các nhà báo" - trang 100

(2) - "Đại Nam nhất thống chí", tập II, NXB KHXH, Hà Nội, 1970. Phân viết về Quảng Nghĩa, trang 351 - 352

(3) - Bùi Đình - "Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa (1885 - 1945). Ban NCLSD và Sở VH TT tỉnh Nghĩa Bình (cũ) - 1985 - trang 10.

(4) - Lê Trung Đình, người làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, là một sĩ phu yêu nước trong phong trào "Cần Vương" chống Pháp cuối thế kỷ 19, là Chánh tướng chỉ huy nghĩa quân đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi ngày 13/7/1885. Việc không thành, ông bị thực dân Pháp và tay sai xử chém ngày 23/7/1885. Sau cách mạng tháng Tám, tên ông được đặt tên cho tỉnh Quảng Ngãi.

(5) - Thanh Cù là tên gọi vùng đất Sơn Hà từ đời Minh Mạng.

(6) - Kim Thành là Đồng Ké, nay thuộc xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh.

(7) - Tác giả Nguyễn Quang Mao, một chiến sĩ cách mạng, người làng Văn Hà nay thuộc xã Đức Phong (Mộ Đức).

(8) - Theo "Sơ thảo lịch sử Việt Nam" của Văn Thân và Phan Huy Lê 1963 trang 75, 79.

(9) - Theo Huỳnh Lứa trong tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3.

(10) - Theo Phan Khoang Trong "Việt sử xứ Đàng trong", Khai Tri Sài Gòn xuất bản 1970. Trích sách "Thơ văn yêu nước và CM

Quảng Ngãi 1885 - 1945" Hội văn học văn nghệ xuất bản 1975 trang 28.

(11) - Lịch sử Việt Nam tập I trang 322, 333 - NXB Sự thật 1960.

(12), (13) - Theo "Quảng Ngãi tỉnh chí" của Nguyễn Bá Trác, in trên báo "Nam Phong" năm 1933. Bản đánh máy hiện lưu giữ tại Thư viện khoa học tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi.

(14) - Mẫu Trung bộ bằng 4.970 m².

(15), (16) - Bùi Định - sách đã dẫn - trang 63, 64.

(17) - Hương bộ, hương bốn, hương mục, hương dịch, hương kiểm.

(18) - Tô là thuế ruộng. Nông dân nghèo cây rế ruộng đất của địa chủ tức là lãi phải trả cho số tiền vay. Nông dân nghèo vay của địa chủ, phú nông phải trả từ 10 đến 20, 30%/tháng.

(19) - Theo "Quảng Ngãi tỉnh chí" tài liệu đã dẫn.

(20) - Theo "Quảng Ngãi tỉnh chí" tài liệu đã dẫn.

(21) - Có một số lính trong đồn giặc được nhân dân vận động đã hưởng ứng phong trào đấu tranh chống Pháp.

(22) - Mẫu đây là tính theo mẫu 3.600 m², không phải theo 4.970 m² (quan xích).

(23) - Trích "Thi văn quốc cấm" thời Pháp thuộc, NXB Khai Trí Sài Gòn xuất bản 1960 trang 75.

(24) - Nghĩa là trong 10 nhà thì 9 nhà bị vợ vét không còn một cái gì nữa.

(25) - Các tư liệu công bố ở các sách còn có sự khác nhau về ngày tháng và số lượng. Chúng tôi dựa chủ yếu vào sách Bùi Định đã viết trong cuốn: Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1885 - 1945) do BNCLSD và Sở Văn hóa Nghĩa Bình (cũ) xuất bản 1985 trang 66 - 67.

(26) - Bùi Định - sách đã dẫn - trang 78

(27) - Bùi Định - sách đã dẫn - trang 76, 77

(28) - Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 - Sơ thảo - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình (cũ) - 1985 - trang 25.

(29) - Trần Kỳ Phong (1872 - 1941) người làng Lệ Thủy (nay thuộc xã Bình Trị, Bình Sơn) đậu tú tài khoa Nhâm Dần (1902) tại trường thi Bình Định, ông đã tham gia các phong trào : Cần Vương, Duy Tân, Đông Du, phong trào khát thuế và các phong trào dân tộc dân chủ theo chủ nghĩa Mác-Lênin. Trong những năm 1921 - 1929 cụ đã tận tình dìu dắt nhiều thanh niên yêu nước trong tỉnh tập hợp nhau lại để tìm đường cứu nước. Đến khi Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi ra đời, với khả năng của mình cụ vẫn tham gia hoạt động tích cực cho đến phút cuối cùng của đời mình như một người cộng sản.

(30) - Tú Kiên (tức Hy Cao) quê ở Nghệ An, một trong những người sáng lập "Hưng Nam hội" và Tân Việt (1925 - 1930).

(31) - Hồ Độ và Bút đã được cụ tú Trần Kỳ Phong cử đi bắt mối với tổ chức Hưng Nam Hội ở Nghệ An và Hồ Độ đã có chân trong tổng bộ.

(32) - "Đường cách mệnh" Nguyễn Ái Quốc viết năm 1927. Hồ Chí Minh toàn tập 1925 - 1930 tập 2, trang 179 đến trang 254.

(33) - Lịch sử của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 SĐD trang 42.

(34) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 SĐD trang 45.

(35) - Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5 trang 313.

(36) - Quảng Ngãi có 1.200 hội viên nông hội (trích từ thư của đ/c Nguyễn Ái Quốc gửi BCH TW Đảng cộng sản Đông Dương ngày 20/4/1931). Văn kiện Đảng 1930 - 1945 tập I BNCLSD TW xuất bản 1977, trang 282.

(37) - Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tịnh - Sơ thảo - tập I 1929 - 1945 trang 5.

(38) - Ở núi Chóp Vung- Bình Chương (Bình Sơn) có lá cờ dài 2 mét, rộng 1,4 mét do ông Phạm Kỳ và một số nông dân cảm tình cách mạng treo, từ thị xã Quảng Ngãi nhìn ra cũng thấy.

(39) - Lê dương là lính đánh thuê cho Pháp, gồm người của các nước thuộc địa Pháp.

(42) - Sau cách mạng tháng Tám 1945 các xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình (Trà Bông) mang tên Nguyễn Lang, Nguyễn Hiệt, Đào Yển.

(43) - Văn kiện Đảng (1929 - 1935) tập 1 nhà xuất bản Sự thật Hà Nội 1960 trang 137.

(44) Sơ lược lịch sử Đảng bộ Nghĩa Bình trang 20.

(45) - Theo báo cáo của công sứ Argey thì đến tháng 5/1935 ở Quảng Ngãi có hơn 2000 hội viên đồng canh và nhiều hội tương trợ khác.

(46) - Ba dân biểu này trúng cử là do Đảng bộ Quảng Ngãi vận động quần chúng ủng hộ.

(47) - Theo đồng chí Hồ Thiết và Cao Kỳ đã dẫn.

(48) - Một xóm ở hữu ngạn sông Trà Khúc, nông dân trồng dâu dựng buồng nuôi tằm lâu năm tên gọi xóm Buồng thuộc địa phận làng Phước Lộc, nay thuộc xã Nghĩa Thành (tư Nghĩa).

(49) - Cách mạng tháng Tám 1945 chuyển giao cho xã Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa) quản lý.

(50) - Trà Bình Trại nay thuộc xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, đã có phong trào đồng canh từ 1923 - 1926 do ông Trương Quang Cận lãnh đạo.

(51) - Từ tháng 10/1939 đến tháng 7/1943 hệ thống chỉ đạo của Đảng và cơ sở cách mạng ở nông thôn trong tỉnh Quảng Ngãi đã 5 lần xây dựng lại và đã bị địch phá vỡ 6 lần.

(52) - Theo lịch sử Đảng bộ cộng sản Quảng Ngãi thời kỳ 1930 - 1945 Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ngãi xuất bản 1975 trang 79

(53) - Ở Bắc Bộ, sau khi hết căng thực dân Pháp, phát xít Nhật ráo riết trưng thu thóc gạo của nông dân, mặt khác bắt nông dân ta nhổ lúa trồng đay, đã gây nạn chết đói hơn 2 triệu đồng bào ta.

(54) - Trần Kỳ Truyện, người xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tham gia hoạt động CM từ năm 1925 - 1930 trong phong trào cộng sản. Trần Kỳ Truyện đã có hành vi lôi kéo tranh giành quần chúng với Mặt trận Việt minh từ trước CM tháng tám 1945. Đầu năm 1946 Trần Kỳ Truyện thành lập "Thế giới cách mạng đảng" với cương lĩnh và chương trình hành động "chung ruộng đất làm ăn, tiến hành cách mạng thế giới, thủ tiêu biên giới quốc gia..." Trần Kỳ Truyện còn đưa ra những luận điệu xuyên tống lại Chính phủ ta.

(55) - Thư gửi nông gia Việt Nam - HCM toàn tập 1945 1947 tập 4 trang 64.

(56) - Theo bản kê của UB tài chính Trung bộ ngày 22/11/1945 và theo sách "35 năm đấu tranh của Đảng" NXB Sự thật, Hà Nội 1971 tập II trang 31. Toàn quốc đã thu 370 kg, Quảng Ngãi chiếm 1/7.

(57) - Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam gọi tắt "Liên Việt". Đảng ta chủ trương thành lập vào ngày 29/5/1946 để tập hợp đoàn kết toàn dân kháng chiến.

(58) - HCM toàn tập 1945 - 1947 tập 4 trang 202.

(59) - Trong kháng chiến chống Pháp, diện tích trồng mía toàn tỉnh đã giảm từ 27.000 mẫu xuống còn 8000 mẫu để trồng cây lương thực và bông.

(60) - "Kháng chiến về mặt kinh tế ở Quảng Ngãi": tài liệu lưu tại lịch sử Đảng Quảng Ngãi.

(61) - "Quảng Ngãi kháng chiến về mặt kinh tế tài chính" (1945 - 1954) tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

(62) - "Quảng Ngãi kháng chiến về mặt kinh tế" - tài liệu đã dẫn.

(63) - Xem giáo trình lần thứ ba "Lịch sử Đảng CSVN" Học viện Nguyễn Ái Quốc biên soạn, Hà Nội xuất bản 1992.

(64) - Văn kiện lịch sử Đảng, nhà xuất bản Sự thật HN trang 257.

(65) - Trong 300 ngày kể từ ngày ngừng bắn (1/8/1954) quân đội ta rút khỏi Quảng Ngãi, tập kết ra Bắc chia làm 3 đợt:

- Đợt 80 ngày, từ bắc sông Trà Khúc trở ra kể cả TX. Quảng Ngãi

- Đợt 100 ngày từ bắc Sông Vệ trở ra.

- Đợt 300 ngày từ Nam Sông Vệ đến đèo Bình Đê.

(66) - "Khu V, 30 năm chiến tranh nhân dân" tập 2 trang 28.

(67) - Đồng bào Cor coi Mặt trời là vị thần chúa tể của các vị thần. Từ ngày có Đảng và Bác Hồ, đồng bào coi Đảng và Bác như mặt trời và đã sáng tác khá nhiều bài ca về mặt trời.

(68) - Trích bài phát biểu của đ/c Võ Chí Công, Bí thư khu ủy V đọc tại đại hội.

(70) - Đá Líp và Tà Lạt đã bị đốt phá trong khởi nghĩa, về sau chúng lên đóng lại.

(71) - Chỉ thị của Bộ Chính trị về "Phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam" ngày 13/1/1961.

(72) - Cứ mỗi tháng là một lần đảo chính :

- Ngày 1/11/1963 Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn giết Diệm - Nhu

- Ngày 30/1/1964 Nguyễn Khánh lật đổ Dương Văn Minh

- Ngày 16/3/1964 Nguyễn Khánh lật đổ Nguyễn Tôn Hoàng xác lập quyền độc tài cá nhân.

- Ngày 25/8/1964 Mỹ ép Khánh lập nguy quyền bộ ba Khánh - Minh - Khiêm.

- Ngày 13/9/1964 Khánh gạt Khiêm phá thế bộ ba.

- Ngày 26/10/1964 Khánh gạt Minh tự phong quốc trưởng

- Ngày 4/11/1964 Mỹ gạt Khánh đưa Phan Khắc Sửu làm quốc trưởng và Trần Văn Hương làm Thủ tướng.

- Ngày 27/1/1965 Khánh - Kỳ - Thi lật đổ Sửu, Hương đưa Phan Huy Quát làm thủ tướng.

- Ngày 11/6/1965 Thiệu, Kỳ gạt Thi, thành lập Chính phủ bù nhìn mới.

Như vậy hơn một năm mà 10 lần đảo chính, đó là bằng chứng về chính sách "thay ngựa giữa dòng" của đế quốc Mỹ.

(73) - Rồng xanh là tên gọi của Lữ đoàn quân Nam Triều tiên (Thanh Long).

(74) - Bức thư của Hội phụ nữ và bài thơ "Mối thù không nguôi" được viết trong sách "Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Bình Sơn" 1930 - 1975 NXB tổng hợp Nghĩa Bình xuất bản 1988 trang 146,

(75) - "Quảng Ngãi, lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1954 - 1975)", nhà xuất bản Nghĩa Bình, Bộ chỉ huy quân sự Nghĩa Bình xuất bản 1988 - Tr.306.

(76) - Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 11 huyện, thị của Quảng Ngãi trong tập tài liệu "Điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ" do UBND các huyện, thị tổng kết năm 1977, hiện lưu giữ ở nhà bảo tàng tổng hợp Quảng Ngãi.

- 7.688 lượt thôn bị hủy diệt (hàng trăm thôn bị hủy diệt nhiều lần).

- 151.455 ngôi nhà bị đốt phá (hàng vạn ngôi nhà bị đốt phá nhiều lần).

- 79.306 người chết (có 56.862 lao động chính, 1752 người chết sau chiến tranh do bom mìn của Mỹ để lại).

- 49.069 người bị thương (có 28.648 lao động chính, 2657 người bị thương sau chiến tranh do bom mìn của Mỹ để lại).

- 11.677 lao động chính bị tàn phế.

- 64.784 con trâu bò bị giết hoặc bị cướp.

- 67.855 ha ruộng đất canh tác bị hoang hóa.

- 519 công trình thủy lợi, 1821 km đường sá, 1641 cầu cống, 1395 cơ sở sản xuất tiểu thủ công bị tàn phá.

- 5.253 thuyền và 9405 dàn lưới đánh cá bị đốt phá.

- 50.419 ha rừng bị hủy diệt

- 1.167 trường lớp học, 101 bệnh viện, bệnh xá, trạm y tế bị hủy.

- 139.677 nông dân ở các ấp, khu dồn trở về làng cũ với 2 tay trắng, không nơi ăn chốn ở thiếu nguồn sinh sống.

- 10.948 trẻ mồ côi, 480 con hoang của lính Mỹ và chư hầu 512 gái mại dâm, 2690 người nghiện xì ke ma túy, trộm cắp bụi đời.

- 62.794 lao động chính bị mù chữ.

(77) - Theo Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ V khóa V họp ngày 11/4/1975 Hiện lưu tại VP Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

(78) - Học tập chỉ thị của A15 theo kế hoạch là : triển khai ở tỉnh ngày 8/6/1975, ở huyện ngày 15/6/1975, ở xã ngày 25/6/1975. Ngày 10/9/1975 tổng kết xã, huyện và ngày 15/9/1975 tổng kết ở tỉnh (xã điểm là Nghĩa Trung Tư Nghĩa).

(79) - Nghị quyết đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình.

(80) - Ban cải tạo nông nghiệp gồm có : Ban nông nghiệp Tỉnh ủy, Hội nông dân, Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Ban cải tạo nông nghiệp.

(81) Ngày 30/6/1984 Chủ tịch HDBT duyệt luận chứng KTKT.

- Ngày 1/6/1985 khởi công xây dựng kênh mương

- Ngày 1/1/1986 đổ bê tông đầu tiên

- Ngày 26/2/1989 lấp dòng sông Trà Khúc

- Ngày 20/3/1990 đổ bê tông cuối cùng hoàn thành đầu mối

(82) - Trích "Thư gửi cán bộ nông dân" của Hồ Chủ tịch tháng 11/1949.

- GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ : 69/XB-VH NGÀY 16.10-95
- SẮP CHỮ ĐIỆN TỬ VÀ IN TẠI XÍ NGHIỆP IN, QUẢNG NGÃI.
- SỐ LƯỢNG 1500 CUỐN KHỔ 13 X 19
- IN XONG VÀ NỘP LƯU CHIẾU THÁNG 12.1995

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000158



Ban chỉ đạo và Ban biên soạn tập sách